SỞ Y TẾ VĨNH PHÚC
TTYT HUYỆN YÊN LẠC

BẢNG 5

BẢNG 5. DANH MỤC DỊCH VỤ KỸ THUẬT TUYẾN HUYỆN

(Kèm theo Văn bản số 01/TTYT-KHĐD ngày 01/01/2025 của Trung tâm y tế huyện Yên Lạc)

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
(1)	*(2)*	*(3)*			*(4)*		*(5)*	*(6)*	*(7)*
1	28.0387.0574	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng căng bằng ghép da tự thân	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng căng bằng ghép da tự thân	P2	4,699,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2	28.0288.0576	Phẫu thuật điều trị vết thương dương vật	Phẫu thuật điều trị vết thương dương vật	P3	2,767,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3	15.0149.2036	Phẫu thuật cắt Amidan	Phẫu thuật cắt Amidan [dao plasma hoặc dao	P2	4,003,900	Đã bao gồm dao cắt.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
4	13.0023.2023	Theo dõi nhịp tim thai và cơn co tử cung bằng monitor sản khoa	Theo dõi nhịp tim thai và cơn co tử cung bằng monitor sản khoa		55,000	Trường hợp theo dõi tim thai và cơn co tử cung của	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
5	24.0117.1646	HBsAg test nhanh	HBsAg test nhanh		58,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
6	03.3826.0204	Thay băng, cắt chỉ vết mổ	Thay băng, cắt chỉ vết mổ [chiều dài từ 30 cm	T3	193,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
7	13.0033.0614	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm	T2	786,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
8	08.0456.0228	Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn	Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
9	03.3911.0200	Thay băng, cắt chỉ	Thay băng, cắt chỉ [chiều dài ≤ 15cm]	T2	64,300	Chỉ áp dụng với người	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
10	08.0284.0230	Điện châm điều trị trĩ	Điện châm điều trị trĩ	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
11	15.0301.0216	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ	T1	194,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
12	02.0314.0001	Siêu âm ổ bụng	Siêu âm ổ bụng		58,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
13	23.0010.1494	Đo hoạt độ Amylase [Máu]	Đo hoạt độ Amylase [Máu]		22,400	Mỗi chất	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
14	03.0526.0230	Điện châm điều trị thoái hóa khớp	Điện châm điều trị thoái hóa khớp	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
15	23.0158.1506	Định lượng Triglycerid (máu) [Máu]	Định lượng Triglycerid (máu) [Máu]		28,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
16	18.0605.0170	Sinh thiết vú dưới hướng dẫn siêu âm	Sinh thiết vú dưới hướng dẫn siêu âm	T1	879,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
17	18.0610.0090	Sinh thiết tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm	Sinh thiết tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm	T1	170,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
18	03.3826.0200	Thay băng, cắt chỉ vết mổ	Thay băng, cắt chỉ vết mổ [chiều dài ≤ 15cm]	T3	64,300	Chỉ áp dụng với người	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
19	03.0484.0230	Điện châm điều trị liệt dây thần kinh VII	Điện châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
20	18.0607.0169	Sinh thiết thận dưới hướng dẫn siêu âm	Sinh thiết thận dưới hướng dẫn siêu âm	T1	1,064,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
21	23.0175.1576	Định lượng Amylase [niệu]	Định lượng Amylase [niệu]		39,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
22	08.0476.0228	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
23	03.0464.0230	Điện châm điều trị liệt nửa người	Điện châm điều trị liệt nửa người	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
24	18.0611.0170	Sinh thiết phần mềm dưới hướng dẫn siêu âm	Sinh thiết phần mềm dưới hướng dẫn siêu âm	T1	879,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
25	03.0522.0230	Điện châm điều trị đau dây thần kinh liên	Điện châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
26	13.0238.0648	Phá thai từ tuần thứ 6 đến hết 12 tuần bằng	Phá thai từ tuần thứ 6 đến hết 12 tuần bằng	T2	429,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
27	08.0314.0230	Điện châm điều trị ù tai	Điện châm điều trị ù tai	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
28	24.0267.1674	Trứng giun, sán soi tươi	Trứng giun, sán soi tươi		45,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
29	03.0388.0230	Điện nhĩ châm điều trị đau ngực, sườn	Điện nhĩ châm điều trị đau ngực, sườn	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
30	23.0083.1523	Định lượng HbA1c [Máu]	Định lượng HbA1c [Máu]		105,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
31	03.0524.0230	Điện châm điều trị viêm đa dây thần kinh	Điện châm điều trị viêm đa dây thần kinh	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
32	18.0606.0169	Sinh thiết lách dưới hướng dẫn siêu âm	Sinh thiết lách dưới hướng dẫn siêu âm	T1	1,064,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
33	03.2391.0215	Truyền tĩnh mạch	Truyền tĩnh mạch	T3	25,100	Chỉ áp dụng với người	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
34	15.0207.0878	Trích áp xe quanh Amidan	Trích áp xe quanh Amidan	T1	295,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
35	03.0080.0079	Chọc hút/dẫn lưu khí màng phổi áp lực thấp	Chọc hút/dẫn lưu khí màng phổi áp lực thấp	T2	162,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
36	03.0525.0230	Điện châm điều trị viêm khớp dạng thấp	Điện châm điều trị viêm khớp dạng thấp	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
37	03.0486.0230	Điện châm điều trị sụp mi	Điện châm điều trị sụp mi	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
38	03.3909.0505	Trích rạch áp xe nhỏ	Trích rạch áp xe nhỏ	TDB	218,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
39	03.1693.0738	Trích chắp, lẹo, trích áp xe mi, kết mạc	Trích chắp, lẹo, trích áp xe mi, kết mạc	T2	85,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
40	03.0352.0230	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi dưới	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi dưới	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
41	15.0051.0216	Khâu vết rách vành tai	Khâu vết rách vành tai	T3	194,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
42	11.0116.0199	Thay băng điều trị vết thương mạn tính	Thay băng điều trị vết thương mạn tính	T3	279,500	Áp dụng đối với bệnh	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
43	18.0609.0170	Sinh thiết hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu	Sinh thiết hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu	T1	879,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
44	23.0029.1473	Định lượng Canxi toàn phần [Máu]	Định lượng Canxi toàn phần [Máu]		13,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
45	18.0603.0169	Sinh thiết gan dưới hướng dẫn siêu âm	Sinh thiết gan dưới hướng dẫn siêu âm	T1	1,064,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
46	03.0467.0230	Điện châm điều trị đau thần kinh toạ	Điện châm điều trị đau thần kinh toạ	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
47	08.0479.0235	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong hàn	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong hàn	T3	36,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
48	13.0239.0645	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 7	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 7 tuần		199,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
49	15.0301.0218	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ [	T1	289,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
50	03.3911.0201	Thay băng, cắt chỉ	Thay băng, cắt chỉ [chiều dài trên 15cm đến 30	T2	89,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
51	08.0017.0248	Nắn, bó gãy xương cánh tay bằng phương	Nắn, bó gãy xương cánh tay bằng phương pháp	T2	119,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
52	18.0054.0001	Siêu âm tuyến vú hai bên	Siêu âm tuyến vú hai bên		58,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
53	23.0172.1580	Điện giải (Na, K, Cl) [niệu]	Điện giải (Na, K, Cl) [niệu]		30,200	Áp dụng cho cả trường	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
54	18.0001.0001	Siêu âm tuyến giáp	Siêu âm tuyến giáp		58,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
55	18.0018.0001	Siêu âm tử cung phần phụ	Siêu âm tử cung phần phụ		58,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
56	03.0527.0230	Điện châm điều trị đau lưng	Điện châm điều trị đau lưng	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
57	03.0483.0230	Điện châm điều trị tổn thương dây thần kinh	Điện châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
58	03.0530.0230	Điện châm điều trị hội chứng vai gáy	Điện châm điều trị hội chứng vai gáy	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
59	03.3827.0216	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10 cm	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10 cm	T3	194,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
60	18.0030.0001	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng		58,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
61	03.3601.0435	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn	P1	2,490,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
62	18.0031.0003	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo	T2	195,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
63	03.0682.0228	Cứu điều trị bại não thể hàn	Cứu điều trị bại não thể hàn	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
64	21.0060.0890	Đo thính lực đơn âm	Đo thính lực đơn âm	T3	49,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
65	18.0057.0001	Siêu âm tinh hoàn hai bên	Siêu âm tinh hoàn hai bên		58,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
66	17.0073.0277	Tập các kiểu thở	Tập các kiểu thở	T3	32,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
67	08.0371.0271	Thuỷ châm điều trị viêm mũi xoang	Thuỷ châm điều trị viêm mũi xoang	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
68	10.1003.0527	Nắn, bó bột gãy trên lồi cầu xương cánh tay	Nắn, bó bột gãy trên lồi cầu xương cánh tay trẻ	T1	372,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
69	14.0168.0764	Khâu cò mi, tháo cò	Khâu cò mi, tháo cò	P3	452,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
70	03.0634.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực do	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực do teo	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
71	03.1853.1011	Điều trị tủy lại	Điều trị tủy lại	P3	987,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
72	16.0044.1012	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội [răng	P3	631,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
73	11.0097.2035	Tắm điều trị người bệnh bỏng	Tắm điều trị người bệnh bỏng	T2	270,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
74	16.0054.1012	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay	P3	631,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
75	03.0337.0230	Điện mãng châm điều trị cơn đau quặn thận	Điện mãng châm điều trị cơn đau quặn thận	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
76	22.0009.1353	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time)	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) bằng		43,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
77	02.0218.0152	Nội soi bơm rửa bàng quang, lấy máu cục	Nội soi bơm rửa bàng quang, lấy máu cục	T1	953,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
78	08.0135.2046	Điện mãng châm điều trị đau dây thần kinh	Điện mãng châm điều trị đau dây thần kinh liên	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
79	08.0294.0230	Điện châm điều trị sa tử cung	Điện châm điều trị sa tử cung	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
80	18.0049.0004	Siêu âm tim, màng tim qua thành ngực	Siêu âm tim, màng tim qua thành ngực		252,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
81	03.0158.0137	Soi đại tràng chẩn đoán bằng ống soi mềm	Soi đại tràng chẩn đoán bằng ống soi mềm	T2	352,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
82	03.2640.0407	Cắt u máu, u bạch huyết đường kính 5 - 10	Cắt u máu, u bạch huyết đường kính 5 - 10 cm	P2	3,311,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
83	15.0109.0969	Phẫu thuật nội soi cắt cuốn dưới	Phẫu thuật nội soi cắt cuốn dưới	P3	4,211,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
84	03.0509.0230	Điện châm điều trị viêm Amidan cấp	Điện châm điều trị viêm Amidan cấp	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
85	08.0375.0271	Thuỷ châm hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng	Thuỷ châm hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
86	13.0119.0596	Cắt cổ tử cung trên người bệnh đã mổ cắt tử cung bán phần đường âm đạo kết hợp nội soi	Cắt cổ tử cung trên người bệnh đã mổ cắt tử cung bán phần đường âm đạo kết hợp nội soi	P1	5,982,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
87	16.0336.1053	Nắn sai khớp thái dương hàm dưới gây mê	Nắn sai khớp thái dương hàm dưới gây mê	P1	1,832,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
88	03.3774.0577	Cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắn chỉnh cố định tạm thời	Cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắn chỉnh cố định tạm thời	P2	5,204,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
89	03.0077.1888	Đặt nội khí quản	Đặt nội khí quản	T1	600,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
90	18.0017.0003	Siêu âm tiền liệt tuyến qua trực tràng	Siêu âm tiền liệt tuyến qua trực tràng	T2	195,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
91	02.0229.0152	Rút sonde JJ qua đường nội soi bàng quang	Rút sonde JJ qua đường nội soi bàng quang		953,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
92	08.0423.0280	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị tăng huyết	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị tăng huyết áp	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
93	02.0386.0213	Tiêm khớp bàn ngón tay	Tiêm khớp bàn ngón tay	T3	104,400	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
94	18.0012.0001	Siêu âm thành ngực (cơ, phần mềm thành	Siêu âm thành ngực (cơ, phần mềm thành ngực)		58,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
95	11.0087.0120	Mở khí quản cấp cứu qua tổn thương bỏng	Mở khí quản cấp cứu qua tổn thương bỏng	T1	759,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
96	02.0220.0440	Nội soi tán sỏi niệu quản (búa khí nén, siêu	Nội soi tán sỏi niệu quản (búa khí nén, siêu âm,	TDB	1,345,000	Chưa bao gồm sonde JJ, rọ	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
97	08.0334.0271	Thuỷ châm hỗ trợ điều trị bệnh vẩy nến	Thuỷ châm hỗ trợ điều trị bệnh vẩy nến	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
98	03.4044.0419	Phẫu thuật nội soi cắt u sau phúc mạc	Phẫu thuật nội soi cắt u sau phúc mạc	P1	4,781,900	Chưa bao gồm dao siêu	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
99	13.0013.0649	Phẫu thuật bảo tồn tử cung do vỡ tử cung	Phẫu thuật bảo tồn tử cung do vỡ tử cung	P1	5,206,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
100	03.0088.1791	Thăm dò chức năng hô hấp	Thăm dò chức năng hô hấp	T2	144,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
101	17.0078.0238	Kỹ thuật kéo nắn trị liệu	Kỹ thuật kéo nắn trị liệu	T3	54,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
102	18.0035.0001	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa		58,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
103	03.2587.0870	Cắt u Amidan qua đường miệng	Cắt u Amidan qua đường miệng [gây mê]	P2	1,217,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
104	03.3813.0551	Phẫu thuật viêm khớp mủ thứ phát có sai	Phẫu thuật viêm khớp mủ thứ phát có sai khớp	P1	3,011,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
105	03.1677.0794	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf,	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf,	P2	2,068,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
106	16.0245.1067	Phẫu thuật điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng vật liệu thay thế	Phẫu thuật điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng vật liệu thay thế	PDB	2,997,900	Chưa bao gồm nẹp, vít.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
107	08.0324.0271	Thuỷ châm điều trị mất ngủ	Thuỷ châm điều trị mất ngủ	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
108	18.0034.0001	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu		58,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
109	03.3676.0556	Nắn găm Kirschner trong gãy Pouteau-Colles	Nắn găm Kirschner trong gãy Pouteau-Colles	P2	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
110	03.0541.0271	Thuỷ châm điều trị chứng ù tai	Thuỷ châm điều trị chứng ù tai	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
111	03.3380.0498	Cắt polyp trực tràng	Cắt polyp trực tràng	P2	1,108,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
112	03.1944.1016	Điều trị tủy răng sữa	Điều trị tủy răng sữa [một chân]	T1	296,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
113	14.0182.0746	Điện đông thể mi	Điện đông thể mi	P3	562,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
114	13.0051.0254	Điều trị tắc tia sữa bằng sóng ngắn, hồng	Điều trị tắc tia sữa bằng sóng ngắn, hồng ngoại		41,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
115	18.0036.0001	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối		58,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
116	15.0135.0168	Sinh thiết hốc mũi	Sinh thiết hốc mũi	T2	138,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
117	08.0184.0230	Điện nhĩ châm điều trị cơn đau quặn thận	Điện nhĩ châm điều trị cơn đau quặn thận	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
118	03.0332.0230	Điện mãng châm điều trị đau mỏi cơ	Điện mãng châm điều trị đau mỏi cơ [kim	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
119	24.0209.1669	HSV 1+2 IgM miễn dịch bán tự động	HSV 1+2 IgM miễn dịch bán tự động		168,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
120	03.1849.1015	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trâm	P3	991,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
121	18.0020.0001	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)		58,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
122	23.0034.1469	Định lượng CA 15-3 (Cancer Antigen 15-3)	Định lượng CA 15-3 (Cancer Antigen 15-3)		156,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
123	03.0281.0249	Ngâm thuốc YHCT toàn thân	Ngâm thuốc YHCT toàn thân	T3	54,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
124	18.0044.0001	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da,	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ….)		58,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
125	24.0098.1720	Treponema pallidum test nhanh	Treponema pallidum test nhanh		261,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
126	03.2117.0903	Lấy dị vật tai	Lấy dị vật tai [kính hiển vi, gây tê]	T1	170,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
127	15.0078.0978	Phẫu thuật nội soi mở xoang hàm	Phẫu thuật nội soi mở xoang hàm	P2	3,180,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
128	03.0296.2046	Điện mãng châm điều trị liệt chi dưới	Điện mãng châm điều trị liệt chi dưới [kim dài]	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
129	08.0195.0230	Điện nhĩ châm điều trị liệt tứ chi do chấn	Điện nhĩ châm điều trị liệt tứ chi do chấn	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
130	10.0801.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ I thân	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ I thân	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
131	23.0210.1607	Định lượng Protein [dịch não tủy]	Định lượng Protein [dịch não tủy]		11,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
132	18.0019.0001	Siêu âm ống tiêu hóa (dạ dày, ruột non, đại	Siêu âm ống tiêu hóa (dạ dày, ruột non, đại		58,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
133	24.0298.1706	Toxoplasma IgM miễn dịch bán tự động	Toxoplasma IgM miễn dịch bán tự động		130,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
134	03.4013.0470	Phẫu thuật nội soi điều trị áp xe gan	Phẫu thuật nội soi điều trị áp xe gan	P2	3,781,900	Chưa bao gồm đầu dao cắt	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
135	28.0316.1126	Phẫu thuật ghép da tự thân các khuyết phần mềm cẳng tay	Phẫu thuật ghép da tự thân các khuyết phần mềm cẳng tay	P2	5,449,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
136	10.1000.0516	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu [bột tự cán]	T2	256,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
137	18.0015.0001	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận,	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng		58,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
138	03.3835.0529	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi [bột liền]	T1	659,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
139	03.0427.0227	Cấy chỉ điều trị tổn thương dây thần kinh V	Cấy chỉ điều trị tổn thương dây thần kinh V	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
140	03.0647.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thoái hóa khớp	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thoái hóa khớp	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
141	03.0445.0227	Cấy chỉ điều trị thoái hóa khớp	Cấy chỉ điều trị thoái hóa khớp	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
142	18.0011.0001	Siêu âm màng phổi	Siêu âm màng phổi		58,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
143	10.0566.0584	Phẫu thuật cắt u nhú ống hậu môn	Phẫu thuật cắt u nhú ống hậu môn (condylome)	P3	1,509,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
144	13.0008.0670	máu (thắt động mạch tử cung, mũi khâu B-lynch…)	máu (thắt động mạch tử cung, mũi khâu B-lynch…)	P1	4,570,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
145	03.0155.0140	Nội soi dạ dày cầm máu	Nội soi dạ dày cầm máu	T1	798,300	Chưa bao gồm thuốc cầm	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
146	10.0508.0459	Cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ áp xe	Cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ áp xe	P2	2,815,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
147	10.0819.0556	Phẫu thuật gãy xương đốt bàn ngón tay	Phẫu thuật gãy xương đốt bàn ngón tay	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
148	27.0369.0423	Nội soi tạo hình niệu quản sau tĩnh mạch chủ	Nội soi tạo hình niệu quản sau tĩnh mạch chủ	P1	3,279,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
149	03.3370.0494	Phẫu thuật lại trĩ chảy máu	Phẫu thuật lại trĩ chảy máu	P1	2,816,900	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
150	10.0509.0493	Dẫn lưu áp xe ruột thừa	Dẫn lưu áp xe ruột thừa	P2	3,142,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
151	03.0325.2046	Điện mãng châm điều trị trĩ	Điện mãng châm điều trị trĩ [kim dài]	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
152	03.1669.0767	Thăm dò, khâu vết thương cùng mạc	Thăm dò, khâu vết thương cùng mạc	P1	1,244,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
153	03.0079.0077	Chọc hút/dẫn lưu dịch màng phổi	Chọc hút/dẫn lưu dịch màng phổi	T1	153,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
154	02.0391.0213	Tiêm khớp ức - sườn	Tiêm khớp ức - sườn	T3	104,400	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
155	21.0120.1801	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống (75g glucose) 3 mẫu cho người bệnh thai	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống (75g glucose) 3 mẫu cho người bệnh thai nghén		166,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
156	10.0473.0459	Cắt u tá tràng	Cắt u tá tràng	P1	2,815,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
157	05.0010.0329	Điều trị sẩn cục bằng laser CO2	Điều trị sẩn cục bằng laser CO2	T2	399,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
158	03.1699.0849	Soi đáy mắt trực tiếp	Soi đáy mắt trực tiếp	T2	60,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
159	03.1846.1014	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy [răng số 1, 2, 3]	P3	455,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
160	13.0028.0617	Giác hút	Giác hút	T1	1,141,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
161	03.1677.0793	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf,	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf,	P2	1,833,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
162	08.0446.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
163	03.2149.0916	Nhét bấc mũi sau	Nhét bấc mũi sau	T2	139,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
164	03.0423.0227	Cấy chỉ điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Cấy chỉ điều trị đau đầu, đau nửa đầu	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
165	16.0053.1012	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trâm	P3	631,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
166	18.0043.0001	Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay….)	Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay….)		58,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
167	08.0164.0230	Điện nhĩ châm điều trị hen phế quản	Điện nhĩ châm điều trị hen phế quản	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
168	14.0166.0777	Lấy dị vật giác mạc sâu	Lấy dị vật giác mạc sâu [gây mê]	T1	727,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
169	01.0299.1239	Định lượng nhanh D-Dimer trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay	Định lượng nhanh D-Dimer trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay		272,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
170	10.1010.0523	Nắn, bó bột trật khớp háng	Nắn, bó bột trật khớp háng [bột liền]	T2	749,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
171	23.0215.1506	Định lượng Cholesterol toàn phần [dịch chọc	Định lượng Cholesterol toàn phần [dịch chọc		28,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
172	14.0112.0075	Cắt chỉ sau phẫu thuật sụp mi	Cắt chỉ sau phẫu thuật sụp mi	T2	40,300	Chỉ áp dụng với người	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
173	10.0680.0492	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Shouldice	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Shouldice	P2	3,512,900	Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu,	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
174	17.0136.0519	Kỹ thuật điều trị bàn chân khoèo bẩm sinh theo phương pháp Ponsetti	Kỹ thuật điều trị bàn chân khoèo bẩm sinh theo phương pháp Ponsetti [bột liền]	T2	257,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
175	03.1680.0795	Mổ quặm bẩm sinh	Mổ quặm bẩm sinh [4 mi - gây tê]	P2	1,387,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
176	15.0152.0988	Phẫu thuật xử trí chảy máu sau cắt Amidan	Phẫu thuật xử trí chảy máu sau cắt Amidan (gây	P2	3,045,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
177	08.0458.0228	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
178	10.0324.0423	Cắt nối niệu quản	Cắt nối niệu quản	P1	3,279,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
179	10.1003.0528	Nắn, bó bột gãy trên lồi cầu xương cánh tay	Nắn, bó bột gãy trên lồi cầu xương cánh tay trẻ	T1	300,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
180	02.0485.0147	Nội soi bàng quang chẩn đoán có gây mê (Nội soi bàng quang không sinh thiết)	Nội soi bàng quang chẩn đoán có gây mê (Nội soi bàng quang không sinh thiết)	T2	911,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
181	03.1858.1014	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội [răng số 1, 2, 3]	P3	455,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
182	03.3910.0505	Trích hạch viêm mủ	Trích hạch viêm mủ	TDB	218,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
183	13.0109.0662	Phẫu thuật cắt vách ngăn âm đạo, mở thông	Phẫu thuật cắt vách ngăn âm đạo, mở thông âm	P2	2,932,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
184	02.0262.0136	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm có	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm có sinh	T1	468,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
185	24.0108.1720	Virus test nhanh	Virus test nhanh		261,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
186	03.0112.0508	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương	T2	58,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
187	18.0016.0001	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận,		58,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
188	15.0079.0969	Phẫu thuật nội soi mở xoang bướm	Phẫu thuật nội soi mở xoang bướm	P2	4,211,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
189	16.0216.1041	Phẫu thuật cắt phanh lưỡi	Phẫu thuật cắt phanh lưỡi	P3	344,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
190	01.0091.0071	Chọc hút dịch khí phế quản qua màng nhẫn	Chọc hút dịch khí phế quản qua màng nhẫn giáp	T1	248,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
191	22.0502.1268	Định nhóm máu tại giường bệnh trước truyền	Định nhóm máu tại giường bệnh trước truyền		22,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
192	08.0424.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp	Xoa bóp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
193	21.0080.0757	Đo thị trường trung tâm, tìm ám điểm	Đo thị trường trung tâm, tìm ám điểm		31,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
194	17.0102.0258	Tập tri giác và nhận thức	Tập tri giác và nhận thức	T3	51,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
195	24.0322.1724	Vi nấm nuôi cấy và định danh phương pháp	Vi nấm nuôi cấy và định danh phương pháp		261,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
196	03.3826.0202	Thay băng, cắt chỉ vết mổ	Thay băng, cắt chỉ vết mổ [chiều dài từ trên 30	T3	121,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
197	12.0325.0558	Cắt u xương, sụn	Cắt u xương, sụn	P2	4,085,900	Chưa bao gồm phương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
198	08.0282.0230	Điện châm điều trị cảm mạo	Điện châm điều trị cảm mạo	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
199	03.3008.0333	Điều trị sẹo xấu bằng hóa chất	Điều trị sẹo xấu bằng hóa chất	TDB	351,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
200	16.0052.1015	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thông ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thông ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay	P3	991,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
201	03.0159.0140	Soi dạ dày thực quản chẩn đoán và cầm máu	Soi dạ dày thực quản chẩn đoán và cầm máu	T1	798,300	Chưa bao gồm thuốc cầm	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
202	10.0571.0632	Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh môn đơn giản	Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh môn đơn giản	P2	2,501,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
203	15.0137.0932	Nội soi sinh thiết u vòm	Nội soi sinh thiết u vòm [gây tê]	T1	545,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
204	03.4138.0148	Nội soi niệu đạo, bàng quang chẩn đoán	Nội soi niệu đạo, bàng quang chẩn đoán	P2	975,300	Chưa bao gồm sonde JJ.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
205	08.0196.0230	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
206	15.0055.0903	Nội soi lấy dị vật tai gây mê/[gây tê]	Nội soi lấy dị vật tai gây mê/[gây tê]	T1	170,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
207	07.0225.0205	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	T3	275,600	Chưa bao gồm gạc	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
208	03.0472.0230	Điện châm điều trị chứng nói ngọng, nói lắp	Điện châm điều trị chứng nói ngọng, nói lắp	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
209	10.1005.0527	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay	T1	372,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
210	18.0004.0001	Siêu âm hạch vùng cổ	Siêu âm hạch vùng cổ		58,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
211	17.0141.0241	Kỹ thuật sử dụng tay giả trên khuỷu	Kỹ thuật sử dụng tay giả trên khuỷu		59,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
212	08.0327.0271	Thuỷ châm điều trị cảm mạo, cúm	Thuỷ châm điều trị cảm mạo, cúm	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
213	08.0141.2046	Điện mãng châm điều trị liệt chi trên	Điện mãng châm điều trị liệt chi trên [kim dài]	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
214	10.0416.0491	Mở thông dạ dày	Mở thông dạ dày	P3	2,683,900	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
215	03.3531.0421	Mổ lấy sỏi bàng quang	Mổ lấy sỏi bàng quang	P2	4,569,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
216	10.0980.0571	Phẫu thuật nạo viêm + lấy xương chết	Phẫu thuật nạo viêm + lấy xương chết	P1	3,226,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
217	10.0490.0458	Cắt nhiều đoạn ruột non	Cắt nhiều đoạn ruột non	PDB	5,100,100	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
218	14.0174.0773	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông	P3	1,043,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
219	10.1020.0526	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân	T1	300,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
220	24.0003.1715	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường		261,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
221	08.0412.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
222	08.0137.2046	Điện mãng châm điều trị đau thần kinh V	Điện mãng châm điều trị đau thần kinh V	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
223	18.0059.0001	Siêu âm dương vật	Siêu âm dương vật		58,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
224	08.0361.0271	Thuỷ châm điều trị loạn chức năng do chấn	Thuỷ châm điều trị loạn chức năng do chấn	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
225	10.0823.0582	Phẫu thuật và điều trị trật khớp quay trụ dưới	Phẫu thuật và điều trị trật khớp quay trụ dưới	P1	3,433,300	Chưa bao gồm kim găm,	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
226	15.0108.0969	Phẫu thuật chỉnh hình cuốn mũi dưới bằng	Phẫu thuật chỉnh hình cuốn mũi dưới bằng laser	P3	4,211,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
227	14.0204.0075	Cắt chỉ khâu kết mạc	Cắt chỉ khâu kết mạc	T3	40,300	Chỉ áp dụng với người	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
228	18.0010.0069	Siêu âm doppler u tuyến, hạch vùng cổ	Siêu âm doppler u tuyến, hạch vùng cổ	T3	89,300	Bằng phương pháp DEXA	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
229	03.0309.0230	Điện mãng châm điều trị stress	Điện mãng châm điều trị stress [kim ngắn]	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
230	18.0055.0069	Siêu âm doppler tuyến vú	Siêu âm doppler tuyến vú	T3	89,300	Bằng phương pháp DEXA	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
231	13.0025.0638	Nội xoay thai	Nội xoay thai	T1	1,472,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
232	03.3805.0572	Khâu nối thần kinh	Khâu nối thần kinh	P1	3,405,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
233	17.0051.0268	Tập đi với khung treo	Tập đi với khung treo		33,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
234	24.0167.1659	HEV IgG miễn dịch bán tự động	HEV IgG miễn dịch bán tự động		336,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
235	15.0212.0900	Lấy dị vật họng miệng	Lấy dị vật họng miệng	T3	43,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
236	08.0183.0230	Điện nhĩ châm điều trị phục hồi chức năng ở	Điện nhĩ châm điều trị phục hồi chức năng ở trẻ	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
237	24.0278.1717	Echinococcus granulosus (Sán dây chó) Ab miễn dịch bán tự động	Echinococcus granulosus (Sán dây chó) Ab miễn dịch bán tự động		321,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
238	27.0353.1196	Phẫu thuật nội soi treo thận để điều trị sa thận	Phẫu thuật nội soi treo thận để điều trị sa thận	P1	2,434,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
239	10.0507.0459	Cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng	Cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng	P2	2,815,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
240	03.3862.0533	Bó bột ống trong gãy xương bánh chè	Bó bột ống trong gãy xương bánh chè	T2	167,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
241	24.0170.2042	HIV Ag/Ab test nhanh	HIV Ag/Ab test nhanh		107,300	Xét nghiệm cho kết quả	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
242	15.0229.0932	Nội soi hạ họng ống mềm lấy dị vật gây tê	Nội soi hạ họng ống mềm lấy dị vật gây tê	T1	545,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
243	02.0285.0140	Nội soi can thiệp - kẹp clip cầm máu	Nội soi can thiệp - kẹp clip cầm máu	TDB	798,300	Chưa bao gồm thuốc cầm	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
244	15.0236.0927	Nội soi thực quản ống cứng sinh thiết u gây	Nội soi thực quản ống cứng sinh thiết u gây	T1	255,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
245	03.0993.0869	Nội soi cầm máu mũi có sử dụng Meroxeo (2	Nội soi cầm máu mũi có sử dụng Meroxeo (2	T2	286,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
246	10.0871.0548	Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp cổ chân	Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp cổ chân	P1	4,324,900	Chưa bao gồm kim hoặc	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
247	03.3960.0970	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn	P2	3,526,900	Chưa bao gồm mũi	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
248	24.0317.1674	Trichomonas vaginalis soi tươi	Trichomonas vaginalis soi tươi		45,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
249	18.0032.0069	Siêu âm doppler tử cung, buồng trứng qua	Siêu âm doppler tử cung, buồng trứng qua	T3	89,300	Bằng phương pháp DEXA	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
250	03.3857.0525	Nắn, bó bột gãy mâm chày	Nắn, bó bột gãy mâm chày [bột liền]	T1	372,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
251	14.0073.0783	Lấy dị vật tiền phòng	Lấy dị vật tiền phòng	P1	1,244,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
252	23.0159.1569	Định lượng Troponin T [Máu]	Định lượng Troponin T [Máu]		78,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
253	16.0054.1015	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay	P3	991,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
254	03.3833.0529	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi [bột liền]	T1	659,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
255	08.0115.2046	Điện mãng châm điều trị béo phì	Điện mãng châm điều trị béo phì	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
256	03.0693.0228	Cứu điều trị đái dầm thể hàn	Cứu điều trị đái dầm thể hàn	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
257	03.3785.0556	Kết hợp xương điều trị gãy xương bàn,	Kết hợp xương điều trị gãy xương bàn, xương	P2	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
258	18.0033.0004	Siêu âm doppler tử cung, buồng trứng qua	Siêu âm doppler tử cung, buồng trứng qua	T2	252,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
259	03.3390.0487	Phẫu thuật cắt u sau phúc mạc	Phẫu thuật cắt u sau phúc mạc	P1	6,419,200	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
260	01.0222.0211	Thụt giữ	Thụt giữ	T3	92,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
261	03.0317.2046	Điện mãng châm điều trị hội chứng tiền đình	Điện mãng châm điều trị hội chứng tiền đình	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
262	03.1859.1012	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng châm	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng châm xoay	P3	631,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
263	02.0063.0001	Siêu âm màng phổi cấp cứu	Siêu âm màng phổi cấp cứu		58,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
264	08.0451.0228	Cứu điều trị hội chứng thắt lưng- hông thể	Cứu điều trị hội chứng thắt lưng- hông thể	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
265	12.0102.0834	Cắt u da mi có trượt lông mi, vạt da, hay	Cắt u da mi có trượt lông mi, vạt da, hay ghép	P1	1,322,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
266	21.0014.1778	Điện tim thường	Điện tim thường		39,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
267	03.0371.0230	Điện nhĩ châm điều trị liệt dây thần kinh VII	Điện nhĩ châm điều trị liệt dây thần kinh VII	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
268	03.0690.0228	Cứu điều trị nôn nấc thể hàn	Cứu điều trị nôn nấc thể hàn	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
269	08.0432.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
270	03.0327.0230	Điện mãng châm điều trị đau dạ dày	Điện mãng châm điều trị đau dạ dày [kim ngắn]	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
271	10.0766.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trên lồi cầu	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trên lồi cầu	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
272	10.0996.0515	Nắn, bó bột gãy xương đòn	Nắn, bó bột gãy xương đòn [bột liền]	T2	434,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
273	02.0405.0213	Tiêm điểm bám gân mỏm trâm quay (trâm	Tiêm điểm bám gân mỏm trâm quay (trâm trụ)	T3	104,400	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
274	03.2239.0893	Đốt họng bằng khí CO-2 (bằng áp lạnh)	Đốt họng bằng khí CO-2 (bằng áp lạnh)	T1	141,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
275	13.0047.0608	Chọc ối làm xét nghiệm tế bào	Chọc ối làm xét nghiệm tế bào	T1	825,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
276	02.0297.0506	Nội soi hậu môn ống cứng	Nội soi hậu môn ống cứng	T3	169,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
277	18.0025.0069	Siêu âm doppler tử cung phần phụ	Siêu âm doppler tử cung phần phụ	T3	89,300	Bằng phương pháp DEXA	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
278	03.0585.0271	Thuỷ châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	Thuỷ châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
279	08.0279.0230	Điện châm điều trị huyết áp thấp	Điện châm điều trị huyết áp thấp	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
280	18.0029.0004	Siêu âm doppler tĩnh mạch chậu, chủ dưới	Siêu âm doppler tĩnh mạch chậu, chủ dưới	T3	252,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
281	03.1675.0798	Múc nội nhãn	Múc nội nhãn	P2	599,800	Chưa bao gồm vật liệu	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
282	28.0200.0573	Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ, mặt bằng vạt da	Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ, mặt bằng vạt da tại	P2	3,720,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
283	03.2675.0491	Mở thông dạ dày ra da do ung thư	Mở thông dạ dày ra da do ung thư		2,683,900	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
284	23.0214.1493	Định lượng Bilirubin toàn phần [dịch]	Định lượng Bilirubin toàn phần [dịch]		22,400	Không thanh toán đối với	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
285	03.0490.0230	Điện châm điều trị lác	Điện châm điều trị lác	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
286	08.0418.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
287	03.0308.0230	Điện mãng châm điều trị đau nửa đầu	Điện mãng châm điều trị đau nửa đầu [kim	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
288	08.0373.0271	Thuỷ châm điều trị đau răng	Thuỷ châm điều trị đau răng	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
289	24.0272.1717	Angiostrogylus cantonensis (Giun tròn chuột) Ab miễn dịch bán tự động	Angiostrogylus cantonensis (Giun tròn chuột) Ab miễn dịch bán tự động		321,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
290	03.3687.0571	Phẫu thuật viêm xương cẳng tay đục, mổ,	Phẫu thuật viêm xương cẳng tay đục, mổ, nạo,	P3	3,226,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
291	03.0521.0230	Điện châm điều trị huyết áp thấp	Điện châm điều trị huyết áp thấp	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
292	23.0003.1494	Định lượng Acid Uric [Máu]	Định lượng Acid Uric [Máu]		22,400	Mỗi chất	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
293	18.0058.0069	Siêu âm doppler tinh hoàn, mào tinh hoàn	Siêu âm doppler tinh hoàn, mào tinh hoàn hai	T3	89,300	Bằng phương pháp DEXA	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
294	13.0067.0657	Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo	Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo	P1	4,168,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
295	03.3819.0559	Nối gân duỗi	Nối gân duỗi	P2	3,302,900	Chưa bao gồm gân nhân	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
296	08.0180.0230	Điện nhĩ châm điều trị giảm thính lực	Điện nhĩ châm điều trị giảm thính lực	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
297	08.0398.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng, ngất	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng, ngất	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
298	15.0304.0505	Trích áp xe nhỏ vùng đầu cổ	Trích áp xe nhỏ vùng đầu cổ	T3	218,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
299	03.0409.0227	Cấy chỉ châm điều trị liệt các dây thần kinh	Cấy chỉ châm điều trị liệt các dây thần kinh	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
300	12.0263.1190	Cắt nang thừng tinh một bên	Cắt nang thừng tinh một bên	P2	2,140,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
301	03.3587.0435	Phẫu thuật hạ lại tinh hoàn	Phẫu thuật hạ lại tinh hoàn	P1	2,490,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
302	15.0303.2047	Thay băng vết mổ	Thay băng vết mổ [chiều dài trên 15cm đến 30	T3	89,500	Chỉ áp dụng với người	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
303	03.3039.0329	Điều trị u mềm lây bằng đốt điện, plasma,	Điều trị u mềm lây bằng đốt điện, plasma, laser,	T2	399,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
304	10.0250.0582	Phẫu thuật điều trị tắc động mạch chi cấp tính do huyết khối, mảnh sùi, dị vật	Phẫu thuật điều trị tắc động mạch chi cấp tính do huyết khối, mảnh sùi, dị vật	P1	3,433,300	Chưa bao gồm đoạn mạch nhân tạo.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
305	28.0010.1044	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vùng da đầu từ 2 cm trở lên	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vùng da đầu từ 2 cm trở lên	P2	771,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
306	12.0309.0589	Bóc nang tuyến Bartholin	Bóc nang tuyến Bartholin	P2	1,369,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
307	01.0267.0204	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng	T3	193,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
308	10.0983.0551	Phẫu thuật vết thương khớp	Phẫu thuật vết thương khớp	P2	3,011,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
309	03.0503.0230	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hóa	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hóa	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
310	15.0226.1005	Nội soi hạ họng ống cứng chẩn đoán gây tê	Nội soi hạ họng ống cứng chẩn đoán gây tê	T2	321,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
311	22.0117.1503	Định lượng sắt huyết thanh	Định lượng sắt huyết thanh		33,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
312	03.2457.1044	Bóc, cắt u bã đậu, u mỡ dưới da đầu đường	Bóc, cắt u bã đậu, u mỡ dưới da đầu đường	P1	771,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
313	15.0209.1041	Cắt phanh lưỡi	Cắt phanh lưỡi [không gây mê]	T2	344,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
314	03.0627.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thiếu máu não	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thiếu máu não mạn	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
315	03.0383.0230	Điện nhĩ châm điều trị viêm mũi dị ứng	Điện nhĩ châm điều trị viêm mũi dị ứng	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
316	24.0145.1622	HCV Ab miễn dịch bán tự động	HCV Ab miễn dịch bán tự động		130,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
317	03.0476.0230	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
318	03.3397.0492	Phẫu thuật thoát vị vết mổ cũ thành bụng	Phẫu thuật thoát vị vết mổ cũ thành bụng	P2	3,512,900	Chưa bao gồm tấm màng	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
319	18.0052.0004	Siêu âm doppler tim, van tim	Siêu âm doppler tim, van tim	T3	252,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
320	03.1848.1013	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha có sử dụng trâm xoay máy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha có sử dụng trâm xoay máy	T1	861,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
321	03.2020.1068	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim	P1	2,897,900	Chưa bao gồm nẹp, vít.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
322	16.0200.1028	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm dưới	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm dưới	P2	398,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
323	27.0300.1196	Phẫu thuật nội soi khâu cầm máu lách	Phẫu thuật nội soi khâu cầm máu lách	P1	2,434,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
324	03.1673.0740	Bơm hơi tiền phòng	Bơm hơi tiền phòng	P2	1,244,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
325	16.0057.1032	Chụp tủy bằng Hydroxit canxi	Chụp tủy bằng Hydroxit canxi	T3	308,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
326	10.0348.0582	Cắm niệu quản bàng quang	Cắm niệu quản bàng quang	P1	3,433,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
327	13.0032.0632	Lấy khối máu tụ âm đạo, tầng sinh môn	Lấy khối máu tụ âm đạo, tầng sinh môn	P2	2,501,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
328	17.0009.0255	Điều trị bằng sóng xung kích	Điều trị bằng sóng xung kích	T3	71,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
329	03.1650.0505	Rạch áp xe túi lệ	Rạch áp xe túi lệ	T1	218,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
330	20.0066.0143	Nội soi ổ bụng - sinh thiết	Nội soi ổ bụng - sinh thiết	TDB	1,095,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
331	24.0216.1641	EBV-VCA IgM miễn dịch bán tự động	EBV-VCA IgM miễn dịch bán tự động		208,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
332	03.1652.0751	Đo thị giác tương phản	Đo thị giác tương phản	T1	77,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
333	16.0043.1021	Lấy cao răng	Lấy cao răng [một vùng hoặc một hàm]	T1	92,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
334	03.0325.0230	Điện mãng châm điều trị trĩ	Điện mãng châm điều trị trĩ [kim ngắn]	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
335	10.1016.0529	Nắn, bó bột gãy lồi cầu xương đùi	Nắn, bó bột gãy lồi cầu xương đùi [bột liền]	T1	659,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
336	23.0208.1605	Định lượng Glucose [dịch não tủy]	Định lượng Glucose [dịch não tủy]		13,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
337	24.0326.1722	Vi nấm kháng thuốc định lượng (MIC) (cho 1 loại kháng sinh)	Vi nấm kháng thuốc định lượng (MIC) (cho 1 loại kháng sinh)		201,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
338	10.0850.0575	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật dính ngón tay	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật dính ngón tay	P1	3,044,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
339	08.0318.0230	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
340	03.3367.0494	Phẫu thuật trĩ độ 3	Phẫu thuật trĩ độ 3	P2	2,816,900	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
341	18.0026.0069	Siêu âm doppler thai nhi (thai, nhau thai, dây rốn, động mạch tử cung)	Siêu âm doppler thai nhi (thai, nhau thai, dây rốn, động mạch tử cung)	T3	89,300	Bằng phương pháp DEXA	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
342	22.0154.1735	đoán tế bào học	tế bào học		190,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
343	16.0047.1012	Điều trị tủy răng có sử dụng laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng	Điều trị tủy răng có sử dụng laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy	P3	631,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
344	15.0227.1005	Nội soi hạ họng ống mềm chẩn đoán gây tê	Nội soi hạ họng ống mềm chẩn đoán gây tê	T2	321,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
345	10.1021.0525	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân	T2	372,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
346	08.0428.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
347	03.0466.0230	Điện châm điều trị teo cơ	Điện châm điều trị teo cơ	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
348	03.2536.1049	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính dưới 3	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính dưới 3 cm	P1	2,928,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
349	08.0338.0271	Thuỷ châm điều trị bại liệt trẻ em	Thuỷ châm điều trị bại liệt trẻ em	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
350	03.3010.0333	Chấm TCA điều trị sẹo lõm	Chấm TCA điều trị sẹo lõm	TDB	351,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
351	22.0123.1297	Huyết đồ (bằng phương pháp thủ công)	Huyết đồ (bằng phương pháp thủ công)		70,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
352	02.0244.0103	Đặt ống thông dạ dày	Đặt ống thông dạ dày	T3	101,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
353	22.0014.1242	Định lượng Fibrinogen (tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss- phương	Định lượng Fibrinogen (tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss- phương pháp		110,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
354	12.0268.0591	Mổ bóc nhân xơ vú	Mổ bóc nhân xơ vú	P3	1,079,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
355	28.0201.0573	Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ, mặt bằng vạt da	Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ, mặt bằng vạt da lân	P2	3,720,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
356	10.1013.0530	Nắn, bó bột gãy xương chậu	Nắn, bó bột gãy xương chậu [bột tự cán]	T2	379,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
357	12.0002.1044	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính	P2	771,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
358	24.0284.1674	Filaria (Giun chỉ) ấu trùng trong máu nhuộm	Filaria (Giun chỉ) ấu trùng trong máu nhuộm soi		45,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
359	08.0208.0230	Điện nhĩ châm điều trị táo bón kéo dài	Điện nhĩ châm điều trị táo bón kéo dài	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
360	10.0910.0548	Phẫu thuật kết hợp xương gãy ròng rọc	Phẫu thuật kết hợp xương gãy ròng rọc xương	P1	4,324,900	Chưa bao gồm kim hoặc	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
361	18.0023.0004	Siêu âm doppler mạch máu ổ bụng (động	Siêu âm doppler mạch máu ổ bụng (động mạch	T3	252,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
362	08.0354.0271	Thuỷ châm điều trị huyết áp thấp	Thuỷ châm điều trị huyết áp thấp	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
363	14.0201.0769	Khâu kết mạc	Khâu kết mạc [gây tê]	P3	897,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
364	03.0485.0230	Điện châm điều trị chắp lẹo	Điện châm điều trị chắp lẹo	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
365	10.0990.0530	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi [bột tự cán]	T1	379,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
366	03.3310.0465	Phẫu thuật tắc ruột do giun	Phẫu thuật tắc ruột do giun	P2	3,993,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
367	03.0299.0230	Điện mãng châm điều trị bệnh lý các dây	Điện mãng châm điều trị bệnh lý các dây thần	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
368	03.0397.0230	Điện nhĩ châm điều trị bí đái	Điện nhĩ châm điều trị bí đái	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
369	03.2331.0164	Rút sonde dẫn lưu màng phổi, sonde dẫn lưu	Rút sonde dẫn lưu màng phổi, sonde dẫn lưu ổ	T1	194,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
370	17.0052.0267	Tập vận động thụ động	Tập vận động thụ động	T3	59,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
371	22.0001.1352	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin)		68,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
372	03.3900.0563	Rút nẹp vít và các dụng cụ khác sau phẫu	Rút nẹp vít và các dụng cụ khác sau phẫu thuật	P2	1,857,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
373	28.0162.0576	Phẫu thuật vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hổng tổ chức	Phẫu thuật vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hổng tổ chức	P3	2,767,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
374	03.0539.0271	Thuỷ châm điều trị bại não	Thuỷ châm điều trị bại não	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
375	24.0218.1640	EBV-VCA IgG miễn dịch bán tự động	EBV-VCA IgG miễn dịch bán tự động		201,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
376	10.0673.0484	Cắt lách do chấn thương	Cắt lách do chấn thương	P1	4,943,100	Chưa bao gồm khóa kẹp	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
377	18.0022.0069	Siêu âm doppler gan lách	Siêu âm doppler gan lách	T3	89,300	Bằng phương pháp DEXA	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
378	20.0010.0990	Nội soi thanh quản ống mềm chẩn đoán	Nội soi thanh quản ống mềm chẩn đoán	T1	245,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
379	03.3842.0528	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay	T1	300,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
380	03.0084.0077	Chọc thăm dò màng phổi	Chọc thăm dò màng phổi	T2	153,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
381	18.0060.0069	Siêu âm doppler dương vật	Siêu âm doppler dương vật	T3	89,300	Bằng phương pháp DEXA	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
382	23.0194.1589	Định tính Morphin (test nhanh) [niệu]	Định tính Morphin (test nhanh) [niệu]		44,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
383	03.2056.1053	Nắn sai khớp thái dương hàm đến muộn có	Nắn sai khớp thái dương hàm đến muộn có gây	T1	1,832,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
384	23.0183.1480	Định lượng Cortisol (niệu)	Định lượng Cortisol (niệu)		95,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
385	10.0839.0559	Khâu tổn thương gân gấp vùng I, III, IV, V	Khâu tổn thương gân gấp vùng I, III, IV, V	P1	3,302,900	Chưa bao gồm gân nhân	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
386	03.1668.0766	Khâu củng mạc	Khâu củng mạc	P1	1,322,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
387	28.0013.0575	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da mỏng	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da mỏng	P2	3,044,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
388	03.3594.0218	Khâu vết thương âm hộ, âm đạo	Khâu vết thương âm hộ, âm đạo	P2	289,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
389	08.0158.2046	Điện mãng châm điều trị di tinh	Điện mãng châm điều trị di tinh	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
390	08.0300.0230	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
391	01.0093.0079	Chọc hút dịch - khí màng phổi bằng kim hay	Chọc hút dịch - khí màng phổi bằng kim hay	T1	162,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
392	18.0045.0004	Siêu âm doppler động mạch, tĩnh mạch chi	Siêu âm doppler động mạch, tĩnh mạch chi dưới	T3	252,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
393	03.2246.0603	Trích rạch màng trinh do ứ máu kinh	Trích rạch màng trinh do ứ máu kinh	T1	885,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
394	08.0228.0227	Cấy chỉ điều trị liệt nửa người do tai biến	Cấy chỉ điều trị liệt nửa người do tai biến mạch	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
395	14.0275.0758	Đo công suất thể thuỷ tinh nhân tạo bằng	Đo công suất thể thuỷ tinh nhân tạo bằng siêu	T2	69,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
396	15.0231.0932	Nội soi hạ họng ống mềm sinh thiết u gây tê	Nội soi hạ họng ống mềm sinh thiết u gây tê	T1	545,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
397	02.0290.0500	Nội soi can thiệp - gắp giun, dị vật ống tiêu	Nội soi can thiệp - gắp giun, dị vật ống tiêu hóa	TDB	1,743,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
398	18.0037.0004	Siêu âm doppler động mạch tử cung	Siêu âm doppler động mạch tử cung	T3	252,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
399	10.0866.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy Pilon	Phẫu thuật kết hợp xương gãy Pilon	PDB	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
400	22.0012.1254	Định lượng Fibrinogen (tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp gián tiếp, bằng	Định lượng Fibrinogen (tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp gián tiếp, bằng máy bán		60,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
401	05.0005.0329	Điều trị hạt cơm bằng laser CO2	Điều trị hạt cơm bằng laser CO2	T2	399,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
402	08.0267.0227	Cấy chỉ điều trị đau do thoái hóa khớp	Cấy chỉ điều trị đau do thoái hóa khớp	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
403	05.0043.0333	Điều trị sẹo lõm bằng TCA (trichloacetic	Điều trị sẹo lõm bằng TCA (trichloacetic acid)	T2	351,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
404	03.3833.0530	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi [bột tự cán]	T1	379,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
405	18.0024.0004	Siêu âm doppler động mạch thận	Siêu âm doppler động mạch thận	T3	252,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
406	02.0177.0086	Chọc hút nước tiểu trên xương mu	Chọc hút nước tiểu trên xương mu	T2	126,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
407	10.1030.0515	Nắm, cố định trật khớp hàm	Nắm, cố định trật khớp hàm [bột liền]	T2	434,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
408	18.0021.0069	Siêu âm doppler các khối u trong ổ bụng	Siêu âm doppler các khối u trong ổ bụng	T3	89,300	Bằng phương pháp DEXA	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
409	16.0220.1042	Cấy lại răng bị bật khỏi ổ răng	Cấy lại răng bị bật khỏi ổ răng	P2	601,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
410	28.0035.0772	Khâu phục hồi bờ mi	Khâu phục hồi bờ mi	P3	813,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
411	23.0111.1534	Đo hoạt độ LDH (Lactat dehydrogenase)	Đo hoạt độ LDH (Lactat dehydrogenase) [Máu]		28,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
412	08.0225.0230	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau do zona	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau do zona	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
413	03.3350.0494	Phẫu thuật áp xe hậu môn, có mở lỗ rò	Phẫu thuật áp xe hậu môn, có mở lỗ rò	P3	2,816,900	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
414	14.0187.0793	Phẫu thuật quặm	Phẫu thuật quặm [3 mi - gây mê]	P2	1,833,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
415	10.0574.0491	Thăm dò, sinh thiết gan	Thăm dò, sinh thiết gan	P2	2,683,900	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
416	08.0024.0249	Ngâm thuốc YHCT bộ phận	Ngâm thuốc YHCT bộ phận	T3	54,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
417	03.1929.1031	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite	T1	280,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
418	17.0075.0277	Tập ho có trợ giúp	Tập ho có trợ giúp	T3	32,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
419	14.0266.0865	Đo độ sâu tiền phòng	Đo độ sâu tiền phòng	T2	197,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
420	03.0277.0247	Nắn, bó gãy xương cẳng tay bằng phương	Nắn, bó gãy xương cẳng tay bằng phương pháp	T2	119,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
421	01.0053.0075	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu	T3	40,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
422	01.0096.0094	Mở màng phổi tối thiểu bằng troca	Mở màng phổi tối thiểu bằng troca	T1	628,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
423	08.0136.2046	Điện mãng châm điều trị thất vận ngôn	Điện mãng châm điều trị thất vận ngôn [kim	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
424	08.0134.2046	Điện mãng châm điều trị tắc tia sữa	Điện mãng châm điều trị tắc tia sữa	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
425	03.2117.0901	Lấy dị vật tai	Lấy dị vật tai [đơn giản]	T1	70,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
426	27.0303.0485	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần lách trong	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần lách trong chấn	P1	4,897,800	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
427	13.0054.0600	Trích áp xe tầng sinh môn	Trích áp xe tầng sinh môn	T2	873,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
428	08.0130.2046	Điện mãng châm điều trị hội chứng vai gáy	Điện mãng châm điều trị hội chứng vai gáy	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
429	03.2515.1047	Cắt bỏ nang xương hàm từ 2-5 cm	Cắt bỏ nang xương hàm từ 2-5 cm	P1	3,228,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
430	10.0780.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân 2 xương	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân 2 xương	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
431	15.0156.0929	Phẫu thuật nội soi nạo VA bằng máy (gây mê)	Phẫu thuật nội soi nạo VA bằng máy (gây	P2	1,658,900	Đã bao gồm cả dao	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
432	18.0003.0001	Siêu âm cơ phần mềm vùng cổ mặt	Siêu âm cơ phần mềm vùng cổ mặt		58,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
433	17.0143.0241	Kỹ thuật sử dụng nẹp dạng khớp háng	Kỹ thuật sử dụng nẹp dạng khớp háng		59,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
434	03.3860.0512	Nắn, cố định trật khớp háng không có chỉ	Nắn, cố định trật khớp háng không có chỉ định	T1	297,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
435	13.0115.0650	Phẫu thuật bóc khối lạc nội mạc tử cung ở tầng sinh môn, thành bụng	Phẫu thuật bóc khối lạc nội mạc tử cung ở tầng sinh môn, thành bụng	P2	2,949,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
436	10.0173.0581	Phẫu thuật điều trị chấn thương - vết thương mạch máu ngoại vi ở trẻ em	Phẫu thuật điều trị chấn thương - vết thương mạch máu ngoại vi ở trẻ em	PDB	5,712,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
437	08.0122.2046	Điện mãng châm điều trị liệt do bệnh cơ ở trẻ	Điện mãng châm điều trị liệt do bệnh cơ ở trẻ	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
438	10.0954.0576	Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn	Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/rách	P2	2,767,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
439	03.0642.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
440	03.0442.0227	Cấy chỉ điều trị nôn, nấc	Cấy chỉ điều trị nôn, nấc	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
441	03.3834.0530	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa xương đùi	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa xương đùi [bột tự cán]	T1	379,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
442	10.0463.0465	Khâu lỗ thủng dạ dày tá tràng	Khâu lỗ thủng dạ dày tá tràng	P2	3,993,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
443	03.3599.0492	Phẫu thuật thoát vị bẹn thường 1 bên	Phẫu thuật thoát vị bẹn thường 1 bên	P2	3,512,900	Chưa bao gồm tấm màng	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
444	03.3866.0525	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân	T1	372,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
445	12.0008.0834	Cắt các loại u vùng mặt có đường kính trên	Cắt các loại u vùng mặt có đường kính trên 10	P1	1,322,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
446	08.0377.0271	Thuỷ châm điều trị viêm quanh khớp vai	Thuỷ châm điều trị viêm quanh khớp vai	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
447	01.0067.1888	Đặt nội khí quản 2 nòng	Đặt nội khí quản 2 nòng	TDB	600,500	Chưa bao gồm ống nội khí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
448	18.0002.0001	Siêu âm các tuyến nước bọt	Siêu âm các tuyến nước bọt		58,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
449	10.0643.0464	Nối nang tụy với dạ dày	Nối nang tụy với dạ dày	P1	2,917,900	Chưa bao gồm kẹp khóa	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
450	10.0820.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới xương	P2	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
451	03.2258.0601	Trích áp xe tuyến Bartholin	Trích áp xe tuyến Bartholin	T3	951,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
452	13.0030.0623	Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo	Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo	T1	1,663,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
453	10.1019.0525	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân	T1	372,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
454	14.0066.0824	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc tự thân,	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc tự thân,	P2	930,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
455	08.0114.2046	Điện mãng châm điều trị hội chứng thắt lưng-	Điện mãng châm điều trị hội chứng thắt lưng-	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
456	14.0199.0745	Điện di điều trị	Điện di điều trị		27,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
457	08.0181.0230	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tự kỷ ở trẻ	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tự kỷ ở trẻ em	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
458	10.0998.0528	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay	T1	300,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
459	12.0162.0918	Cắt polyp mũi	Cắt polyp mũi	P2	705,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
460	01.0162.0121	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang trên khớp	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang trên khớp vệ	T1	405,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
461	10.0764.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật cổ xương	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật cổ xương đùi	PDB	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
462	11.0031.1120	Ghép da tự thân mảnh lớn dưới 5% diện tích cơ thể ở người lớn	Ghép da tự thân mảnh lớn dưới 5% diện tích cơ thể ở người lớn	P2	3,065,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
463	27.0333.1197	Nội soi ổ bụng chẩn đoán	Nội soi ổ bụng chẩn đoán	P2	1,596,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
464	15.0069.1001	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe ổ mắt	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe ổ mắt	P2	1,646,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
465	18.0013.0001	Siêu âm các khối u phổi ngoại vi	Siêu âm các khối u phổi ngoại vi		58,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
466	10.0785.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mắt cá ngoài	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mắt cá ngoài	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
467	03.1677.0792	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf,	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf,	P2	1,188,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
468	10.1028.0520	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân [bột tự cán]	T2	192,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
469	03.0705.0254	Điều trị bằng sóng ngắn và sóng cực ngắn	Điều trị bằng sóng ngắn và sóng cực ngắn	T3	41,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
470	01.0232.0140	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu chẩn đoán	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu chẩn đoán và	T1	798,300	Chưa bao gồm thuốc cầm	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
471	03.1677.0789	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf,	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf,	P2	698,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
472	18.0053.0007	Siêu âm 3D/4D tim	Siêu âm 3D/4D tim	T2	486,300	Chỉ áp dụng trong trường	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
473	28.0014.0575	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da dày	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da dày [diện	P2	3,044,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
474	10.1018.0513	Nắn, bó bột trật khớp gối	Nắn, bó bột trật khớp gối [bột liền]	T2	282,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
475	08.0372.0271	Thuỷ châm điều trị rối loạn tiêu hóa	Thuỷ châm điều trị rối loạn tiêu hóa	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
476	18.0048.0004	doppler động mạch cảnh, doppler xuyên sọ	doppler động mạch cảnh, doppler xuyên sọ	T3	252,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
477	14.0071.0781	Lấy dị vật hốc mắt	Lấy dị vật hốc mắt	P2	1,013,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
478	03.2371.0213	Tiêm chất nhờn vào khớp	Tiêm chất nhờn vào khớp	T1	104,400	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
479	14.0066.0809	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc tự thân,	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc tự thân,	P2	1,083,600	Chưa bao gồm chi phí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
480	02.0085.1778	Điện tim thường	Điện tim thường		39,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
481	03.3047.0329	Điều trị sẩn cục bằng đốt điện, plasma, laser,	Điều trị sẩn cục bằng đốt điện, plasma, laser,	T2	399,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
482	10.0307.0421	Lấy sỏi mở bể thận trong xoang	Lấy sỏi mở bể thận trong xoang	P1	4,569,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
483	03.3033.0340	Nạo vét lỗ đáo không viêm xương	Nạo vét lỗ đáo không viêm xương	P3	649,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
484	08.0469.0228	Cứu điều trị sa tử cung thể hàn	Cứu điều trị sa tử cung thể hàn	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
485	03.3649.0556	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
486	17.0134.0240	Kỹ thuật tập đường ruột cho người bệnh tôn	Kỹ thuật tập đường ruột cho người bệnh tôn	T3	219,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
487	17.0037.0267	Tập ngồi thăng bằng tĩnh và động	Tập ngồi thăng bằng tĩnh và động	T3	59,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
488	22.0134.1296	Xét nghiệm hồng cầu lưới (bằng phương	Xét nghiệm hồng cầu lưới (bằng phương pháp		28,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
489	03.0562.0271	Thuỷ châm điều trị giảm thính lực	Thuỷ châm điều trị giảm thính lực	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
490	10.0410.0584	Cắt bỏ bao da qui đầu do dính hoặc dài	Cắt bỏ bao da qui đầu do dính hoặc dài	P3	1,509,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
491	18.0633.0165	Dẫn lưu dịch, áp xe, nang dưới hướng dẫn	Dẫn lưu dịch, áp xe, nang dưới hướng dẫn của	T1	659,900	Chưa bao gồm ống thông.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
492	22.0079.1515	Định lượng Acid Folic	Định lượng Acid Folic		89,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
493	03.0542.0271	Thuỷ châm điều trị giảm khứu giác	Thuỷ châm điều trị giảm khứu giác	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
494	10.0697.0583	Phẫu thuật cắt u thành bụng	Phẫu thuật cắt u thành bụng	P1	2,396,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
495	03.0305.0230	Điện mãng châm điều trị động kinh cục bộ	Điện mãng châm điều trị động kinh cục bộ [kim	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
496	15.0206.0879	Trích áp xe sàn miệng	Trích áp xe sàn miệng	T1	295,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
497	03.1061.0135	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng có thể kết	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng có thể kết	T1	276,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
498	18.0121.0029	Chụp X-quang xương ức thẳng, nghiêng	Chụp X-quang xương ức thẳng, nghiêng [số		105,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
499	08.0400.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
500	03.0628.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ,	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
501	23.0212.1494	Định lượng Globulin [thuỷ dịch]	Định lượng Globulin [thuỷ dịch]		22,400	Mỗi chất	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
502	18.0121.0013	Chụp X-quang xương ức thẳng, nghiêng	Chụp X-quang xương ức thẳng, nghiêng [>		77,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
503	16.0046.1013	Điều trị tủy răng có sử dụng laser và hàn kín	Điều trị tủy răng có sử dụng laser và hàn kín hệ	P3	861,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
504	03.3480.0439	Tán sỏi ngoài cơ thể	Tán sỏi ngoài cơ thể	P2	2,454,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
505	03.3842.0527	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay	T1	372,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
506	17.0153.0241	Kỹ thuật sử dụng nẹp bàn chân FO	Kỹ thuật sử dụng nẹp bàn chân FO		59,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
507	24.0305.1674	Demodex soi tươi	Demodex soi tươi		45,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
508	08.0407.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
509	03.3040.0329	Điều trị u nhú, u mềm treo bằng đốt điện,	Điều trị u nhú, u mềm treo bằng đốt điện,	T2	399,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
510	13.0166.0715	Soi cổ tử cung	Soi cổ tử cung		68,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
511	10.1029.0516	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn [bột tự cán]	T2	256,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
512	21.0122.1800	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống 2		136,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
513	23.0207.1604	Định lượng Clo [dịch não tủy]	Định lượng Clo [dịch não tủy]		23,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
514	10.1009.0520	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay [bột tự	T2	192,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
515	03.3489.0464	Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận	Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận	P2	2,917,900	Chưa bao gồm kẹp khóa	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
516	22.0020.1347	Thời gian máu chảy phương pháp Ivy	Thời gian máu chảy phương pháp Ivy	T3	52,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
517	13.0076.0689	Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ	Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ	P1	5,503,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
518	03.0314.2046	Điện mãng châm điều trị viêm kết mạc	Điện mãng châm điều trị viêm kết mạc [kim dài]	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
519	24.0188.1636	Dengue virus IgM miễn dịch bán tự động	Dengue virus IgM miễn dịch bán tự động		168,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
520	08.0004.0224	Nhĩ châm	Nhĩ châm	T2	76,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
521	03.0568.0271	Thuỷ châm điều trị huyết áp thấp	Thuỷ châm điều trị huyết áp thấp	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
522	03.0450.0227	Cấy chỉ điều trị viêm co cứng cơ delta	Cấy chỉ điều trị viêm co cứng cơ delta	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
523	28.0340.0559	Nối gân duỗi	Nối gân duỗi	P1	3,302,900	Chưa bao gồm gân nhân	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
524	08.0431.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
525	03.0666.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau do ung	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau do ung thư	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
526	03.0344.0230	Điện mãng châm điều trị rối loạn thần kinh	Điện mãng châm điều trị rối loạn thần kinh	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
527	18.0121.0028	Chụp X-quang xương ức thẳng, nghiêng	Chụp X-quang xương ức thẳng, nghiêng [số		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
528	14.0251.0852	Test phát hiện khô mắt	Test phát hiện khô mắt		46,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
529	08.0247.0227	Cấy chỉ điều trị hen phế quản	Cấy chỉ điều trị hen phế quản	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
530	11.0003.1150	Thay băng điều trị vết bỏng từ 20% - 39%	Thay băng điều trị vết bỏng từ 20% - 39% diện	T2	618,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
531	18.0121.0011	Chụp X-quang xương ức thẳng, nghiêng	Chụp X-quang xương ức thẳng, nghiêng [≤		64,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
532	03.0306.2046	Điện mãng châm điều trị tâm căn suy nhược	Điện mãng châm điều trị tâm căn suy nhược	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
533	03.1062.0137	Nội soi đại tràng sigma	Nội soi đại tràng sigma	T3	352,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
534	12.0003.1045	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính 5	P1	1,208,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
535	01.0006.0215	Đặt catheter tĩnh mạch ngoại biên	Đặt catheter tĩnh mạch ngoại biên	T3	25,100	Chỉ áp dụng với người	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
536	03.0651.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
537	23.0186.1582	Định tính Dưỡng chấp [niệu]	Định tính Dưỡng chấp [niệu]		22,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
538	08.0406.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
539	03.0587.0271	Thuỷ châm điều trị cơn đau quặn thận	Thuỷ châm điều trị cơn đau quặn thận	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
540	14.0211.0842	Rửa cùng đồ	Rửa cùng đồ	T2	48,300	Áp dụng cho 1 mắt hoặc 2	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
541	08.0220.0230	Điện nhĩ châm điều trị giảm khứu giác	Điện nhĩ châm điều trị giảm khứu giác	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
542	03.0659.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
543	03.1850.1013	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	P3	861,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
544	10.0863.0534	Phẫu thuật cắt cụt căng tay, cánh tay	Phẫu thuật cắt cụt căng tay, cánh tay	P2	3,994,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
545	16.0268.1068	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới bằng	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới bằng	P1	2,897,900	Chưa bao gồm nẹp, vít.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
546	03.0380.0230	Điện nhĩ châm điều trị giảm thính lực	Điện nhĩ châm điều trị giảm thính lực	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
547	18.0117.0011	Chụp X-quang xương gót thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương gót thẳng nghiêng [≤		64,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
548	23.0130.1483	CRP định lượng	Định lượng Pro-calcitonin [Giá Định lượng		56,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
549	03.0458.0227	Cấy chỉ điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột	Cấy chỉ điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
550	13.0024.0613	Đỡ đẻ ngôi ngược (*)	Đỡ đẻ ngôi ngược (*)	T1	1,191,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
551	02.0243.0078	Chọc tháo dịch ổ bụng điều trị	Chọc tháo dịch ổ bụng điều trị	T3	195,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
552	11.0009.1149	Thay băng điều trị vết bỏng từ 10% - 19%	Thay băng điều trị vết bỏng từ 10% - 19% diện	T2	458,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
553	03.0342.0230	Điện mãng châm điều trị đái dầm	Điện mãng châm điều trị đái dầm [kim ngắn]	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
554	03.3328.0686	Phẫu thuật viêm phúc mạc ruột thừa	Phẫu thuật viêm phúc mạc ruột thừa	P1	4,721,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
555	03.1859.1013	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	P3	861,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
556	03.0304.2046	Điện mãng châm điều trị khàn tiếng	Điện mãng châm điều trị khàn tiếng [kim dài]	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
557	03.2245.0217	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ [tổn	T1	269,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
558	08.0351.0271	Thuỷ châm điều trị hội chứng tiền đình	Thuỷ châm điều trị hội chứng tiền đình	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
559	03.0656.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn đại, tiểu	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn đại, tiểu tiện	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
560	24.0155.1696	HAV Ab test nhanh	HAV Ab test nhanh		130,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
561	10.0807.0577	Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ	Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ quan	P2	5,204,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
562	24.0313.1674	Pneumocystis jirovecii nhuộm soi	Pneumocystis jirovecii nhuộm soi		45,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
563	03.0133.0210	Thông tiểu	Thông tiểu	T3	101,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
564	18.0117.0029	Chụp X-quang xương gót thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương gót thẳng nghiêng [số		105,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
565	03.1677.0788	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf,	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf,	P2	1,351,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
566	02.0309.0138	Nội soi trực tràng ống mềm có sinh thiết	Nội soi trực tràng ống mềm có sinh thiết	T3	323,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
567	03.0431.0227	Cấy chỉ điều trị giảm thính lực	Cấy chỉ điều trị giảm thính lực	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
568	06.0038.1777	Đo điện não vi tính	Đo điện não vi tính		75,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
569	17.0104.0264	Tập nuốt	Tập nuốt	T3	144,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
570	10.1012.0525	Nắn, bó bột gãy mâm chày	Nắn, bó bột gãy mâm chày [bột liền]	T2	372,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
571	03.0569.0271	Thuỷ châm điều trị đau vùng ngực	Thuỷ châm điều trị đau vùng ngực	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
572	03.3844.0516	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu [bột tự cán]	T1	256,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
573	10.0999.0527	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay	T1	372,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
574	10.0684.0492	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn	P1	3,512,900	Chưa bao gồm tấm màng	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
575	10.1002.0527	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay [bột liền]	T2	372,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
576	14.0188.0793	Phẫu thuật quặm tái phát	Phẫu thuật quặm tái phát [3 mi - gây mê]	P2	1,833,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
577	01.0157.0508	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương	T2	58,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
578	22.0302.1306	Nghiệm pháp Coombs trực tiếp (kỹ thuật	Nghiệm pháp Coombs trực tiếp (kỹ thuật		87,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
579	18.0117.0028	Chụp X-quang xương gót thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương gót thẳng nghiêng [số		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
580	03.3844.0515	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu [bột liền]	T1	434,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
581	24.0094.1623	Streptococcus pyogenes ASO	Streptococcus pyogenes ASO		45,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
582	12.0313.1190	Cắt u máu khu trú, đường kính dưới 5 cm	Cắt u máu khu trú, đường kính dưới 5 cm	P2	2,140,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
583	21.0125.1806	Test dung nạp glucagon	Test dung nạp glucagon		39,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
584	13.0071.0679	Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung	Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung	P2	3,628,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
585	12.0072.1047	Cắt bỏ nang xương hàm từ 2-5 cm	Cắt bỏ nang xương hàm từ 2-5 cm	P1	3,228,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
586	03.3804.0559	Gỡ dính gân	Gỡ dính gân	P2	3,302,900	Chưa bao gồm gân nhân	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
587	16.0224.1035	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng	T1	245,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
588	24.0282.1703	Fasciola (Sán lá gan lớn) Ab miễn dịch bán	Fasciola (Sán lá gan lớn) Ab miễn dịch bán tự		194,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
589	03.0608.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
590	22.0283.1269	Định nhóm máu hệ ABO (kỹ thuật trên giấy)	Định nhóm máu hệ ABO (kỹ thuật trên giấy)		42,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
591	14.0188.0794	Phẫu thuật quặm tái phát	Phẫu thuật quặm tái phát [4 mi - gây mê]	P2	2,068,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
592	18.0111.0029	Chụp X-quang xương đùi thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương đùi thẳng nghiêng [số		105,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
593	23.0068.1561	Định lượng FT3 (Free Triiodothyronine)	Định lượng FT3 (Free Triiodothyronine) [Máu]		67,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
594	03.0349.2046	Điện mãng châm điều trị giảm đau do ung thư	Điện mãng châm điều trị giảm đau do ung thư	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
595	23.0184.1598	Định lượng Creatinin (niệu)	Định lượng Creatinin (niệu)		16,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
596	24.0254.1701	Rubella virus Ab test nhanh	Rubella virus Ab test nhanh		163,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
597	03.1849.1013	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	P3	861,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
598	03.0639.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tăng huyết áp	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tăng huyết áp	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
599	11.0025.1106	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu dưới 3%	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu dưới 3% diện	P2	2,595,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
600	03.0625.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
601	21.0087.0751	Đo độ lác	Đo độ lác		77,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
602	12.0135.1189	Cắt u lưỡi lành tính	Cắt u lưỡi lành tính	P1	3,300,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
603	03.0518.0230	Điện châm điều trị viêm mũi xoang	Điện châm điều trị viêm mũi xoang	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
604	03.0343.2046	Điện móng châm điều trị bí đái	Điện móng châm điều trị bí đái [kim dài]	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
605	10.0953.0571	Phẫu thuật sửa mỏm cụt ngón tay/ngón chân	Phẫu thuật sửa mỏm cụt ngón tay/ngón chân (1	P2	3,226,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
606	02.0233.0158	Rửa bàng quang	Rửa bàng quang	T3	230,500	Chưa bao gồm hóa chất.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
607	03.3855.0511	Năn, bó bột trật khớp háng	Năn, bó bột trật khớp háng [bột liền]	T1	667,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
608	16.0205.1024	Nhổ chân răng vĩnh viễn	Nhổ chân răng vĩnh viễn	T1	217,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
609	10.0569.0624	Phẫu thuật điều trị đứt cơ thắt hậu môn	Phẫu thuật điều trị đứt cơ thắt hậu môn	P1	2,119,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
610	10.0353.0158	Bơm rửa bàng quang, bơm hóa chất	Bơm rửa bàng quang, bơm hóa chất	T1	230,500	Chưa bao gồm hóa chất.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
611	03.0319.2046	Điện mãng châm điều trị thất ngôn	Điện mãng châm điều trị thất ngôn [kim dài]	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
612	10.0327.0421	Lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang	Lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang	P1	4,569,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
613	18.0111.0011	Chụp X-quang xương đùi thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương đùi thẳng nghiêng [≤		64,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
614	18.0111.0028	Chụp X-quang xương đùi thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương đùi thẳng nghiêng [số		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
615	28.0116.0573	Phẫu thuật tạo hình môi toàn bộ bằng vạt tại	Phẫu thuật tạo hình môi toàn bộ bằng vạt tại chỗ	P1	3,720,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
616	23.0065.1517	Định lượng FSH (Follicular Stimulating	Định lượng FSH (Follicular Stimulating		84,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
617	03.2044.1081	Phẫu thuật mở xoang hàm để lấy chóp răng	Phẫu thuật mở xoang hàm để lấy chóp răng	P1	3,078,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
618	10.0737.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đài quay	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đài quay	P2	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
619	10.0057.0083	Chọc dịch não tủy thắt lưng (thủ thuật)	Chọc dịch não tủy thắt lưng (thủ thuật)	TDB	126,900	Chưa bao gồm kim chọc	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
620	18.0111.0013	Chụp X-quang xương đùi thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương đùi thẳng nghiêng [>		77,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
621	03.0326.2046	Điện mãng châm điều trị sa dạ dày	Điện mãng châm điều trị sa dạ dày [kim dài]	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
622	18.0099.0012	Chụp X-quang xương đòn thẳng hoặc chếch	Chụp X-quang xương đòn thẳng hoặc chếch [>		64,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
623	14.0106.0769	Đóng lỗ rò đường lệ	Đóng lỗ rò đường lệ [gây tê]	P3	897,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
624	15.0077.0978	Phẫu thuật nội soi mở xoang sàng	Phẫu thuật nội soi mở xoang sàng	P2	3,180,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
625	03.0586.0271	Thuỷ châm điều trị viêm co cứng cơ delta	Thuỷ châm điều trị viêm co cứng cơ delta	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
626	08.0339.0271	Thuỷ châm điều trị giảm thính lực	Thuỷ châm điều trị giảm thính lực	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
627	23.0050.1544	Phản ứng CRP	Định lượng CRP hs (C-Reactive Protein high		22,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
628	10.0880.0559	Phẫu thuật tổn thương gân cơ chày sau	Phẫu thuật tổn thương gân cơ chày sau	P1	3,302,900	Chưa bao gồm gân nhân	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
629	03.1658.0778	Lấy dị vật giác mạc	Lấy dị vật giác mạc [giác mạc nông, một mắt,	T1	99,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
630	03.2262.0630	Lấy dị vật âm đạo	Lấy dị vật âm đạo	T1	653,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
631	10.0310.0421	Lấy sỏi bể thận ngoài xoang	Lấy sỏi bể thận ngoài xoang	P1	4,569,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
632	22.0268.1330	Phản ứng hòa hợp trong môi trường nước	Phản ứng hòa hợp trong môi trường nước muối		31,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
633	23.0169.1571	Định lượng Vitamin B12 [Máu]	Định lượng Vitamin B12 [Máu]		78,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
634	21.0102.0070	Đo mật độ xương bằng phương pháp DEXA	Đo mật độ xương bằng phương pháp DEXA [2		148,300	Bằng phương pháp DEXA	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
635	03.2263.0624	Khâu rách cùng đồ âm đạo	Khâu rách cùng đồ âm đạo	P3	2,119,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
636	23.0031.1473	Định lượng Canxi ion hóa bằng điện cực	Định lượng Canxi ion hóa bằng điện cực chọn		13,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
637	18.0099.0028	Chụp X-quang xương đòn thẳng hoặc chếch	Chụp X-quang xương đòn thẳng hoặc chếch [số		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
638	10.0751.0559	Phẫu thuật tổn thương gân gấp bàn - cổ tay	Phẫu thuật tổn thương gân gấp bàn - cổ tay	P1	3,302,900	Chưa bao gồm gân nhân	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
639	27.0406.1197	Phẫu thuật nội soi thắt tĩnh mạch tinh	Phẫu thuật nội soi thắt tĩnh mạch tinh	P2	1,596,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
640	18.0099.0010	Chụp X-quang xương đòn thẳng hoặc chếch	Chụp X-quang xương đòn thẳng hoặc chếch [≤		58,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
641	16.0053.1015	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	P3	991,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
642	03.0422.0227	Cấy chỉ điều trị động kinh	Cấy chỉ điều trị động kinh	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
643	03.3025.1149	Cắt lọc, loại bỏ dị vật vảy da, vảy tiết dưới	Cắt lọc, loại bỏ dị vật vảy da, vảy tiết dưới 20%	TDB	458,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
644	22.0003.1351	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin		59,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
645	27.0405.1197	Phẫu thuật nội soi cắt tinh hoàn trong ổ bụng	Phẫu thuật nội soi cắt tinh hoàn trong ổ bụng	P2	1,596,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
646	03.0575.0271	Thuỷ châm điều trị nôn, nấc	Thuỷ châm điều trị nôn, nấc	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
647	03.0401.0230	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau sau phẫu	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
648	15.0132.0867	Bẻ cuốn mũi	Bẻ cuốn mũi	T2	165,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
649	08.0311.0230	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hóa	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hóa	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
650	01.0288.1764	Định tính chất độc băng test nhanh (một lần)	Định tính chất độc băng test nhanh (một lần)		136,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
651	03.2184.0899	Làm thuốc tai, mũi, thanh quản	Làm thuốc tai, mũi, thanh quản	T1	22,000	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
652	02.0294.0137	Nội soi đại trực tràng toàn bộ can thiệp cấp	Nội soi đại trực tràng toàn bộ can thiệp cấp cứu	T1	352,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
653	05.0009.0329	Điều trị dày sừng ánh nắng bằng laser CO2	Điều trị dày sừng ánh nắng bằng laser CO2	T2	399,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
654	18.0107.0029	Chụp X-quang xương cổ tay thẳng, nghiêng	Chụp X-quang xương cổ tay thẳng, nghiêng		105,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
655	01.0032.0299	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu	T2	532,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
656	17.0150.0241	Kỹ thuật sử dụng nẹp trên gối có khớp háng	Kỹ thuật sử dụng nẹp trên gối có khớp háng		59,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
657	12.0083.1040	Cắt u lợi đường kính dưới hoặc bằng 2 cm	Cắt u lợi đường kính dưới hoặc bằng 2 cm	P2	481,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
658	08.0188.0230	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn tiểu tiện	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn tiểu tiện	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
659	22.0139.1362	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng		39,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
660	03.3896.0344	Phẫu thuật giải áp thần kinh ngoại biên	Phẫu thuật giải áp thần kinh ngoại biên	P1	2,698,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
661	03.0665.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
662	03.3845.0516	Nắn bó bột gãy và trật khớp khuỷu	Nắn bó bột gãy và trật khớp khuỷu [bột tự cán]	T1	256,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
663	28.0337.0559	Nối gân gấp	Nối gân gấp	P2	3,302,900	Chưa bao gồm gân nhân	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
664	03.0439.0227	Cấy chỉ điều trị trĩ	Cấy chỉ điều trị trĩ	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
665	14.0180.0805	Cắt bè củng giác mạc (Trabeculectomy)	Cắt bè củng giác mạc (Trabeculectomy)	P1	1,202,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
666	24.0010.1692	Vi khuẩn kỵ khí nuôi cấy và định danh	Vi khuẩn kỵ khí nuôi cấy và định danh		1,351,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
667	08.0429.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau do thoái hóa	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau do thoái hóa	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
668	10.0685.0492	Phẫu thuật điều trị thoát vị đùi	Phẫu thuật điều trị thoát vị đùi	P2	3,512,900	Chưa bao gồm tấm màng	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
669	03.3845.0515	Nắn bó bột gãy và trật khớp khuỷu	Nắn bó bột gãy và trật khớp khuỷu [bột liền]	T1	434,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
670	15.0144.0907	Nội soi lấy dị vật mũi gây tê/gây mê	Nội soi lấy dị vật mũi gây tê/gây mê [không gây	T2	213,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
671	16.0046.1012	Điều trị tủy răng có sử dụng laser và hàn kín	Điều trị tủy răng có sử dụng laser và hàn kín hệ	P3	631,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
672	08.0254.0227	Cấy chỉ điều trị rối loạn thần kinh chức năng	Cấy chỉ điều trị rối loạn thần kinh chức năng	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
673	18.0107.0013	Chụp X-quang xương cổ tay thẳng, nghiêng	Chụp X-quang xương cổ tay thẳng, nghiêng		77,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
674	23.0098.1529	Định lượng Insulin [Máu]	Định lượng Insulin [Máu]		84,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
675	03.3867.0525	Nắn, bó bột gãy xương chày	Nắn, bó bột gãy xương chày [bột liền]	T1	372,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
676	03.0685.0228	Cứu điều trị giảm khứu giác thể hàn	Cứu điều trị giảm khứu giác thể hàn	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
677	03.2450.0945	Cắt u vùng tuyến mang tai	Cắt u vùng tuyến mang tai	P1	4,944,000	Chưa bao gồm dao siêu	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
678	22.0089.1567	Định lượng Transferin	Định lượng Transferin		67,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
679	11.0022.1102	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu dưới 3%	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu dưới 3%	P2	2,566,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
680	10.0491.0455	Gỡ dính sau mổ lại	Gỡ dính sau mổ lại	P1	2,705,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
681	18.0107.0011	Chụp X-quang xương cổ tay thẳng, nghiêng	Chụp X-quang xương cổ tay thẳng, nghiêng		64,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
682	03.0390.0230	Điện nhĩ châm điều trị sa dạ dày	Điện nhĩ châm điều trị sa dạ dày	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
683	03.1859.1014	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	P3	455,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
684	23.0160.1569	Định lượng Troponin T hs [Máu]	Định lượng Troponin T hs [Máu]		78,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
685	02.0011.0079	Chọc hút khí màng phổi	Chọc hút khí màng phổi	T3	162,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
686	03.2611.0898	Khí dung vòm họng trong điều trị ung thư	Khí dung vòm họng trong điều trị ung thư vòm	T3	27,500	Chưa bao gồm thuốc khí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
687	03.0448.0227	Cấy chỉ điều trị viêm quanh khớp vai	Cấy chỉ điều trị viêm quanh khớp vai	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
688	02.0388.0213	Tiêm khớp khuỷu tay	Tiêm khớp khuỷu tay	T3	104,400	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
689	12.0109.0837	Cắt u tiền phòng	Cắt u tiền phòng	P1	1,322,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
690	15.0224.1002	Phẫu thuật chỉnh hình lỗ mở khí quản	Phẫu thuật chỉnh hình lỗ mở khí quản	P3	1,075,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
691	18.0107.0028	Chụp X-quang xương cổ tay thẳng, nghiêng	Chụp X-quang xương cổ tay thẳng, nghiêng		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
692	17.0085.0282	Kỹ thuật xoa bóp vùng	Kỹ thuật xoa bóp vùng	T3	51,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
693	02.0288.0142	Nội soi ổ bụng	Nội soi ổ bụng	T1	905,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
694	18.0115.0029	Chụp X-quang xương cổ chân thẳng,	Chụp X-quang xương cổ chân thẳng, nghiêng		105,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
695	02.0486.0072	Nội soi bơm rửa niệu quản sau tán sỏi ngoài	Nội soi bơm rửa niệu quản sau tán sỏi ngoài cơ	T2	500,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
696	24.0314.1674	Taenia (Sán dây) soi tươi định danh	Taenia (Sán dây) soi tươi định danh		45,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
697	10.1022.0519	Nắn, bó bột gãy xương chày	Nắn, bó bột gãy xương chày [bột liền]	T2	257,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
698	11.0016.1160	Khâu cầm máu, thắt mạch máu để cấp cứu	Khâu cầm máu, thắt mạch máu để cấp cứu chảy	T3	213,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
699	03.0594.0271	Thuỷ châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	Thuỷ châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
700	02.0061.0164	Rút ống dẫn lưu màng phổi, ống dẫn lưu ổ áp	Rút ống dẫn lưu màng phổi, ống dẫn lưu ổ áp xe		194,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
701	18.0115.0013	Chụp X-quang xương cổ chân thẳng,	Chụp X-quang xương cổ chân thẳng, nghiêng		77,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
702	08.0434.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
703	18.0115.0028	Chụp X-quang xương cổ chân thẳng,	Chụp X-quang xương cổ chân thẳng, nghiêng		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
704	03.3773.0556	Cố định ngoài điều trị gãy xương căng chân	Cố định ngoài điều trị gãy xương căng chân	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
705	20.0067.0140	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu chảy máu	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu chảy máu tiêu	T1	798,300	Chưa bao gồm thuốc cầm	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
706	01.0087.0898	Khí dung thuốc qua thở máy (một lần)	Khí dung thuốc qua thở máy (một lần)	T2	27,500	Chưa bao gồm thuốc khí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
707	10.0815.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đốt bàn	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đốt bàn	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
708	03.3044.0329	Điều trị u ống tuyến mồ hôi bằng đốt điện,	Điều trị u ống tuyến mồ hôi bằng đốt điện,	T2	399,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
709	03.3861.0529	Nắn, bó bột gãy lồi cầu xương đùi	Nắn, bó bột gãy lồi cầu xương đùi [bột liền]	T1	659,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
710	14.0195.0857	Tiêm hậu nhãn cầu	Tiêm hậu nhãn cầu	T2	55,000	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
711	24.0169.1616	HIV Ab test nhanh	HIV Ab test nhanh		58,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
712	16.0242.1067	Phẫu thuật điều trị gãy lồi cầu xương hàm	Phẫu thuật điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới	P1	2,997,900	Chưa bao gồm nẹp, vít.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
713	14.0187.0790	Phẫu thuật quặm	Phẫu thuật quặm [2 mi - gây mê]	P2	1,572,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
714	20.0013.2048	Nội soi tai mũi họng	Nội soi tai mũi họng		116,100	Trường hợp chỉ nội soi	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
715	27.0332.1196	Phẫu thuật nội soi rửa bụng, dẫn lưu	Phẫu thuật nội soi rửa bụng, dẫn lưu	P1	2,434,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
716	02.0374.0001	Siêu âm phần mềm (một vị trí)	Siêu âm phần mềm (một vị trí)		58,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
717	03.3861.0530	Nắn, bó bột gãy lồi cầu xương đùi	Nắn, bó bột gãy lồi cầu xương đùi [bột tự cán]	T1	379,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
718	16.0214.1007	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới	P3	178,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
719	24.0319.1674	Vi nấm soi tươi	Vi nấm soi tươi		45,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
720	03.3034.0339	Nạo vét lỗ đáo có viêm xương	Nạo vét lỗ đáo có viêm xương	P2	694,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
721	10.0734.0548	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mỏm khuỷu	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mỏm khuỷu	P1	4,324,900	Chưa bao gồm kim hoặc	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
722	03.0577.0271	Thuỷ châm điều trị dị ứng	Thuỷ châm điều trị dị ứng	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
723	10.0483.0455	Tháo lồng ruột non	Tháo lồng ruột non	P2	2,705,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
724	07.0225.0204	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	T3	193,600	Chưa bao gồm gạc	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
725	03.0323.0230	Điện mãng châm điều trị đau thần kinh liên	Điện mãng châm điều trị đau thần kinh liên	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
726	03.0416.0227	Cấy chỉ điều trị chứng nói ngọng, nói lắp	Cấy chỉ điều trị chứng nói ngọng, nói lắp	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
727	03.3760.0556	Đặt nẹp vít gãy đầu dưới xương chày	Đặt nẹp vít gãy đầu dưới xương chày	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
728	08.0395.0280	Xoa bóp bấm huyệt phục hồi chức năng vận	Xoa bóp bấm huyệt phục hồi chức năng vận	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
729	03.3395.0492	Phẫu thuật thoát vị bẹn nghẹt	Phẫu thuật thoát vị bẹn nghẹt	P2	3,512,900	Chưa bao gồm tấm màng	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
730	18.0115.0011	Chụp X-quang xương cổ chân thẳng,	Chụp X-quang xương cổ chân thẳng, nghiêng		64,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
731	25.0089.1735	Xét nghiệm tế bào học áp nhuộm thường quy	Xét nghiệm tế bào học áp nhuộm thường quy		190,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
732	03.0334.2046	Điện mãng châm điều trị hội chứng vai gáy	Điện mãng châm điều trị hội chứng vai gáy	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
733	02.0373.0001	Siêu âm khớp (một vị trí)	Siêu âm khớp (một vị trí)		58,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
734	10.0550.0494	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển có sử dụng dụng	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển có sử dụng dụng cụ	P2	2,816,900	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
735	23.0130.1549	Định lượng Pro-calcitonin [Máu]	Định lượng Pro-calcitonin [Máu]		414,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
736	10.0160.0411	Phẫu thuật lấy dị vật trong phổi - màng phổi	Phẫu thuật lấy dị vật trong phổi - màng phổi	P1	7,392,200	Chưa bao gồm các loại	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
737	11.0103.1114	Cắt sẹo khâu kín	Cắt sẹo khâu kín	P2	3,683,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
738	03.0417.0227	Cấy chỉ điều trị khàn tiếng	Cấy chỉ điều trị khàn tiếng	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
739	25.0026.1735	Tế bào học dịch các tổn thương dạng nang	Tế bào học dịch các tổn thương dạng nang		190,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
740	13.0153.0603	Trích rạch màng trinh do ứ máu kinh	Trích rạch màng trinh do ứ máu kinh	T1	885,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
741	10.0690.0582	Phẫu thuật khâu vỡ cơ hoành	Phẫu thuật khâu vỡ cơ hoành	P1	3,433,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
742	03.3348.0494	Phẫu thuật điều trị rò cạnh hậu môn	Phẫu thuật điều trị rò cạnh hậu môn	P3	2,816,900	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
743	10.0911.0548	Phẫu thuật điều trị trật khớp khuỷu	Phẫu thuật điều trị trật khớp khuỷu	P1	4,324,900	Chưa bao gồm kim hoặc	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
744	11.0090.0216	Bộc lộ tĩnh mạch ngoại vi để truyền dịch	Bộc lộ tĩnh mạch ngoại vi để truyền dịch điều	T2	194,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
745	25.0022.1735	Tế bào học nước tiểu	Tế bào học nước tiểu		190,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
746	01.0298.1466	Định lượng nhanh NT-ProBNP trong máu	Định lượng nhanh NT-ProBNP trong máu toàn		605,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
747	03.0583.0271	Thuỷ châm điều trị hội chứng vai gáy	Thuỷ châm điều trị hội chứng vai gáy	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
748	03.0333.2046	Điện mãng châm điều trị viêm quanh khớp	Điện mãng châm điều trị viêm quanh khớp vai	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
749	08.0232.0227	Cấy chỉ châm điều trị hội chứng dạ dày - tá	Cấy chỉ châm điều trị hội chứng dạ dày - tá	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
750	03.2522.1046	Cắt nang vùng sàn miệng	Cắt nang vùng sàn miệng	P1	3,078,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
751	18.0075.0028	Chụp X-quang xương chính mũi nghiêng	Chụp X-quang xương chính mũi nghiêng hoặc		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
752	18.0075.0010	Chụp X-quang xương chính mũi nghiêng	Chụp X-quang xương chính mũi nghiêng hoặc		58,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
753	03.0341.2046	Điện mãng châm điều trị rối loạn tiêu hóa	Điện mãng châm điều trị rối loạn tiêu hóa [kim	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
754	18.0103.0028	Chụp X-quang xương cánh tay thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương cánh tay thẳng nghiêng		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
755	03.3474.0422	Tạo hình phần nối bể thận - niệu quản	Tạo hình phần nối bể thận - niệu quản	P1	6,374,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
756	03.0580.0271	Thuỷ châm điều trị đau lưng	Thuỷ châm điều trị đau lưng	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
757	18.0103.0013	Chụp X-quang xương cánh tay thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương cánh tay thẳng nghiêng		77,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
758	02.0219.0150	Nội soi bơm rửa bàng quang, bơm hóa chất	Nội soi bơm rửa bàng quang, bơm hóa chất	T1	575,300	Chưa bao gồm hóa chất	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
759	03.0043.0004	Siêu âm doppler mạch máu cấp cứu	Siêu âm doppler mạch máu cấp cứu	T1	252,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
760	10.0359.0584	Dẫn lưu bàng quang đơn thuần	Dẫn lưu bàng quang đơn thuần	P3	1,509,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
761	07.0227.0367	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm	T2	452,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
762	03.0402.0230	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau ung thư	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau ung thư	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
763	03.0552.0271	Thuỷ châm điều trị thiếu máu não mạn tính	Thuỷ châm điều trị thiếu máu não mạn tính	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
764	01.0243.0096	Dẫn lưu ổ bụng trong viêm tụy cấp	Dẫn lưu ổ bụng trong viêm tụy cấp [dưới hướng	T2	1,251,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
765	10.0640.0486	Khâu vết thương tụy và dẫn lưu	Khâu vết thương tụy và dẫn lưu	P1	4,955,100	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
766	10.0808.0577	Phẫu thuật dập nát phần mềm các cơ quan	Phẫu thuật dập nát phần mềm các cơ quan vận	P1	5,204,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
767	17.0108.0260	Tập giao tiếp (ngôn ngữ ký hiệu, hình ảnh…)	Tập giao tiếp (ngôn ngữ ký hiệu, hình ảnh…)		77,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
768	16.0280.1066	Điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng	Điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nắn	P1	3,197,900	Chưa bao gồm nẹp, vít.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
769	03.1849.1014	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	P3	455,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
770	03.0294.2046	Điện mãng châm điều trị liệt sau giai đoạn	Điện mãng châm điều trị liệt sau giai đoạn cấp	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
771	13.0117.0595	Cắt cổ tử cung trên người bệnh đã mổ cắt tử	Cắt cổ tử cung trên người bệnh đã mổ cắt tử	P1	4,541,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
772	16.0045.1012	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín	P3	631,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
773	03.0315.2046	Điện mãng châm điều trị viêm thần kinh thị	Điện mãng châm điều trị viêm thần kinh thị	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
774	03.2381.0305	Phản ứng phân hủy Mastocyte	Phản ứng phân hủy Mastocyte		307,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
775	14.0212.0864	Cấp cứu bỏng mắt ban đầu	Cấp cứu bỏng mắt ban đầu	T1	344,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
776	03.3498.0464	Dẫn lưu niệu quản ra thành bụng 1 bên/2 bên	Dẫn lưu niệu quản ra thành bụng 1 bên/2 bên	P2	2,917,900	Chưa bao gồm kẹp khóa	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
777	08.0355.0271	Thuỷ châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não	Thuỷ châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
778	10.0779.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương chày	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
779	03.1065.0191	Nội soi trực tràng - hậu môn thắt trĩ	Nội soi trực tràng - hậu môn thắt trĩ	T2	283,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
780	03.0671.0228	Cứu điều trị đau lưng thể hàn	Cứu điều trị đau lưng thể hàn	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
781	18.0103.0011	Chụp X-quang xương cánh tay thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương cánh tay thẳng nghiêng		64,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
782	18.0103.0029	Chụp X-quang xương cánh tay thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương cánh tay thẳng nghiêng		105,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
783	02.0121.0320	Sốc điện điều trị các rối loạn nhịp nhanh	Sốc điện điều trị các rối loạn nhịp nhanh	T2	365,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
784	03.0131.0158	Rửa bàng quang lấy máu cục	Rửa bàng quang lấy máu cục	T2	230,500	Chưa bao gồm hóa chất.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
785	10.0325.0421	Lấy sỏi niệu quản đơn thuần	Lấy sỏi niệu quản đơn thuần	P2	4,569,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
786	03.2121.0994	Trích rạch màng nhĩ	Trích rạch màng nhĩ	T3	69,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
787	23.0151.1563	Định lượng Testosterol [Máu]	Định lượng Testosterol [Máu]		97,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
788	18.0106.0029	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng		105,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
789	10.0776.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mâm chày	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mâm chày ngoài	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
790	03.3786.0556	Đặt vít gãy thân xương sên	Đặt vít gãy thân xương sên	P2	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
791	03.2107.0934	Thủ thuật nong vòi nhĩ	Thủ thuật nong vòi nhĩ	T1	45,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
792	18.0106.0013	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng		77,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
793	03.3820.0573	Tạo hình bằng các vạt tại chỗ đơn giản	Tạo hình bằng các vạt tại chỗ đơn giản	P1	3,720,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
794	03.0457.0227	Cấy chỉ điều trị rối loạn chức năng do chấn	Cấy chỉ điều trị rối loạn chức năng do chấn	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
795	12.0278.0655	Cắt polyp cổ tử cung	Cắt polyp cổ tử cung	P3	2,104,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
796	03.0239.1808	Trắc nghiệm tâm lý Raven	Trắc nghiệm tâm lý Raven		30,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
797	03.3835.0530	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi [bột tự cán]	T1	379,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
798	10.0488.0458	Cắt đoạn ruột non, đưa hai đầu ruột ra ngoài	Cắt đoạn ruột non, đưa hai đầu ruột ra ngoài	P1	5,100,100	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
799	08.0129.2046	Điện mãng châm điều trị hội chứng tiền đình	Điện mãng châm điều trị hội chứng tiền đình	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
800	10.0955.0577	Phẫu thuật vết thương phần mềm phức tạp	Phẫu thuật vết thương phần mềm phức tạp	P1	5,204,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
801	18.0106.0011	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng		64,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
802	03.3853.0522	Năn, bó bột gãy Pouteau-Colles	Năn, bó bột gãy Pouteau-Colles [bột tự cán]	T1	242,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
803	08.0182.0230	Điện nhĩ châm điều trị chậm phát triển trí tuệ	Điện nhĩ châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
804	13.0162.0604	Chọc dẫn lưu dịch cổ chướng trong ung thư	Chọc dẫn lưu dịch cổ chướng trong ung thư	T1	1,069,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
805	10.0733.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài	P2	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
806	03.3247.0094	Đặt dẫn lưu khí, dịch màng phổi	Đặt dẫn lưu khí, dịch màng phổi	TDB	628,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
807	08.0408.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
808	03.0661.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
809	15.0081.0918	Phẫu thuật nội soi cắt polyp mũi	Phẫu thuật nội soi cắt polyp mũi [gây mê]	P2	705,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
810	22.0120.1370	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy		43,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
811	03.3416.0493	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe gan	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe gan	P3	3,142,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
812	18.0106.0028	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
813	03.0041.0004	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	T1	252,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
814	10.0997.0527	Năn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay	Năn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay	T1	372,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
815	10.0816.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy nội khớp	Phẫu thuật kết hợp xương gãy nội khớp xương	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
816	10.0360.0425	Cắt u ống niệu rốn và một phần bàng quang	Cắt u ống niệu rốn và một phần bàng quang	P1	6,140,200	Chưa bao gồm dao siêu	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
817	14.0166.0780	Lấy dị vật giác mạc sâu	Lấy dị vật giác mạc sâu [gây tê]	T1	359,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
818	01.0302.1350	Xác định nhanh 1NR/PT/Quick % tại chỗ	Xác định nhanh 1NR/PT/Quick % tại chỗ bằng		43,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
819	03.2259.0609	Dẫn lưu cùng đồ Douglas	Dẫn lưu cùng đồ Douglas	T1	929,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
820	10.0963.0559	Phẫu thuật nối gân duỗi/kéo dài gân(1 gân)	Phẫu thuật nối gân duỗi/kéo dài gân(1 gân)	P2	3,302,900	Chưa bao gồm gân nhân	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
821	17.0033.0266	Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh	Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt	T3	51,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
822	03.1591.0739	Trích mủ mắt	Trích mủ mắt	P3	510,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
823	03.0480.0230	Điện châm điều trị stress	Điện châm điều trị stress	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
824	23.0128.1494	Định lượng Phospho (máu)	Định lượng Phospho (máu)		22,400	Mỗi chất	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
825	23.0211.1494	Định lượng Albumin [thuỷ dịch]	Định lượng Albumin [thuỷ dịch]		22,400	Mỗi chất	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
826	27.0392.1197	Nội soi khâu lỗ thủng bàng quang qua ổ bụng	Nội soi khâu lỗ thủng bàng quang qua ổ bụng	P1	1,596,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
827	08.0349.0271	Thuỷ châm điều trị rối loạn kinh nguyệt	Thuỷ châm điều trị rối loạn kinh nguyệt	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
828	13.0072.0683	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt	P2	3,217,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
829	18.0114.0028	Chụp X-quang xương cẳng chân thẳng	Chụp X-quang xương cẳng chân thẳng nghiêng		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
830	14.0194.0857	Tiêm cạnh nhãn cầu	Tiêm cạnh nhãn cầu	T2	55,000	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
831	08.0414.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
832	08.0448.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau do ung	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau do ung thư	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
833	14.0177.0765	Khâu củng mạc	Khâu củng mạc	P1	849,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
834	03.0645.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nôn, nấc	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nôn, nấc	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
835	03.3712.0556	Phẫu thuật gãy đốt bàn ngón tay kết hợp	Phẫu thuật gãy đốt bàn ngón tay kết hợp xương	P2	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
836	03.0311.0230	Điện mãng châm điều trị tổn thương dây thần	Điện mãng châm điều trị tổn thương dây thần	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
837	18.0114.0029	Chụp X-quang xương cẳng chân thẳng	Chụp X-quang xương cẳng chân thẳng nghiêng		105,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
838	03.1682.0856	Tiêm dưới kết mạc	Tiêm dưới kết mạc	T2	55,000	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
839	27.0404.1196	Phẫu thuật nội soi hạ tinh hoàn ẩn	Phẫu thuật nội soi hạ tinh hoàn ẩn	P1	2,434,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
840	12.0012.1048	Cắt các u nang giáp móng	Cắt các u nang giáp móng	P2	2,289,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
841	03.0370.0230	Điện nhĩ châm điều trị tổn thương dây thần	Điện nhĩ châm điều trị tổn thương dây thần	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
842	01.0165.0158	Rửa bàng quang lấy máu cục	Rửa bàng quang lấy máu cục	T2	230,500	Chưa bao gồm hóa chất.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
843	27.0298.0485	Phẫu thuật nội soi cắt lách	Phẫu thuật nội soi cắt lách	P1	4,897,800	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
844	03.3703.0556	Găm đinh Kirschner gãy đốt bàn nhiều đốt	Găm đinh Kirschner gãy đốt bàn nhiều đốt bàn	P2	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
845	13.0163.0602	Trích áp xe vú	Trích áp xe vú	T2	251,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
846	05.0048.0329	Điều trị dày sừng ánh nắng bằng đốt điện	Điều trị dày sừng ánh nắng bằng đốt điện	T2	399,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
847	03.0655.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm co cứng cơ	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm co cứng cơ	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
848	03.1684.0857	Tiêm hậu nhãn cầu	Tiêm hậu nhãn cầu	T2	55,000	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
849	23.0009.1493	Đo hoạt độ ALP (Alkalin Phosphatase) [Máu]	Đo hoạt độ ALP (Alkalin Phosphatase) [Máu]		22,400	Không thanh toán đối với	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
850	10.0727.0553	Phẫu thuật kết hợp xương khớp giả xương	Phẫu thuật kết hợp xương khớp giả xương cánh	PDB	5,105,100	Chưa bao gồm khung cố	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
851	08.0121.2046	Điện mãng châm phục hồi chức năng vận	Điện mãng châm phục hồi chức năng vận động	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
852	24.0308.1674	Phthirus pubis (Rận mu) nhuộm soi	Phthirus pubis (Rận mu) nhuộm soi		45,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
853	03.0609.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bại não trẻ em	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bại não trẻ em	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
854	08.0468.0228	Cứu điều trị bí đái thể hàn	Cứu điều trị bí đái thể hàn	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
855	24.0309.1674	Sarcoptes scabies hominis (Ghẻ) soi tươi	Sarcoptes scabies hominis (Ghẻ) soi tươi		45,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
856	10.0480.0465	Khâu lỗ thủng hoặc khâu vết thương ruột non	Khâu lỗ thủng hoặc khâu vết thương ruột non	P2	3,993,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
857	03.0081.0071	Bơm rửa màng phổi	Bơm rửa màng phổi	T2	248,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
858	10.1009.0519	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay [bột liền]	T2	257,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
859	15.0237.0928	Nội soi thực quản ống mềm sinh thiết u gây	Nội soi thực quản ống mềm sinh thiết u gây	T1	350,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
860	10.0312.0087	Chọc hút và bơm thuốc vào nang thận	Chọc hút và bơm thuốc vào nang thận	TDB	171,900	Chưa bao gồm thuốc cản	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
861	10.0731.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy liên lồi cầu	Phẫu thuật kết hợp xương gãy liên lồi cầu	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
862	28.0390.0573	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng đùi	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng đùi	P1	3,720,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
863	03.2118.0882	Chọc hút dịch tụ huyết vành tai	Chọc hút dịch tụ huyết vành tai	P3	64,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
864	03.3685.0571	Phẫu thuật viêm xương cánh tay: đục, mổ,	Phẫu thuật viêm xương cánh tay: đục, mổ, nạo,	P3	3,226,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
865	03.1700.0849	Soi đáy mắt bằng kính 3 mặt gương	Soi đáy mắt bằng kính 3 mặt gương	T2	60,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
866	28.0008.0575	Phẫu thuật điều trị da đầu đứt rời không sử	Phẫu thuật điều trị da đầu đứt rời không sử	PDB	3,044,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
867	14.0219.0849	Soi đáy mắt bằng kính 3 mặt gương	Soi đáy mắt bằng kính 3 mặt gương	T2	60,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
868	18.0114.0011	Chụp X-quang xương cẳng chân thẳng	Chụp X-quang xương cẳng chân thẳng nghiêng		64,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
869	03.0684.0228	Cứu điều trị ù tai thể hàn	Cứu điều trị ù tai thể hàn	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
870	12.0321.1190	Cắt u bao gân	Cắt u bao gân	P2	2,140,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
871	02.0227.0164	Rút sonde dẫn lưu bể thận qua da	Rút sonde dẫn lưu bể thận qua da		194,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
872	12.0004.0834	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính	P1	1,322,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
873	03.2543.0836	Cắt u mi cả bề dày không vá	Cắt u mi cả bề dày không vá	P1	812,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
874	13.0069.0681	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn cả	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn cả	P1	4,308,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
875	27.0396.0433	Cắt u phì đại lành tính tuyến tiền liệt qua nội	Cắt u phì đại lành tính tuyến tiền liệt qua nội soi	P1	4,302,500	Chưa bao gồm dao siêu	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
876	18.0114.0013	Chụp X-quang xương cẳng chân thẳng	Chụp X-quang xương cẳng chân thẳng nghiêng		77,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
877	08.0143.2046	Điện mãng châm điều trị đau hố mắt	Điện mãng châm điều trị đau hố mắt	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
878	03.0599.0271	Thuỷ châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật	Thuỷ châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
879	22.0288.1271	Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm	Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm		31,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
880	03.3331.0458	Cắt đoạn ruột non	Cắt đoạn ruột non	P2	5,100,100	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
881	10.0317.0436	Dẫn lưu bể thận tối thiểu	Dẫn lưu bể thận tối thiểu	P2	1,920,900	Chưa bao gồm sonde JJ.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
882	03.1059.0500	Nội soi thực quản - dạ dày, lấy dị vật	Nội soi thực quản - dạ dày, lấy dị vật	T1	1,743,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
883	03.3750.0550	Phẫu thuật trật xương bánh chè bẩm sinh	Phẫu thuật trật xương bánh chè bẩm sinh	P1	3,923,600	Chưa bao gồm đinh, nẹp,	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
884	14.0206.0730	Bơm rửa lệ đạo	Bơm rửa lệ đạo	T2	41,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
885	03.1655.0796	Rửa tiền phòng (máu, xuất tiết, mủ, hóa	Rửa tiền phòng (máu, xuất tiết, mủ, hóa chất...)	P2	830,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
886	03.0324.2046	Điện mãng châm điều trị đau ngực, sườn	Điện mãng châm điều trị đau ngực, sườn [kim	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
887	03.0648.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
888	02.0163.0203	Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau	Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau	T2	148,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
889	03.0603.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
890	03.2372.0214	Tiêm corticoide vào khớp	Tiêm corticoide vào khớp	T1	148,700	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
891	01.0201.0849	Soi đáy mắt cấp cứu	Soi đáy mắt cấp cứu	T3	60,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
892	02.0273.0191	Nội soi hậu môn ống cứng can thiệp - tiêm	Nội soi hậu môn ống cứng can thiệp - tiêm xơ	T2	283,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
893	03.1840.1018	Phục hồi cổ răng bằng Glassionomer Cement	Phục hồi cổ răng bằng Glassionomer Cement	T2	369,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
894	23.0133.1494	Định lượng Protein toàn phần [Máu]	Định lượng Protein toàn phần [Máu]		22,400	Mỗi chất	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
895	22.0285.1267	Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định	Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm		24,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
896	03.0386.0230	Điện nhĩ châm điều trị huyết áp thấp	Điện nhĩ châm điều trị huyết áp thấp	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
897	13.0074.0686	Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc	Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiểu	P1	4,721,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
898	23.0019.1493	Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]	Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]		22,400	Không thanh toán đối với	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
899	03.0082.0209	Thở máy không xâm nhập (thở CPAP, thở	Thở máy không xâm nhập (thở CPAP, thở	T1	625,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
900	28.0335.0556	Phẫu thuật gãy đốt bàn ngón tay kết hợp	Phẫu thuật gãy đốt bàn ngón tay kết hợp xương	P2	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
901	03.3872.0520	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân [bột tự cán]	T2	192,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
902	10.0561.0494	Điều trị nứt kẽ hậu môn bằng cắt cơ tròn	Điều trị nứt kẽ hậu môn bằng cắt cơ tròn trong	P2	2,816,900	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
903	03.3870.0519	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân [bột liền]	T1	257,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
904	03.3806.0572	Gỡ dính thần kinh	Gỡ dính thần kinh	P1	3,405,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
905	10.0683.0492	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát	P1	3,512,900	Chưa bao gồm tấm màng	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
906	03.2809.0093	Chọc hút tủy xương làm tủy đồ	Chọc hút tủy xương làm tủy đồ [sử dụng máy	T1	2,379,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
907	22.0136.1363	Tìm mảnh vỡ hồng cầu	Tìm mảnh vỡ hồng cầu		18,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
908	16.0204.1025	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay	T1	110,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
909	03.0570.0271	Thuỷ châm điều trị đau thần kinh liên sườn	Thuỷ châm điều trị đau thần kinh liên sườn	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
910	02.0261.0319	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm có	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm có dùng	T1	677,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
911	03.2809.0091	Chọc hút tủy xương làm tủy đồ	Chọc hút tủy xương làm tủy đồ	T1	549,900	Bao gồm cả kim chọc hút	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
912	08.0168.0230	Điện nhĩ châm điều trị thiểu năng tuần hoàn	Điện nhĩ châm điều trị thiểu năng tuần hoàn	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
913	03.0596.0271	Thuỷ châm điều trị bướu cổ đơn thuần	Thuỷ châm điều trị bướu cổ đơn thuần	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
914	10.0335.0104	Đặt ống thông JJ trong hẹp niệu quản	Đặt ống thông JJ trong hẹp niệu quản	T1	950,500	Chưa bao gồm Sonde JJ.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
915	18.0113.0013	Chụp X-quang xương bánh chè và khớp đùi	Chụp X-quang xương bánh chè và khớp đùi		77,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
916	03.0319.0230	Điện mãng châm điều trị thất ngôn	Điện mãng châm điều trị thất ngôn [kim ngắn]	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
917	10.0730.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trên lồi cầu	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trên lồi cầu	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
918	15.0303.0202	Thay băng vết mổ	Thay băng vết mổ [chiều dài từ trên 30 cm đến	T3	121,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
919	02.0253.0135	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng cấp cứu	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng cấp cứu	T1	276,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
920	03.0561.0271	Thuỷ châm điều trị hội chứng tiền đình	Thuỷ châm điều trị hội chứng tiền đình	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
921	13.0223.0700	Phẫu thuật nội soi triệt sản nữ	Phẫu thuật nội soi triệt sản nữ	P1	5,186,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
922	22.0006.1354	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa		43,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
923	03.0453.0227	Cấy chỉ điều trị đái dầm	Cấy chỉ điều trị đái dầm	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
924	16.0278.1066	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má - cung	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má - cung tiếp	P1	3,197,900	Chưa bao gồm nẹp, vít.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
925	14.0164.0732	Cắt bỏ túi lệ	Cắt bỏ túi lệ	P2	930,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
926	21.0091.0758	Đo công suất thể thuỷ tinh nhân tạo tự động	Đo công suất thể thuỷ tinh nhân tạo tự động		69,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
927	10.0409.0423	Phẫu thuật chữa xơ cứng dương vật	Phẫu thuật chữa xơ cứng dương vật (Peyronie)	P1	3,279,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
928	24.0028.1682	Mycobacterium tuberculosis định danh và	Mycobacterium tuberculosis định danh và		720,500	Đã bao gồm test xét	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
929	10.1007.0522	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay [bột tự cán]	T1	242,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
930	03.3847.0527	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay [bột liền]	T1	372,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
931	23.0007.1494	Định lượng Albumin [Máu]	Định lượng Albumin [Máu]		22,400	Mỗi chất	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
932	08.0222.0230	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn cảm giác nông	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn cảm giác nông	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
933	03.0447.0227	Cấy chỉ điều trị đau mỏi cơ	Cấy chỉ điều trị đau mỏi cơ	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
934	03.0330.2046	Điện mãng châm điều trị thoái hóa khớp	Điện mãng châm điều trị thoái hóa khớp [kim	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
935	10.0288.0583	Phẫu thuật điều trị nhiễm trùng vết mổ ngực	Phẫu thuật điều trị nhiễm trùng vết mổ ngực	P2	2,396,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
936	23.0217.1605	Định lượng Glucose [dịch chọc dò]	Định lượng Glucose [dịch chọc dò]		13,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
937	10.0494.0456	Nối tắt ruột non - đại tràng hoặc trực tràng	Nối tắt ruột non - đại tràng hoặc trực tràng	P2	4,764,100	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
938	11.0015.1158	Rạch hoại tử bỏng giải thoát chèn ép	Rạch hoại tử bỏng giải thoát chèn ép	T1	648,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
939	02.0400.0213	Tiêm hội chứng đường hầm cổ tay	Tiêm hội chứng đường hầm cổ tay	T3	104,400	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
940	03.0437.0227	Cấy chỉ điều trị đau thần kinh liên sườn	Cấy chỉ điều trị đau thần kinh liên sườn	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
941	08.0229.0227	Cấy chỉ điều trị tâm căn suy nhược	Cấy chỉ điều trị tâm căn suy nhược	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
942	10.0524.0491	Làm hậu môn nhân tạo	Làm hậu môn nhân tạo	P2	2,683,900	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
943	03.0649.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau mỏi cơ	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau mỏi cơ	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
944	23.0045.1481	Định lượng C-Peptid [Máu]	Định lượng C-Peptid [Máu]		178,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
945	18.0113.0028	Chụp X-quang xương bánh chè và khớp đùi	Chụp X-quang xương bánh chè và khớp đùi		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
946	03.0631.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mi	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mi	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
947	03.0392.0230	Điện nhĩ châm điều trị nôn, nấc	Điện nhĩ châm điều trị nôn, nấc	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
948	10.0832.0344	Phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay	Phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay	P1	2,698,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
949	10.0478.0455	Cắt màng ngăn tá tràng	Cắt màng ngăn tá tràng	P1	2,705,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
950	03.0482.0230	Điện châm điều trị tổn thương gây liệt rễ,	Điện châm điều trị tổn thương gây liệt rễ, đám	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
951	12.0267.0653	Cắt u vú lành tính	Cắt u vú lành tính	P2	3,135,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
952	12.0011.1190	Cắt các u lành tuyến giáp	Cắt các u lành tuyến giáp	P2	2,140,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
953	15.0157.0929	Phẫu thuật nội soi nạo VA bằng dụng cụ cắt	Phẫu thuật nội soi nạo VA bằng dụng cụ cắt hút	P2	1,658,900	Đã bao gồm cả dao	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
954	03.2264.0669	Làm lại thành âm đạo, tầng sinh môn	Làm lại thành âm đạo, tầng sinh môn	P2	3,116,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
955	15.0217.0892	Áp lạnh Amidan (Nitơ, CO2 lỏng)	Áp lạnh Amidan (Nitơ, CO2 lỏng)	T2	225,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
956	08.0344.0271	Thuỷ châm điều trị phục hồi chức năng vận	Thuỷ châm điều trị phục hồi chức năng vận	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
957	02.0271.0140	Nội soi can thiệp - tiêm cầm máu	Nội soi can thiệp - tiêm cầm máu	T1	798,300	Chưa bao gồm thuốc cầm	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
958	12.0280.0683	Cắt u nang buồng trứng xoắn	Cắt u nang buồng trứng xoắn	P2	3,217,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
959	08.0420.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
960	17.0152.0241	Kỹ thuật sử dụng nẹp cố bàn chân AFO	Kỹ thuật sử dụng nẹp cố bàn chân AFO		59,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
961	24.0160.1655	HDV Ag miễn dịch bán tự động	HDV Ag miễn dịch bán tự động		441,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
962	27.0389.1196	Nội soi xẻ cổ bàng quang điều trị xơ cứng cổ	Nội soi xẻ cổ bàng quang điều trị xơ cứng cổ	P1	2,434,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
963	03.0311.2046	Điện mãng châm điều trị tổn thương dây thần	Điện mãng châm điều trị tổn thương dây thần	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
964	24.0315.1674	Toxocara (Giun đũa chó, mèo) soi mảnh sinh	Toxocara (Giun đũa chó, mèo) soi mảnh sinh		45,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
965	17.0104.0263	Tập nuốt	Tập nuốt	T3	173,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
966	10.0701.0491	Mở bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu	Mở bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu	P1	2,683,900	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
967	03.0315.0230	Điện mãng châm điều trị viêm thần kinh thị	Điện mãng châm điều trị viêm thần kinh thị	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
968	03.0617.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt các dây thần	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt các dây thần	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
969	03.0675.0228	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
970	03.1658.0779	Lấy dị vật giác mạc	Lấy dị vật giác mạc [giác mạc sâu, một mắt,	T1	946,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
971	03.4021.0473	Phẫu thuật nội soi cắt túi mật	Phẫu thuật nội soi cắt túi mật	P2	3,431,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
972	24.0257.1699	Rubella virus IgG miễn dịch bán tự động	Rubella virus IgG miễn dịch bán tự động		130,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
973	03.3369.0494	Cắt bỏ trĩ vòng	Cắt bỏ trĩ vòng	P1	2,816,900	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
974	08.0410.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng stress	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng stress	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
975	08.0252.0227	Cấy chỉ điều trị thất vận ngôn	Cấy chỉ điều trị thất vận ngôn	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
976	03.0318.2046	Điện mãng châm điều trị giảm thính lực	Điện mãng châm điều trị giảm thính lực [kim	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
977	11.0034.1120	Ghép da tự thân mảnh lớn dưới 3% diện tích	Ghép da tự thân mảnh lớn dưới 3% diện tích cơ	P2	3,065,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
978	10.0511.0491	Dẫn lưu hoặc mở thông manh tràng	Dẫn lưu hoặc mở thông manh tràng	P2	2,683,900	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
979	03.0488.0230	Điện châm điều trị viêm kết mạc	Điện châm điều trị viêm kết mạc	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
980	03.2383.0315	Test nội bì	Test nội bì	T1	406,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
981	03.3646.0556	Cố định nẹp vít gãy trật khớp vai	Cố định nẹp vít gãy trật khớp vai	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
982	08.0241.0227	Cấy chỉ điều trị hội chứng thắt lưng hông	Cấy chỉ điều trị hội chứng thắt lưng hông	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
983	03.2998.0323	Đắp mặt nạ điều trị bệnh da	Đắp mặt nạ điều trị bệnh da	T1	231,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
984	10.0498.0489	Cắt u mạc treo ruột	Cắt u mạc treo ruột	P1	5,141,100	Chưa bao gồm khóa kẹp	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
985	17.0072.0268	Tập với bàn nghiêng	Tập với bàn nghiêng		33,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
986	03.1957.1033	Điều trị viêm loét niêm mạc miệng trẻ em	Điều trị viêm loét niêm mạc miệng trẻ em	T3	36,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
987	08.0288.0230	Điện châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở	Điện châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
988	01.0223.0211	Đặt ống thông hậu môn	Đặt ống thông hậu môn	T3	92,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
989	17.0006.0231	Điều trị bằng điện phân dẫn thuốc	Điều trị bằng điện phân dẫn thuốc	T3	48,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
990	03.0337.2046	Điện mãng châm điều trị cơn đau quặn thận	Điện mãng châm điều trị cơn đau quặn thận	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
991	03.0688.0228	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
992	03.0168.0159	Rửa dạ dày cấp cứu	Rửa dạ dày cấp cứu	T2	152,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
993	03.0238.1809	Trắc nghiệm tâm lý Zung	Trắc nghiệm tâm lý Zung		25,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
994	03.3710.0571	Phẫu thuật cắt bỏ ngón tay thừa	Phẫu thuật cắt bỏ ngón tay thừa	P3	3,226,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
995	15.0137.0931	Nội soi sinh thiết u vòm	Nội soi sinh thiết u vòm [gây mê]	T1	1,601,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
996	10.0952.0571	Phẫu thuật sửa mỏm cụt chi	Phẫu thuật sửa mỏm cụt chi	P2	3,226,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
997	03.0308.2046	Điện mãng châm điều trị đau nửa đầu	Điện mãng châm điều trị đau nửa đầu [kim dài]	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
998	18.0113.0011	Chụp X-quang xương bánh chè và khớp đùi	Chụp X-quang xương bánh chè và khớp đùi		64,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
999	25.0030.1751	Xét nghiệm mô bệnh học thường quy cố	Xét nghiệm mô bệnh học thường quy cố định,	T3	388,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1000	03.3830.0529	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi, vỡ ổ cối và	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi, vỡ ổ cối và trật	T1	659,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1001	03.0601.0271	Thuỷ châm điều trị đau răng	Thuỷ châm điều trị đau răng	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1002	10.0721.0556	Phẫu thuật kết hợp xương khớp giả xương	Phẫu thuật kết hợp xương khớp giả xương đòn	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1003	16.0287.1068	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng buộc nút	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng buộc nút Ivy	P1	2,897,900	Chưa bao gồm nẹp, vít.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1004	18.0113.0029	Chụp X-quang xương bánh chè và khớp đùi	Chụp X-quang xương bánh chè và khớp đùi		105,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1005	03.2372.0213	Tiêm corticoide vào khớp	Tiêm corticoide vào khớp	T1	104,400	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1006	02.0362.0113	Hút nang bao hoạt dịch dưới hướng dẫn của	Hút nang bao hoạt dịch dưới hướng dẫn của	T2	144,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1007	03.3686.0571	Phẫu thuật gãy mỏm trên ròng rọc xương	Phẫu thuật gãy mỏm trên ròng rọc xương cánh	P2	3,226,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1008	03.3852.0521	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay [bột liền]	T1	372,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1009	15.0054.0903	Lấy dị vật tai	Lấy dị vật tai [kính hiển vi, gây tê]	T2	170,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1010	08.0401.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khứu giác	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khứu giác	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1011	08.0374.0271	Thuỷ châm điều trị táo bón kéo dài	Thuỷ châm điều trị táo bón kéo dài	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
1012	18.0116.0013	Chụp X-quang xương bàn, ngón chân thẳng,	Chụp X-quang xương bàn, ngón chân thẳng,		77,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1013	07.0225.0202	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	T3	121,400	Chưa bao gồm gạc	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1014	03.2512.1049	Cắt u cơ vùng hàm mặt	Cắt u cơ vùng hàm mặt	P1	2,928,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1015	28.0138.0583	Phẫu thuật ghép mảnh nhỏ vành tai đứt rời	Phẫu thuật ghép mảnh nhỏ vành tai đứt rời	P2	2,396,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1016	28.0155.1136	Phẫu thuật tạo hình dị dạng dái tai bằng vạt	Phẫu thuật tạo hình dị dạng dái tai bằng vạt tại	P2	5,363,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1017	03.2175.0996	Trích áp xe thành sau họng	Trích áp xe thành sau họng	P2	771,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1018	03.1066.0136	Nội soi đại, trực tràng có thể sinh thiết	Nội soi đại, trực tràng có thể sinh thiết	T1	468,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1019	08.0342.0271	Thuỷ châm điều trị liệt do tổn thương đám	Thuỷ châm điều trị liệt do tổn thương đám rối	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1020	17.0039.0267	Tập đứng thăng bằng tĩnh và động	Tập đứng thăng bằng tĩnh và động	T3	59,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1021	11.0067.1111	Cắt hoại tử toàn lớp - khâu kín dưới 1% diện	Cắt hoại tử toàn lớp - khâu kín dưới 1% diện	P2	3,570,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1022	13.0172.0653	Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú	Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú	P2	3,135,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1023	12.0191.0407	Cắt u máu, u bạch huyết thành ngực đường	Cắt u máu, u bạch huyết thành ngực đường	P1	3,311,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1024	22.0005.1354	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa		43,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1025	03.0361.0230	Điện nhĩ châm điều trị khàn tiếng	Điện nhĩ châm điều trị khàn tiếng	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1026	24.0154.1721	HCV genotype giải trình tự gene	HCV genotype giải trình tự gene		2,661,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1027	10.0948.0548	Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cổ xương	Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cổ xương cánh	P2	4,324,900	Chưa bao gồm kim hoặc	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1028	07.0225.0201	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	T3	89,500	Chưa bao gồm gạc	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1029	16.0223.1035	Trám bít hố rãnh với Composite hóa trùng	Trám bít hố rãnh với Composite hóa trùng hợp	T1	245,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1030	10.0875.0559	Phẫu thuật tổn thương gân chày trước	Phẫu thuật tổn thương gân chày trước	P2	3,302,900	Chưa bao gồm gân nhân	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1031	12.0289.0654	Phẫu thuật cắt polyp buồng tử cung	Phẫu thuật cắt polyp buồng tử cung	P2	4,110,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1032	18.0116.0011	Chụp X-quang xương bàn, ngón chân thẳng,	Chụp X-quang xương bàn, ngón chân thẳng,		64,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1033	13.0065.0687	Phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung	Phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung	P1	6,548,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1034	28.0108.0575	Phẫu thuật giải phóng sẹo chít hẹp lỗ mũi	Phẫu thuật giải phóng sẹo chít hẹp lỗ mũi	P2	3,044,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1035	18.0116.0029	Chụp X-quang xương bàn, ngón chân thẳng,	Chụp X-quang xương bàn, ngón chân thẳng,		105,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1036	03.1000.0923	Nội soi mũi họng cắt đốt bằng điện cao tần	Nội soi mũi họng cắt đốt bằng điện cao tần [gây		705,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1037	01.0247.0118	Hạ thân nhiệt chỉ huy	Hạ thân nhiệt chỉ huy	T1	2,310,600	Chưa bao gồm: bộ bẫy khí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1038	24.0147.1622	HCV Ag/Ab miễn dịch bán tự động	HCV Ag/Ab miễn dịch bán tự động		130,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1039	21.0085.0753	Đo khúc xạ giác mạc Javal	Đo khúc xạ giác mạc Javal		41,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1040	03.0504.0230	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1041	08.0306.0230	Điện châm điều trị lác cơ năng	Điện châm điều trị lác cơ năng	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1042	18.0116.0028	Chụp X-quang xương bàn, ngón chân thẳng,	Chụp X-quang xương bàn, ngón chân thẳng,		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1043	08.0179.0230	Điện nhĩ châm phục hồi chức năng cho trẻ	Điện nhĩ châm phục hồi chức năng cho trẻ bại	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1044	24.0006.1723	Vi khuẩn kháng thuốc định tính	Vi khuẩn kháng thuốc định tính		213,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1045	01.0164.0210	Thông bàng quang	Thông bàng quang	T3	101,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1046	03.0334.0230	Điện mãng châm điều trị hội chứng vai gáy	Điện mãng châm điều trị hội chứng vai gáy	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1047	18.0108.0013	Chụp X-quang xương bàn ngón tay thẳng,	Chụp X-quang xương bàn ngón tay thẳng,		77,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1048	21.0119.1801	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống		166,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1049	18.0108.0010	Chụp X-quang xương bàn ngón tay thẳng,	Chụp X-quang xương bàn ngón tay thẳng,		58,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1050	08.0320.0230	Điện châm điều trị liệt do viêm đa rễ, đa dây	Điện châm điều trị liệt do viêm đa rễ, đa dây	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1051	24.0016.1712	Vi hệ đường ruột	Vi hệ đường ruột		32,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1052	13.0123.0654	Phẫu thuật cắt polyp buồng tử cung (đường	Phẫu thuật cắt polyp buồng tử cung (đường	P1	4,110,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1053	03.2379.0313	Test lẩy da với các dị nguyên	Test lẩy da với các dị nguyên	T3	394,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1054	10.0408.0584	Phẫu thuật tràn dịch màng tinh hoàn	Phẫu thuật tràn dịch màng tinh hoàn	P3	1,509,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1055	01.0238.0299	Đo áp lực ổ bụng	Đo áp lực ổ bụng	T2	532,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1056	08.0120.2046	Điện mãng châm điều trị trĩ	Điện mãng châm điều trị trĩ [kim dài]	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1057	27.0299.0485	Phẫu thuật nội soi cắt lách bán phần	Phẫu thuật nội soi cắt lách bán phần	P1	4,897,800	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1058	10.0556.0494	Phẫu thuật điều trị áp xe hậu môn phức tạp	Phẫu thuật điều trị áp xe hậu môn phức tạp	P1	2,816,900	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1059	08.0022.0252	Sắc thuốc thang	Sắc thuốc thang		14,000	Đã bao gồm chi phí đóng	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1060	14.0188.0790	Phẫu thuật quặm tái phát	Phẫu thuật quặm tái phát [2 mi - gây mê]	P2	1,572,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1061	03.0299.2046	Điện mãng châm điều trị bệnh lý các dây	Điện mãng châm điều trị bệnh lý các dây thần	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1062	03.3841.0527	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay	T1	372,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1063	10.0997.0528	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay	T1	300,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1064	10.0151.1045	Phẫu thuật u thần kinh trên da	Phẫu thuật u thần kinh trên da [đường kính từ 5	P1	1,208,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
1065	10.0699.0583	Khâu vết thương thành bụng	Khâu vết thương thành bụng	P2	2,396,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1066	10.0759.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bán phần	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bán phần chỏm	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1067	18.0108.0029	Chụp X-quang xương bàn ngón tay thẳng,	Chụp X-quang xương bàn ngón tay thẳng,		105,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1068	03.2241.0871	Cắt Amidan bằng máy	Cắt Amidan bằng máy [Coblator]	P1	2,487,100	Bao gồm cả Coblator.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1069	03.3836.0524	Nắn, bó bột trật khớp háng bẩm sinh	Nắn, bó bột trật khớp háng bẩm sinh [bột tự	T1	370,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1070	03.3869.0522	Nắn, bó bột gãy Monteggia	Nắn, bó bột gãy Monteggia [bột tự cán]	T1	242,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1071	08.0144.2046	Điện mãng châm điều trị viêm kết mạc	Điện mãng châm điều trị viêm kết mạc [kim dài]	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1072	24.0187.1637	Dengue virus IgM/IgG test nhanh	Dengue virus IgM/IgG test nhanh		142,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1073	03.0413.0227	Cấy chỉ điều trị bệnh tự kỷ	Cấy chỉ điều trị bệnh tự kỷ	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1074	03.3871.0532	Nắn, bó bột gãy xương gót	Nắn, bó bột gãy xương gót	T1	167,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1075	03.0554.0271	Thuỷ châm điều trị tổn thương dây thần kinh	Thuỷ châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1076	02.0305.0135	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng không	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng không sinh	T2	276,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1077	03.0318.0230	Điện mãng châm điều trị giảm thính lực	Điện mãng châm điều trị giảm thính lực [kim	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1078	03.3377.0494	Phẫu thuật rò hậu môn thể đơn giản	Phẫu thuật rò hậu môn thể đơn giản	P2	2,816,900	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1079	03.1940.1035	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng	T1	245,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1080	18.0108.0028	Chụp X-quang xương bàn ngón tay thẳng,	Chụp X-quang xương bàn ngón tay thẳng,		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1081	12.0319.1190	Cắt u lành phần mềm đường kính trên 10 cm	Cắt u lành phần mềm đường kính trên 10 cm	P1	2,140,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1082	08.0436.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn kinh	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn kinh nguyệt	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1083	18.0102.0010	Chụp X-quang xương bả vai thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương bả vai thẳng nghiêng [≤		58,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1084	15.0131.0923	Nội soi đốt điện cuốn mũi dưới	Nội soi đốt điện cuốn mũi dưới [gây mê]	T1	705,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1085	08.0296.0230	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1086	14.0203.0075	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản	T3	40,300	Chỉ áp dụng với người	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1087	03.3492.0421	Lấy sỏi niệu quản	Lấy sỏi niệu quản	P1	4,569,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1088	28.0133.0587	Phẫu thuật tạo hình sẹo dính mép	Phẫu thuật tạo hình sẹo dính mép	P2	439,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1089	18.0102.0028	Chụp X-quang xương bả vai thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương bả vai thẳng nghiêng [số		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1090	03.0430.0227	Cấy chỉ điều trị rối loạn tiền đình	Cấy chỉ điều trị rối loạn tiền đình	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1091	03.0298.0230	Điện mãng châm điều trị liệt do bệnh của cơ	Điện mãng châm điều trị liệt do bệnh của cơ	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1092	17.0048.0268	Tập đi trên các địa hình khác nhau (dốc, sỏi,	Tập đi trên các địa hình khác nhau (dốc, sỏi, gồ	T3	33,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1093	10.0496.0489	Cắt mạc nối lớn	Cắt mạc nối lớn	P2	5,141,100	Chưa bao gồm khóa kẹp	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1094	08.0350.0271	Thuỷ châm điều trị đái dầm	Thuỷ châm điều trị đái dầm	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1095	03.3346.0663	Xử trí vết thương tầng sinh môn phức tạp	Xử trí vết thương tầng sinh môn phức tạp	P1	4,142,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1096	17.0065.0269	Tập với ròng rọc	Tập với ròng rọc		14,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1097	14.0186.0774	Cắt thị thần kinh	Cắt thị thần kinh	P2	830,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1098	15.0240.0904	Nội soi thanh quản ống cứng lấy dị vật gây	Nội soi thanh quản ống cứng lấy dị vật gây	TDB	754,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1099	03.2245.0216	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ [tổn	T1	194,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1100	10.0876.0559	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi dài ngón I	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi dài ngón I	P2	3,302,900	Chưa bao gồm gân nhân	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1101	08.0326.0271	Thuỷ châm điều trị nấc	Thuỷ châm điều trị nấc	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1102	03.3959.0918	Phẫu thuật nội soi mở sàng - hàm, cắt polyp	Phẫu thuật nội soi mở sàng - hàm, cắt polyp mũi	P2	705,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1103	03.0279.0246	Nắn, bó gãy xương cẳng chân bằng phương	Nắn, bó gãy xương cẳng chân bằng phương	T2	119,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1104	18.0102.0013	Chụp X-quang xương bả vai thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương bả vai thẳng nghiêng [>		77,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1105	03.0622.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1106	03.0143.0004	Siêu âm doppler xuyên sọ	Siêu âm doppler xuyên sọ	T2	252,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1107	03.1953.1035	Trám bít hố rãnh bằng Glassionomer Cement	Trám bít hố rãnh bằng Glassionomer Cement	T1	245,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1108	08.0442.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đái cơ năng	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đái cơ năng	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1109	03.1848.1015	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	T1	991,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1110	22.0307.1306	Nghiệm pháp Coombs gián tiếp (kỹ thuật	Nghiệm pháp Coombs gián tiếp (kỹ thuật		87,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1111	06.0073.1589	Test nhanh phát hiện chất opiat trong nước	Test nhanh phát hiện chất opiat trong nước tiểu		44,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1112	18.0102.0029	Chụp X-quang xương bả vai thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương bả vai thẳng nghiêng [số		105,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1113	02.0096.1798	Holter huyết áp	Holter huyết áp		215,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1114	03.0679.0228	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1115	18.0126.0026	Chụp X-quang tuyến vú	Chụp X-quang tuyến vú		102,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1116	27.0386.0426	Cắt u bàng quang tái phát qua nội soi	Cắt u bàng quang tái phát qua nội soi	P1	5,030,900	Chưa bao gồm dao siêu	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1117	03.0152.0849	Soi đáy mắt cấp cứu	Soi đáy mắt cấp cứu	T3	60,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
1118	10.0984.0563	Phẫu thuật rút nẹp, dụng cụ kết hợp xương	Phẫu thuật rút nẹp, dụng cụ kết hợp xương	P2	1,857,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1119	03.2148.0912	Nắn sống mũi sau chấn thương	Nắn sống mũi sau chấn thương	P3	2,804,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1120	13.0092.0683	Phẫu thuật chửa ngoài tử cung không có	Phẫu thuật chửa ngoài tử cung không có choáng	P2	3,217,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1121	18.0138.0031	Chụp X-quang tử cung vòi trứng	Chụp X-quang tử cung vòi trứng [số hóa]	T2	451,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1122	18.0138.0023	Chụp X-quang tử cung vòi trứng	Chụp X-quang tử cung vòi trứng [bao gồm cả	T2	411,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1123	03.0692.0228	Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn	Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1124	08.0023.0249	Ngâm thuốc YHCT toàn thân	Ngâm thuốc YHCT toàn thân	T3	54,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1125	16.0333.1070	Phẫu thuật rạch dẫn lưu viêm tấy lan toả	Phẫu thuật rạch dẫn lưu viêm tấy lan toả vùng	P1	2,497,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1126	03.0638.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1127	05.0006.0329	Điều trị u ống tuyến mồ hôi bằng laser CO2	Điều trị u ống tuyến mồ hôi bằng laser CO2	T2	399,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1128	03.0605.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1129	16.0230.1010	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục	T1	380,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1130	10.0376.0432	Bóc u tiền liệt tuyến qua đường bàng quang	Bóc u tiền liệt tuyến qua đường bàng quang	P1	5,530,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1131	27.0327.0419	Phẫu thuật nội soi cắt u sau phúc mạc	Phẫu thuật nội soi cắt u sau phúc mạc	P1	4,781,900	Chưa bao gồm dao siêu	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1132	15.0045.0910	Phẫu thuật cắt bỏ u nang vành tai, u bã đậu	Phẫu thuật cắt bỏ u nang vành tai, u bã đậu dái	P3	874,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1133	10.0906.0548	Phẫu thuật kết hợp xương bằng K.Wire điều	Phẫu thuật kết hợp xương bằng K.Wire điều trị	P2	4,324,900	Chưa bao gồm kim hoặc	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1134	03.0301.0230	Điện mãng châm điều trị đau thần kinh toạ	Điện mãng châm điều trị đau thần kinh toạ	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1135	14.0183.0796	Bơm hơi /khí tiền phòng	Bơm hơi /khí tiền phòng	P2	830,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1136	01.0281.1510	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường		16,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1137	10.0999.0528	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay	T1	300,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1138	03.0621.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1139	16.0056.1032	Chụp tủy bằng MTA	Chụp tủy bằng MTA	T2	308,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1140	18.0118.0030	Chụp X-quang toàn bộ chi dưới thẳng	Chụp X-quang toàn bộ chi dưới thẳng [số hóa 3		130,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1141	05.0013.0326	Điều trị hạt cơm bằng Plasma	Điều trị hạt cơm bằng Plasma	T3	425,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1142	03.0556.0271	Thuỷ châm điều trị sụp mi	Thuỷ châm điều trị sụp mi	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1143	18.0118.0013	Chụp X-quang toàn bộ chi dưới thẳng	Chụp X-quang toàn bộ chi dưới thẳng [> 24x30		77,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1144	13.0042.0058	Nút mạch cầm máu trong sản khoa	Nút mạch cầm máu trong sản khoa	TDB	9,418,100		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1145	03.1041.0502	Nội soi mở thông dạ dày	Nội soi mở thông dạ dày	T1	2,745,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1146	24.0174.1661	HIV Ag/Ab miễn dịch tự động	HIV Ag/Ab miễn dịch tự động		142,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1147	02.0306.0137	Nội soi đại tràng sigma không sinh thiết	Nội soi đại tràng sigma không sinh thiết	T2	352,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1148	08.0249.0227	Cấy chỉ điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại	Cấy chỉ điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1149	15.0104.0942	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi giữa	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi giữa	P2	4,211,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1150	23.0187.1593	Định lượng Glucose (niệu)	Định lượng Glucose (niệu)		14,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1151	03.0438.0227	Cấy chỉ điều trị đau ngực, sườn	Cấy chỉ điều trị đau ngực, sườn	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1152	03.1691.0759	Đốt lông xiêu	Đốt lông xiêu	T2	53,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1153	03.3595.0662	Tách màng ngăn âm hộ	Tách màng ngăn âm hộ	P3	2,932,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1154	08.0332.0271	Thuỷ châm điều trị sa dạ dày	Thuỷ châm điều trị sa dạ dày	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1155	10.0686.0492	Phẫu thuật điều trị thoát vị vết mổ thành bụng	Phẫu thuật điều trị thoát vị vết mổ thành bụng	P1	3,512,900	Chưa bao gồm tấm màng	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1156	23.0219.1494	Định lượng Protein [dịch chọc dò]	Định lượng Protein [dịch chọc dò]		22,400	Mỗi chất	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1157	03.0346.0230	Điện mãng châm điều trị rối loạn thần kinh	Điện mãng châm điều trị rối loạn thần kinh	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1158	12.0107.0737	Cắt u kết mạc không vá	Cắt u kết mạc không vá	P1	768,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1159	18.0130.0035	Chụp X-quang thực quản dạ dày	Chụp X-quang thực quản dạ dày [có thuốc cản		264,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1160	03.0460.0227	Cấy chỉ điều trị giảm đau do ung thư	Cấy chỉ điều trị giảm đau do ung thư	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1161	22.0280.1269	Định nhóm máu hệ ABO (kỹ thuật phiến đá)	Định nhóm máu hệ ABO (kỹ thuật phiến đá)		42,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1162	17.0068.0268	Tập thăng bằng với bàn bập bênh	Tập thăng bằng với bàn bập bênh	T3	33,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1163	03.0339.0230	Điện mãng châm điều trị rối loạn đại, tiểu	Điện mãng châm điều trị rối loạn đại, tiểu tiện	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1164	16.0233.1050	Điều trị đóng cuống răng bằng Canxi	Điều trị đóng cuống răng bằng Canxi Hydroxit	P3	493,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1165	03.1664.0772	Khâu phục hồi bờ mi	Khâu phục hồi bờ mi	P2	813,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1166	21.0079.0801	Nghiệm pháp phát hiện glocom	Nghiệm pháp phát hiện glocom	T3	130,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1167	28.0395.0573	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng khoeo	P1	3,720,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1168	08.0411.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thiểu năng tuần	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thiểu năng tuần	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1169	03.3798.0571	Tháo đốt bàn	Tháo đốt bàn	P2	3,226,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1170	08.0461.0228	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
1171	12.0064.1046	Cắt nang vùng sàn miệng	Cắt nang vùng sàn miệng	P1	3,078,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1172	03.2119.0505	Trích nhọt ống tai ngoài	Trích nhọt ống tai ngoài	P2	218,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1173	23.0134.1550	Định lượng Progesteron [Máu]	Định lượng Progesteron [Máu]		84,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1174	10.0386.0435	Cắt bỏ tinh hoàn lạc chỗ	Cắt bỏ tinh hoàn lạc chỗ	P2	2,490,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1175	15.0052.0993	Bơm hơi vòi nhĩ	Bơm hơi vòi nhĩ	T2	126,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1176	08.0381.0271	Thuỷ châm điều trị viêm thần kinh thị giác	Thuỷ châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1177	17.0066.0268	Tập với dụng cụ quay khớp vai	Tập với dụng cụ quay khớp vai		33,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1178	18.0130.0017	Chụp X-quang thực quản dạ dày	Chụp X-quang thực quản dạ dày [có thuốc cản		124,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1179	08.0341.0271	Thuỷ châm điều trị bệnh tự kỷ ở trẻ em	Thuỷ châm điều trị bệnh tự kỷ ở trẻ em	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1180	13.0070.0681	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung bán phần	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung bán phần	P1	4,308,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1181	03.0101.0206	Thay canuyn mở khí quản	Thay canuyn mở khí quản	T2	263,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1182	24.0276.1717	Cysticercus cellulosae (Sán lợn) Ab miễn	Cysticercus cellulosae (Sán lợn) Ab miễn dịch		321,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1183	18.0124.0034	Chụp X-quang thực quản cổ nghiêng	Chụp X-quang thực quản cổ nghiêng [có thuốc		264,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1184	10.0357.0436	Dẫn lưu áp xe khoang Retzius	Dẫn lưu áp xe khoang Retzius	P2	1,920,900	Chưa bao gồm sonde JJ.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1185	03.3667.0551	Phẫu thuật dính khớp khuỷu	Phẫu thuật dính khớp khuỷu	P2	3,011,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1186	03.3843.0527	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay	T1	372,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1187	10.0621.0472	Cắt túi mật	Cắt túi mật	P1	4,993,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1188	03.3856.0514	Nắn, bó bột trong bong sụn tiếp khớp gối,	Nắn, bó bột trong bong sụn tiếp khớp gối, khớp	T1	182,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1189	17.0056.0267	Tập vận động có kháng trở	Tập vận động có kháng trở	T3	59,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1190	03.0520.0230	Điện châm điều trị tăng huyết áp	Điện châm điều trị tăng huyết áp	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1191	10.1012.0526	Nắn, bó bột gãy mâm chày	Nắn, bó bột gãy mâm chày [bột tự cán]	T2	300,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1192	24.0161.1657	HDV IgM miễn dịch bán tự động	HDV IgM miễn dịch bán tự động		341,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1193	28.0066.0575	Phẫu thuật ghép da tự thân vùng mi mắt	Phẫu thuật ghép da tự thân vùng mi mắt	P2	3,044,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1194	13.0017.0652	Phẫu thuật cắt lọc vết mổ, khâu lại tử cung	Phẫu thuật cắt lọc vết mổ, khâu lại tử cung sau	P1	4,849,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1195	03.3826.0075	Thay băng, cắt chỉ vết mổ	Thay băng, cắt chỉ vết mổ	T3	40,300	Chỉ áp dụng với người	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1196	10.0320.0423	Tạo hình khúc nối bể thận - niệu quản	Tạo hình khúc nối bể thận - niệu quản (Phương	P1	3,279,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1197	12.0091.0909	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính	P2	1,385,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1198	15.0223.0879	Chích áp xe thành sau họng gây tê/gây mê	Chích áp xe thành sau họng gây tê/gây mê	T1	295,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1199	24.0307.1674	Phthirus pubis (Rận mu) soi tươi	Phthirus pubis (Rận mu) soi tươi		45,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1200	18.0124.0016	Chụp X-quang thực quản cổ nghiêng	Chụp X-quang thực quản cổ nghiêng [có thuốc		109,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1201	03.0548.0271	Thuỷ châm điều trị động kinh	Thuỷ châm điều trị động kinh	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1202	23.0036.1474	Định lượng Calcitonin [Máu]	Định lượng Calcitonin [Máu]		139,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1203	08.0409.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1204	03.1848.1014	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	T1	455,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1205	22.0286.1268	Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định	Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm		22,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1206	03.0436.0227	Cấy chỉ điều trị huyết áp thấp	Cấy chỉ điều trị huyết áp thấp	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1207	18.0128.0028	Chụp X-quang tại phòng mổ	Chụp X-quang tại phòng mổ	T3	73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1208	03.0516.0230	Điện châm điều trị đau răng	Điện châm điều trị đau răng	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1209	03.0567.0271	Thuỷ châm điều trị tăng huyết áp	Thuỷ châm điều trị tăng huyết áp	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1210	03.0495.0230	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1211	03.0573.0271	Thuỷ châm điều trị sa dạ dày	Thuỷ châm điều trị sa dạ dày	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1212	24.0172.1617	HIV Ab miễn dịch tự động	HIV Ab miễn dịch tự động		116,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1213	16.0055.1015	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	P3	991,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1214	08.0474.0228	Cứu điều trị giảm khứu giác thể hàn	Cứu điều trị giảm khứu giác thể hàn	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1215	03.0633.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác	Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1216	08.0015.0252	Sắc thuốc thang và đóng gói thuốc bằng máy	Sắc thuốc thang và đóng gói thuốc bằng máy		14,000	Đã bao gồm chi phí đóng	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1217	03.3763.0559	Phẫu thuật co gân Achille	Phẫu thuật co gân Achille	PDB	3,302,900	Chưa bao gồm gân nhân	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1218	08.0007.0227	Cấy chỉ	Cấy chỉ	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1219	03.0090.0898	Khí dung thuốc thở máy	Khí dung thuốc thở máy	T2	27,500	Chưa bao gồm thuốc khí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1220	03.1074.0104	Nội soi đặt ống thông niệu quản (sonde JJ)	Nội soi đặt ống thông niệu quản (sonde JJ)	TDB	950,500	Chưa bao gồm Sonde JJ.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1221	18.0127.0028	Chụp X-quang tại giường	Chụp X-quang tại giường	T3	73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1222	11.0120.0244	Điều trị vết thương chậm liền bằng laser he-	Điều trị vết thương chậm liền bằng laser he-ne	T3	36,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1223	03.3444.0464	Dẫn lưu nang ống mật chủ	Dẫn lưu nang ống mật chủ	P3	2,917,900	Chưa bao gồm kẹp khóa	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
1224	03.0300.0230	Điện mãng châm điều trị teo cơ	Điện mãng châm điều trị teo cơ [kim ngắn]	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1225	15.0285.0357	Phẫu thuật cắt tuyến giáp toàn phần	Phẫu thuật cắt tuyến giáp toàn phần	P1	4,561,600	Chưa bao gồm dao hàn	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1226	03.0070.0001	Siêu âm màng phổi	Siêu âm màng phổi	T1	58,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1227	02.0002.0071	Bơm rửa khoang màng phổi	Bơm rửa khoang màng phổi	T2	248,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1228	02.0213.0148	Nội soi niệu quản chẩn đoán	Nội soi niệu quản chẩn đoán	T1	975,300	Chưa bao gồm sonde JJ.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1229	21.0076.0752	Đo độ lồi mắt bằng thước đo Hertel	Đo độ lồi mắt bằng thước đo Hertel		68,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1230	10.1026.0525	Nắn, bó bột gãy Dupuptren	Nắn, bó bột gãy Dupuptren [bột liền]	T1	372,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1231	13.0082.0689	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng kèm	P1	5,503,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1232	18.0079.0028	Chụp X-quang Stenvers	Chụp X-quang Stenvers [số hóa 1 phim]		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1233	10.0916.0543	Phẫu thuật trật khớp háng sau chấn thương	Phẫu thuật trật khớp háng sau chấn thương	P1	3,602,500	Chưa bao gồm đinh, nẹp,	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1234	03.0653.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nôn, nấc	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nôn, nấc	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1235	18.0079.0010	Chụp X-quang Stenvers	Chụp X-quang Stenvers [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]		58,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1236	13.0155.0334	Cắt, đốt sùi mào gà âm hộ; âm đạo; tầng sinh	Cắt, đốt sùi mào gà âm hộ; âm đạo; tầng sinh	T2	889,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1237	18.0070.0028	Chụp X-quang sọ tiếp tuyến	Chụp X-quang sọ tiếp tuyến [số hóa 1 phim]		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1238	23.0061.1513	Định lượng Estradiol [Máu]	Định lượng Estradiol [Máu]		84,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1239	15.0239.1004	Nội soi thanh quản ống mềm chẩn đoán gây	Nội soi thanh quản ống mềm chẩn đoán gây tê	T1	549,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1240	03.0420.0227	Cấy chỉ điều trị bệnh tâm căn suy nhược	Cấy chỉ điều trị bệnh tâm căn suy nhược	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1241	13.0193.0159	Rửa dạ dày sơ sinh	Rửa dạ dày sơ sinh	T1	152,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1242	10.0811.0559	Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương	Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương	P1	3,302,900	Chưa bao gồm gân nhân	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1243	08.0174.0230	Điện nhĩ châm điều trị cảm mạo	Điện nhĩ châm điều trị cảm mạo	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1244	12.0045.1049	Cắt u cơ vùng hàm mặt	Cắt u cơ vùng hàm mặt	P1	2,928,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1245	10.0371.0436	Dẫn lưu viêm tấy khung chậu do rò nước tiểu	Dẫn lưu viêm tấy khung chậu do rò nước tiểu	P1	1,920,900	Chưa bao gồm sonde JJ.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1246	01.0160.0210	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang	T3	101,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1247	03.0297.2046	Điện mãng châm điều trị liệt nửa người	Điện mãng châm điều trị liệt nửa người [kim	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1248	03.0354.0230	Điện nhĩ châm điều trị liệt nửa người	Điện nhĩ châm điều trị liệt nửa người	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1249	23.0161.1569	Định lượng Troponin I [Máu]	Định lượng Troponin I [Máu]		78,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1250	18.0070.0010	Chụp X-quang sọ tiếp tuyến	Chụp X-quang sọ tiếp tuyến [≤ 24x30 cm, 1 tư		58,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1251	24.0162.1656	HDV Ab miễn dịch bán tự động	HDV Ab miễn dịch bán tự động		234,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1252	03.3859.0530	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi [bột tự cán]	T1	379,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1253	27.0377.1197	Nội soi xẻ sa lồi lỗ niệu quản	Nội soi xẻ sa lồi lỗ niệu quản	P2	1,596,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1254	02.0111.1798	Nghiệm pháp atropin	Nghiệm pháp atropin	T2	215,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1255	03.2725.0681	Cắt toàn bộ tử cung, đường bụng	Cắt toàn bộ tử cung, đường bụng	P1	4,308,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1256	03.2380.0302	Giảm mẫn cảm đường tiêm và dưới da	Giảm mẫn cảm đường tiêm và dưới da	T1	979,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1257	10.1031.0514	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân [bột tự cán]	T2	182,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1258	17.0047.0268	Tập lên, xuống cầu thang	Tập lên, xuống cầu thang	T3	33,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1259	23.0032.1468	Định lượng CA 125 (cancer antigen 125)	Định lượng CA 125 (cancer antigen 125) [Máu]		144,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1260	10.0644.0464	Nối nang tụy với hỗng tràng	Nối nang tụy với hỗng tràng	P1	2,917,900	Chưa bao gồm kẹp khóa	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1261	18.0067.0028	Chụp X-quang sọ thẳng/nghiêng	Chụp X-quang sọ thẳng/nghiêng [số hóa 1		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1262	14.0097.0837	Nạo vét tổ chức hốc mắt	Nạo vét tổ chức hốc mắt	PDB	1,322,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1263	12.0203.0491	Mở thông dạ dày ra da do ung thư	Mở thông dạ dày ra da do ung thư		2,683,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1264	24.0173.1661	HIV Ag/Ab miễn dịch bán tự động	HIV Ag/Ab miễn dịch bán tự động		142,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1265	03.0283.0285	Xông khói thuốc	Xông khói thuốc	T3	45,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1266	13.0160.0606	Chọc dò túi cùng Douglas	Chọc dò túi cùng Douglas		312,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1267	24.0133.1643	HBeAb test nhanh	HBeAb test nhanh		65,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1268	03.0459.0227	Cấy chỉ điều trị giảm đau sau phẫu thuật	Cấy chỉ điều trị giảm đau sau phẫu thuật	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1269	14.0213.0778	Bóc sợi giác mạc	Bóc sợi giác mạc	T3	99,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1270	16.0232.1016	Điều trị tủy răng sữa	Điều trị tủy răng sữa [một chân]	P3	296,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1271	02.0385.0213	Tiêm khớp cổ tay	Tiêm khớp cổ tay	T3	104,400	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1272	24.0306.1674	Demodex nhuộm soi	Demodex nhuộm soi		45,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1273	08.0266.0227	Cấy chỉ điều trị viêm quanh khớp vai	Cấy chỉ điều trị viêm quanh khớp vai	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1274	13.0012.0708	Phẫu thuật thắt động mạch tử cung trong cấp	Phẫu thuật thắt động mạch tử cung trong cấp	P2	3,596,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1275	12.0323.0653	Phẫu thuật phì đại tuyến vú nam	Phẫu thuật phì đại tuyến vú nam	P2	3,135,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1276	12.0006.1044	Cắt các loại u vùng mặt có đường kính dưới	Cắt các loại u vùng mặt có đường kính dưới 5	P1	771,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
1277	22.0142.1304	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)		24,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1278	03.3758.0556	Đóng đinh xương chày mở	Đóng đinh xương chày mở	P2	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1279	03.2454.1048	Cắt nang giáp móng	Cắt nang giáp móng	P2	2,289,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1280	03.0629.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1281	02.0308.0139	Nội soi trực tràng ống mềm không sinh thiết	Nội soi trực tràng ống mềm không sinh thiết	T3	215,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1282	17.0010.0236	Điều trị bằng dòng giao thoa	Điều trị bằng dòng giao thoa	T3	30,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1283	22.0150.1594	Xét nghiệm tế bào trong nước tiểu (bằng máy	Xét nghiệm tế bào trong nước tiểu (bằng máy tự		44,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1284	28.0008.0574	Phẫu thuật điều trị da đầu đứt rời không sử	Phẫu thuật điều trị da đầu đứt rời không sử	PDB	4,699,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1285	24.0310.1674	Sarcoptes scabies hominis (Ghẻ) nhuộm soi	Sarcoptes scabies hominis (Ghẻ) nhuộm soi		45,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1286	03.1061.0134	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng có thể kết	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng có thể kết	T1	493,800	Đã bao gồm chi phí Test	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1287	16.0034.1038	Phẫu thuật vạt điều trị túi quanh răng	Phẫu thuật vạt điều trị túi quanh răng	P2	952,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1288	03.3832.0525	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ X	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ X [bột liền]	T1	372,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1289	03.1858.1015	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	P3	991,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1290	27.0350.0420	Phẫu thuật nội soi cắt nang thận sau phúc	Phẫu thuật nội soi cắt nang thận sau phúc mạc	P2	4,596,000	Chưa bao gồm dao siêu	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1291	23.0193.1589	Định tính Opiate (test nhanh) [niệu]	Định tính Opiate (test nhanh) [niệu]		44,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1292	23.0147.1561	Định lượng T3 (Tri iodothyronine) [Máu]	Định lượng T3 (Tri iodothyronine) [Máu]		67,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1293	10.0712.0489	Lấy u phúc mạc	Lấy u phúc mạc	P1	5,141,100	Chưa bao gồm khóa kẹp	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1294	02.0095.1798	Holter điện tâm đồ	Holter điện tâm đồ		215,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1295	27.0371.0418	Phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi niệu	Phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi niệu	P1	4,497,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1296	14.0197.0855	Bơm thông lệ đạo	Bơm thông lệ đạo	T1	65,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1297	03.1859.1015	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	P3	991,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1298	03.0313.2046	Điện mãng châm điều trị bệnh hố mắt	Điện mãng châm điều trị bệnh hố mắt [kim dài]	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1299	03.1670.0770	Khâu lại mép mổ giác mạc, củng mạc	Khâu lại mép mổ giác mạc, củng mạc	P1	799,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1300	23.0041.1506	Định lượng Cholesterol toàn phần (máu)	Định lượng Cholesterol toàn phần (máu)		28,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1301	18.0067.0010	Chụp X-quang sọ thẳng/nghiêng	Chụp X-quang sọ thẳng/nghiêng [≤ 24x30 cm,		58,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1302	14.0193.0856	Tiêm dưới kết mạc	Tiêm dưới kết mạc	T2	55,000	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1303	12.0065.0944	Cắt nang vùng sàn miệng và tuyến nước bọt	Cắt nang vùng sàn miệng và tuyến nước bọt	P1	4,944,000	Chưa bao gồm dao siêu	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1304	03.0538.0271	Thuỷ châm điều trị đau thần kinh toạ	Thuỷ châm điều trị đau thần kinh toạ	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1305	18.0067.0029	Chụp X-quang sọ thẳng/nghiêng	Chụp X-quang sọ thẳng/nghiêng [số hóa 2		105,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1306	03.0271.2045	Từ châm	Từ châm [nhi]	T2	83,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1307	03.0550.0271	Thuỷ châm điều trị mất ngủ	Thuỷ châm điều trị mất ngủ	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1308	08.0278.0230	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1309	16.0072.1018	Phục hồi cổ răng bằng Composite	Phục hồi cổ răng bằng Composite	T2	369,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1310	25.0013.1758	Chọc hút kim nhỏ các khối sưng, khối u dưới	Chọc hút kim nhỏ các khối sưng, khối u dưới da	T3	308,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1311	13.0149.0624	Khâu rách cùng đồ âm đạo	Khâu rách cùng đồ âm đạo	P3	2,119,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1312	13.0158.0634	Nạo hút thai trứng	Nạo hút thai trứng	T1	914,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1313	01.0138.0209	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức	T1	625,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1314	03.1976.1067	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy lồi cầu	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy lồi cầu	P1	2,997,900	Chưa bao gồm nẹp, vít.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1315	22.0114.1527	Định lượng IgM	Định lượng IgM		67,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1316	03.0369.0230	Điện nhĩ châm điều trị tổn thương rễ, đám	Điện nhĩ châm điều trị tổn thương rễ, đám rối	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1317	03.0373.0230	Điện nhĩ châm điều trị sụp mi	Điện nhĩ châm điều trị sụp mi	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1318	18.0067.0013	Chụp X-quang sọ thẳng/nghiêng	Chụp X-quang sọ thẳng/nghiêng [> 24x30 cm,		77,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1319	03.3482.0464	Dẫn lưu đài bể thận qua da	Dẫn lưu đài bể thận qua da [nhi]	P1	2,917,900	Chưa bao gồm kẹp khóa	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1320	05.0012.0329	Điều trị sùi mào gà bằng Plasma	Điều trị sùi mào gà bằng Plasma	T2	399,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1321	11.0115.1137	Kỹ thuật tạo vạt da tại chỗ điều trị sẹo bỏng	Kỹ thuật tạo vạt da tại chỗ điều trị sẹo bỏng	P1	4,034,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1322	18.0078.0028	Chụp X-quang Schuller	Chụp X-quang Schuller [số hóa 1 phim]		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1323	08.0358.0271	Thuỷ châm điều trị thất vận ngôn	Thuỷ châm điều trị thất vận ngôn	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1324	13.0090.0689	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung chưa vỡ	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung chưa vỡ	P1	5,503,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1325	24.0303.1717	Trichinella spiralis (Giun xoắn) Ab miễn	Trichinella spiralis (Giun xoắn) Ab miễn dịch		321,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1326	27.0355.1196	Nội soi niệu quản ngược dòng bằng ống soi	Nội soi niệu quản ngược dòng bằng ống soi	P1	2,434,500	Chưa bao gồm sonde JJ và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1327	24.0042.1714	Vibrio cholerae soi tươi	Vibrio cholerae soi tươi		74,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1328	03.4140.0689	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng	P1	5,503,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1329	10.1014.0529	Nắn, bó bột gãy Cổ xương đùi	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi [bột liền]	T2	659,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
1330	03.2352.0087	Chọc áp xe gan qua siêu âm	Chọc áp xe gan qua siêu âm	T1	171,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1331	08.0246.0227	Cấy chỉ điều trị hội chứng vai gáy	Cấy chỉ điều trị hội chứng vai gáy	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1332	18.0078.0010	Chụp X-quang Schuller	Chụp X-quang Schuller [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]		58,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1333	07.0226.0199	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm	T2	279,500	Áp dụng đối với bệnh	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1334	02.0256.0139	Nội soi trực tràng ống mềm	Nội soi trực tràng ống mềm	T3	215,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1335	02.0402.0213	Tiêm gân nhị đầu khớp vai	Tiêm gân nhị đầu khớp vai	T3	104,400	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1336	13.0081.0689	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng,	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng, nang	P1	5,503,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1337	03.0278.0248	Nắn, bó gãy xương cánh tay bằng phương	Nắn, bó gãy xương cánh tay bằng phương pháp	T2	119,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1338	12.0322.1191	Cắt u nang bao hoạt dịch (cổ tay, khoeo	Cắt u nang bao hoạt dịch (cổ tay, khoeo chân,	P3	1,456,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1339	01.0242.0175	Rửa màng bụng cấp cứu	Rửa màng bụng cấp cứu	T1	463,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1340	03.0404.0227	Cấy chỉ điều trị di chứng bại liệt	Cấy chỉ điều trị di chứng bại liệt	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1341	08.0343.0271	Thuỷ châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở	Thuỷ châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1342	11.0065.1111	Cắt hoại tử toàn lớp - khâu kín dưới 3% diện	Cắt hoại tử toàn lớp - khâu kín dưới 3% diện	P2	3,570,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1343	16.0054.1014	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	P3	455,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1344	03.3851.0521	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay	T1	372,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1345	03.1073.0145	Nội soi siêu âm trực tràng	Nội soi siêu âm trực tràng	T1	1,196,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1346	03.1680.0790	Mổ quặm bẩm sinh	Mổ quặm bẩm sinh [2 mi - gây mê]	P2	1,572,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1347	02.0431.1289	Xét nghiệm Mucin test	Xét nghiệm Mucin test		55,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1348	18.0131.0017	Chụp X-quang ruột non	Chụp X-quang ruột non [có thuốc cản quang]		124,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1349	15.0099.1001	Phẫu thuật nội soi tách dính niêm mạc hốc	Phẫu thuật nội soi tách dính niêm mạc hốc mũi	P2	1,646,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1350	10.1017.0533	Bó bột ống trong gãy xương bánh chè	Bó bột ống trong gãy xương bánh chè	T2	167,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1351	10.0305.0710	Phẫu thuật treo thận	Phẫu thuật treo thận	P1	3,131,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1352	03.3002.0324	Áp nitơ lỏng các khối u lành tính ngoài da	Áp nitơ lỏng các khối u lành tính ngoài da	TDB	380,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1353	03.3311.0458	Phẫu thuật điều trị xoắn ruột	Phẫu thuật điều trị xoắn ruột [cắt ruột]	P2	5,100,100	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1354	03.3830.0530	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi, vỡ ổ cối và	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi, vỡ ổ cối và trật	T1	379,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1355	03.3849.0521	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay	T1	372,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1356	08.0021.0285	Xông khói thuốc	Xông khói thuốc	T3	45,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1357	18.0131.0035	Chụp X-quang ruột non	Chụp X-quang ruột non [có thuốc cản quang,		264,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1358	10.0392.0583	Phẫu thuật điều trị són tiểu	Phẫu thuật điều trị són tiểu	P1	2,396,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1359	28.0265.0653	Phẫu thuật cắt bỏ tuyến vú phụ	Phẫu thuật cắt bỏ tuyến vú phụ	P3	3,135,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1360	08.0126.2046	Điện mãng châm điều trị đái dầm	Điện mãng châm điều trị đái dầm [kim dài]	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1361	01.0285.1349	Xét nghiệm đông máu nhanh tại giường	Xét nghiệm đông máu nhanh tại giường		13,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1362	14.0192.0075	Cắt chỉ khâu giác mạc	Cắt chỉ khâu giác mạc	T2	40,300	Chỉ áp dụng với người	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1363	03.0346.2046	Điện mãng châm điều trị rối loạn thần kinh	Điện mãng châm điều trị rối loạn thần kinh	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1364	08.0457.0228	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1365	03.0513.0230	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1366	24.0249.1697	Rotavirus test nhanh	Rotavirus test nhanh		194,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1367	03.3396.0492	Phẫu thuật thoát vị rốn nghẹt	Phẫu thuật thoát vị rốn nghẹt	P2	3,512,900	Chưa bao gồm tấm màng	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1368	08.0025.0229	Đặt thuốc YHCT	Đặt thuốc YHCT	T3	51,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1369	08.0012.0224	Từ châm	Từ châm	T2	76,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1370	16.0052.1013	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	P3	861,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1371	03.2061.1065	Phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm	Phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm	P1	4,733,900	Chưa bao gồm nẹp, vít.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1372	02.0387.0213	Tiêm khớp đốt ngón tay	Tiêm khớp đốt ngón tay	T3	104,400	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1373	03.3865.0526	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân	T1	300,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1374	10.0786.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mắt cá kèm	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mắt cá kèm trật	PDB	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1375	17.0046.0268	Tập đi trên máy thảm lăn (Treadmill)	Tập đi trên máy thảm lăn (Treadmill)	T2	33,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1376	03.3854.0519	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay [bột liền]	T2	257,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1377	18.0083.0014	Chụp X-quang răng toàn cảnh	Chụp X-quang răng toàn cảnh		72,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1378	03.2890.0084	Chọc hút dịch và bơm thuốc điều trị nang	Chọc hút dịch và bơm thuốc điều trị nang giáp	TDB	178,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1379	20.0087.0152	Soi bàng quang, lấy dị vật, sỏi	Soi bàng quang, lấy dị vật, sỏi	T1	953,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1380	08.0253.0227	Cấy chỉ điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột	Cấy chỉ điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1381	18.0083.0028	Chụp X-quang răng toàn cảnh	Chụp X-quang răng toàn cảnh [số hóa 1 phim]		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1382	10.0372.0436	Phẫu thuật áp xe tuyến tiền liệt	Phẫu thuật áp xe tuyến tiền liệt	P2	1,920,900	Chưa bao gồm sonde JJ.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
1383	03.3846.0515	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ	T1	434,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1384	08.0285.0230	Điện châm điều trị phục hồi chức năng cho	Điện châm điều trị phục hồi chức năng cho trẻ	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1385	10.0641.0464	Dẫn lưu nang tụy	Dẫn lưu nang tụy	P1	2,917,900	Chưa bao gồm kẹp khóa	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1386	10.0278.0583	Phẫu thuật cắt u thành ngực	Phẫu thuật cắt u thành ngực	P2	2,396,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1387	03.2181.0995	Trích áp xe quanh Amidan	Trích áp xe quanh Amidan	T1	771,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1388	16.0047.1015	Điều trị tủy răng có sử dụng laser và hàn kín	Điều trị tủy răng có sử dụng laser và hàn kín hệ	P3	991,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1389	01.0220.0162	Rửa toàn bộ hệ thống tiêu hóa (dạ dày, tiểu	Rửa toàn bộ hệ thống tiêu hóa (dạ dày, tiểu	T1	880,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1390	10.0961.0575	Phẫu thuật vá da diện tích từ 5-10 cm²	Phẫu thuật vá da diện tích từ 5-10 cm²	P2	3,044,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1391	23.0112.1506	Định lượng LDL-C (Low density lipoprotein	Định lượng LDL-C (Low density lipoprotein		28,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1392	03.2587.0937	Cắt u Amidan qua đường miệng	Cắt u Amidan qua đường miệng	P2	1,761,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1393	03.1690.0075	Cắt chỉ khâu kết mạc	Cắt chỉ khâu kết mạc	T3	40,300	Chỉ áp dụng với người	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1394	02.0398.0213	Tiêm điểm bám gân quanh khớp gối	Tiêm điểm bám gân quanh khớp gối	T3	104,400	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1395	08.0132.2046	Điện mãng châm điều trị huyết áp thấp	Điện mãng châm điều trị huyết áp thấp [kim dài]	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1396	14.0084.0836	Cắt u mi cả bề dày không ghép	Cắt u mi cả bề dày không ghép	P2	812,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1397	03.3821.0216	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương	T2	194,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1398	02.0243.0077	Chọc tháo dịch ổ bụng điều trị	Chọc tháo dịch ổ bụng điều trị	T3	153,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1399	10.0717.0556	Phẫu thuật kết hợp xương (kết hợp xương)	Phẫu thuật kết hợp xương (kết hợp xương) gãy	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1400	12.0159.1063	Phẫu thuật cạnh mũi lấy u hốc mũi	Phẫu thuật cạnh mũi lấy u hốc mũi	P2	3,638,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1401	24.0127.1643	HBcAb test nhanh	HBcAb test nhanh		65,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1402	08.0191.0230	Điện nhĩ châm điều trị sa tử cung	Điện nhĩ châm điều trị sa tử cung	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1403	03.2371.0214	Tiêm chất nhờn vào khớp	Tiêm chất nhờn vào khớp	T1	148,700	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1404	03.2152.0867	Bẻ cuốn dưới	Bẻ cuốn dưới	T1	165,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1405	08.0378.0271	Thuỷ châm điều trị đau lưng	Thuỷ châm điều trị đau lưng	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1406	15.0241.1003	Nội soi thanh quản ống mềm lấy dị vật gây tê	Nội soi thanh quản ống mềm lấy dị vật gây tê	TDB	943,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1407	24.0168.1659	HEV IgG miễn dịch tự động	HEV IgG miễn dịch tự động		336,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1408	10.0765.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương đùi	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương đùi	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1409	17.0148.0241	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống		59,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1410	03.2451.1049	Cắt u phần mềm vùng cổ	Cắt u phần mềm vùng cổ	P2	2,928,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1411	08.0454.0228	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn		37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1412	08.0394.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chậm phát triển	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chậm phát triển trí	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1413	03.0574.0271	Thuỷ châm điều trị đau dạ dày	Thuỷ châm điều trị đau dạ dày	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1414	03.0303.0230	Điện mãng châm điều trị chứng nói ngọng,	Điện mãng châm điều trị chứng nói ngọng, nói	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1415	01.0173.0195	Lọc máu cấp cứu (ở người chưa có mở thông	Lọc máu cấp cứu (ở người chưa có mở thông	T1	1,607,000	Quả lọc dây máu dùng 1	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1416	21.0068.0888	Đo sức cản của mũi	Đo sức cản của mũi		101,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1417	03.1841.1018	Phục hồi cổ răng bằng Composite có sử dụng	Phục hồi cổ răng bằng Composite có sử dụng	T1	369,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1418	20.0013.0933	Nội soi tai mũi họng	Nội soi tai mũi họng		116,100	Trường hợp chỉ nội soi	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1419	03.0640.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp	Xoa bóp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1420	16.0044.1013	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín	P3	861,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1421	03.0287.0222	Bó thuốc	Bó thuốc	T3	57,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1422	10.0400.0584	Thắt tĩnh mạch tinh trên bụng	Thắt tĩnh mạch tinh trên bụng	P2	1,509,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1423	02.0404.0213	Tiêm điểm bám gân mỏm cùng vai	Tiêm điểm bám gân mỏm cùng vai	T3	104,400	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1424	16.0050.1012	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	P3	631,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1425	27.0380.0418	Nội soi niệu quản 2 bên 1 thì gắp sỏi niệu	Nội soi niệu quản 2 bên 1 thì gắp sỏi niệu quản	P1	4,497,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1426	03.0449.0227	Cấy chỉ điều trị hội chứng vai gáy	Cấy chỉ điều trị hội chứng vai gáy	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1427	03.2455.1045	Cắt u da đầu lành, đường kính từ 5 cm trở lên	Cắt u da đầu lành, đường kính từ 5 cm trở lên	P1	1,208,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1428	03.2809.0092	Chọc hút tủy xương làm tủy đồ	Chọc hút tủy xương làm tủy đồ	T1	147,900	Chưa bao gồm kim chọc	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1429	18.0082.0010	Chụp X-quang răng cánh cắn (Bite wing)	Chụp X-quang răng cánh cắn (Bite wing) [≤		58,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1430	16.0051.1012	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	P3	631,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1431	23.0162.1570	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating		61,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1432	03.3826.0203	Thay băng, cắt chỉ vết mổ	Thay băng, cắt chỉ vết mổ [chiều dài từ trên 15	T3	148,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1433	03.3743.0556	Cố định ngoài điều trị gãy khung chậu	Cố định ngoài điều trị gãy khung chậu	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1434	07.0245.0090	Chọc hút u giáp có hướng dẫn của siêu âm	Chọc hút u giáp có hướng dẫn của siêu âm	T2	170,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1435	01.0267.0205	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng	T3	275,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
1436	15.0140.0916	Nhét bấc mũi sau	Nhét bấc mũi sau	T2	139,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1437	10.1004.0528	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay	T1	300,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1438	10.0899.0537	Phẫu thuật trật bánh chè mắc phải	Phẫu thuật trật bánh chè mắc phải	P1	3,411,300	Chưa bao gồm phương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1439	03.3777.0571	Phẫu thuật khoan xương có tưới rửa kháng	Phẫu thuật khoan xương có tưới rửa kháng sinh	P1	3,226,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1440	03.3839.0517	Nắn, bó bột trật khớp vai	Nắn, bó bột trật khớp vai [bột liền]	T1	342,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1441	03.0314.0230	Điện mãng châm điều trị viêm kết mạc	Điện mãng châm điều trị viêm kết mạc [kim	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1442	03.3259.0583	Khâu lại vết phẫu thuật lồng ngực bị nhiễm	Khâu lại vết phẫu thuật lồng ngực bị nhiễm	P2	2,396,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1443	03.0375.0230	Điện nhĩ châm điều trị viêm kết mạc	Điện nhĩ châm điều trị viêm kết mạc	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1444	18.0082.0028	Chụp X-quang răng cánh cắn (Bite wing)	Chụp X-quang răng cánh cắn (Bite wing) [số		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1445	05.0023.0333	Điều trị rụng tóc bằng tiêm Triamcinolon	Điều trị rụng tóc bằng tiêm Triamcinolon dưới	T2	351,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1446	08.0346.0271	Thuỷ châm điều trị sa tử cung	Thuỷ châm điều trị sa tử cung	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1447	13.0003.0674	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có sẹo	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có sẹo mổ	P1	4,395,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1448	18.0081.2001	Chụp X-quang răng cận chóp (Periapical)	Chụp X-quang răng cận chóp (Periapical)		16,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1449	16.0044.1014	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín	P3	455,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1450	14.0169.0738	Trích dẫn lưu túi lệ	Trích dẫn lưu túi lệ	P3	85,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1451	24.0268.1674	Trứng giun soi tập trung	Trứng giun soi tập trung		45,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1452	03.0557.0271	Thuỷ châm điều trị bệnh hố mắt	Thuỷ châm điều trị bệnh hố mắt	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1453	03.3843.0528	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay	T1	300,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1454	08.0419.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1455	01.0055.0114	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí	T2	14,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1456	10.1015.0511	Nắn, cố định trật khớp háng không chỉ định	Nắn, cố định trật khớp háng không chỉ định	T1	667,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1457	03.3911.0202	Thay băng, cắt chỉ	Thay băng, cắt chỉ [chiều dài từ trên 30 cm đến	T2	121,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1458	07.0244.0089	Chọc hút tế bào tuyến giáp	Chọc hút tế bào tuyến giáp	T3	126,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1459	24.0130.1645	HBeAg test nhanh	HBeAg test nhanh		65,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1460	10.0740.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương quay	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương quay kèm	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1461	13.0157.0619	Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết	Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết	T2	236,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1462	15.0154.0914	Phẫu thuật nạo VA gây mê nội khí quản	Phẫu thuật nạo VA gây mê nội khí quản	P2	852,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1463	18.0081.2002	Chụp X-quang răng cận chóp (Periapical)	Chụp X-quang răng cận chóp (Periapical) [số		23,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1464	03.3787.0556	Đặt nẹp vít trong gãy trật xương chêm	Đặt nẹp vít trong gãy trật xương chêm	P2	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1465	03.0494.0230	Điện châm điều trị thất ngôn	Điện châm điều trị thất ngôn	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1466	08.0330.0271	Thuỷ châm điều trị liệt nửa người do tai biến	Thuỷ châm điều trị liệt nửa người do tai biến	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1467	08.0178.0230	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng dạ dày - tá	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng dạ dày - tá	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1468	03.2367.0112	Chọc dịch khớp	Chọc dịch khớp	T1	129,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1469	10.0870.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đốt bàn	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đốt bàn và	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1470	08.0238.0227	Cấy chỉ điều trị liệt do tổn thương đám rối	Cấy chỉ điều trị liệt do tổn thương đám rối cánh	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1471	03.0044.1778	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	T3	39,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1472	03.3476.0421	Lấy sỏi mở bể thận trong xoang	Lấy sỏi mở bể thận trong xoang	P2	4,569,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1473	24.0266.1674	Đơn bào đường ruột nhuộm soi	Đơn bào đường ruột nhuộm soi		45,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1474	13.0177.0593	Cắt bỏ âm hộ đơn thuần	Cắt bỏ âm hộ đơn thuần	P2	2,971,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1475	08.0001.0224	Mai hoa châm	Mai hoa châm	T3	76,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1476	03.2182.0895	Đốt nhiệt họng hạt	Đốt nhiệt họng hạt	T2	89,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1477	03.3035.0329	Điều trị hạt cơm bằng đốt điện, plasma, laser,	Điều trị hạt cơm bằng đốt điện, plasma, laser,	T3	399,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1478	03.3688.0556	Phẫu thuật cố định nẹp vít gãy hai xương	Phẫu thuật cố định nẹp vít gãy hai xương cẳng	P2	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1479	15.0133.0867	Nội soi bẻ cuốn mũi dưới	Nội soi bẻ cuốn mũi dưới	T1	165,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1480	25.0077.1735	Nhuộm May Grunwald - Giemsa	Nhuộm May Grunwald - Giemsa		190,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1481	03.3020.0334	Điều trị sùi mào gà (gây mê) bằng đốt điện,	Điều trị sùi mào gà (gây mê) bằng đốt điện,	T1	889,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1482	16.0222.1035	Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement	Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement	T1	245,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1483	03.0683.0228	Cứu điều trị bệnh tự kỷ thể hàn	Cứu điều trị bệnh tự kỷ thể hàn	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1484	01.0175.0196	Thận nhân tạo thường quy	Thận nhân tạo thường quy	T2	588,500	Quả lọc dây máu dùng 6	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1485	03.0321.2046	Điện mãng châm điều trị tăng huyết áp	Điện mãng châm điều trị tăng huyết áp	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1486	27.0356.0418	Phẫu thuật nội soi ổ bụng lấy sỏi bể thận	Phẫu thuật nội soi ổ bụng lấy sỏi bể thận	P1	4,497,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1487	18.0129.0014	Chụp X-quang phim đo sọ thẳng, nghiêng	Chụp X-quang phim đo sọ thẳng, nghiêng		72,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1488	10.1019.0526	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân	T1	300,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
1489	22.0002.1352	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin		68,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1490	18.0129.0029	Chụp X-quang phim đo sọ thẳng, nghiêng	Chụp X-quang phim đo sọ thẳng, nghiêng		105,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1491	08.0203.0230	Điện nhĩ châm điều trị đau hố mắt	Điện nhĩ châm điều trị đau hố mắt	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1492	10.0401.0583	Cắt dương vật không vét hạch, cắt một nửa	Cắt dương vật không vét hạch, cắt một nửa	P2	2,396,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1493	03.2064.1079	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	P1	2,856,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1494	17.0045.0268	Tập đi với bàn xương cá	Tập đi với bàn xương cá		33,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1495	15.0204.1043	Lấy sỏi ống tuyến Stenon đường miệng	Lấy sỏi ống tuyến Stenon đường miệng	P3	1,051,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1496	08.0365.0271	Thuỷ châm điều trị liệt chi trên	Thuỷ châm điều trị liệt chi trên	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1497	17.0044.0268	Tập đi với gậy	Tập đi với gậy		33,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1498	01.0136.0209	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức	T1	625,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1499	22.0143.1303	Máu lắng (bằng máy tự động)	Máu lắng (bằng máy tự động)		37,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1500	03.3818.0218	Khâu lại da vết phẫu thuật sau nhiễm khuẩn	Khâu lại da vết phẫu thuật sau nhiễm khuẩn	T3	289,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1501	18.0129.0028	Chụp X-quang phim đo sọ thẳng, nghiêng	Chụp X-quang phim đo sọ thẳng, nghiêng		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1502	10.1022.0520	Nắn, bó bột gãy xương chày	Nắn, bó bột gãy xương chày [bột tự cán]	T2	192,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1503	18.0084.0028	Chụp X-quang phim cắn (Occlusal)	Chụp X-quang phim cắn (Occlusal)		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1504	10.0989.0529	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi [bột liền]	T1	659,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1505	08.0316.0230	Điện châm điều trị liệt do tổn thương đám rối	Điện châm điều trị liệt do tổn thương đám rối	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1506	08.0402.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1507	08.0303.0230	Điện châm điều trị đau hố mắt	Điện châm điều trị đau hố mắt	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1508	23.0110.1535	Định lượng LH (Luteinizing Hormone) [Máu]	Định lượng LH (Luteinizing Hormone) [Máu]		84,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1509	12.0324.0558	Cắt u xương sụn lành tính	Cắt u xương sụn lành tính	P2	4,085,900	Chưa bao gồm phương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1510	15.0155.0958	Phẫu thuật nạo VA nội soi	Phẫu thuật nạo VA nội soi	P2	3,045,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1511	08.0470.0228	Cứu điều trị đau bụng kinh thể hàn	Cứu điều trị đau bụng kinh thể hàn	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1512	08.0335.0271	Thuỷ châm điều trị mày đay	Thuỷ châm điều trị mày đay	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1513	10.0481.0455	Cắt dây chằng, gỡ dính ruột	Cắt dây chằng, gỡ dính ruột	P2	2,705,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1514	03.0069.0001	Siêu âm màng ngoài tim cấp cứu	Siêu âm màng ngoài tim cấp cứu	T3	58,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1515	07.0243.0085	Chọc hút dịch điều trị u nang giáp có hướng	Chọc hút dịch điều trị u nang giáp có hướng	T2	240,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1516	28.0108.0573	Phẫu thuật giải phóng sẹo chít hẹp lỗ mũi	Phẫu thuật giải phóng sẹo chít hẹp lỗ mũi	P2	3,720,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1517	03.0313.0230	Điện mãng châm điều trị bệnh hố mắt	Điện mãng châm điều trị bệnh hố mắt [kim	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1518	12.0092.0909	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính	P2	1,385,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1519	03.2443.1045	Cắt u máu dưới da đầu có đường kính 5 đến	Cắt u máu dưới da đầu có đường kính 5 đến 10	P1	1,208,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1520	05.0045.0329	Điều trị hạt cơm bằng đốt điện	Điều trị hạt cơm bằng đốt điện	T2	399,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1521	03.3606.0156	Nong niệu đạo	Nong niệu đạo	P3	273,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1522	15.0134.0913	Nâng xương chính mũi sau chấn thương	Nâng xương chính mũi sau chấn thương [gây tê]	P3	1,326,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1523	24.0320.1720	Vi nấm test nhanh	Vi nấm test nhanh		261,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1524	14.0044.0833	Phẫu thuật lấy thể thủy tinh ngoài bao có	Phẫu thuật lấy thể thủy tinh ngoài bao có hoặc	P1	1,722,100	Chưa bao gồm thuỷ tinh	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1525	08.0146.2046	Điện mãng châm điều trị	Điện mãng châm điều trị		85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1526	08.0298.0230	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1527	10.0718.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ xương bả	Phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ xương bả vai	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1528	03.0076.0114	Hút đờm khí phế quản ở người bệnh sau đặt	Hút đờm khí phế quản ở người bệnh sau đặt nội	T2	14,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1529	03.0441.0227	Cấy chỉ điều trị đau dạ dày	Cấy chỉ điều trị đau dạ dày	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1530	03.3083.0576	Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu	Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu	P3	2,767,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1531	16.0238.1029	Nhổ răng sữa	Nhổ răng sữa	T1	46,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1532	03.1850.1014	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	P3	455,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1533	10.0995.0517	Nắn, bó bột trật khớp vai	Nắn, bó bột trật khớp vai [bột liền]	T2	342,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1534	03.0637.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1535	10.1025.0517	Nắn, bó bột trật khớp cùng đòn	Nắn, bó bột trật khớp cùng đòn [bột liền]	T2	342,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1536	03.3298.0465	Khâu lỗ thủng dạ dày, tá tràng đơn thuần	Khâu lỗ thủng dạ dày, tá tràng đơn thuần	P2	3,993,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1537	03.0428.0227	Cấy chỉ điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại	Cấy chỉ điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1538	08.0472.0228	Cứu điều trị đái dầm thể hàn	Cứu điều trị đái dầm thể hàn	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1539	10.1002.0528	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay [bột tự cán]	T2	300,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1540	03.0333.0230	Điện mãng châm điều trị viêm quanh khớp	Điện mãng châm điều trị viêm quanh khớp vai	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1541	02.0222.0152	Nội soi bàng quang, lấy dị vật, sỏi	Nội soi bàng quang, lấy dị vật, sỏi	T1	953,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
1542	08.0230.0227	Cấy chỉ điều trị viêm mũi dị ứng	Cấy chỉ điều trị viêm mũi dị ứng	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1543	10.0679.0492	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương	P2	3,512,900	Chưa bao gồm tấm màng	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1544	18.0139.0039	Chụp X-quang ống tuyến sữa	Chụp X-quang ống tuyến sữa	T2	426,800	Chưa bao gồm ống thông,	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1545	17.0011.0237	Điều trị bằng tia hồng ngoại	Điều trị bằng tia hồng ngoại		40,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1546	08.0353.0271	Thuỷ châm điều trị hen phế quản	Thuỷ châm điều trị hen phế quản	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1547	18.0142.0033	Chụp X-quang niệu quản - bể thận ngược	Chụp X-quang niệu quản - bể thận ngược dòng	T1	604,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1548	14.0176.0771	Khâu giác mạc	Khâu giác mạc [phức tạp]	P1	1,244,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1549	03.0288.0228	Chườm ngải	Chườm ngải	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1550	02.0242.0077	Chọc dò dịch ổ bụng xét nghiệm	Chọc dò dịch ổ bụng xét nghiệm	T3	153,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1551	03.3021.0348	Phẫu thuật cắt bỏ các u nhỏ dưới móng	Phẫu thuật cắt bỏ các u nhỏ dưới móng	P2	1,196,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1552	22.0113.1527	Định lượng IgA	Định lượng IgA		67,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1553	03.0329.2046	Điện mãng châm điều trị viêm khớp dạng	Điện mãng châm điều trị viêm khớp dạng thấp	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1554	11.0019.1102	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu dưới 5%	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu dưới 5%	P2	2,566,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1555	24.0119.1649	HBsAg miễn dịch tự động	HBsAg miễn dịch tự động		81,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1556	08.0280.0230	Điện châm điều trị thiểu năng tuần hoàn não	Điện châm điều trị thiểu năng tuần hoàn não	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1557	23.0042.1482	Đo hoạt độ CK (Creatine kinase) [Máu]	Đo hoạt độ CK (Creatine kinase) [Máu]		28,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1558	16.0047.1013	Điều trị tủy răng có sử dụng laser và hàn kín	Điều trị tủy răng có sử dụng laser và hàn kín hệ	P3	861,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1559	15.0236.0925	Nội soi thực quản ống cứng sinh thiết u gây	Nội soi thực quản ống cứng sinh thiết u gây	T1	754,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1560	18.0142.0021	Chụp X-quang niệu quản - bể thận ngược	Chụp X-quang niệu quản - bể thận ngược dòng	T1	569,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1561	15.0034.0997	Vá nhĩ đơn thuần	Vá nhĩ đơn thuần	P2	4,058,900	Đã bao gồm chi phí mũi	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1562	22.0138.1362	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng		39,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1563	15.0194.1001	Phẫu thuật cắt u sàn miệng	Phẫu thuật cắt u sàn miệng	P2	1,646,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1564	10.0453.0464	Nối vị tràng	Nối vị tràng	P3	2,917,900	Chưa bao gồm kẹp khóa	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1565	08.0162.0230	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tiền đình	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tiền đình	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1566	16.0035.1023	Phẫu thuật nạo túi lợi	Phẫu thuật nạo túi lợi	P3	89,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1567	03.0289.0224	Hào châm	Hào châm	T3	76,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1568	10.0989.0530	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi [bột tự cán]	T1	379,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1569	15.0234.0925	Nội soi thực quản ống cứng lấy dị vật gây	Nội soi thực quản ống cứng lấy dị vật gây	TDB	754,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1570	03.3666.0550	Phẫu thuật cứng duỗi khớp khuỷu	Phẫu thuật cứng duỗi khớp khuỷu	P2	3,923,600	Chưa bao gồm đinh, nẹp,	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1571	16.0055.1012	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	P3	631,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1572	03.1800.1036	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ	P3	369,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1573	03.3313.0455	Phẫu thuật điều trị tắc ruột do dính/dây	Phẫu thuật điều trị tắc ruột do dính/dây chằng	P2	2,705,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1574	16.0045.1015	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín	P3	991,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1575	08.0293.0230	Điện châm điều trị bí đái cơ năng	Điện châm điều trị bí đái cơ năng	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1576	23.0109.1536	Đo hoạt độ Lipase [Máu]	Đo hoạt độ Lipase [Máu]		61,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1577	24.0264.1664	Hồng cầu trong phân test nhanh	Hồng cầu trong phân test nhanh		71,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1578	28.0392.0573	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng cẳng	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng cẳng	P1	3,720,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1579	10.1024.0520	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân [bột tự cán]	T2	192,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1580	03.1949.1035	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant	T1	245,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1581	10.1015.0512	Nắn, cố định trật khớp háng không chỉ định	Nắn, cố định trật khớp háng không chỉ định	T1	297,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1582	10.0526.0465	Lấy dị vật trực tràng	Lấy dị vật trực tràng	P2	3,993,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1583	16.0275.1095	Phẫu thuật điều trị gãy cung tiếp bằng nẹp vít	Phẫu thuật điều trị gãy cung tiếp bằng nẹp vít	P1	2,636,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1584	03.3908.0573	Tạo hình bằng các vạt tự do đa dạng đơn giản	Tạo hình bằng các vạt tự do đa dạng đơn giản	P1	3,720,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1585	24.0060.1627	Chlamydia test nhanh	Chlamydia test nhanh		78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1586	08.0336.0271	Thuỷ châm điều trị bệnh viêm mũi dị ứng	Thuỷ châm điều trị bệnh viêm mũi dị ứng	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1587	15.0216.0893	Áp lạnh họng hạt (Nitơ, CO2 lỏng)	Áp lạnh họng hạt (Nitơ, CO2 lỏng)	T2	141,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1588	18.0140.0032	Chụp X-quang niệu đồ tĩnh mạch (UIV)	Chụp X-quang niệu đồ tĩnh mạch (UIV) [có	T3	649,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1589	24.0285.1717	Gnathostoma (Giun đầu gai) Ab miễn dịch	Gnathostoma (Giun đầu gai) Ab miễn dịch bán		321,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1590	14.0166.0778	Lấy dị vật giác mạc sâu	Lấy dị vật giác mạc sâu [gây tê]	T1	99,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1591	18.0140.0020	Chụp X-quang niệu đồ tĩnh mạch (UIV)	Chụp X-quang niệu đồ tĩnh mạch (UIV) [có	T3	579,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1592	23.0181.1475	Định lượng Catecholamin (niệu)	Định lượng Catecholamin (niệu)		224,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1593	23.0173.1575	Định tính Amphetamine (test nhanh) [niệu]	Định tính Amphetamine (test nhanh) [niệu]		44,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1594	23.0074.1520	Đo hoạt độ GLDH (Glutamat	Đo hoạt độ GLDH (Glutamat dehydrogenase)		100,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
1595	24.0186.1635	Dengue virus NS1Ag miễn dịch bán tự động	Dengue virus NS1Ag miễn dịch bán tự động		168,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1596	03.2762.1059	Cắt u bạch mạch, đường kính bằng và trên	Cắt u bạch mạch, đường kính bằng và trên 10	P1	3,488,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1597	13.0175.0591	Bóc nhân xơ vú	Bóc nhân xơ vú	T1	1,079,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1598	15.0144.0906	Nội soi lấy dị vật mũi gây tê/gây mê	Nội soi lấy dị vật mũi gây tê/gây mê [gây mê]	T2	705,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1599	14.0197.0854	Bơm thông lệ đạo	Bơm thông lệ đạo	T1	105,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1600	09.0123.0898	Khí dung đường thở ở người bệnh nặng	Khí dung đường thở ở người bệnh nặng	T2	27,500	Chưa bao gồm thuốc khí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1601	03.3869.0521	Nắn, bó bột gãy Monteggia	Nắn, bó bột gãy Monteggia [bột liền]	T1	372,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1602	14.0176.0770	Khâu giác mạc	Khâu giác mạc [đơn thuần]	P1	799,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1603	15.0147.1006	Hút rửa mũi, xoang sau mổ	Hút rửa mũi, xoang sau mổ	T3	153,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1604	13.0018.0625	Khâu tử cung do nạo thủng	Khâu tử cung do nạo thủng	P2	3,054,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1605	03.0670.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hysteria	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hysteria	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1606	03.2117.0902	Lấy dị vật tai	Lấy dị vật tai [kính hiển vi, gây mê]	T1	530,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1607	08.0328.0271	Thuỷ châm điều trị viêm amydan	Thuỷ châm điều trị viêm amydan	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1608	08.0301.0230	Điện châm điều trị liệt chi trên	Điện châm điều trị liệt chi trên	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1609	10.0301.0416	Cắt thận thận phụ (thận dư số) với niệu quản	Cắt thận thận phụ (thận dư số) với niệu quản	P1	4,703,100	Chưa bao gồm dao siêu	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1610	05.0065.0168	Sinh thiết niêm mạc	Sinh thiết niêm mạc	T2	138,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1611	22.0306.1306	Nghiệm pháp Coombs gián tiếp (kỹ thuật	Nghiệm pháp Coombs gián tiếp (kỹ thuật		87,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1612	03.0499.0230	Điện châm điều trị viêm bàng quang cấp	Điện châm điều trị viêm bàng quang cấp	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1613	02.0484.0104	Đặt ống thông niệu quản qua nội soi (sonde	Đặt ống thông niệu quản qua nội soi (sonde JJ)	T2	950,500	Chưa bao gồm Sonde JJ.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1614	27.0366.0423	Phẫu thuật nội soi tạo hình niệu quản	Phẫu thuật nội soi tạo hình niệu quản	P1	3,279,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1615	18.0143.0033	Chụp X-quang niệu đạo bàng quang ngược	Chụp X-quang niệu đạo bàng quang ngược	T2	604,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1616	03.2390.0212	Tiêm tĩnh mạch	Tiêm tĩnh mạch	T3	15,100	Chỉ áp dụng với người	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1617	15.0240.0905	Nội soi thanh quản ống cứng lấy dị vật gây	Nội soi thanh quản ống cứng lấy dị vật gây	TDB	404,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1618	08.0269.0227	Cấy chỉ điều trị đái dầm	Cấy chỉ điều trị đái dầm	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1619	21.0090.0752	Đo đường kính giác mạc	Đo đường kính giác mạc		68,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1620	03.2181.0878	Trích áp xe quanh Amidan	Trích áp xe quanh Amidan	T1	295,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1621	16.0201.1028	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân	P2	398,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1622	03.1662.0819	Phẫu thuật lác thông thường	Phẫu thuật lác thông thường	P1	1,220,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1623	14.0188.0788	Phẫu thuật quặm tái phát	Phẫu thuật quặm tái phát [1 mi - gây mê]	P2	1,351,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1624	03.0167.0103	Đặt ống thông dạ dày	Đặt ống thông dạ dày	T3	101,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1625	20.0078.0145	Nội soi siêu âm trực tràng	Nội soi siêu âm trực tràng	T1	1,196,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1626	10.0319.0436	Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận	Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận	P1	1,920,900	Chưa bao gồm sonde JJ.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1627	16.0047.1014	Điều trị tủy răng có sử dụng laser và hàn kín	Điều trị tủy răng có sử dụng laser và hàn kín hệ	P3	455,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1628	02.0228.0164	Rút sonde dẫn lưu tụ dịch - máu quanh thận	Rút sonde dẫn lưu tụ dịch - máu quanh thận		194,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1629	18.0119.0029	Chụp X-quang ngực thẳng	Chụp X-quang ngực thẳng [số hóa 2 phim]		105,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1630	21.0037.1777	Ghi điện não đồ vi tính	Ghi điện não đồ vi tính		75,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1631	12.0058.1093	Tiêm xơ điều trị u máu vùng hàm mặt	Tiêm xơ điều trị u máu vùng hàm mặt	T2	869,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1632	01.0158.0074	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	T1	532,500	Bao gồm cả bóng dùng	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1633	03.3901.0563	Rút đinh các loại	Rút đinh các loại	P3	1,857,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1634	03.0598.0271	Thuỷ châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương	Thuỷ châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1635	08.0216.0230	Điện nhĩ châm điều trị viêm quanh khớp vai	Điện nhĩ châm điều trị viêm quanh khớp vai	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1636	12.0284.0683	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt	P2	3,217,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1637	03.0305.2046	Điện mãng châm điều trị động kinh cục bộ	Điện mãng châm điều trị động kinh cục bộ [kim	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1638	20.0073.0136	Nội soi đại, trực tràng có thể sinh thiết	Nội soi đại, trực tràng có thể sinh thiết	T1	468,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1639	10.1014.0530	Nắn, bó bột gãy Cổ xương đùi	Nắn, bó bột gãy Cổ xương đùi [bột tự cán]	T2	379,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1640	03.2265.0618	Phong bế ngoài màng cứng	Phong bế ngoài màng cứng	T2	682,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1641	05.0016.0329	Điều trị dày sừng ánh nắng bằng Plasma	Điều trị dày sừng ánh nắng bằng Plasma	T2	399,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1642	12.0091.0910	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính	P2	874,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1643	25.0015.1758	Chọc hút kim nhỏ các hạch	Chọc hút kim nhỏ các hạch	T3	308,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1644	10.0842.0559	Khâu phục hồi tổn thương gân duỗi	Khâu phục hồi tổn thương gân duỗi	P1	3,302,900	Chưa bao gồm gân nhân	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1645	03.1678.0795	Phẫu thuật quặm bằng ghép niêm mạc môi	Phẫu thuật quặm bằng ghép niêm mạc môi	P1	1,387,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1646	03.0300.2046	Điện mãng châm điều trị teo cơ	Điện mãng châm điều trị teo cơ [kim dài]	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1647	15.0149.0870	Phẫu thuật cắt Amidan	Phẫu thuật cắt Amidan	P2	1,217,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
1648	16.0054.1013	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	P3	861,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1649	10.0959.0573	Phẫu thuật chuyển da, cơ che phủ	Phẫu thuật chuyển da, cơ che phủ	P1	3,720,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1650	15.0218.0899	Bơm thuốc thanh quản	Bơm thuốc thanh quản	T3	22,000	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1651	08.0190.0230	Điện nhĩ châm điều trị cơn động kinh cục bộ	Điện nhĩ châm điều trị cơn động kinh cục bộ	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1652	22.0279.1269	Định nhóm máu hệ ABO (kỹ thuật ống	Định nhóm máu hệ ABO (kỹ thuật ống nghiệm)		42,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1653	24.0321.1674	Vi nấm nhuộm soi	Vi nấm nhuộm soi		45,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1654	08.0430.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1655	13.0199.0211	Đặt sonde hậu môn sơ sinh	Đặt sonde hậu môn sơ sinh		92,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1656	02.0292.0191	Nội soi hậu môn ống cứng can thiệp - thắt trĩ	Nội soi hậu môn ống cứng can thiệp - thắt trĩ	T2	283,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1657	16.0068.1031	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite	T2	280,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1658	08.0156.2046	Điện mãng châm điều trị giảm đau do thoái	Điện mãng châm điều trị giảm đau do thoái hóa	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1659	03.1956.1029	Nhổ chân răng sữa	Nhổ chân răng sữa	T1	46,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1660	08.0299.0230	Điện châm điều trị khàn tiếng	Điện châm điều trị khàn tiếng	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1661	03.0444.0227	Cấy chỉ điều trị viêm khớp dạng thấp	Cấy chỉ điều trị viêm khớp dạng thấp	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1662	10.0567.0584	Cắt u lành tính ống hậu môn (u cơ, polyp…)	Cắt u lành tính ống hậu môn (u cơ, polyp…)	P2	1,509,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1663	18.0119.0013	Chụp X-quang ngực thẳng	Chụp X-quang ngực thẳng [> 24x30 cm, 2 tư		77,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1664	10.0750.0559	Phẫu thuật tổn thương gân gấp của cổ tay và	Phẫu thuật tổn thương gân gấp của cổ tay và	P1	3,302,900	Chưa bao gồm gân nhân	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1665	10.0918.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới xương	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1666	10.1005.0528	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay	T1	300,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1667	23.0020.1493	Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]	Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]		22,400	Không thanh toán đối với	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1668	02.0255.0319	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng qua	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng qua đường	T1	677,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1669	03.0078.0120	Mở khí quản	Mở khí quản	P2	759,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1670	12.0007.1045	Cắt các loại u vùng mặt có đường kính 5 đến	Cắt các loại u vùng mặt có đường kính 5 đến 10	P1	1,208,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1671	21.0040.1777	Ghi điện não đồ thông thường	Ghi điện não đồ thông thường		75,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1672	03.3847.0528	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay [bột tự cán]	T1	300,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1673	03.0275.0238	Kéo nắn cột sống thắt lưng	Kéo nắn cột sống thắt lưng	T2	54,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1674	23.0199.1763	Định tính Porphyrin [niệu]	Định tính Porphyrin [niệu]		63,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1675	03.0310.2046	Điện mãng châm điều trị tổn thương dây, rễ	Điện mãng châm điều trị tổn thương dây, rễ và	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1676	24.0270.1720	Cryptosporidium test nhanh	Cryptosporidium test nhanh		261,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1677	17.0030.0232	Điều trị bằng tĩnh điện trường	Điều trị bằng tĩnh điện trường		41,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1678	08.0292.0230	Điện châm điều trị rối loạn tiểu tiện	Điện châm điều trị rối loạn tiểu tiện	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1679	08.0185.0230	Điện nhĩ châm điều trị viêm bàng quang	Điện nhĩ châm điều trị viêm bàng quang	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1680	03.0317.0230	Điện mãng châm điều trị hội chứng tiền đình	Điện mãng châm điều trị hội chứng tiền đình	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1681	03.0533.0271	Thuỷ châm điều trị liệt chi trên	Thuỷ châm điều trị liệt chi trên	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1682	03.3868.0526	Nắn, bó bột gãy Dupuytren	Nắn, bó bột gãy Dupuytren [bột tự cán]	T1	300,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1683	16.0070.1031	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng	T2	280,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1684	18.0119.0010	Chụp X-quang ngực thẳng	Chụp X-quang ngực thẳng [≤ 24x30 cm, 1 tư		58,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1685	13.0144.0721	Thủ thuật xoắn polyp cổ tử cung, âm đạo	Thủ thuật xoắn polyp cổ tử cung, âm đạo	T1	436,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1686	02.0384.0213	Tiêm khớp bàn ngón chân	Tiêm khớp bàn ngón chân	T3	104,400	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1687	10.0897.0543	Trật khớp háng bẩm sinh	Trật khớp háng bẩm sinh	P1	3,602,500	Chưa bao gồm đinh, nẹp,	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1688	10.1008.0521	Nắn, bó bột gãy Pouteau - Colles	Nắn, bó bột gãy Pouteau - Colles [bột liền]	T2	372,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1689	05.0069.0343	Phẫu thuật điều trị móng cuộn, móng quặp	Phẫu thuật điều trị móng cuộn, móng quặp	P2	893,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1690	03.2643.0558	Cắt u xương sườn 1 xương	Cắt u xương sườn 1 xương	P2	4,085,900	Chưa bao gồm phương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1691	03.1977.1067	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy lồi cầu	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy lồi cầu	P1	2,997,900	Chưa bao gồm nẹp, vít.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1692	08.0140.2046	Điện mãng châm điều trị khàn tiếng	Điện mãng châm điều trị khàn tiếng [kim dài]	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1693	03.1581.0781	Lấy dị vật hốc mắt	Lấy dị vật hốc mắt	P2	1,013,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1694	02.0304.0134	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng có sinh	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng có sinh	T1	493,800	Đã bao gồm chi phí Test	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1695	08.0467.0228	Cứu điều trị rối loạn tiểu tiện thể hàn	Cứu điều trị rối loạn tiểu tiện thể hàn	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1696	03.2384.0307	Test áp (Patch test) với các loại thuốc	Test áp (Patch test) với các loại thuốc	T1	546,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1697	22.0039.1289	Đo độ nhớt (độ quánh) máu toàn phần/huyết	Đo độ nhớt (độ quánh) máu toàn phần/huyết		55,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1698	08.0189.0230	Điện nhĩ châm điều trị bí đái cơ năng	Điện nhĩ châm điều trị bí đái cơ năng	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1699	03.0153.0162	Rửa toàn bộ hệ thống tiêu hóa (dạ dày, tiểu	Rửa toàn bộ hệ thống tiêu hóa (dạ dày, tiểu	T1	880,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1700	03.1657.0823	Phẫu thuật mộng đơn thuần	Phẫu thuật mộng đơn thuần	P2	960,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
1701	17.0069.0268	Tập với máy tập thăng bằng	Tập với máy tập thăng bằng	T3	33,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1702	22.0281.1281	Định nhóm máu khó hệ ABO (kỹ thuật ống	Định nhóm máu khó hệ ABO (kỹ thuật ống		222,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1703	02.0295.0498	Nội soi can thiệp - cắt 1 polyp ống tiêu hóa <	Nội soi can thiệp - cắt 1 polyp ống tiêu hóa < 1	T1	1,108,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1704	10.0719.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đòn	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đòn	P2	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1705	17.0091.0262	Tập mạnh cơ đáy chậu (cơ sàn chậu, pelvis	Tập mạnh cơ đáy chậu (cơ sàn chậu, pelvis	T3	318,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1706	15.0225.0933	Nội soi hoạt nghiệm thanh quản	Nội soi hoạt nghiệm thanh quản		116,100	Trường hợp chỉ nội soi	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1707	03.1683.0857	Tiêm cạnh nhãn cầu	Tiêm cạnh nhãn cầu	T2	55,000	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1708	12.0320.1190	Cắt u lành phần mềm đường kính dưới 10 cm	Cắt u lành phần mềm đường kính dưới 10 cm	P2	2,140,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1709	03.0411.0227	Cấy chỉ điều trị đau thần kinh toạ	Cấy chỉ điều trị đau thần kinh toạ	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1710	03.0576.0271	Thuỷ châm điều trị bệnh vảy nến	Thuỷ châm điều trị bệnh vảy nến	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1711	15.0235.0928	Nội soi thực quản ống mềm lấy dị vật gây	Nội soi thực quản ống mềm lấy dị vật gây	TDB	350,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1712	28.0016.1136	Tạo hình khuyết da đầu bằng vạt da tại chỗ	Tạo hình khuyết da đầu bằng vạt da tại chỗ	P1	5,363,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1713	08.0202.0230	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn kinh nguyệt	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn kinh nguyệt	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1714	10.0920.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương cẳng	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1715	03.3797.0571	Tháo bỏ các ngón chân	Tháo bỏ các ngón chân	P2	3,226,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1716	15.0081.0919	Phẫu thuật nội soi cắt polyp mũi	Phẫu thuật nội soi cắt polyp mũi [gây tê]	P2	489,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1717	10.1011.0513	Nắn, bó bột trong bong sụn tiếp khớp gối,	Nắn, bó bột trong bong sụn tiếp khớp gối, khớp	T2	282,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1718	03.0396.0230	Điện nhĩ châm điều trị đái dầm	Điện nhĩ châm điều trị đái dầm	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1719	24.0211.1668	HSV 1+2 IgG miễn dịch bán tự động	HSV 1+2 IgG miễn dịch bán tự động		168,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1720	16.0206.1026	Nhổ răng thừa	Nhổ răng thừa	T1	239,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1721	03.0584.0271	Thuỷ châm điều trị chứng tic	Thuỷ châm điều trị chứng tic	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1722	03.3803.0559	Nối gân gấp	Nối gân gấp	P1	3,302,900	Chưa bao gồm gân nhân	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1723	13.0192.0103	Đặt ống thông dạ dày (hút dịch hoặc nuôi	Đặt ống thông dạ dày (hút dịch hoặc nuôi		101,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1724	03.3826.0205	Thay băng, cắt chỉ vết mổ	Thay băng, cắt chỉ vết mổ [chiều dài > 50cm	T3	275,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1725	16.0046.1014	Điều trị tủy răng có sử dụng laser và hàn kín	Điều trị tủy răng có sử dụng laser và hàn kín hệ	P3	455,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1726	15.0112.0970	Phẫu thuật chỉnh hình vách ngăn	Phẫu thuật chỉnh hình vách ngăn	P2	3,526,900	Chưa bao gồm mũi	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1727	03.0695.0228	Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể	Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1728	13.0237.0620	Hút thai dưới siêu âm	Hút thai dưới siêu âm	T1	522,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1729	18.0119.0028	Chụp X-quang ngực thẳng	Chụp X-quang ngực thẳng [số hóa 1 phim]		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1730	03.0162.0139	Nội soi trực tràng cấp cứu	Nội soi trực tràng cấp cứu	T3	215,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1731	23.0148.1561	Định lượng T4 (Thyroxine) [Máu]	Định lượng T4 (Thyroxine) [Máu]		67,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1732	03.0470.0230	Điện châm điều trị chứng ù tai	Điện châm điều trị chứng ù tai	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1733	08.0013.0238	Kéo nắn cột sống cổ	Kéo nắn cột sống cổ	T2	54,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1734	02.0313.0159	Rửa dạ dày cấp cứu	Rửa dạ dày cấp cứu	T3	152,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1735	08.0417.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác cơ năng	Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác cơ năng	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1736	18.0119.0012	Chụp X-quang ngực thẳng	Chụp X-quang ngực thẳng [> 24x30 cm, 1 tư		64,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1737	05.0015.0329	Điều trị dày sừng da dầu bằng Plasma	Điều trị dày sừng da dầu bằng Plasma	T2	399,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1738	08.0471.0228	Cứu điều trị rối loạn kinh nguyệt thể hàn	Cứu điều trị rối loạn kinh nguyệt thể hàn	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1739	23.0213.1494	Định lượng Amylase [dịch]	Định lượng Amylase [dịch]		22,400	Mỗi chất	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1740	18.0120.0028	Chụp X-quang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi	Chụp X-quang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1741	03.3590.0492	Phẫu thuật thoát vị đùi đùi nghẹt	Phẫu thuật thoát vị đùi đùi nghẹt	P1	3,512,900	Chưa bao gồm tấm màng	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1742	24.0043.1714	Vibrio cholerae nhuộm soi	Vibrio cholerae nhuộm soi		74,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1743	23.0084.1506	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein		28,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1744	03.0613.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bệnh tự kỷ	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bệnh tự kỷ	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1745	15.0033.1001	Phẫu thuật mở hòm nhĩ kiểm tra/lấy tổn	Phẫu thuật mở hòm nhĩ kiểm tra/lấy tổn thương,	P2	1,646,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1746	18.0120.0010	Chụp X-quang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi	Chụp X-quang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi		58,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1747	08.0333.0271	Thuỷ châm điều trị trĩ	Thuỷ châm điều trị trĩ	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1748	13.0077.0689	Phẫu thuật nội soi bóc u lạc nội mạc tử cung	Phẫu thuật nội soi bóc u lạc nội mạc tử cung	P1	5,503,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1749	12.0264.1189	Cắt nang thừng tinh hai bên	Cắt nang thừng tinh hai bên	P2	3,300,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1750	27.0331.1196	Phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp xe tồn dư	Phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp xe tồn dư	P1	2,434,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1751	03.0360.0230	Điện nhĩ châm điều trị chứng nói ngọng, nói	Điện nhĩ châm điều trị chứng nói ngọng, nói lắp	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1752	08.0250.0227	Cấy chỉ điều trị thiểu năng tuần hoàn não	Cấy chỉ điều trị thiểu năng tuần hoàn não mạn	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1753	08.0197.0230	Điện nhĩ châm điều trị khàn tiếng	Điện nhĩ châm điều trị khàn tiếng	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
1754	03.1858.1013	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	P3	861,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1755	03.0481.0230	Điện châm điều trị thiếu máu não mạn tính	Điện châm điều trị thiếu máu não mạn tính	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1756	28.0397.0573	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng bàn	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng bàn	P1	3,720,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1757	15.0215.0895	Đốt họng hạt bằng nhiệt	Đốt họng hạt bằng nhiệt	T2	89,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1758	10.0549.0494	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển (phương pháp	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển (phương pháp	P2	2,816,900	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1759	03.3378.0494	Thắt trĩ có kèm bóc tách, cắt một bó trĩ	Thắt trĩ có kèm bóc tách, cắt một bó trĩ	P2	2,816,900	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1760	10.0525.0491	Làm hậu môn nhân tạo	Làm hậu môn nhân tạo	P2	2,683,900	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1761	10.0964.0559	Phẫu thuật nối gân gấp/kéo dài gân (1 gân)	Phẫu thuật nối gân gấp/kéo dài gân (1 gân)	P2	3,302,900	Chưa bao gồm gân nhân	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1762	18.0120.0012	Chụp X-quang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi	Chụp X-quang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi		64,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1763	16.0269.1068	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới bằng	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới bằng	P1	2,897,900	Chưa bao gồm nẹp, vít.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1764	15.0105.0969	Phẫu thuật chỉnh hình cuốn mũi dưới	Phẫu thuật chỉnh hình cuốn mũi dưới	P2	4,211,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1765	18.0085.0028	Chụp X-quang mỏm trâm	Chụp X-quang mỏm trâm [số hóa 1 phim]		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1766	03.2538.1060	Cắt bỏ u lành tính vùng tuyến nước bọt mang	Cắt bỏ u lành tính vùng tuyến nước bọt mang	P1	3,397,900	Chưa bao gồm máy dò	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1767	08.0256.0227	Cấy chỉ điều trị khản tiếng	Cấy chỉ điều trị khản tiếng	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1768	16.0272.1095	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má bằng	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má bằng nẹp	P1	2,636,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1769	10.0572.0577	Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh	Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh	P1	5,204,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1770	18.0085.0010	Chụp X-quang mỏm trâm	Chụp X-quang mỏm trâm [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]		58,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1771	23.0033.1470	Định lượng CA 19-9 (Carbohydrate Antigen	Định lượng CA 19-9 (Carbohydrate Antigen 19-		144,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1772	03.3849.0522	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay	T1	242,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1773	03.0335.2046	Điện mãng châm điều trị chứng tic	Điện mãng châm điều trị chứng tic [kim dài]	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1774	22.0161.1292	Định lượng huyết sắc tố (hemoglobin) bằng	Định lượng huyết sắc tố (hemoglobin) bằng		32,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1775	28.0396.0573	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng cẳng	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng cẳng	P1	3,720,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1776	18.0069.0028	Chụp X-quang mặt thấp hoặc mặt cao	Chụp X-quang mặt thấp hoặc mặt cao [số hóa 1		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1777	08.0440.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hóa	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hóa	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1778	15.0050.0994	Trích rạch màng nhĩ	Trích rạch màng nhĩ	T3	69,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1779	17.0042.0268	Tập đi với khung tập đi	Tập đi với khung tập đi		33,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1780	03.0426.0227	Cấy chỉ điều trị tổn thương dây, rễ và đám	Cấy chỉ điều trị tổn thương dây, rễ và đám rối	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1781	14.0065.0809	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc rời tự	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc rời tự thân,	P2	1,083,600	Chưa bao gồm chi phí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1782	23.0075.1494	Định lượng Glucose [Máu]	Định lượng Glucose [Máu]		22,400	Mỗi chất	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1783	03.3402.0491	Mở bụng thăm dò	Mở bụng thăm dò	P3	2,683,900	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1784	25.0075.1735	Nhuộm Diff - Quick	Nhuộm Diff - Quick		190,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1785	03.0686.0228	Cứu điều trị khản tiếng thể hàn	Cứu điều trị khản tiếng thể hàn	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1786	10.0898.0537	Phẫu thuật trật báng chè bẩm sinh	Phẫu thuật trật báng chè bẩm sinh	P1	3,411,300	Chưa bao gồm phương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1787	18.0069.0010	Chụp X-quang mặt thấp hoặc mặt cao	Chụp X-quang mặt thấp hoặc mặt cao [≤		58,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1788	13.0027.0617	Forceps	Forceps	T1	1,141,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1789	08.0439.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1790	10.0772.0548	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bánh chè	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bánh chè	P2	4,324,900	Chưa bao gồm kim hoặc	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1791	03.3608.0505	Dẫn lưu áp xe bìu/tinh hoàn	Dẫn lưu áp xe bìu/tinh hoàn	P2	218,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1792	03.2176.0892	Áp lạnh Amidan	Áp lạnh Amidan	T2	225,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1793	03.0320.2046	Điện mãng châm điều trị hen phế quản	Điện mãng châm điều trị hen phế quản [kim dài]	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1794	10.0342.0582	Lấy sỏi bàng quang lần 2, đóng lỗ rò bàng	Lấy sỏi bàng quang lần 2, đóng lỗ rò bàng	P1	3,433,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1795	08.0274.0227	Cấy chỉ điều trị hội chứng tiền mãn kinh	Cấy chỉ điều trị hội chứng tiền mãn kinh	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1796	23.0063.1514	Định lượng Ferritin [Máu]	Định lượng Ferritin [Máu]		84,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1797	03.1680.0788	Mổ quặm bẩm sinh	Mổ quặm bẩm sinh [1 mi - gây mê]	P2	1,351,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1798	03.0536.0271	Thuỷ châm điều trị liệt do bệnh của cơ	Thuỷ châm điều trị liệt do bệnh của cơ	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1799	03.3838.0530	Nắn, bó bột cột sống	Nắn, bó bột cột sống [bột tự cán]	T1	379,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1800	18.0068.0013	Chụp X-quang mặt thẳng nghiêng	Chụp X-quang mặt thẳng nghiêng [> 24x30 cm,		77,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1801	27.0378.0104	Nội soi nong niệu quản hẹp	Nội soi nong niệu quản hẹp	P1	950,500	Chưa bao gồm Sonde JJ.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1802	03.3846.0516	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ	T1	256,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1803	03.0607.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh toạ	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh toạ	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1804	03.3493.0421	Lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại	Lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại	P1	4,569,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1805	08.0221.0230	Điện nhĩ châm điều trị liệt rễ, đám rối dây	Điện nhĩ châm điều trị liệt rễ, đám rối dây thần	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1806	24.0316.1674	Trichinella spiralis (Giun xoắn) soi mảnh	Trichinella spiralis (Giun xoắn) soi mảnh sinh		45,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	MA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
1807	22.0291.1280	Định nhóm máu hệ Rh(D) (kỹ thuật ống	Định nhóm máu hệ Rh(D) (kỹ thuật ống		33,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1808	02.0289.0143	Nội soi ổ bụng có sinh thiết	Nội soi ổ bụng có sinh thiết	TDB	1,095,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1809	03.0339.2046	Điện mãng châm điều trị rối loạn đại, tiểu	Điện mãng châm điều trị rối loạn đại, tiểu tiện	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1810	07.0232.0367	Tháo móng quặp trên người bệnh đái tháo	Tháo móng quặp trên người bệnh đái tháo	T2	452,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1811	27.0336.1210	Phẫu thuật nội soi hỗ trợ trong mổ mở	Phẫu thuật nội soi hỗ trợ trong mổ mở	P1	2,913,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1812	10.0878.0559	Phẫu thuật tổn thương gân cơ mác bên	Phẫu thuật tổn thương gân cơ mác bên	P2	3,302,900	Chưa bao gồm gân nhân	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1813	18.0068.0029	Chụp X-quang mặt thẳng nghiêng	Chụp X-quang mặt thẳng nghiêng [số hóa 2		105,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1814	03.0302.2046	Điện mãng châm điều trị bại não	Điện mãng châm điều trị bại não [kim dài]	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1815	28.0014.0574	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da dày	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da dày [diện	P2	4,699,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1816	01.0137.0209	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức	T1	625,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1817	02.0363.0086	Hút ổ viêm/áp xe phần mềm	Hút ổ viêm/áp xe phần mềm	T3	126,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1818	03.0446.0227	Cấy chỉ điều trị đau lưng	Cấy chỉ điều trị đau lưng	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1819	02.0401.0213	Tiêm gân gấp ngón tay	Tiêm gân gấp ngón tay	T3	104,400	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1820	03.0551.0271	Thuỷ châm điều trị stress	Thuỷ châm điều trị stress	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1821	02.0216.0152	Nội soi bàng quang gắp dị vật bàng quang	Nội soi bàng quang gắp dị vật bàng quang	T1	953,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1822	15.0128.1002	Phẫu thuật nội soi mở lỗ thông mũi xoang	Phẫu thuật nội soi mở lỗ thông mũi xoang qua	P3	1,075,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1823	03.0350.2046	Điện mãng châm điều trị đau răng	Điện mãng châm điều trị đau răng [kim ngắn]	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1824	08.0251.0227	Cấy chỉ điều trị đau thần kinh liên sườn	Cấy chỉ điều trị đau thần kinh liên sườn	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1825	13.0064.0690	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung bán phần	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung bán phần	P1	6,346,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1826	03.1846.1013	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	P3	861,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1827	03.3041.0329	Điều trị các thương tổn có sùi bằng đốt điện,	Điều trị các thương tổn có sùi bằng đốt điện,	T2	399,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1828	03.0089.0898	Khí dung thuốc cấp cứu	Khí dung thuốc cấp cứu		27,500	Chưa bao gồm thuốc khí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1829	03.3848.0528	Nắn, bó bột gãy trên lồi cầu xương cánh tay	Nắn, bó bột gãy trên lồi cầu xương cánh tay trẻ	T1	300,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1830	03.1689.0785	Lấy calci đông dưới kết mạc	Lấy calci đông dưới kết mạc	T3	40,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1831	23.0104.1532	Định lượng Lactat (Acid Lactic) [Máu]	Định lượng Lactat (Acid Lactic) [Máu]		100,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1832	08.0481.0235	Giác hơi điều trị các chứng đau	Giác hơi điều trị các chứng đau	T3	36,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1833	15.0130.0922	Đốt điện cuốn mũi dưới	Đốt điện cuốn mũi dưới [gây tê]	T2	489,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1834	15.0129.0921	Nội soi chọc thông xoang trán/xoang bướm	Nội soi chọc thông xoang trán/xoang bướm	T1	310,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1835	03.3556.0705	Tạo hình âm đạo	Tạo hình âm đạo	P1	4,230,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1836	24.0156.1612	HAV IgM miễn dịch bán tự động	HAV IgM miễn dịch bán tự động		116,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1837	10.0725.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương cánh	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1838	16.0197.1036	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ	P3	369,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1839	03.3838.0529	Nắn, bó bột cột sống	Nắn, bó bột cột sống [bột liền]	T1	659,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1840	08.0359.0271	Thuỷ châm điều trị đau dây V	Thuỷ châm điều trị đau dây V	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1841	16.0045.1013	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín	P3	861,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1842	03.0316.2046	Điện mãng châm điều trị giảm thị lực do teo	Điện mãng châm điều trị giảm thị lực do teo gai	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1843	24.0163.1696	HEV Ab test nhanh	HEV Ab test nhanh		130,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1844	23.0060.1496	Định lượng Ethanol (cồn) [Máu]	Định lượng Ethanol (cồn) [Máu]		33,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1845	08.0312.0230	Điện châm điều trị đau răng	Điện châm điều trị đau răng	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1846	08.0213.0230	Điện nhĩ châm điều trị đau răng	Điện nhĩ châm điều trị đau răng	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1847	10.0405.0156	Nong niệu đạo	Nong niệu đạo	T1	273,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1848	15.0058.0899	Làm thuốc tai	Làm thuốc tai	T3	22,000	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1849	03.3874.0515	Nắn, cố định trật khớp hàm	Nắn, cố định trật khớp hàm [bột liền]	T1	434,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1850	05.0017.0329	Điều trị sẩn cục bằng Plasma	Điều trị sẩn cục bằng Plasma	T2	399,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1851	25.0074.1736	Nhuộm phiến đồ tế bào theo Papanicolaou	Nhuộm phiến đồ tế bào theo Papanicolaou		417,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1852	03.3841.0528	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay	T1	300,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1853	05.0047.0329	Điều trị dày sừng da dầu bằng đốt điện	Điều trị dày sừng da dầu bằng đốt điện	T2	399,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1854	24.0193.1632	CMV IgM miễn dịch bán tự động	CMV IgM miễn dịch bán tự động		142,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1855	03.0658.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hóa	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hóa	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1856	08.0450.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng phân ly	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng phân ly	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1857	03.0616.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1858	03.0295.2046	Điện mãng châm điều trị liệt chi trên	Điện mãng châm điều trị liệt chi trên [kim dài]	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1859	08.0194.0230	Điện nhĩ châm điều trị đau dây thần kinh V	Điện nhĩ châm điều trị đau dây thần kinh V	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
1860	13.0079.0689	Phẫu thuật nội soi cắt u nang hoặc cắt buồng	Phẫu thuật nội soi cắt u nang hoặc cắt buồng	P1	5,503,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1861	23.0040.1507	Đo hoạt độ Cholinesterase (ChE) [Máu]	Đo hoạt độ Cholinesterase (ChE) [Máu]		28,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1862	17.0064.0268	Tập với giàn treo các chi	Tập với giàn treo các chi		33,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1863	27.0357.0418	Phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi bể	Phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi bể thận	P1	4,497,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1864	03.3889.0556	Kết hợp xương bằng đinh Sign không mở ổ	Kết hợp xương bằng đinh Sign không mở ổ gãy	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1865	10.0611.0582	Cắt chỏm nang gan	Cắt chỏm nang gan	P1	3,433,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1866	03.1846.1015	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	P3	991,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1867	08.0321.0230	Điện châm điều trị chứng tic cơ mặt	Điện châm điều trị chứng tic cơ mặt	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1868	15.0053.1002	Phẫu thuật nạo vét sụn vành tai	Phẫu thuật nạo vét sụn vành tai	P3	1,075,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1869	10.0688.0583	Phẫu thuật rò, nang ống rốn tràng, niệu rốn	Phẫu thuật rò, nang ống rốn tràng, niệu rốn	P2	2,396,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1870	03.1667.0770	Khâu giác mạc	Khâu giác mạc [đơn thuần]	P1	799,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1871	08.0392.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng thắt	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng thắt lưng-	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1872	28.0033.0773	Xử lý vết thương phần mềm nông vùng mi	Xử lý vết thương phần mềm nông vùng mi mắt	P3	1,043,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1873	08.0150.2046	Điện mãng châm điều trị táo bón kéo dài	Điện mãng châm điều trị táo bón kéo dài	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1874	15.0046.0872	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ [gây tê]	P3	580,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1875	18.0068.0011	Chụp X-quang mặt thẳng nghiêng	Chụp X-quang mặt thẳng nghiêng [≤ 24x30 cm,		64,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1876	13.0052.0626	Khâu vòng cổ tử cung	Khâu vòng cổ tử cung	T1	582,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1877	23.0222.1596	Đo tỷ trọng dịch chọc dò	Đo tỷ trọng dịch chọc dò		28,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1878	03.3911.0203	Thay băng, cắt chỉ	Thay băng, cắt chỉ [chiều dài từ trên 15 cm đến	T2	148,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1879	23.0188.1586	Định tính Marijuana (THC) (test nhanh)	Định tính Marijuana (THC) (test nhanh) [niệu]		44,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1880	08.0265.0227	Cấy chỉ hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp	Cấy chỉ hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1881	18.0068.0028	Chụp X-quang mặt thẳng nghiêng	Chụp X-quang mặt thẳng nghiêng [số hóa 1		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1882	23.0058.1487	Điện giải đồ (Na, K, Cl) [Máu]	Điện giải đồ (Na, K, Cl) [Máu]		30,200	Áp dụng cho cả trường	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1883	08.0360.0271	Thuỷ châm điều trị đau liệt tứ chi do chấn	Thuỷ châm điều trị đau liệt tứ chi do chấn	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1884	28.0161.0576	Phẫu thuật khâu đơn giản vết thương vùng	Phẫu thuật khâu đơn giản vết thương vùng mặt	P3	2,767,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1885	03.2240.0914	Phẫu thuật nạo VA gây mê	Phẫu thuật nạo VA gây mê	P2	852,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1886	14.0198.0784	Lấy máu làm huyết thanh	Lấy máu làm huyết thanh		69,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1887	08.0310.0230	Điện châm điều trị viêm mũi xoang	Điện châm điều trị viêm mũi xoang	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1888	03.1938.1035	Trám bít hố rãnh với Glassionomer Cement	Trám bít hố rãnh với Glassionomer Cement	T1	245,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1889	03.0356.0230	Điện nhĩ châm điều trị liệt do bệnh của cơ	Điện nhĩ châm điều trị liệt do bệnh của cơ	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1890	12.0013.0834	Cắt các u nang mang	Cắt các u nang mang	P1	1,322,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1891	16.0061.1011	Điều trị tủy lại	Điều trị tủy lại	P3	987,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1892	08.0219.0230	Điện nhĩ châm điều trị ù tai	Điện nhĩ châm điều trị ù tai	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1893	02.0215.0149	Nội soi bàng quang để sinh thiết bàng quang	Nội soi bàng quang để sinh thiết bàng quang đa	T1	720,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1894	03.0367.0230	Điện nhĩ châm điều trị mất ngủ	Điện nhĩ châm điều trị mất ngủ	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1895	11.0042.1130	Ghép da tự thân tem thư (post stam graft)	Ghép da tự thân tem thư (post stam graft) dưới	P1	3,777,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1896	03.0582.0271	Thuỷ châm điều trị viêm quanh khớp vai	Thuỷ châm điều trị viêm quanh khớp vai	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1897	13.0136.0628	Làm lại vết mổ thành bụng (bục, tụ máu,	Làm lại vết mổ thành bụng (bục, tụ máu, nhiễm	P3	2,833,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1898	15.0045.0909	Phẫu thuật cắt bỏ u nang vành tai, u bã đậu	Phẫu thuật cắt bỏ u nang vành tai, u bã đậu dái	P3	1,385,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1899	20.0072.0191	Nội soi trực tràng - hậu môn thắt trĩ	Nội soi trực tràng - hậu môn thắt trĩ	T2	283,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1900	10.0497.0489	Cắt bỏ u mạc nối lớn	Cắt bỏ u mạc nối lớn	P2	5,141,100	Chưa bao gồm khóa kẹp	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1901	03.0657.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1902	03.0461.0230	Điện châm điều trị di chứng bại liệt	Điện châm điều trị di chứng bại liệt	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1903	28.0330.0573	Phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng	Phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng	P2	3,720,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1904	18.0098.0010	Chụp X-quang khung chậu thẳng	Chụp X-quang khung chậu thẳng [≤ 24x30 cm,		58,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1905	23.0024.1464	Định lượng bhCG (Beta human Chorionic	Định lượng bhCG (Beta human Chorionic		89,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1906	03.0501.0230	Điện châm điều rối loạn trị đại, tiểu tiện	Điện châm điều rối loạn trị đại, tiểu tiện	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1907	03.0505.0230	Điện châm điều trị đái dầm	Điện châm điều trị đái dầm	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1908	03.3036.0329	Điều trị hạt cơm phẳng bằng đốt điện,	Điều trị hạt cơm phẳng bằng đốt điện, plasma,	T3	399,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1909	25.0027.1735	Tế bào học dịch rửa ổ bụng	Tế bào học dịch rửa ổ bụng		190,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1910	03.1667.0771	Khâu giác mạc	Khâu giác mạc [phức tạp]	P1	1,244,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1911	07.0225.0200	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	T3	64,300	Chưa bao gồm gạc	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1912	07.0225.0203	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	T3	148,600	Chưa bao gồm gạc	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
1913	03.3905.0563	Rút chỉ thép xương ức	Rút chỉ thép xương ức	P2	1,857,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1914	13.0083.0689	Phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng và phần	Phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng và phần	P1	5,503,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1915	10.0293.0411	Phẫu thuật điều trị bệnh lý mủ màng phổi	Phẫu thuật điều trị bệnh lý mủ màng phổi	P1	7,392,200	Chưa bao gồm các loại	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1916	03.3866.0526	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân	T1	300,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1917	15.0235.0926	Nội soi thực quản ống mềm lấy dị vật gây	Nội soi thực quản ống mềm lấy dị vật gây	TDB	774,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1918	24.0001.1714	Vi khuẩn nhuộm soi	Vi khuẩn nhuộm soi		74,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1919	21.0008.1779	Nghiệm pháp gắng sức điện tâm đồ	Nghiệm pháp gắng sức điện tâm đồ	T2	236,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1920	10.0912.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy phức tạp vùng	Phẫu thuật kết hợp xương gãy phức tạp vùng	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1921	01.0231.0298	Đặt ống thông Blakemore vào thực quản cầm	Đặt ống thông Blakemore vào thực quản cầm	T1	885,800	Chưa bao gồm bộ ống	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1922	03.1680.0793	Mổ quặm bẩm sinh	Mổ quặm bẩm sinh [3 mi - gây mê]	P2	1,833,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1923	01.0077.1888	Thay ống nội khí quản	Thay ống nội khí quản	T1	600,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1924	03.0102.0200	Chăm sóc lỗ mở khí quản	Chăm sóc lỗ mở khí quản		64,300	Chỉ áp dụng với người	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1925	08.0014.0238	Kéo nắn cột sống thắt lưng	Kéo nắn cột sống thắt lưng	T2	54,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1926	03.0336.2046	Điện mãng châm điều trị viêm co cứng cơ	Điện mãng châm điều trị viêm co cứng cơ delta	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1927	03.3038.0329	Điều trị dày sừng da dầu, ánh sáng bằng đốt	Điều trị dày sừng da dầu, ánh sáng bằng đốt	T2	399,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1928	10.0862.0571	Phẫu thuật làm mỏm cụt ngón và đốt bàn	Phẫu thuật làm mỏm cụt ngón và đốt bàn ngón	P2	3,226,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1929	03.0553.0271	Thuỷ châm điều trị tổn thương rễ, đám rối và	Thuỷ châm điều trị tổn thương rễ, đám rối và	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1930	24.0263.1665	Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi	Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi		41,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1931	03.2736.0591	Mổ bóc nhân xơ vú	Mổ bóc nhân xơ vú	P2	1,079,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1932	03.1848.1012	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	T1	631,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1933	03.0424.0227	Cấy chỉ điều trị mất ngủ	Cấy chỉ điều trị mất ngủ	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1934	03.1839.1031	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng	T2	280,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1935	27.0349.0420	Phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang thận sau	Phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang thận sau phúc	P2	4,596,000	Chưa bao gồm dao siêu	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1936	16.0053.1013	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	P3	861,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1937	01.0131.0209	Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương	Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương	T1	625,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1938	17.0071.0270	Tập với xe đạp tập	Tập với xe đạp tập		14,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1939	03.3007.0076	Chăm sóc người bệnh dị ứng thuốc nặng:	Chăm sóc người bệnh dị ứng thuốc nặng: Lyell,	T1	181,000	Áp dụng với người bệnh	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1940	03.0326.0230	Điện mãng châm điều trị sa dạ dày	Điện mãng châm điều trị sa dạ dày [kim ngắn]	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1941	18.0098.0012	Chụp X-quang khung chậu thẳng	Chụp X-quang khung chậu thẳng [> 24x30 cm,		64,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1942	13.0110.0651	Phẫu thuật cắt âm vật phì đại	Phẫu thuật cắt âm vật phì đại	P2	2,892,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1943	03.3831.0525	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ O	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ O [bột liền]	T1	372,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1944	13.0002.0672	Phẫu thuật lấy thai lần hai trở lên	Phẫu thuật lấy thai lần hai trở lên	P1	3,376,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1945	14.0207.0738	Trích chắp, lẹo, nang lông mi; trích áp xe mi,	Trích chắp, lẹo, nang lông mi; trích áp xe mi,	T2	85,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1946	14.0267.0750	Đo độ dày giác mạc	Đo độ dày giác mạc	T2	145,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1947	28.0009.1044	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vùng da đầu	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vùng da đầu	P3	771,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1948	10.0551.0494	Phẫu thuật lấy toàn bộ trĩ vòng	Phẫu thuật lấy toàn bộ trĩ vòng	P1	2,816,900	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1949	02.0307.0136	Nội soi đại tràng sigma ỏ có sinh thiết	Nội soi đại tràng sigma ỏ có sinh thiết	T2	468,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1950	13.0146.0612	Điều trị viêm dính tiểu khung bằng hồng	Điều trị viêm dính tiểu khung bằng hồng ngoại,		389,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1951	14.0263.0751	Xác định sơ đồ song thị	Xác định sơ đồ song thị	T3	77,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1952	14.0239.0011	Chụp lỗ thị giác	Chụp lỗ thị giác [≤ 24x30 cm, 2 tư thế]	T2	64,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1953	03.0336.0230	Điện mãng châm điều trị viêm co cứng cơ	Điện mãng châm điều trị viêm co cứng cơ delta	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1954	22.0267.1294	Hiệu giá kháng thể tự nhiên chống A, B (kỹ	Hiệu giá kháng thể tự nhiên chống A, B (kỹ		43,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1955	03.0355.0230	Điện nhĩ châm điều trị bại não	Điện nhĩ châm điều trị bại não	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1956	10.0393.0583	Điều trị đái rỉ ở nữ bàng đặt miếng nâng niệu	Điều trị đái rỉ ở nữ bàng đặt miếng nâng niệu	P2	2,396,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1957	23.0138.1554	Định lượng PSA tự do (Free prostate-	Định lượng PSA tự do (Free prostate-Specific		89,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1958	10.0736.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy Monteggia	Phẫu thuật kết hợp xương gãy Monteggia	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1959	03.3863.0514	Nắn, bó bột trật khớp gối	Nắn, bó bột trật khớp gối [bột tự cán]	T2	182,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1960	03.0433.0227	Cấy chỉ điều trị viêm xoang	Cấy chỉ điều trị viêm xoang	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1961	12.0071.1038	Cắt bỏ nang xương hàm dưới 2 cm	Cắt bỏ nang xương hàm dưới 2 cm	P2	952,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1962	22.0008.1353	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time)	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) bằng		43,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1963	08.0257.0227	Cấy chỉ điều trị liệt chi trên	Cấy chỉ điều trị liệt chi trên	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1964	22.0275.1327	Phản ứng hoà hợp có sử dụng kháng globulin	Phản ứng hoà hợp có sử dụng kháng globulin		80,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1965	10.0352.0425	Phẫu thuật cắt túi thừa bàng quang	Phẫu thuật cắt túi thừa bàng quang	P1	6,140,200	Chưa bao gồm dao siêu	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
1966	23.0077.1518	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)		20,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1967	16.0071.1018	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement	T2	369,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1968	08.0427.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nấc	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nấc	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1969	15.0059.0908	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài	T2	70,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1970	03.0564.0271	Thuỷ châm điều trị viêm xoang	Thuỷ châm điều trị viêm xoang	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1971	11.0024.1109	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu từ 3% - 5%	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu từ 3% - 5%	P1	3,718,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1972	08.0455.0228	Cứu điều trị khàn tiếng thể hàn	Cứu điều trị khàn tiếng thể hàn	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1973	10.0411.0584	Cắt hẹp bao quy đầu	Cắt hẹp bao quy đầu	P3	1,509,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1974	15.0134.0912	Nâng xương chính mũi sau chấn thương	Nâng xương chính mũi sau chấn thương [gây	P3	2,804,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1975	10.0998.0527	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay	T1	372,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1976	03.0341.0230	Điện mãng châm điều trị rối loạn tiêu hóa	Điện mãng châm điều trị rối loạn tiêu hóa [kim	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1977	03.0385.0230	Điện nhĩ châm điều trị tăng huyết áp	Điện nhĩ châm điều trị tăng huyết áp	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1978	15.0302.0075	Cắt chỉ sau phẫu thuật	Cắt chỉ sau phẫu thuật		40,300	Chỉ áp dụng với người	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1979	16.0053.1014	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	P3	455,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1980	03.0273.2045	Mai hoa châm	Mai hoa châm	T3	83,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1981	21.0073.0750	Đo bản đồ giác mạc	Đo bản đồ giác mạc		145,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1982	03.3494.0421	Lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang	Lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang	P1	4,569,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1983	18.0098.0028	Chụp X-quang khung chậu thẳng	Chụp X-quang khung chậu thẳng [số hóa 1		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1984	03.0306.0230	Điện mãng châm điều trị tâm căn suy nhược	Điện mãng châm điều trị tâm căn suy nhược	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1985	22.0149.1594	Xét nghiệm tế bào cặn nước tiểu (bằng	Xét nghiệm tế bào cặn nước tiểu (bằng phương		44,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1986	03.1677.0790	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf,	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf,	P2	1,572,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1987	11.0056.1119	Ghép da đồng loại dưới 10% diện tích cơ thể	Ghép da đồng loại dưới 10% diện tích cơ thể	P3	2,093,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1988	18.0100.0013	Chụp X-quang khớp vai thẳng	Chụp X-quang khớp vai thẳng [> 24x30 cm, 2		77,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1989	17.0053.0267	Tập vận động có trợ giúp	Tập vận động có trợ giúp	T3	59,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1990	08.0397.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1991	14.0255.0755	Đo nhãn áp	Đo nhãn áp		31,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1992	03.0566.0271	Thuỷ châm điều trị hen phế quản	Thuỷ châm điều trị hen phế quản	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1993	15.0049.0971	Phẫu thuật nội soi đặt ống thông khí màng	Phẫu thuật nội soi đặt ống thông khí màng nhĩ	P3	3,209,900	Đã bao gồm chi phí mũi	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1994	23.0103.1531	Xét nghiệm Khí máu [Máu]	Xét nghiệm Khí máu [Máu]		224,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1995	08.0142.2046	Điện mãng châm điều trị liệt chi dưới	Điện mãng châm điều trị liệt chi dưới [kim dài]	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1996	08.0258.0227	Cấy chỉ điều trị liệt chi dưới	Cấy chỉ điều trị liệt chi dưới	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1997	28.0394.0573	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng đùi	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng đùi	P1	3,720,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1998	03.0992.0868	Nội soi cầm máu mũi không sử dụng	Nội soi cầm máu mũi không sử dụng Meroxeo	T1	216,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
1999	08.0154.2046	Điện mãng châm điều trị viêm đa khớp dạng	Điện mãng châm điều trị viêm đa khớp dạng	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2000	03.3850.0521	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay	T1	372,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2001	03.0389.0230	Điện nhĩ châm điều trị trĩ	Điện nhĩ châm điều trị trĩ	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2002	03.2183.0893	Đốt lạnh họng hạt	Đốt lạnh họng hạt	T2	141,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2003	27.0187.2039	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa	P2	2,818,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2004	10.0778.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mâm chày +	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mâm chày + thân	PDB	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2005	18.0100.0029	Chụp X-quang khớp vai thẳng	Chụp X-quang khớp vai thẳng [số hóa 2 phim]		105,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2006	18.0100.0028	Chụp X-quang khớp vai thẳng	Chụp X-quang khớp vai thẳng [số hóa 1 phim]		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2007	08.0272.0227	Cấy chỉ điều trị đau bụng kinh	Cấy chỉ điều trị đau bụng kinh	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2008	17.0111.0265	Tập sửa lỗi phát âm	Tập sửa lỗi phát âm		124,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2009	03.0496.0230	Điện châm điều trị viêm co cứng cơ delta	Điện châm điều trị viêm co cứng cơ delta	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2010	03.3811.0571	Cắt lọc da, cơ, cân trên 3% diện tích cơ thể	Cắt lọc da, cơ, cân trên 3% diện tích cơ thể	P2	3,226,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2011	10.0356.0436	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang	P2	1,920,900	Chưa bao gồm sonde JJ.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2012	03.0515.0230	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2013	03.1078.0148	Nội soi bàng quang	Nội soi bàng quang [nhi]	T2	975,300	Chưa bao gồm sonde JJ.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2014	20.0080.0135	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng	T2	276,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2015	22.0124.1298	Huyết đồ (bằng máy đếm tổng trở)	Huyết đồ (bằng máy đếm tổng trở)		74,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2016	24.0255.1700	Rubella virus IgM miễn dịch bán tự động	Rubella virus IgM miễn dịch bán tự động		156,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2017	21.0092.0755	Đo nhãn áp	Đo nhãn áp		31,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2018	18.0100.0012	Chụp X-quang khớp vai thẳng	Chụp X-quang khớp vai thẳng [> 24x30 cm, 1		64,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
2019	03.0589.0271	Thuỷ châm điều trị táo bón	Thuỷ châm điều trị táo bón	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2020	03.0473.0230	Điện châm điều trị khàn tiếng	Điện châm điều trị khàn tiếng	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2021	14.0162.0796	Rửa tiền phòng (máu, xuất tiết, mủ, hóa	Rửa tiền phòng (máu, xuất tiết, mủ, hóa chất...)	P2	830,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2022	15.0056.0882	Chọc hút dịch vành tai	Chọc hút dịch vành tai	T3	64,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2023	08.0026.0222	Bó thuốc	Bó thuốc	T3	57,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2024	03.0517.0230	Điện châm điều trị giảm đau do Zona	Điện châm điều trị giảm đau do Zona	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2025	21.0082.0843	Đo sắc giác	Đo sắc giác		80,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2026	17.0041.0268	Tập đi với thanh song song	Tập đi với thanh song song		33,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2027	08.0018.0246	Nắn, bó gãy xương cẳng chân bằng phương	Nắn, bó gãy xương cẳng chân bằng phương	T2	119,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2028	16.0286.1068	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng cung cố	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng cung cố định	P1	2,897,900	Chưa bao gồm nẹp, vít.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2029	03.1677.0791	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf,	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf,	P2	935,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2030	10.0681.0492	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương	P2	3,512,900	Chưa bao gồm tấm màng	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2031	08.0393.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2032	08.0459.0228	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2033	08.0006.0271	Thủy châm	Thủy châm	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2034	12.0068.0834	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính dưới 3	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính dưới 3 cm	P1	1,322,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2035	08.0153.2046	Điện mãng châm điều trị đau răng	Điện mãng châm điều trị đau răng [kim dài]	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2036	03.2729.0683	Cắt u nang buồng trứng xoắn	Cắt u nang buồng trứng xoắn	P2	3,217,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2037	08.0317.0230	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2038	03.0528.0230	Điện châm điều trị đau mỏi cơ	Điện châm điều trị đau mỏi cơ	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2039	18.0100.0010	Chụp X-quang khớp vai thẳng	Chụp X-quang khớp vai thẳng [≤ 24x30 cm, 1		58,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2040	03.0085.0094	Mở màng phổi tối thiểu	Mở màng phổi tối thiểu	T2	628,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2041	03.0523.0230	Điện châm điều trị đau ngực sườn	Điện châm điều trị đau ngực sườn	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2042	18.0101.0012	Chụp X-quang khớp vai nghiêng hoặc chếch	Chụp X-quang khớp vai nghiêng hoặc chếch		64,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2043	10.0773.0548	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương bánh	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương bánh chè	P1	4,324,900	Chưa bao gồm kim hoặc	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2044	08.0127.2046	Điện mãng châm điều trị thống kinh	Điện mãng châm điều trị thống kinh	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2045	23.0026.1493	Định lượng Bilirubin gián tiếp [Máu]	Định lượng Bilirubin gián tiếp [Máu]		22,400	Không thanh toán đối với	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2046	16.0337.1053	Nắn sai khớp thái dương hàm đến muộn có	Nắn sai khớp thái dương hàm đến muộn có gây	T1	1,832,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2047	08.0201.0230	Điện nhĩ châm điều trị thống kinh	Điện nhĩ châm điều trị thống kinh	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2048	14.0161.0748	Tập nhược thị	Tập nhược thị		43,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2049	15.0054.0902	Lấy dị vật tai	Lấy dị vật tai [kính hiển vi, gây mê]	T2	530,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2050	08.0305.0230	Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác	Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2051	10.0394.0435	Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ	Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ	P1	2,490,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2052	18.0101.0010	Chụp X-quang khớp vai nghiêng hoặc chếch	Chụp X-quang khớp vai nghiêng hoặc chếch		58,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2053	03.0421.0227	Cấy chỉ điều trị hội chứng ngoại tháp	Cấy chỉ điều trị hội chứng ngoại tháp	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2054	18.0101.0028	Chụp X-quang khớp vai nghiêng hoặc chếch	Chụp X-quang khớp vai nghiêng hoặc chếch		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2055	10.0482.0455	Tháo xoắn ruột non	Tháo xoắn ruột non	P2	2,705,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2056	03.3858.0530	Nắn, bó bột gãy xương chậu	Nắn, bó bột gãy xương chậu [bột tự cán]	T1	379,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2057	24.0134.1615	HBeAb miễn dịch bán tự động	HBeAb miễn dịch bán tự động		104,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2058	01.0243.0095	Dẫn lưu ổ bụng trong viêm tụy cấp	Dẫn lưu ổ bụng trong viêm tụy cấp [dưới hướng	T2	729,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2059	22.0015.1308	Nghiệm pháp rượu (Ethanol test)	Nghiệm pháp rượu (Ethanol test)		31,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2060	01.0134.0209	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức	T1	625,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2061	03.0146.0083	Chọc dò tủy sống trẻ sơ sinh	Chọc dò tủy sống trẻ sơ sinh	T1	126,900	Chưa bao gồm kim chọc	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2062	15.0046.0954	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ [gây mê]	P3	3,209,900	Đã bao gồm chi phí mũi	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2063	18.0122.0013	Chụp X-quang khớp ức đòn thẳng chếch	Chụp X-quang khớp ức đòn thẳng chếch [>		77,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2064	03.2534.1047	Cắt bỏ nang xương hàm dưới 2 cm	Cắt bỏ nang xương hàm dưới 2 cm	P2	3,228,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2065	20.0070.0500	Nội soi đại tràng - lấy dị vật	Nội soi đại tràng - lấy dị vật	T1	1,743,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2066	10.0326.0421	Lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại	Lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại	P1	4,569,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2067	03.3793.0577	Cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắn chỉnh	Cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắn chỉnh cố	P3	5,204,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2068	24.0269.1674	Strongyloides stercoralis (Giun lươn) ấu	Strongyloides stercoralis (Giun lươn) ấu trùng		45,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2069	12.0070.1039	Cắt nang răng đường kính dưới 2 cm	Cắt nang răng đường kính dưới 2 cm	P2	521,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2070	14.0172.0772	Khâu phục hồi bờ mi	Khâu phục hồi bờ mi	P2	813,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2071	05.0018.0329	Điều trị bớt sùi bằng Plasma	Điều trị bớt sùi bằng Plasma	T2	399,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
2072	03.0672.0228	Cứu điều trị đau thần kinh toạ thể hàn	Cứu điều trị đau thần kinh toạ thể hàn	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2073	08.0223.0230	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh thực	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2074	08.0003.2045	Mãng châm	Mãng châm	T1	83,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2075	03.3884.0573	Đục nạo xương viêm và chuyển vạt che phủ	Đục nạo xương viêm và chuyển vạt che phủ	P1	3,720,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2076	10.0172.0582	Phẫu thuật thắt các mạch máu lớn ngoại vi	Phẫu thuật thắt các mạch máu lớn ngoại vi	P1	3,433,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2077	03.1816.1041	Phẫu thuật cắt phanh môi	Phẫu thuật cắt phanh môi	P3	344,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2078	20.0079.0134	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng kết hợp	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng kết hợp sinh	T1	493,800	Đã bao gồm chi phí Test	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2079	13.0080.0689	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng xoắn	P1	5,503,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2080	03.0092.0299	Hút đờm qua ống nội khí quản bằng catheter	Hút đờm qua ống nội khí quản bằng catheter kín	T2	532,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2081	13.0143.0655	Phẫu thuật cắt polyp cổ tử cung	Phẫu thuật cắt polyp cổ tử cung	P3	2,104,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2082	03.0296.0230	Điện mãng châm điều trị liệt chi dưới	Điện mãng châm điều trị liệt chi dưới [kim	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2083	03.3326.0506	Tháo lồng bằng bơm khí/nước	Tháo lồng bằng bơm khí/nước	T1	169,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2084	25.0021.1735	Tế bào học dịch màng khớp	Tế bào học dịch màng khớp		190,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2085	03.1680.0792	Mổ quặm bẩm sinh	Mổ quặm bẩm sinh [3 mi - gây tê]	P2	1,188,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2086	03.0403.0230	Điện nhĩ châm điều trị đau răng	Điện nhĩ châm điều trị đau răng	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2087	03.2734.0589	Bóc nang tuyến Bartholin	Bóc nang tuyến Bartholin	P2	1,369,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2088	01.0069.0298	Đặt mặt nạ thanh quản cấp cứu	Đặt mặt nạ thanh quản cấp cứu	T1	885,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2089	18.0122.0011	Chụp X-quang khớp ức đòn thẳng chếch	Chụp X-quang khớp ức đòn thẳng chếch [≤		64,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2090	09.0151.0004	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	T1	252,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2091	20.0008.0932	Nội soi mũi hoặc vòm hoặc họng có sinh thiết	Nội soi mũi hoặc vòm hoặc họng có sinh thiết	T2	545,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2092	08.0277.0227	Cấy chỉ điều trị rối loạn tiểu tiện không tự	Cấy chỉ điều trị rối loạn tiểu tiện không tự chủ	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2093	03.0327.2046	Điện mãng châm điều trị đau dạ dày	Điện mãng châm điều trị đau dạ dày [kim dài]	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2094	03.0497.0230	Điện châm điều trị nôn nấc	Điện châm điều trị nôn nấc	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2095	18.0122.0028	Chụp X-quang khớp ức đòn thẳng chếch	Chụp X-quang khớp ức đòn thẳng chếch [số		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2096	03.3662.0556	Cố định nẹp vít gãy liên lồi cầu cánh tay	Cố định nẹp vít gãy liên lồi cầu cánh tay	P2	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2097	28.0264.0653	Phẫu thuật cắt bỏ u xơ vú	Phẫu thuật cắt bỏ u xơ vú	P3	3,135,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2098	03.1692.0730	Bơm rửa lệ đạo	Bơm rửa lệ đạo	T2	41,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2099	03.0286.0229	Đặt thuốc YHCT	Đặt thuốc YHCT	T3	51,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2100	08.0240.0227	Cấy chỉ châm điều trị phục hồi chức năng	Cấy chỉ châm điều trị phục hồi chức năng vận	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2101	03.0547.0271	Thuỷ châm điều trị hội chứng ngoại tháp	Thuỷ châm điều trị hội chứng ngoại tháp	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2102	03.3778.0556	Găm Kirschner trong gãy mắt cá	Găm Kirschner trong gãy mắt cá	P2	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2103	15.0214.1002	Khâu phục hồi tổn thương đơn giản miệng,	Khâu phục hồi tổn thương đơn giản miệng,	P3	1,075,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2104	03.0304.0230	Điện mãng châm điều trị khàn tiếng	Điện mãng châm điều trị khàn tiếng [kim ngắn]	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2105	18.0122.0029	Chụp X-quang khớp ức đòn thẳng chếch	Chụp X-quang khớp ức đòn thẳng chếch [số		105,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2106	03.0611.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2107	03.0673.0228	Cứu điều trị đau bụng ỉa chảy thể hàn	Cứu điều trị đau bụng ỉa chảy thể hàn	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2108	03.3788.0556	Phẫu thuật Kirschner gãy thân xương sên	Phẫu thuật Kirschner gãy thân xương sên	P2	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2109	24.0148.1622	HCV Ag/Ab miễn dịch tự động	HCV Ag/Ab miễn dịch tự động		130,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2110	03.1678.0794	Phẫu thuật quặm bằng ghép niêm mạc môi	Phẫu thuật quặm bằng ghép niêm mạc môi	P1	2,068,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2111	10.0492.0493	Phẫu thuật điều trị áp xe tồn dư, dẫn lưu ổ	Phẫu thuật điều trị áp xe tồn dư, dẫn lưu ổ bụng	P1	3,142,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2112	15.0222.0898	Khí dung mũi họng	Khí dung mũi họng		27,500	Chưa bao gồm thuốc khí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2113	08.0391.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người do	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người do	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2114	08.0209.0230	Điện nhĩ châm điều trị viêm mũi xoang	Điện nhĩ châm điều trị viêm mũi xoang	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2115	08.0226.0230	Điện nhĩ châm điều trị viêm đa rễ, đa dây	Điện nhĩ châm điều trị viêm đa rễ, đa dây thần	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2116	14.0276.0752	Đo độ lồi	Đo độ lồi	T3	68,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2117	03.3860.0511	Nắn, cố định trật khớp háng không có chỉ	Nắn, cố định trật khớp háng không có chỉ định	T1	667,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2118	22.0084.1502	Định lượng sắt chưa bão hòa huyết thanh	Định lượng sắt chưa bão hòa huyết thanh		78,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2119	03.0321.0230	Điện mãng châm điều trị tăng huyết áp	Điện mãng châm điều trị tăng huyết áp	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2120	03.0676.0228	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2121	08.0020.0284	Xông hơi thuốc	Xông hơi thuốc	T3	50,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2122	03.2387.0212	Tiêm trong da	Tiêm trong da	T3	15,100	Chỉ áp dụng với người	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2123	18.0080.0010	Chụp X-quang khớp thái dương hàm	Chụp X-quang khớp thái dương hàm [≤ 24x30		58,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2124	08.0169.0230	Điện nhĩ châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Điện nhĩ châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
2125	10.0159.0411	Phẫu thuật khâu vết thương nhu mô phổi	Phẫu thuật khâu vết thương nhu mô phổi	P1	7,392,200	Chưa bao gồm các loại	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2126	13.0044.0621	Hủy thai: cắt thai nhi trong ngôi ngang	Hủy thai: cắt thai nhi trong ngôi ngang	P2	2,951,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2127	03.0310.0230	Điện mãng châm điều trị tổn thương dây, rễ	Điện mãng châm điều trị tổn thương dây, rễ và	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2128	08.0170.0230	Điện nhĩ châm điều trị mất ngủ	Điện nhĩ châm điều trị mất ngủ	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2129	27.0367.0436	Nội soi mở rộng niệu quản, nong rộng niệu	Nội soi mở rộng niệu quản, nong rộng niệu quản	P2	1,920,900	Chưa bao gồm sonde JJ.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2130	08.0133.2046	Điện mãng châm điều trị liệt dây thần kinh	Điện mãng châm điều trị liệt dây thần kinh VII	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2131	17.0145.0241	Kỹ thuật sử dụng chân giả trên gối	Kỹ thuật sử dụng chân giả trên gối		59,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2132	03.1660.0764	Khâu cò mi, tháo cò	Khâu cò mi, tháo cò	P3	452,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2133	08.0304.0230	Điện châm điều trị viêm kết mạc	Điện châm điều trị viêm kết mạc	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2134	27.0399.0430	Điều trị u xơ tiền liệt tuyến bằng laser	Điều trị u xơ tiền liệt tuyến bằng laser	P1	3,015,000	Chưa bao gồm dây cáp	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2135	01.0132.0209	Thông khí nhân tạo xâm nhập	Thông khí nhân tạo xâm nhập [theo giờ thực tế]	T1	625,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2136	22.0115.1527	Định lượng IgE	Định lượng IgE		67,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2137	10.0350.0434	Phẫu thuật cấp cứu vỡ bàng quang	Phẫu thuật cấp cứu vỡ bàng quang	P1	4,621,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2138	10.0407.0435	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn	P2	2,490,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2139	12.0010.1049	Cắt các u lành vùng cổ	Cắt các u lành vùng cổ	P2	2,928,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2140	03.3665.0556	Cố định nẹp vít gãy thân xương cánh tay	Cố định nẹp vít gãy thân xương cánh tay	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2141	16.0234.1050	Điều trị đóng cuống răng bằng MTA	Điều trị đóng cuống răng bằng MTA	P3	493,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2142	01.0133.0209	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức	T1	625,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2143	03.0531.0230	Điện châm điều trị chứng tic	Điện châm điều trị chứng tic	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2144	03.1057.0140	Nội soi thực quản - dạ dày, tiêm cầm máu	Nội soi thực quản - dạ dày, tiêm cầm máu	TDB	798,300	Chưa bao gồm thuốc cầm	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2145	14.0188.0789	Phẫu thuật quặm tái phát	Phẫu thuật quặm tái phát [1 mi - gây tê]	P2	698,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2146	03.0507.0230	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2147	28.0266.0653	Phẫu thuật cắt bỏ vú thừa	Phẫu thuật cắt bỏ vú thừa	P2	3,135,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2148	03.0312.0230	Điện mãng châm điều trị liệt VII ngoại biên	Điện mãng châm điều trị liệt VII ngoại biên	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2149	28.0299.0662	Phẫu thuật cắt bỏ vách ngăn âm đạo	Phẫu thuật cắt bỏ vách ngăn âm đạo	P2	2,932,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2150	03.3839.0518	Nắn, bó bột trật khớp vai	Nắn, bó bột trật khớp vai [bột tự cán]	T1	187,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2151	08.0363.0271	Thuỷ châm điều trị khàn tiếng	Thuỷ châm điều trị khàn tiếng	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2152	08.0234.0227	Cấy chỉ hỗ trợ điều trị vẩy nến	Cấy chỉ hỗ trợ điều trị vẩy nến	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2153	18.0080.0028	Chụp X-quang khớp thái dương hàm	Chụp X-quang khớp thái dương hàm [số hóa 1		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2154	24.0291.1720	Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét) Ag test	Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét) Ag test		261,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2155	18.0104.0028	Chụp X-quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng	Chụp X-quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2156	10.1025.0518	Nắn, bó bột trật khớp cùng đòn	Nắn, bó bột trật khớp cùng đòn [bột tự cán]	T2	187,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2157	24.0072.1714	Helicobacter pylori nhuộm soi	Helicobacter pylori nhuộm soi		74,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2158	03.0096.0120	Mở khí quản qua da cấp cứu	Mở khí quản qua da cấp cứu	T1	759,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2159	14.0191.0789	Mổ quặm bẩm sinh	Mổ quặm bẩm sinh	P2	698,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2160	03.0322.2046	Điện mãng châm điều trị huyết áp thấp	Điện mãng châm điều trị huyết áp thấp [kim dài]	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2161	03.1970.1031	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Eugenate	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Eugenate	T2	280,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2162	01.0207.1777	Ghi điện não đồ cấp cứu	Ghi điện não đồ cấp cứu	T2	75,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2163	03.0691.0228	Cứu điều trị rối loạn đại tiểu tiện thể hàn	Cứu điều trị rối loạn đại tiểu tiện thể hàn	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2164	17.0001.0254	Điều trị bằng sóng ngắn	Điều trị bằng sóng ngắn	T3	41,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2165	03.2731.0683	Cắt u nang buồng trứng và phần phụ	Cắt u nang buồng trứng và phần phụ	P2	3,217,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2166	03.3045.0329	Điều trị mắt cá chân bằng đốt điện, plasma,	Điều trị mắt cá chân bằng đốt điện, plasma,	T2	399,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2167	14.0250.0852	Test thử cảm giác giác mạc	Test thử cảm giác giác mạc		46,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2168	03.4016.0485	Phẫu thuật nội soi cắt lách	Phẫu thuật nội soi cắt lách	P1	4,897,800	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2169	10.0534.0465	Khâu lỗ thủng, vết thương trực tràng	Khâu lỗ thủng, vết thương trực tràng	P1	3,993,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2170	03.3711.0571	Tháo bỏ các ngón tay, đốt ngón tay	Tháo bỏ các ngón tay, đốt ngón tay	P2	3,226,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2171	21.0084.0754	Đo khúc xạ máy	Đo khúc xạ máy		12,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2172	03.0164.0077	Dẫn lưu ổ bụng cấp cứu	Dẫn lưu ổ bụng cấp cứu	T2	153,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2173	23.0166.1494	Định lượng Urê máu [Máu]	Định lượng Urê máu [Máu]		22,400	Mỗi chất	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2174	13.0063.0690	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn	P1	6,346,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2175	15.0303.0205	Thay băng vết mổ	Thay băng vết mổ [chiều dài > 50cm nhiễm	T3	275,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2176	03.0165.0077	Chọc dò ổ bụng cấp cứu	Chọc dò ổ bụng cấp cứu	T2	153,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2177	03.0492.0230	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
2178	03.0405.0227	Cấy chỉ điều trị liệt chi trên	Cấy chỉ điều trị liệt chi trên	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2179	03.0498.0230	Điện châm điều trị cơn đau quặn thận	Điện châm điều trị cơn đau quặn thận	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2180	10.0398.0584	Phẫu thuật tái tạo miệng sáo do hẹp miệng	Phẫu thuật tái tạo miệng sáo do hẹp miệng sáo	P2	1,509,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2181	13.0026.0615	Đỡ đẻ từ sinh đôi trở lên	Đỡ đẻ từ sinh đôi trở lên	T1	1,510,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2182	03.3479.0421	Lấy sỏi bể thận ngoài xoang	Lấy sỏi bể thận ngoài xoang	P2	4,569,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2183	02.0389.0213	Tiêm khớp vai	Tiêm khớp vai	T3	104,400	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2184	03.0350.0230	Điện mãng châm điều trị đau răng	Điện mãng châm điều trị đau răng [kim ngắn]	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2185	08.0396.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2186	03.0512.0230	Điện châm điều trị rối loạn chức năng do	Điện châm điều trị rối loạn chức năng do chấn	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2187	03.2388.0212	Tiêm dưới da	Tiêm dưới da	T3	15,100	Chỉ áp dụng với người	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2188	03.1918.1007	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới	T1	178,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2189	16.0055.1013	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	P3	861,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2190	14.0216.0505	Rạch áp xe túi lệ	Rạch áp xe túi lệ	T1	218,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2191	16.0051.1014	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	P3	455,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2192	03.0479.0230	Điện châm điều trị mất ngủ	Điện châm điều trị mất ngủ	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2193	03.3586.0435	Cắt bỏ tinh hoàn lạc chỗ	Cắt bỏ tinh hoàn lạc chỗ	P1	2,490,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2194	03.0534.0271	Thuỷ châm điều trị liệt chi dưới	Thuỷ châm điều trị liệt chi dưới	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2195	13.0001.0676	Phẫu thuật lấy thai và cắt tử cung trong rau	Phẫu thuật lấy thai và cắt tử cung trong rau cài	PDB	8,625,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2196	03.0218.1769	Phát hiện chất độc bằng sắc ký khí	Phát hiện chất độc bằng sắc ký khí		1,381,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2197	10.0555.0494	Phẫu thuật chích, dẫn lưu áp xe cạnh hậu	Phẫu thuật chích, dẫn lưu áp xe cạnh hậu môn	P2	2,816,900	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2198	14.0083.0836	Cắt u da mi không ghép	Cắt u da mi không ghép	P3	812,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2199	15.0143.0906	Lấy dị vật mũi	Lấy dị vật mũi [gây mê]	T2	705,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2200	03.1944.1017	Điều trị tủy răng sữa	Điều trị tủy răng sữa [nhiều chân]	T1	415,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2201	03.0681.0228	Cứu điều trị liệt do bệnh của cơ thể hàn	Cứu điều trị liệt do bệnh của cơ thể hàn	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2202	01.0128.0209	Thông khí nhân tạo không xâm nhập	Thông khí nhân tạo không xâm nhập [theo giờ	T1	625,000	Chưa bao gồm bộ dây máy	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2203	14.0239.0010	Chụp lỗ thị giác	Chụp lỗ thị giác [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]	T2	58,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2204	18.0104.0013	Chụp X-quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng	Chụp X-quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng		77,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2205	03.0489.0230	Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác	Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2206	22.0269.1329	Phản ứng hòa hợp trong môi trường nước	Phản ứng hòa hợp trong môi trường nước muối		73,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2207	14.0187.0789	Phẫu thuật quặm	Phẫu thuật quặm [1 mi - gây tê]	P2	698,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2208	13.0156.0639	Nong buồng tử cung đặt dụng cụ chống dính	Nong buồng tử cung đặt dụng cụ chống dính	T1	627,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2209	27.0335.1197	Phẫu thuật nội soi sinh thiết u trong ổ bụng	Phẫu thuật nội soi sinh thiết u trong ổ bụng	P2	1,596,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2210	03.0349.0230	Điện mãng châm điều trị giảm đau do ung thư	Điện mãng châm điều trị giảm đau do ung thư	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2211	08.0276.0227	Cấy chỉ điều trị liệt dương	Cấy chỉ điều trị liệt dương	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2212	03.0636.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2213	18.0104.0029	Chụp X-quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng	Chụp X-quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng		105,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2214	18.0104.0011	Chụp X-quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng	Chụp X-quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng		64,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2215	14.0202.0785	Lấy calci kết mạc	Lấy calci kết mạc	T3	40,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2216	08.0435.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tắc tia sữa	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tắc tia sữa	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2217	13.0019.0618	Giảm đau trong đẻ bằng phương pháp gây tê	Giảm đau trong đẻ bằng phương pháp gây tê	T1	682,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2218	01.0002.1778	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	T3	39,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2219	03.3865.0525	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân	T1	372,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2220	18.0105.0028	Chụp X-quang khớp khuỷu gập (Jones hoặc	Chụp X-quang khớp khuỷu gập (Jones hoặc		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2221	08.0151.2046	Điện mãng châm điều trị viêm mũi xoang	Điện mãng châm điều trị viêm mũi xoang	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2222	02.0166.0283	Xoa bóp phòng chống loét trong các bệnh	Xoa bóp phòng chống loét trong các bệnh thần		64,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2223	02.0396.0213	Tiêm điểm bám gân mỏm trâm quay (mỏm	Tiêm điểm bám gân mỏm trâm quay (mỏm trâm	T3	104,400	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2224	02.0259.0137	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm không	T1	352,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2225	10.0949.0548	Phẫu thuật đặt lại khớp, găm kim cố định	Phẫu thuật đặt lại khớp, găm kim cố định (buộc	P2	4,324,900	Chưa bao gồm kim hoặc	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2226	08.0002.0224	Hào châm	Hào châm	T3	76,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2227	08.0236.0227	Cấy chỉ điều trị giảm thị lực	Cấy chỉ điều trị giảm thị lực	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2228	17.0007.0234	Điều trị bằng các dòng điện xung	Điều trị bằng các dòng điện xung	T3	44,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2229	24.0144.1621	HCV Ab test nhanh	HCV Ab test nhanh		58,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2230	03.0632.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh thị	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
2231	03.0113.0074	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	TDB	532,500	Bao gồm cả bóng dùng	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2232	03.0366.0230	Điện nhĩ châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Điện nhĩ châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2233	03.0578.0271	Thuỷ châm điều trị viêm khớp dạng thấp	Thuỷ châm điều trị viêm khớp dạng thấp	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2234	14.0259.0753	Đo khúc xạ giác mạc	Đo khúc xạ giác mạc	T3	41,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2235	20.0081.0137	Nội soi đại tràng sigma	Nội soi đại tràng sigma	T2	352,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2236	03.3868.0525	Nắn, bó bột gãy Dupuytren	Nắn, bó bột gãy Dupuytren [bột liền]	T1	372,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2237	03.0591.0271	Thuỷ châm điều trị rối loạn cảm giác	Thuỷ châm điều trị rối loạn cảm giác	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2238	03.2260.0606	Chọc dò túi cùng Douglas	Chọc dò túi cùng Douglas	T2	312,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2239	12.0252.0434	Cắt cụt toàn bộ bộ phận sinh dục ngoài do	Cắt cụt toàn bộ bộ phận sinh dục ngoài do ung	P1	4,621,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2240	03.1681.0075	Cắt chỉ khâu giác mạc	Cắt chỉ khâu giác mạc	T2	40,300	Chỉ áp dụng với người	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2241	03.3816.0571	Phẫu thuật vết thương bàn tay, cắt lọc đơn	Phẫu thuật vết thương bàn tay, cắt lọc đơn thuần	P2	3,226,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2242	03.0465.0230	Điện châm điều trị liệt do bệnh của cơ	Điện châm điều trị liệt do bệnh của cơ	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2243	03.0301.2046	Điện mãng châm điều trị đau thần kinh toạ	Điện mãng châm điều trị đau thần kinh toạ	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2244	03.0454.0227	Cấy chỉ điều trị bí đái	Cấy chỉ điều trị bí đái	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2245	03.2055.1053	Nắn sai khớp thái dương hàm dưới gây mê	Nắn sai khớp thái dương hàm dưới gây mê	P1	1,832,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2246	18.0105.0010	Chụp X-quang khớp khuỷu gập (Jones hoặc	Chụp X-quang khớp khuỷu gập (Jones hoặc		58,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2247	15.0139.0897	Phương pháp Proetz	Phương pháp Proetz	T3	69,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2248	15.0230.0932	Nội soi hạ họng ống cứng sinh thiết u gây	Nội soi hạ họng ống cứng sinh thiết u gây	T1	545,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2249	02.0390.0213	Tiêm khớp ức đòn	Tiêm khớp ức đòn	T3	104,400	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2250	03.1063.0500	Nội soi đại tràng - lấy dị vật	Nội soi đại tràng - lấy dị vật	T1	1,743,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2251	03.0129.0121	Mở thông bàng quang trên xương mu	Mở thông bàng quang trên xương mu	T1	405,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2252	08.0273.0227	Cấy chỉ điều trị sa tử cung	Cấy chỉ điều trị sa tử cung	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2253	22.0152.1609	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán		58,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2254	16.0226.1035	Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement	Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement	T1	245,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2255	18.0105.0012	Chụp X-quang khớp khuỷu gập (Jones hoặc	Chụp X-quang khớp khuỷu gập (Jones hoặc		64,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2256	08.0125.2046	Điện mãng châm điều trị hội chứng tiền mãn	Điện mãng châm điều trị hội chứng tiền mãn	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2257	08.0231.0227	Cấy chỉ điều trị sa dạ dày	Cấy chỉ điều trị sa dạ dày	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2258	27.0365.0418	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi niệu quản	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi niệu quản	P1	4,497,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2259	24.0164.1696	HEV IgM test nhanh	HEV IgM test nhanh		130,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2260	08.0212.0230	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn tiêu hóa	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn tiêu hóa	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2261	03.0581.0271	Thuỷ châm điều trị đau mỏi cơ	Thuỷ châm điều trị đau mỏi cơ	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2262	01.0018.0004	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	T1	252,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2263	24.0289.1694	Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét) nhuộm	Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét) nhuộm soi		35,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2264	18.0109.0028	Chụp X-quang khớp háng thẳng hai bên	Chụp X-quang khớp háng thẳng hai bên [số hóa		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2265	03.1582.0781	Lấy dị vật trong củng mạc	Lấy dị vật trong củng mạc	P2	1,013,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2266	05.0068.0343	Phẫu thuật điều trị móng chọc thịt	Phẫu thuật điều trị móng chọc thịt	P2	893,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2267	03.0555.0271	Thuỷ châm điều trị liệt dây thần kinh số VII	Thuỷ châm điều trị liệt dây thần kinh số VII	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2268	03.0365.0230	Điện nhĩ châm điều trị động kinh	Điện nhĩ châm điều trị động kinh	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2269	03.3850.0522	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay	T1	242,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2270	08.0283.0230	Điện châm điều trị viêm Amidan	Điện châm điều trị viêm Amidan	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2271	16.0239.1029	Nhổ chân răng sữa	Nhổ chân răng sữa	T1	46,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2272	03.1079.0152	Nội soi bàng quang, lấy dị vật, sỏi	Nội soi bàng quang, lấy dị vật, sỏi	T1	953,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2273	03.1972.1031	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng	T2	280,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2274	03.3332.0493	Dẫn lưu áp xe ruột thừa	Dẫn lưu áp xe ruột thừa	P3	3,142,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2275	15.0219.1888	Đặt nội khí quản	Đặt nội khí quản	T1	600,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2276	03.0216.1532	Đo lactat trong máu	Đo lactat trong máu		100,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2277	03.3317.0583	Phẫu thuật tháo lồng không cắt ruột	Phẫu thuật tháo lồng không cắt ruột	P2	2,396,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2278	17.0142.0241	Kỹ thuật sử dụng tay giả dưới khuỷu	Kỹ thuật sử dụng tay giả dưới khuỷu		59,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2279	15.0206.0996	Trích áp xe sàn miệng	Trích áp xe sàn miệng	T1	771,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2280	03.0415.0227	Cấy chỉ điều trị giảm khứu giác	Cấy chỉ điều trị giảm khứu giác	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2281	16.0217.1041	Phẫu thuật cắt phanh môi	Phẫu thuật cắt phanh môi	P3	344,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2282	08.0475.0228	Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể	Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2283	03.2179.0937	Phẫu thuật cắt Amidan gây tê hoặc gây mê	Phẫu thuật cắt Amidan gây tê hoặc gây mê [gây	P2	1,761,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
2284	08.0152.2046	Điện mãng châm điều trị rối loạn tiêu hóa	Điện mãng châm điều trị rối loạn tiêu hóa [kim	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2285	22.0304.1306	Nghiệm pháp Coombs trực tiếp (kỹ thuật ống	Nghiệm pháp Coombs trực tiếp (kỹ thuật ống		87,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2286	03.3864.0526	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân	T1	300,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2287	24.0126.1614	HBc IgM miễn dịch tự động	HBc IgM miễn dịch tự động		123,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2288	03.1930.1018	Phục hồi cổ răng bằng Glassionomer Cement	Phục hồi cổ răng bằng Glassionomer Cement	T1	369,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2289	08.0116.2046	Điện mãng châm điều trị liệt nửa người do	Điện mãng châm điều trị liệt nửa người do tai	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2290	03.3873.0516	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn [bột tự cán]	T2	256,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2291	03.2150.0916	Nhét bấc mũi trước	Nhét bấc mũi trước	T2	139,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2292	03.0471.0230	Điện châm điều trị giảm khứu giác	Điện châm điều trị giảm khứu giác	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2293	17.0151.0241	Kỹ thuật sử dụng nẹp gối cổ bàn chân KAFO	Kỹ thuật sử dụng nẹp gối cổ bàn chân KAFO		59,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2294	18.0109.0012	Chụp X-quang khớp háng thẳng hai bên	Chụp X-quang khớp háng thẳng hai bên [>		64,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2295	03.1695.0842	Rửa cùng đồ	Rửa cùng đồ	T2	48,300	Áp dụng cho 1 mắt hoặc 2	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2296	15.0131.0922	Nội soi đốt điện cuốn mũi dưới	Nội soi đốt điện cuốn mũi dưới [gây tê]	T1	489,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2297	03.2587.0871	Cắt u Amidan qua đường miệng	Cắt u Amidan qua đường miệng [Coblator]	P2	2,487,100	Bao gồm cả Coblator.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2298	03.0395.0230	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng vai gáy	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng vai gáy	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2299	03.0407.0227	Cấy chỉ điều trị liệt nửa người	Cấy chỉ điều trị liệt nửa người	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2300	14.0253.0757	Đo thị trường trung tâm, thị trường ám điểm	Đo thị trường trung tâm, thị trường ám điểm	T1	31,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2301	18.0110.0010	Chụp X-quang khớp háng nghiêng	Chụp X-quang khớp háng nghiêng [≤ 24x30		58,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2302	13.0174.0653	Cắt u vú lành tính	Cắt u vú lành tính	P2	3,135,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2303	18.0110.0012	Chụp X-quang khớp háng nghiêng	Chụp X-quang khớp háng nghiêng [> 24x30		64,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2304	11.0010.2043	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích	T3	130,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2305	07.0003.0354	Dẫn lưu áp xe tuyến giáp	Dẫn lưu áp xe tuyến giáp	P3	264,700	Chưa bao gồm bộ kim	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2306	18.0110.0028	Chụp X-quang khớp háng nghiêng	Chụp X-quang khớp háng nghiêng [số hóa 1		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2307	12.0078.0834	Cắt ung thư môi có tạo hình đường kính dưới	Cắt ung thư môi có tạo hình đường kính dưới 5	P1	1,322,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2308	03.3863.0513	Nắn, bó bột trật khớp gối	Nắn, bó bột trật khớp gối [bột liền]	T2	282,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2309	15.0211.0168	Sinh thiết u họng miệng	Sinh thiết u họng miệng	T2	138,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2310	03.3848.0527	Nắn, bó bột gãy trên lồi cầu xương cánh tay	Nắn, bó bột gãy trên lồi cầu xương cánh tay trẻ	T1	372,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2311	10.0847.0551	Phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của	Phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của gân	P1	3,011,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2312	03.0590.0271	Thuỷ châm điều trị rối loạn tiêu hóa	Thuỷ châm điều trị rối loạn tiêu hóa	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2313	18.0112.0028	Chụp X-quang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc	Chụp X-quang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2314	03.3037.0329	Điều trị chứng dày sừng bằng đốt điện,	Điều trị chứng dày sừng bằng đốt điện, plasma,	T2	399,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2315	05.0003.0272	Điều trị bệnh da bằng ngâm, tắm	Điều trị bệnh da bằng ngâm, tắm	T3	68,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2316	01.0034.0299	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp	T1	532,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2317	14.0047.0860	Phẫu thuật chỉnh, xoay, lấy IOL có hoặc	Phẫu thuật chỉnh, xoay, lấy IOL có hoặc không	P1	1,260,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2318	03.0393.0230	Điện nhĩ châm điều trị đau lưng	Điện nhĩ châm điều trị đau lưng	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2319	27.0385.0426	Nội soi bàng quang cắt u	Nội soi bàng quang cắt u	P1	5,030,900	Chưa bao gồm dao siêu	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2320	22.0116.1514	Định lượng Ferritin	Định lượng Ferritin		84,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2321	15.0111.0970	Phẫu thuật nội soi bịt lỗ thủng vách ngăn mũi	Phẫu thuật nội soi bịt lỗ thủng vách ngăn mũi	P1	3,526,900	Chưa bao gồm mũi	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2322	03.1694.0799	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi	T3	40,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2323	22.0019.1348	Thời gian máu chảy phương pháp Duke	Thời gian máu chảy phương pháp Duke	T3	13,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2324	13.0116.0663	Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn	Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn	P1	4,142,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2325	01.0054.0114	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí	T3	14,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2326	03.0408.0227	Cấy chỉ điều trị liệt do bệnh của cơ	Cấy chỉ điều trị liệt do bệnh của cơ	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2327	08.0248.0227	Cấy chỉ điều trị huyết áp thấp	Cấy chỉ điều trị huyết áp thấp	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2328	03.3836.0523	Nắn, bó bột trật khớp háng bẩm sinh	Nắn, bó bột trật khớp háng bẩm sinh [bột liền]	T1	749,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2329	03.0406.0227	Cấy chỉ điều trị liệt chi dưới	Cấy chỉ điều trị liệt chi dưới	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2330	08.0297.0230	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh chức	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2331	18.0112.0013	Chụp X-quang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc	Chụp X-quang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc		77,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2332	03.3689.0556	Phẫu thuật đóng đinh nội tủy gãy 2 xương	Phẫu thuật đóng đinh nội tủy gãy 2 xương cẳng	P2	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2333	02.0247.0211	Đặt ống thông hậu môn	Đặt ống thông hậu môn	T3	92,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2334	10.1001.0515	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ	T2	434,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2335	15.0141.0916	Nhét bấc mũi trước	Nhét bấc mũi trước	T2	139,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2336	08.0325.0271	Thuỷ châm điều trị hội chứng stress	Thuỷ châm điều trị hội chứng stress	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
2337	10.0344.0585	Dẫn lưu bàng quang bằng chọc trôca	Dẫn lưu bàng quang bằng chọc trôca	TDB	1,096,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2338	15.0195.1002	Phẫu thuật cắt u vùng niêm mạc má	Phẫu thuật cắt u vùng niêm mạc má	P3	1,075,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2339	12.0194.1189	Phẫu thuật vét hạch nách	Phẫu thuật vét hạch nách	P1	3,300,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2340	03.3961.0958	Phẫu thuật nội soi nạo V.A	Phẫu thuật nội soi nạo V.A	P2	3,045,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2341	03.0160.0184	Soi đại tràng cầm máu	Soi đại tràng cầm máu	T1	656,700	Chưa bao gồm dụng cụ	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2342	03.0612.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng ngất	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng ngất	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2343	03.0398.0230	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh thực	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2344	08.0224.0230	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau do ung thư	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau do ung thư	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2345	03.2104.0997	Vá nhĩ đơn thuần	Vá nhĩ đơn thuần	P2	4,058,900	Đã bao gồm chi phí mũi	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2346	08.0340.0271	Thuỷ châm điều trị liệt trẻ em	Thuỷ châm điều trị liệt trẻ em	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2347	08.0009.0228	Cứu	Cứu	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2348	03.2197.0963	Phẫu thuật cắt u xơ vòm mũi họng	Phẫu thuật cắt u xơ vòm mũi họng	P1	9,151,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2349	15.0213.0900	Lấy dị vật hạ họng	Lấy dị vật hạ họng	T2	43,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2350	24.0171.1617	HIV Ab miễn dịch bán tự động	HIV Ab miễn dịch bán tự động		116,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2351	08.0463.0228	Cứu hỗ trợ điều trị bệnh tự kỷ thể hàn	Cứu hỗ trợ điều trị bệnh tự kỷ thể hàn	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2352	03.1077.0115	Nội soi lấy sỏi niệu quản	Nội soi lấy sỏi niệu quản	TDB	1,010,000	Chưa bao gồm sonde niệu	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2353	10.0743.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới quơng	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2354	08.0380.0271	Thuỷ châm điều trị đau hố mắt	Thuỷ châm điều trị đau hố mắt	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2355	03.0340.2046	Điện mãng châm điều trị chứng táo bón	Điện mãng châm điều trị chứng táo bón [kim	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2356	18.0112.0011	Chụp X-quang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc	Chụp X-quang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc		64,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2357	03.0284.0252	Sắc thuốc thang	Sắc thuốc thang	T3	14,000	Đã bao gồm chi phí đóng	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2358	03.2257.0663	Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn	Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn	P1	4,142,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2359	03.0330.0230	Điện mãng châm điều trị thoái hóa khớp	Điện mãng châm điều trị thoái hóa khớp [kim	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2360	18.0112.0029	Chụp X-quang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc	Chụp X-quang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc		105,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2361	03.1654.0748	Tập nhược thị	Tập nhược thị		43,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2362	21.0011.1308	Nghiệm pháp rượu (nghiệm pháp Ethanol)	Nghiệm pháp rượu (nghiệm pháp Ethanol)		31,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2363	03.3913.1048	Cắt nang giáp móng	Cắt nang giáp móng	P1	2,289,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2364	10.0768.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu trong	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu trong	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2365	03.3491.0422	Cắt nối niệu quản	Cắt nối niệu quản	P1	6,374,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2366	03.0572.0271	Thuỷ châm điều trị trĩ	Thuỷ châm điều trị trĩ	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2367	03.0511.0230	Điện châm điều trị bướu cổ đơn thuần	Điện châm điều trị bướu cổ đơn thuần	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2368	05.0007.0329	Điều trị u mềm treo bằng laser CO2	Điều trị u mềm treo bằng laser CO2	T2	399,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2369	24.0185.1720	Dengue virus IgA test nhanh	Dengue virus IgA test nhanh		261,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2370	08.0433.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tic cơ mặt	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tic cơ mặt	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2371	18.0097.0030	Chụp X-quang khớp cùng chậu thẳng chếch	Chụp X-quang khớp cùng chậu thẳng chếch hai		130,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2372	08.0264.0227	Cấy chỉ điều trị táo bón kéo dài	Cấy chỉ điều trị táo bón kéo dài	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2373	03.3852.0522	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay [bột tự cán]	T1	242,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2374	03.1680.0791	Mổ quặm bẩm sinh	Mổ quặm bẩm sinh [2 mi - gây tê]	P2	935,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2375	10.1018.0514	Nắn, bó bột trật khớp gối	Nắn, bó bột trật khớp gối [bột tự cán]	T2	182,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2376	18.0071.0028	Chụp X-quang hốc mắt thẳng nghiêng	Chụp X-quang hốc mắt thẳng nghiêng [số hóa		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2377	10.0698.0628	Phẫu thuật khâu phục hồi thành bụng do toác	Phẫu thuật khâu phục hồi thành bụng do toác	P1	2,833,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2378	23.0139.1553	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-		95,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2379	18.0071.0029	Chụp X-quang hốc mắt thẳng nghiêng	Chụp X-quang hốc mắt thẳng nghiêng [số hóa		105,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2380	18.0071.0011	Chụp X-quang hốc mắt thẳng nghiêng	Chụp X-quang hốc mắt thẳng nghiêng [≤ 24x30		64,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2381	03.2383.0314	Test nội bì	Test nội bì	T1	493,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2382	16.0288.1068	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng vít neo	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng vít neo chặn	P1	2,897,900	Chưa bao gồm nẹp, vít.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2383	18.0076.0010	Chụp X-quang hố yên thẳng hoặc nghiêng	Chụp X-quang hố yên thẳng hoặc nghiêng [≤		58,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2384	03.3853.0521	Nắn, bó bột gãy Pouteau-Colles	Nắn, bó bột gãy Pouteau-Colles [bột liền]	T1	372,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2385	16.0203.1026	Nhổ răng vĩnh viễn	Nhổ răng vĩnh viễn	P3	239,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2386	14.0167.0738	Cắt bỏ chắp có bọc	Cắt bỏ chắp có bọc	T1	85,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2387	14.0178.0767	Thăm dò, khâu vết thương cùng mạc	Thăm dò, khâu vết thương cùng mạc	P1	1,244,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2388	14.0256.0843	Đo sắc giác	Đo sắc giác	T2	80,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2389	02.0257.0139	Nội soi trực tràng ống mềm cấp cứu	Nội soi trực tràng ống mềm cấp cứu	T3	215,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
2390	03.0331.0230	Điện mãng châm điều trị đau lưng	Điện mãng châm điều trị đau lưng [kim ngắn]	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2391	18.0076.0028	Chụp X-quang hố yên thẳng hoặc nghiêng	Chụp X-quang hố yên thẳng hoặc nghiêng [số		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2392	18.0073.0010	Chụp X-quang Hirtz	Chụp X-quang Hirtz [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]		58,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2393	11.0021.1104	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu từ 3% -	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu từ 3% - 5%	P1	3,319,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2394	14.0187.0792	Phẫu thuật quặm	Phẫu thuật quặm [3 mi - gây tê]	P2	1,188,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2395	03.0537.0271	Thuỷ châm điều trị teo cơ	Thuỷ châm điều trị teo cơ	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2396	03.3724.0549	Làm cứng khớp ở tư- thế chức năng	Làm cứng khớp ở tư- thế chức năng	P1	4,002,600	Chưa bao gồm đinh, nẹp	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2397	10.0722.0556	Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp ức đòn	Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp ức đòn	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2398	25.0023.1735	Tế bào học đờm	Tế bào học đờm		190,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2399	08.0011.0243	laser châm	laser châm	T2	52,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2400	03.0487.0230	Điện châm điều trị bệnh hố mắt	Điện châm điều trị bệnh hố mắt	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2401	16.0218.1041	Phẫu thuật cắt phanh má	Phẫu thuật cắt phanh má	P3	344,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2402	17.0086.0283	Kỹ thuật xoa bóp toàn thân	Kỹ thuật xoa bóp toàn thân	T3	64,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2403	08.0313.0230	Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp	Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2404	03.3664.0548	Cố định Kirschner trong gãy đầu trên xương	Cố định Kirschner trong gãy đầu trên xương	P2	4,324,900	Chưa bao gồm kim hoặc	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2405	03.0650.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2406	10.1010.0524	Nắn, bó bột trật khớp háng	Nắn, bó bột trật khớp háng [bột tự cán]	T2	370,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2407	17.0034.0267	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa	T3	59,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2408	03.0549.0271	Thuỷ châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Thuỷ châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2409	03.0597.0271	Thuỷ châm điều trị rối loạn chức năng do	Thuỷ châm điều trị rối loạn chức năng do chấn	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2410	03.3744.0556	Cố định ngoài điều trị gãy xương đùi	Cố định ngoài điều trị gãy xương đùi	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2411	10.0001.0577	Phẫu thuật xử lý vết thương da đầu phức tạp	Phẫu thuật xử lý vết thương da đầu phức tạp	PDB	5,204,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2412	10.0451.0491	Mở bụng thăm dò	Mở bụng thăm dò	P3	2,683,900	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2413	03.3365.0494	Cắt trĩ từ 2 búi trở lên	Cắt trĩ từ 2 búi trở lên	P3	2,816,900	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2414	03.0678.0228	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2415	08.0449.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đái dầm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đái dầm	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2416	03.2072.1009	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	TDB	414,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2417	10.0689.0582	Phẫu thuật khâu lỗ thủng cơ hoành do vết	Phẫu thuật khâu lỗ thủng cơ hoành do vết	P1	3,433,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2418	10.0851.0571	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật thừa ngón tay	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật thừa ngón tay	P1	3,226,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2419	12.0172.0583	Phẫu thuật bóc u thành ngực	Phẫu thuật bóc u thành ngực	P2	2,396,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2420	14.0065.0808	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc rời tự	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc rời tự thân,	P2	1,632,200	Chưa bao gồm chi phí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2421	16.0046.1015	Điều trị tủy răng có sử dụng laser và hàn kín	Điều trị tủy răng có sử dụng laser và hàn kín hệ	P3	991,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2422	08.0160.2046	Điện mãng châm điều trị rối loạn tiểu tiện	Điện mãng châm điều trị rối loạn tiểu tiện	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2423	24.0265.1674	Đơn bào đường ruột soi tươi	Đơn bào đường ruột soi tươi		45,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2424	03.1858.1012	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	P3	631,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2425	24.0049.1714	Neisseria gonorrhoeae nhuộm soi	Neisseria gonorrhoeae nhuộm soi		74,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2426	13.0152.0589	Bóc nang tuyến Bartholin	Bóc nang tuyến Bartholin	T1	1,369,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2427	08.0206.0230	Điện nhĩ châm điều trị giảm thị lực	Điện nhĩ châm điều trị giảm thị lực	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2428	08.0271.0227	Cấy chỉ điều trị rối loạn kinh nguyệt	Cấy chỉ điều trị rối loạn kinh nguyệt	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2429	23.0197.1590	Định lượng Phospho [niệu]	Định lượng Phospho [niệu]		21,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2430	08.0172.0230	Điện nhĩ châm điều trị nôn	Điện nhĩ châm điều trị nôn	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2431	03.0298.2046	Điện mãng châm điều trị liệt do bệnh của cơ	Điện mãng châm điều trị liệt do bệnh của cơ	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2432	23.0189.1587	Định lượng MAU (Micro Albumin Urine)	Định lượng MAU (Micro Albumin Urine)		44,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2433	08.0287.0230	Điện châm điều trị liệt tay do tổn thương	Điện châm điều trị liệt tay do tổn thương đám	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2434	03.0290.0224	Nhĩ châm	Nhĩ châm	T2	76,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2435	03.0435.0227	Cấy chỉ điều trị hen phế quản	Cấy chỉ điều trị hen phế quản	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2436	22.0088.1571	Định lượng vitamin B12	Định lượng vitamin B12		78,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2437	03.3802.0573	Tạo hình các vạt da che phủ, vạt trượt	Tạo hình các vạt da che phủ, vạt trượt	P1	3,720,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2438	18.0073.0028	Chụp X-quang Hirtz	Chụp X-quang Hirtz [số hóa 1 phim]		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2439	03.0558.0271	Thuỷ châm điều trị viêm thần kinh thị giác	Thuỷ châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2440	03.0544.0271	Thuỷ châm điều trị khàn tiếng	Thuỷ châm điều trị khàn tiếng	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2441	22.0017.1310	Nghiệm pháp Von-Kaulla	Nghiệm pháp Von-Kaulla		55,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2442	08.0145.2046	Điện mãng châm điều trị giảm thị lực	Điện mãng châm điều trị giảm thị lực	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
2443	08.0155.2046	Điện mãng châm điều trị viêm quanh khớp	Điện mãng châm điều trị viêm quanh khớp vai	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2444	10.0909.0548	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài	P2	4,324,900	Chưa bao gồm kim hoặc	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2445	13.0148.0630	Lấy dị vật âm đạo	Lấy dị vật âm đạo	T2	653,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2446	10.0493.0465	Đóng mở thông ruột non	Đóng mở thông ruột non	P2	3,993,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2447	03.2820.0004	Siêu âm tim tại giường	Siêu âm tim tại giường	T1	252,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2448	02.0230.0152	Rút sonde modelage qua đường nội soi bàng	Rút sonde modelage qua đường nội soi bàng		953,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2449	23.0076.1494	Định lượng Globulin [Máu]	Định lượng Globulin [Máu]		22,400	Mỗi chất	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2450	17.0005.0231	Điều trị bằng dòng điện một chiều đều	Điều trị bằng dòng điện một chiều đều	T3	48,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2451	03.0668.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đái dầm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đái dầm	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2452	01.0068.0298	Đặt nội khí quản cấp cứu bằng Combitube	Đặt nội khí quản cấp cứu bằng Combitube	T1	885,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2453	12.0112.0837	Nạo vét tổ chức hốc mắt	Nạo vét tổ chức hốc mắt	P1	1,322,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2454	14.0177.0767	Khâu củng mạc	Khâu củng mạc	P1	1,244,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2455	03.3607.0435	Cắt bỏ tinh hoàn	Cắt bỏ tinh hoàn	P1	2,490,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2456	10.0913.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy Monteggia	Phẫu thuật kết hợp xương gãy Monteggia	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2457	08.0477.0228	Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn	Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2458	12.0164.0898	Khí dung vòm họng trong điều trị ung thư	Khí dung vòm họng trong điều trị ung thư vòm	T3	27,500	Chưa bao gồm thuốc khí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2459	10.0318.0104	Dẫn lưu thận qua da dưới hướng dẫn của	Dẫn lưu thận qua da dưới hướng dẫn của siêu	TDB	950,500	Chưa bao gồm sonde.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2460	08.0289.0230	Điện châm điều trị phục hồi chức năng vận	Điện châm điều trị phục hồi chức năng vận	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2461	10.0995.0518	Nắn, bó bột trật khớp vai	Nắn, bó bột trật khớp vai [bột tự cán]	T2	187,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2462	08.0382.0271	Thuỷ châm điều trị lác cơ năng	Thuỷ châm điều trị lác cơ năng	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2463	18.0074.0010	Chụp X-quang hàm chếch một bên	Chụp X-quang hàm chếch một bên [≤ 24x30		58,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2464	18.0074.0028	Chụp X-quang hàm chếch một bên	Chụp X-quang hàm chếch một bên [số hóa 1		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2465	03.3532.0121	Mở thông bàng quang	Mở thông bàng quang	P2	405,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2466	24.0146.1622	HCV Ab miễn dịch tự động	HCV Ab miễn dịch tự động		130,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2467	10.0781.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương mác	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương mác đơn	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2468	08.0376.0271	Thuỷ châm điều trị đau do thoái hóa khớp	Thuỷ châm điều trị đau do thoái hóa khớp	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2469	03.0282.0284	Xông hơi thuốc	Xông hơi thuốc	T3	50,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2470	05.0049.0329	Điều trị sẩn cục bằng đốt điện	Điều trị sẩn cục bằng đốt điện	T2	399,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2471	08.0218.0230	Điện nhĩ châm điều trị đau lưng	Điện nhĩ châm điều trị đau lưng	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2472	02.0397.0213	Tiêm điểm bám gân lồi cầu trong (lồi cầu	Tiêm điểm bám gân lồi cầu trong (lồi cầu	T3	104,400	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2473	28.0324.0573	Phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng	Phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng các	P2	3,720,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2474	21.0004.1790	Đo chỉ số ABI (chỉ số cổ chân/cánh tay)	Đo chỉ số ABI (chỉ số cổ chân/cánh tay)		86,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2475	01.0095.0094	Mở màng phổi cấp cứu	Mở màng phổi cấp cứu	T1	628,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2476	13.0101.0666	Phẫu thuật Crossen	Phẫu thuật Crossen	P1	4,444,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2477	02.0293.0138	Nội soi trực tràng toàn bộ có sinh thiết	Nội soi trực tràng toàn bộ có sinh thiết	T2	323,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2478	13.0147.0597	Cắt u thành âm đạo	Cắt u thành âm đạo	P3	2,268,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2479	15.0216.0894	Áp lạnh họng hạt (Nitơ, CO2 lỏng)	Áp lạnh họng hạt (Nitơ, CO2 lỏng)	T2	156,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2480	03.0178.0211	Đặt sonde hậu môn	Đặt sonde hậu môn	T3	92,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2481	15.0142.0869	Cầm máu mũi bằng vật liệu cầm máu	Cầm máu mũi bằng vật liệu cầm máu [2 bên]	T2	286,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2482	24.0311.1674	Cysticercus cellulosae (Sán lợn) ấu trùng soi	Cysticercus cellulosae (Sán lợn) ấu trùng soi		45,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2483	22.0140.1360	Tìm giun chỉ trong máu	Tìm giun chỉ trong máu		37,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2484	28.0393.0573	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng bàn	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng bàn	P1	3,720,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2485	10.1013.0529	Nắn, bó bột gãy xương chậu	Nắn, bó bột gãy xương chậu [bột liền]	T2	659,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2486	27.0409.1197	Nội soi cắt u niệu đạo, van niệu đạo	Nội soi cắt u niệu đạo, van niệu đạo	P2	1,596,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2487	18.0133.0019	Chụp X-quang đường mật qua Kehr	Chụp X-quang đường mật qua Kehr	T3	280,800	Chưa bao gồm thuốc cản	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2488	08.0444.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị béo phì	Xoa bóp bấm huyệt điều trị béo phì	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2489	03.3815.0493	Dẫn lưu áp xe cơ đái chậu	Dẫn lưu áp xe cơ đái chậu	P2	3,142,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2490	24.0122.1643	HBsAb test nhanh	HBsAb test nhanh		65,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2491	08.0323.0271	Thuỷ châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Thuỷ châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2492	03.3851.0522	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay	T1	242,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2493	01.0267.0203	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng	T3	148,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2494	10.0452.0491	Mở bụng thăm dò, sinh thiết	Mở bụng thăm dò, sinh thiết	P3	2,683,900	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2495	18.0135.0025	Chụp X-quang đường rò	Chụp X-quang đường rò	T2	446,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
2496	03.3311.0455	Phẫu thuật điều trị xoắn ruột	Phẫu thuật điều trị xoắn ruột	P2	2,705,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2497	01.0040.0081	Chọc hút dịch màng ngoài tim dưới siêu âm	Chọc hút dịch màng ngoài tim dưới siêu âm	T1	280,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2498	03.3826.2047	Thay băng, cắt chỉ vết mổ	Thay băng, cắt chỉ vết mổ [chiều dài trên 15cm	T3	89,500	Chỉ áp dụng với người	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2499	08.0227.0230	Điện nhĩ châm điều trị chứng tíc cơ mặt	Điện nhĩ châm điều trị chứng tíc cơ mặt	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2500	22.0290.1275	Định nhóm máu hệ ABO, Rh(D) (kỹ thuật	Định nhóm máu hệ ABO, Rh(D) (kỹ thuật		93,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2501	18.0123.0012	Chụp X-quang đỉnh phổi ưỡn	Chụp X-quang đỉnh phổi ưỡn [> 24x30 cm, 1		64,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2502	08.0255.0227	Cấy chỉ điều trị hội chứng ngoại tháp	Cấy chỉ điều trị hội chứng ngoại tháp	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2503	03.4071.2039	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa	P2	2,818,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2504	08.0270.0227	Cấy chỉ điều trị cơn động kinh cục bộ	Cấy chỉ điều trị cơn động kinh cục bộ	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2505	01.0097.0111	Dẫn lưu màng phổi liên tục	Dẫn lưu màng phổi liên tục	T1	192,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2506	08.0465.0228	Cứu điều trị di tinh thể hàn	Cứu điều trị di tinh thể hàn	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2507	10.0877.0559	Phẫu thuật tổn thương gân Achille	Phẫu thuật tổn thương gân Achille	P1	3,302,900	Chưa bao gồm gân nhân	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2508	18.0123.0028	Chụp X-quang đỉnh phổi ưỡn	Chụp X-quang đỉnh phổi ưỡn [số hóa 1 phim]		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2509	03.0571.0271	Thuỷ châm điều trị đau ngực, sườn	Thuỷ châm điều trị đau ngực, sườn	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2510	03.3834.0529	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa xương đùi	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa xương đùi [bột liền]	T1	659,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2511	28.0329.0573	Phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng	Phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng	P2	3,720,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2512	03.0302.0230	Điện mãng châm điều trị bại não	Điện mãng châm điều trị bại não [kim ngắn]	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2513	03.0359.0230	Điện nhĩ châm điều trị giảm khứu giác	Điện nhĩ châm điều trị giảm khứu giác	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2514	22.0119.1368	Phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng phương	Phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng phương		39,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2515	18.0123.0010	Chụp X-quang đỉnh phổi ưỡn	Chụp X-quang đỉnh phổi ưỡn [≤ 24x30 cm, 1 tư		58,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2516	03.3443.0464	Dẫn lưu túi mật	Dẫn lưu túi mật	P3	2,917,900	Chưa bao gồm kẹp khóa	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2517	08.0438.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền mãn	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2518	17.0136.0520	Kỹ thuật điều trị bàn chân khoèo bẩm sinh	Kỹ thuật điều trị bàn chân khoèo bẩm sinh theo	T2	192,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2519	16.0274.1095	Phẫu thuật điều trị gãy cung tiếp bằng chỉ	Phẫu thuật điều trị gãy cung tiếp bằng chỉ thép	P1	2,636,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2520	18.0132.0036	Chụp X-quang đại tràng	Chụp X-quang đại tràng [có thuốc cản quang,		304,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2521	10.0155.0404	Phẫu thuật điều trị vết thương tim	Phẫu thuật điều trị vết thương tim	PDB	14,778,300	Chưa bao gồm động mạch	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2522	13.0151.0601	Trích áp xe tuyến Bartholin	Trích áp xe tuyến Bartholin	T2	951,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2523	18.0132.0018	Chụp X-quang đại tràng	Chụp X-quang đại tràng [có thuốc cản quang]		164,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2524	18.0091.0029	Chụp X-quang cột sống thắt lưng thẳng	Chụp X-quang cột sống thắt lưng thẳng		105,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2525	10.0153.0414	Phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở đơn	Phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở đơn	P1	7,381,300	Chưa bao gồm các loại	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2526	03.0626.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị stress	Xoa bóp bấm huyệt điều trị stress	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2527	03.1817.1041	Phẫu thuật cắt phanh má	Phẫu thuật cắt phanh má	P3	344,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2528	18.0091.0028	Chụp X-quang cột sống thắt lưng thẳng	Chụp X-quang cột sống thắt lưng thẳng		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2529	18.0091.0013	Chụp X-quang cột sống thắt lưng thẳng	Chụp X-quang cột sống thắt lưng thẳng		77,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2530	03.0689.0228	Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn	Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2531	17.0070.0261	Tập với ghế tập mạnh cơ tứ đầu đùi	Tập với ghế tập mạnh cơ tứ đầu đùi		14,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2532	11.0008.1150	Thay băng điều trị vết bỏng từ 20% - 39%	Thay băng điều trị vết bỏng từ 20% - 39% diện	T2	618,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2533	12.0306.0597	Cắt u thành âm đạo	Cắt u thành âm đạo	P2	2,268,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2534	03.0641.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau vùng ngực	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau vùng ngực	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2535	12.0291.0681	Cắt toàn bộ tử cung, đường bụng	Cắt toàn bộ tử cung, đường bụng	P1	4,308,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2536	18.0091.0011	Chụp X-quang cột sống thắt lưng thẳng	Chụp X-quang cột sống thắt lưng thẳng		64,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2537	08.0010.0224	Chích lẹ	Chích lẹ	T3	76,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2538	08.0239.0227	Cấy chỉ điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ	Cấy chỉ điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2539	03.0099.1888	Đặt nội khí quản 2 nòng	Đặt nội khí quản 2 nòng	TDB	600,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2540	12.0254.0592	Cắt âm vật, vét hạch bẹn 2 bên do ung thư	Cắt âm vật, vét hạch bẹn 2 bên do ung thư	P1	4,158,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2541	01.0135.0209	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức A/C	T1	625,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2542	03.1671.0775	Lạnh đông thể mi	Lạnh đông thể mi	P3	1,809,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2543	08.0268.0227	Cấy chỉ điều trị đau lưng	Cấy chỉ điều trị đau lưng	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2544	10.1024.0519	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân [bột liền]	T2	257,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2545	10.1031.0513	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân [bột liền]	T2	282,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2546	28.0325.0573	Phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng	Phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng các	P2	3,720,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2547	03.3330.0493	Phẫu thuật áp xe ruột thừa trong ổ bụng	Phẫu thuật áp xe ruột thừa trong ổ bụng	P1	3,142,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2548	03.3911.0204	Thay băng, cắt chỉ	Thay băng, cắt chỉ [chiều dài từ 30 cm đến 50	T2	193,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
2549	10.0990.0529	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi [bột liền]	T1	659,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2550	13.0112.0669	Phẫu thuật làm lại tầng sinh môn và cơ vòng	Phẫu thuật làm lại tầng sinh môn và cơ vòng do	P2	3,116,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2551	03.3864.0525	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân	T1	372,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2552	10.1020.0525	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân	T1	372,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2553	12.0061.1093	Tiêm xơ chữa u máu, bạch mạch lưỡi, sàn	Tiêm xơ chữa u máu, bạch mạch lưỡi, sàn	T1	869,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2554	08.0187.0230	Điện nhĩ châm điều trị liệt dương	Điện nhĩ châm điều trị liệt dương	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2555	03.3870.0520	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân [bột tự cán]	T1	192,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2556	14.0185.0798	Múc nội nhãn	Múc nội nhãn	P2	599,800	Chưa bao gồm vật liệu	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2557	27.0407.1197	Phẫu thuật nội soi cắt xơ hẹp niệu đạo	Phẫu thuật nội soi cắt xơ hẹp niệu đạo	P2	1,596,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2558	18.0093.0011	Chụp X-quang cột sống thắt lưng L5-S1	Chụp X-quang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng		64,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2559	23.0018.1457	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine) [Máu]	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine) [Máu]		95,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2560	14.0181.0775	Lạnh đông thể mi	Lạnh đông thể mi	P3	1,809,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2561	14.0240.0845	Siêu âm mắt	Siêu âm mắt		69,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2562	07.0242.0084	Chọc hút dịch điều trị u nang giáp	Chọc hút dịch điều trị u nang giáp	T3	178,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2563	10.0732.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy ròng rọc	Phẫu thuật kết hợp xương gãy ròng rọc xương	P2	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2564	23.0030.1472	Định lượng Canxi ion hóa [Máu]	Định lượng Canxi ion hóa [Máu]		16,800	Chỉ thanh toán khi định	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2565	10.1016.0530	Nắn, bó bột gãy lồi cầu xương đùi	Nắn, bó bột gãy lồi cầu xương đùi [bột tự cán]	T1	379,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2566	03.0029.0192	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu	T2	1,042,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2567	10.1008.0522	Nắn, bó bột gãy Pouteau - Colles	Nắn, bó bột gãy Pouteau - Colles [bột tự cán]	T2	242,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2568	14.0043.0811	Cắt thể thủy tinh, dịch kính có hoặc không	Cắt thể thủy tinh, dịch kính có hoặc không cố	P1	1,344,100	Chưa bao gồm đầu cắt,	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2569	03.0680.0228	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2570	18.0093.0028	Chụp X-quang cột sống thắt lưng L5-S1	Chụp X-quang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2571	12.0290.0596	Cắt cổ tử cung trên người bệnh đã mổ cắt tử	Cắt cổ tử cung trên người bệnh đã mổ cắt tử	P1	5,982,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2572	24.0184.1637	Dengue virus NS1Ag/IgM - IgG test nhanh	Dengue virus NS1Ag/IgM - IgG test nhanh		142,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2573	18.0093.0013	Chụp X-quang cột sống thắt lưng L5-S1	Chụp X-quang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng		77,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2574	03.2358.0211	Đặt sonde hậu môn	Đặt sonde hậu môn	T3	92,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2575	08.0217.0230	Điện nhĩ châm điều trị đau do thoái hóa khớp	Điện nhĩ châm điều trị đau do thoái hóa khớp	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2576	08.0307.0230	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác nông	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác nông	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2577	03.1590.0837	Nạo vét tổ chức hốc mắt	Nạo vét tổ chức hốc mắt	PDB	1,322,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2578	02.0339.0211	Thụt tháo phân	Thụt tháo phân	T3	92,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2579	03.0342.2046	Điện mãng châm điều trị đái dầm	Điện mãng châm điều trị đái dầm [kim dài]	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2580	24.0312.1674	Gnathostoma ấu trùng soi mảnh sinh thiết	Gnathostoma ấu trùng soi mảnh sinh thiết		45,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2581	16.0055.1014	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	P3	455,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2582	10.0265.0407	Phẫu thuật cắt u máu nhỏ (đường kính < 10	Phẫu thuật cắt u máu nhỏ (đường kính < 10 cm)	P2	3,311,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2583	03.0347.2046	Điện mãng châm điều trị liệt tứ chi do chấn	Điện mãng châm điều trị liệt tứ chi do chấn	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2584	18.0093.0029	Chụp X-quang cột sống thắt lưng L5-S1	Chụp X-quang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng		105,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2585	15.0035.0971	Phẫu thuật vá nhĩ bằng nội soi	Phẫu thuật vá nhĩ bằng nội soi	P2	3,209,900	Đã bao gồm chi phí mũi	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2586	08.0445.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2587	23.0201.1593	Định lượng Protein (niệu)	Định lượng Protein (niệu)		14,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2588	13.0010.0660	Phẫu thuật cắt tử cung và thắt động mạch hạ	Phẫu thuật cắt tử cung và thắt động mạch hạ vị	PDB	8,104,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2589	03.0328.2046	Điện mãng châm điều trị viêm da thần kinh	Điện mãng châm điều trị viêm da thần kinh	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2590	03.3327.0459	Phẫu thuật viêm ruột thừa	Phẫu thuật viêm ruột thừa	P2	2,815,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2591	12.0190.0583	Cắt u máu, u bạch huyết thành ngực đường	Cắt u máu, u bạch huyết thành ngực đường	P2	2,396,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2592	03.3859.0529	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi [bột liền]	T1	659,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2593	16.0050.1013	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	P3	861,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2594	03.0623.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị động kinh	Xoa bóp bấm huyệt điều trị động kinh	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2595	16.0279.1066	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má - cung	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má - cung tiếp	P1	3,197,900	Chưa bao gồm nẹp, vít.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2596	03.2175.0879	Trích áp xe thành sau họng	Trích áp xe thành sau họng	P2	295,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2597	18.0094.0029	Chụp X-quang cột sống thắt lưng động, gập	Chụp X-quang cột sống thắt lưng động, gập		105,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2598	03.0618.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị teo cơ	Xoa bóp bấm huyệt điều trị teo cơ	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2599	03.0469.0230	Điện châm điều trị bệnh tự kỷ	Điện châm điều trị bệnh tự kỷ	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2600	10.0537.0455	Cắt toàn bộ mạc treo trực tràng	Cắt toàn bộ mạc treo trực tràng	P1	2,705,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2601	18.0094.0011	Chụp X-quang cột sống thắt lưng động, gập	Chụp X-quang cột sống thắt lưng động, gập		64,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
2602	03.3593.0603	Trích rạch màng trinh điều trị ứ dịch âm đạo,	Trích rạch màng trinh điều trị ứ dịch âm đạo, tử	P1	885,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2603	03.0540.0271	Thuỷ châm điều trị bệnh tự kỷ	Thuỷ châm điều trị bệnh tự kỷ	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2604	14.0258.0754	Đo khúc xạ máy	Đo khúc xạ máy		12,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2605	01.0129.0209	Thông khí nhân tạo CPAP qua van	Thông khí nhân tạo CPAP qua van Boussignac	T1	625,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2606	18.0094.0013	Chụp X-quang cột sống thắt lưng động, gập	Chụp X-quang cột sống thắt lưng động, gập		77,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2607	18.0094.0028	Chụp X-quang cột sống thắt lưng động, gập	Chụp X-quang cột sống thắt lưng động, gập		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2608	10.1007.0521	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay [bột liền]	T1	372,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2609	17.0018.0221	Điều trị bằng Parafin	Điều trị bằng Parafin	T3	46,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2610	24.0080.1675	Leptospira test nhanh	Leptospira test nhanh		151,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2611	10.1023.0532	Nắn, bó bột gãy xương gót	Nắn, bó bột gãy xương gót	T2	167,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2612	03.0654.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2613	14.0188.0795	Phẫu thuật quặm tái phát	Phẫu thuật quặm tái phát [4 mi - gây tê]	P2	1,387,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2614	03.1680.0789	Mổ quặm bẩm sinh	Mổ quặm bẩm sinh [1 mi - gây tê]	P2	698,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2615	10.0762.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ mấu	Phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ mấu chuyển	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2616	13.0086.0680	Phẫu thuật mở bụng cắt góc tử cung	Phẫu thuật mở bụng cắt góc tử cung	P1	3,939,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2617	18.0095.0028	Chụp X-quang cột sống thắt lưng De Sèze	Chụp X-quang cột sống thắt lưng De Sèze [số		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2618	08.0243.0227	Cấy chỉ điều trị mất ngủ	Cấy chỉ điều trị mất ngủ	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2619	01.0221.0211	Thụt tháo	Thụt tháo	T3	92,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2620	01.0076.0200	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)		64,300	Chỉ áp dụng với người	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2621	24.0008.1722	Vi khuẩn kháng thuốc định lượng (MIC)	Vi khuẩn kháng thuốc định lượng (MIC) (cho 1		201,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2622	08.0422.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2623	03.0468.0230	Điện châm điều trị bại não	Điện châm điều trị bại não	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2624	08.0460.0228	Cứu điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại	Cứu điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2625	18.0095.0010	Chụp X-quang cột sống thắt lưng De Sèze	Chụp X-quang cột sống thắt lưng De Sèze [≤		58,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2626	17.0008.0253	Điều trị bằng siêu âm	Điều trị bằng siêu âm	T3	48,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2627	03.2018.1068	Cố định điều trị gãy xương hàm dưới bằng vít	Cố định điều trị gãy xương hàm dưới bằng vít	P1	2,897,900	Chưa bao gồm nẹp, vít.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2628	11.0005.1148	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích	T3	262,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2629	22.0153.1610	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán		95,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2630	05.0002.0076	Chăm sóc người bệnh dị ứng thuốc nặng	Chăm sóc người bệnh dị ứng thuốc nặng	T1	181,000	Áp dụng với người bệnh	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2631	17.0026.0220	Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống	Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống	T3	50,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2632	03.2382.0313	Test lẩy da (Prick test) với các loại thuốc	Test lẩy da (Prick test) với các loại thuốc	T1	394,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2633	08.0027.0228	Chườm ngải	Chườm ngải	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2634	01.0218.0159	Rửa dạ dày cấp cứu	Rửa dạ dày cấp cứu	T2	152,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2635	13.0007.0671	Phẫu thuật lấy thai lần đầu	Phẫu thuật lấy thai lần đầu	P2	2,604,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2636	27.0372.1196	Nội soi xẻ lỗ niệu quản lấy sỏi	Nội soi xẻ lỗ niệu quản lấy sỏi	P1	2,434,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2637	02.0008.0078	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của	T2	195,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2638	14.0175.0839	Khâu phủ kết mạc	Khâu phủ kết mạc	P2	698,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2639	07.0229.0366	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm	T1	719,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2640	10.0739.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân 2 xương	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân 2 xương	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2641	03.3825.0217	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm	T2	269,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2642	20.0102.0724	Nội soi buồng tử cung tách dính buồng tử	Nội soi buồng tử cung tách dính buồng tử cung	P1	1,754,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2643	02.0403.0213	Tiêm gân trên gai (dưới gai, gân bao xoay	Tiêm gân trên gai (dưới gai, gân bao xoay khớp	T3	104,400	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2644	24.0243.1671	Influenza virus A, B test nhanh	Influenza virus A, B test nhanh		185,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2645	03.0323.2046	Điện mãng châm điều trị đau thần kinh liên	Điện mãng châm điều trị đau thần kinh liên	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2646	03.0414.0227	Cấy chỉ điều trị chứng ù tai	Cấy chỉ điều trị chứng ù tai	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2647	03.0382.0230	Điện nhĩ châm điều trị viêm xoang	Điện nhĩ châm điều trị viêm xoang	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2648	03.0477.0230	Điện châm điều trị động kinh cục bộ	Điện châm điều trị động kinh cục bộ	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2649	01.0085.0277	Vận động trị liệu hô hấp	Vận động trị liệu hô hấp	T2	32,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2650	10.1021.0526	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân	T2	300,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2651	03.0240.1814	Trắc nghiệm tâm lý Wais và Wics (thang	Trắc nghiệm tâm lý Wais và Wics (thang		40,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2652	18.0095.0012	Chụp X-quang cột sống thắt lưng De Sèze	Chụp X-quang cột sống thắt lưng De Sèze [>		64,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2653	10.0620.0583	Mở thông túi mật	Mở thông túi mật	P2	2,396,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2654	16.0050.1015	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	P3	991,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
2655	03.0563.0271	Thuỷ châm điều trị thất ngôn	Thuỷ châm điều trị thất ngôn	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2656	24.0189.1635	Dengue virus IgG miễn dịch bán tự động	Dengue virus IgG miễn dịch bán tự động		168,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2657	05.0008.0329	Điều trị dày sừng da dầu bằng laser CO2	Điều trị dày sừng da dầu bằng laser CO2	T2	399,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2658	03.3911.0205	Thay băng, cắt chỉ	Thay băng, cắt chỉ [chiều dài > 50cm nhiễm	T2	275,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2659	08.0426.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng dạ dày-	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng dạ dày-	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2660	01.0072.0120	Mở khí quản qua màng nhẫn giáp	Mở khí quản qua màng nhẫn giáp	T1	759,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2661	03.0148.0083	Chọc dịch tủy sống	Chọc dịch tủy sống	T2	126,900	Chưa bao gồm kim chọc	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2662	03.3043.0329	Điều trị sùi mào gà ở nam giới bằng đốt điện,	Điều trị sùi mào gà ở nam giới bằng đốt điện,	T2	399,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2663	03.3875.0514	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân [bột tự cán]	T2	182,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2664	22.0295.1279	Xác định kháng nguyên D yếu của hệ Rh (kỹ	Xác định kháng nguyên D yếu của hệ Rh (kỹ		186,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2665	24.0280.1717	Entamoeba histolytica (Amip) Ab miễn dịch	Entamoeba histolytica (Amip) Ab miễn dịch		321,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2666	15.0234.0927	Nội soi thực quản ống cứng lấy dị vật gây	Nội soi thực quản ống cứng lấy dị vật gây	TDB	255,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2667	22.0151.1594	Cặn Addis	Cặn Addis		44,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2668	03.0328.0230	Điện mãng châm điều trị viêm da thần kinh	Điện mãng châm điều trị viêm da thần kinh	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2669	22.0502.1267	Định nhóm máu tại giường bệnh trước truyền	Định nhóm máu tại giường bệnh trước truyền		24,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2670	06.0040.1799	Đo lưu huyết não	Đo lưu huyết não		50,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2671	14.0098.0739	Trích mủ mắt	Trích mủ mắt	P3	510,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2672	03.3874.0516	Nắn, cố định trật khớp hàm	Nắn, cố định trật khớp hàm [bột tự cán]	T1	256,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2673	10.1006.0527	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay	T1	372,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2674	03.0663.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2675	10.0311.0439	Tán sỏi ngoài cơ thể	Tán sỏi ngoài cơ thể	TDB	2,454,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2676	08.0295.0230	Điện châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	Điện châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2677	18.0092.0013	Chụp X-quang cột sống thắt lưng chếch hai	Chụp X-quang cột sống thắt lưng chếch hai bên		77,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2678	18.0092.0029	Chụp X-quang cột sống thắt lưng chếch hai	Chụp X-quang cột sống thắt lưng chếch hai bên		105,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2679	03.3471.0416	Cắt thận đơn thuần	Cắt thận đơn thuần	P1	4,703,100	Chưa bao gồm dao siêu	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2680	18.0092.0028	Chụp X-quang cột sống thắt lưng chếch hai	Chụp X-quang cột sống thắt lưng chếch hai bên		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2681	03.0376.0230	Điện nhĩ châm điều trị viêm thần kinh thị	Điện nhĩ châm điều trị viêm thần kinh thị giác	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2682	10.1004.0527	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay	T1	372,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2683	03.3589.0492	Phẫu thuật thoát vị bẹn bẹn nghẹt	Phẫu thuật thoát vị bẹn bẹn nghẹt	P1	3,512,900	Chưa bao gồm tấm màng	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2684	24.0018.1611	AFB trực tiếp nhuộm huỳnh quang	AFB trực tiếp nhuộm huỳnh quang		71,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2685	03.1662.0818	Phẫu thuật lác thông thường	Phẫu thuật lác thông thường	P1	830,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2686	08.0118.2046	Điện mãng châm điều trị sa dạ dày	Điện mãng châm điều trị sa dạ dày [kim dài]	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2687	03.2155.0869	Cầm máu mũi bằng Meroxeo (2 bên)	Cầm máu mũi bằng Meroxeo (2 bên)	T2	286,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2688	03.3776.0571	Phẫu thuật viêm xương cẳng chân: đục, mổ,	Phẫu thuật viêm xương cẳng chân: đục, mổ,	P1	3,226,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2689	10.0767.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2690	21.0071.0750	Đo độ dày giác mạc	Đo độ dày giác mạc	T3	145,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2691	15.0130.0923	Đốt điện cuốn mũi dưới	Đốt điện cuốn mũi dưới [gây mê]	T2	705,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2692	03.3779.0556	Kết hợp xương trong trong gãy xương mác	Kết hợp xương trong trong gãy xương mác	P2	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2693	24.0123.1620	HBsAb miễn dịch bán tự động	HBsAb miễn dịch bán tự động		78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2694	24.0159.1613	HAV total miễn dịch tự động	HAV total miễn dịch tự động		110,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2695	18.0092.0011	Chụp X-quang cột sống thắt lưng chếch hai	Chụp X-quang cột sống thắt lưng chếch hai bên		64,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2696	10.0793.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ I hai	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ I hai	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2697	08.0473.0228	Cứu điều trị đau lưng thể hàn	Cứu điều trị đau lưng thể hàn	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2698	18.0090.0013	Chụp X-quang cột sống ngực thẳng nghiêng	Chụp X-quang cột sống ngực thẳng nghiêng		77,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2699	03.0674.0228	Cứu điều trị liệt thần kinh VII ngoại biên thể	Cứu điều trị liệt thần kinh VII ngoại biên thể	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2700	10.0268.0581	Phẫu thuật lại trong các bệnh lý mạch máu	Phẫu thuật lại trong các bệnh lý mạch máu	PDB	5,712,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2701	16.0202.1028	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân	P2	398,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2702	03.0429.0227	Cấy chỉ điều trị giảm thị lực do teo gai thị	Cấy chỉ điều trị giảm thị lực do teo gai thị	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2703	15.0048.0971	Đặt ống thông khí màng nhĩ	Đặt ống thông khí màng nhĩ	P3	3,209,900	Đã bao gồm chi phí mũi	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2704	10.0479.0491	Mở thông hỗng tràng hoặc mở thông hồi	Mở thông hỗng tràng hoặc mở thông hồi tràng	P3	2,683,900	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2705	08.0322.0271	Thuỷ châm điều trị hội chứng thắt lưng- hông	Thuỷ châm điều trị hội chứng thắt lưng- hông	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2706	08.0480.0235	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong nhiệt	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong nhiệt	T3	36,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2707	18.0090.0011	Chụp X-quang cột sống ngực thẳng nghiêng	Chụp X-quang cột sống ngực thẳng nghiêng		64,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
2708	24.0294.1717	Strongyloides stercoralis (Giun lươn) Ab	Strongyloides stercoralis (Giun lươn) Ab miễn		321,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2709	03.3755.0534	Tháo khớp gối	Tháo khớp gối	P2	3,994,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2710	03.0285.0249	Ngâm thuốc YHCT bộ phận	Ngâm thuốc YHCT bộ phận	T3	54,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2711	14.0264.0751	Đo biên độ điều tiết	Đo biên độ điều tiết	T3	77,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2712	18.0090.0028	Chụp X-quang cột sống ngực thẳng nghiêng	Chụp X-quang cột sống ngực thẳng nghiêng		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2713	08.0366.0271	Thuỷ châm điều trị liệt hai chi dưới	Thuỷ châm điều trị liệt hai chi dưới	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2714	12.0281.0683	Cắt u nang buồng trứng	Cắt u nang buồng trứng	P2	3,217,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2715	08.0425.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2716	03.0377.0230	Điện nhĩ châm điều trị lác	Điện nhĩ châm điều trị lác	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2717	15.0106.0969	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi dưới	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi dưới	P2	4,211,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2718	03.0519.0230	Điện châm điều trị hen phế quản	Điện châm điều trị hen phế quản	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2719	24.0128.1618	HBc total miễn dịch bán tự động	HBc total miễn dịch bán tự động		78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2720	18.0090.0029	Chụp X-quang cột sống ngực thẳng nghiêng	Chụp X-quang cột sống ngực thẳng nghiêng		105,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2721	08.0237.0227	Cấy chỉ điều trị hội chứng tự kỷ	Cấy chỉ điều trị hội chứng tự kỷ	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2722	03.0493.0230	Điện châm điều trị giảm thính lực	Điện châm điều trị giảm thính lực	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2723	23.0067.1515	Định lượng Folate [Máu]	Định lượng Folate [Máu]		89,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2724	03.0998.0990	Nội soi thanh quản ống mềm không sinh thiết	Nội soi thanh quản ống mềm không sinh thiết	T1	245,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2725	08.0302.0230	Điện châm điều trị chắp lẹo	Điện châm điều trị chắp lẹo	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2726	21.0083.0848	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử -	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử -		33,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2727	03.0332.2046	Điện mãng châm điều trị đau mỏi cơ	Điện mãng châm điều trị đau mỏi cơ [kim dài]	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2728	27.0330.1196	Phẫu thuật nội soi cầm máu sau mổ	Phẫu thuật nội soi cầm máu sau mổ	P1	2,434,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2729	08.0262.0227	Cấy chỉ điều trị viêm mũi xoang	Cấy chỉ điều trị viêm mũi xoang	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2730	03.1082.0152	Nội soi bàng quang, bơm rửa lấy máu cục	Nội soi bàng quang, bơm rửa lấy máu cục tránh	T1	953,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2731	08.0124.2046	Điện mãng châm điều trị sa tử cung	Điện mãng châm điều trị sa tử cung	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2732	16.0052.1014	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	P3	455,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2733	03.0348.2046	Điện mãng châm điều trị giảm đau sau phẫu	Điện mãng châm điều trị giảm đau sau phẫu	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2734	03.2735.0653	Cắt u vú lành tính	Cắt u vú lành tính	P2	3,135,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2735	07.0231.0505	Trích rạch, dẫn lưu ổ áp xe trên người bệnh	Trích rạch, dẫn lưu ổ áp xe trên người bệnh đái	T3	218,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2736	03.1658.0780	Lấy dị vật giác mạc	Lấy dị vật giác mạc [giác mạc sâu, một mắt, gây	T1	359,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2737	16.0052.1012	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	P3	631,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2738	28.0323.1126	Phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng	Phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng	P2	5,449,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2739	23.0046.1480	Định lượng Cortisol (máu)	Định lượng Cortisol (máu)		95,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2740	27.0354.1196	Tán sỏi thận qua da	Tán sỏi thận qua da	P1	2,434,500	Chưa bao gồm sonde JJ.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2741	14.0221.0849	Soi góc tiền phòng	Soi góc tiền phòng	T2	60,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2742	13.0093.0664	Phẫu thuật chửa ngoài tử cung thể huyết tụ	Phẫu thuật chửa ngoài tử cung thể huyết tụ	P1	4,197,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2743	10.1029.0515	Năn, bó bột trật khớp xương đòn	Năn, bó bột trật khớp xương đòn [bột liền]	T2	434,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2744	03.3366.0494	Phẫu thuật trĩ độ 3	Phẫu thuật trĩ độ 3	P2	2,816,900	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2745	10.0454.0465	Cắt dạ dày hình chêm	Cắt dạ dày hình chêm	P2	3,993,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2746	03.0644.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau dạ dày	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau dạ dày	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2747	01.0202.0083	Chọc dịch tủy sống	Chọc dịch tủy sống	T2	126,900	Chưa bao gồm kim chọc	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2748	13.0073.0702	Phẫu thuật nội soi xử trí viêm phúc mạc tiểu	Phẫu thuật nội soi xử trí viêm phúc mạc tiểu	PDB	7,279,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2749	13.0061.0598	Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng	Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to,	PDB	6,815,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2750	03.2177.0965	Cắt u nang hạ họng - thanh quản qua nội soi	Cắt u nang hạ họng - thanh quản qua nội soi	P1	3,340,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2751	27.0358.1209	Nội soi thận ống mềm tán sỏi thận	Nội soi thận ống mềm tán sỏi thận	PDB	4,343,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2752	02.0310.0506	Nội soi trực tràng ống cứng không sinh thiết	Nội soi trực tràng ống cứng không sinh thiết	T3	169,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2753	18.0096.0029	Chụp X-quang cột sống cùng cụt thẳng	Chụp X-quang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng		105,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2754	18.0096.0028	Chụp X-quang cột sống cùng cụt thẳng	Chụp X-quang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2755	10.0879.0559	Phẫu thuật tổn thương gân gấp dài ngón I	Phẫu thuật tổn thương gân gấp dài ngón I	P2	3,302,900	Chưa bao gồm gân nhân	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2756	23.0176.1598	Định lượng Axit Uric [niệu]	Định lượng Axit Uric [niệu]		16,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2757	28.0352.1091	Rút nẹp vít và các dụng cụ khác sau phẫu	Rút nẹp vít và các dụng cụ khác sau phẫu thuật	P3	3,081,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2758	03.3477.0421	Lấy sỏi mở bể thận, đài thận có dẫn lưu thận	Lấy sỏi mở bể thận, đài thận có dẫn lưu thận	P2	4,569,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2759	16.0044.1015	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín	P3	991,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2760	24.0158.1613	HAV total miễn dịch bán tự động	HAV total miễn dịch bán tự động		110,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
2761	15.0149.0937	Phẫu thuật cắt Amidan	Phẫu thuật cắt Amidan [dao điện]	P2	1,761,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2762	03.1674.0774	Cắt bỏ nhãn cầu ± cắt thị thần kinh dài	Cắt bỏ nhãn cầu ± cắt thị thần kinh dài	P2	830,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2763	13.0053.0594	Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung	Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung		139,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2764	03.3026.1150	Cắt lọc, loại bỏ dị vật vảy da, vảy tiết trên	Cắt lọc, loại bỏ dị vật vảy da, vảy tiết trên 20%	TDB	618,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2765	03.0997.0932	Nội soi mũi, họng có sinh thiết	Nội soi mũi, họng có sinh thiết [gây tê]	T2	545,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2766	13.0087.0689	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung thể	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung thể huyết	P1	5,503,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2767	12.0265.0583	Cắt u lành dương vật	Cắt u lành dương vật	P2	2,396,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2768	10.1000.0515	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu [bột liền]	T2	434,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2769	03.1687.0745	Điện di điều trị	Điện di điều trị		27,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2770	12.0097.0836	Cắt u mi cả bề dày không vá	Cắt u mi cả bề dày không vá	P1	812,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2771	05.0046.0329	Điều trị u mềm treo bằng đốt điện	Điều trị u mềm treo bằng đốt điện	T2	399,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2772	17.0058.0268	Tập vận động trên bóng	Tập vận động trên bóng		33,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2773	17.0092.0268	Kỹ thuật tập sử dụng và điều khiển xe lăn	Kỹ thuật tập sử dụng và điều khiển xe lăn		33,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2774	13.0040.0629	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn		94,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2775	20.0098.0637	Nội soi buồng tử cung chẩn đoán	Nội soi buồng tử cung chẩn đoán	P2	3,035,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2776	18.0096.0013	Chụp X-quang cột sống cùng cụt thẳng	Chụp X-quang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng		77,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2777	03.1702.0849	Soi góc tiền phòng	Soi góc tiền phòng	T2	60,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2778	08.0466.0228	Cứu điều trị liệt dương thể hàn	Cứu điều trị liệt dương thể hàn	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2779	03.0694.0228	Cứu điều trị bí đái thể hàn	Cứu điều trị bí đái thể hàn	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2780	03.0456.0227	Cấy chỉ điều trị bướu cổ đơn thuần	Cấy chỉ điều trị bướu cổ đơn thuần	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2781	10.0775.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mâm chày	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mâm chày trong	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2782	03.0560.0271	Thuỷ châm điều trị giảm thị lực	Thuỷ châm điều trị giảm thị lực	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2783	08.0242.0227	Cấy chỉ điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Cấy chỉ điều trị đau đầu, đau nửa đầu	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2784	08.0235.0227	Cấy chỉ điều trị giảm thính lực	Cấy chỉ điều trị giảm thính lực	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2785	08.0198.0230	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn cảm giác đầu	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2786	18.0096.0011	Chụp X-quang cột sống cùng cụt thẳng	Chụp X-quang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng		64,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2787	10.0609.0471	Chèn gạc nhu mô gan cầm máu	Chèn gạc nhu mô gan cầm máu	P1	5,861,600	Chưa bao gồm vật liệu	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2788	05.0050.0329	Điều trị bớt sùi bằng đốt điện	Điều trị bớt sùi bằng đốt điện	T2	399,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2789	03.0696.0228	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2790	03.0351.0230	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi trên	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi trên	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2791	03.3661.0548	Phẫu thuật điều trị vẹo khuỷu, đục sửa trục	Phẫu thuật điều trị vẹo khuỷu, đục sửa trục	P1	4,324,900	Chưa bao gồm kim hoặc	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2792	03.0425.0227	Cấy chỉ điều trị thiếu máu não mạn tính	Cấy chỉ điều trị thiếu máu não mạn tính	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2793	10.0979.0571	Phẫu thuật viêm xương	Phẫu thuật viêm xương	P2	3,226,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2794	10.0749.0559	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi căng và bàn	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi căng và bàn	P1	3,302,900	Chưa bao gồm gân nhân	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2795	24.0274.1717	Clonorchis/Opisthorchis (Sán lá gan nhỏ) Ab	Clonorchis/Opisthorchis (Sán lá gan nhỏ) Ab		321,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2796	23.0050.1484	Định lượng CRP hs (C-Reactive Protein high	Định lượng CRP hs (C-Reactive Protein high		56,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2797	03.3867.0526	Nắn, bó bột gãy xương chày	Nắn, bó bột gãy xương chày [bột tự cán]	T1	300,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2798	05.0011.0329	Điều trị bớt sùi bằng laser CO2	Điều trị bớt sùi bằng laser CO2	T2	399,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2799	02.0407.0213	Tiêm cân gan chân	Tiêm cân gan chân	T3	104,400	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2800	27.0188.2039	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa + rửa bụng	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa + rửa bụng	P2	2,818,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2801	10.0308.0421	Lấy sỏi mở bể thận, đài thận có dẫn lưu thận	Lấy sỏi mở bể thận, đài thận có dẫn lưu thận	P1	4,569,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2802	03.3679.0556	Phẫu thuật gãy Monteggia	Phẫu thuật gãy Monteggia	P2	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2803	08.0192.0230	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tiền mãn	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2804	03.0593.0271	Thuỷ châm điều trị bí đái	Thuỷ châm điều trị bí đái	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2805	03.3856.0513	Nắn, bó bột trong bong sụn tiếp khớp gối,	Nắn, bó bột trong bong sụn tiếp khớp gối, khớp	T1	282,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2806	03.2613.0875	Cắt polyp ống tai	Cắt polyp ống tai [gây tê]	P2	634,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2807	02.0017.1888	Đặt nội khí quản 2 nòng	Đặt nội khí quản 2 nòng	TDB	600,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2808	27.0398.0423	Nội soi bóc u tiền liệt tuyến lành tính	Nội soi bóc u tiền liệt tuyến lành tính	P1	3,279,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2809	03.0394.0230	Điện nhĩ châm điều trị đau mỏi cơ	Điện nhĩ châm điều trị đau mỏi cơ	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2810	03.0630.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2811	18.0086.0028	Chụp X-quang cột sống cổ thẳng nghiêng	Chụp X-quang cột sống cổ thẳng nghiêng [số		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2812	03.0660.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đái	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đái	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2813	02.0175.0121	Chọc hút dịch quanh thận dưới hướng dẫn	Chọc hút dịch quanh thận dưới hướng dẫn của	T1	405,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
2814	23.0221.1506	Định lượng Triglycerid [dịch chọc dò]	Định lượng Triglycerid [dịch chọc dò]		28,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2815	08.0005.0230	Điện châm	Điện châm [kim ngắn]	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2816	25.0020.1735	Tế bào học dịch màng bụng, màng tim	Tế bào học dịch màng bụng, màng tim		190,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2817	10.0763.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy liên mấu	Phẫu thuật kết hợp xương gãy liên mấu chuyển	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2818	03.2730.0683	Cắt u nang buồng trứng	Cắt u nang buồng trứng	P2	3,217,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2819	08.0138.2046	Điện mãng châm điều trị liệt tứ chi do chấn	Điện mãng châm điều trị liệt tứ chi do chấn	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2820	14.0265.0751	Đo thị giác 2 mắt	Đo thị giác 2 mắt	T1	77,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2821	03.3873.0515	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn [bột liền]	T2	434,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2822	03.0294.0230	Điện mãng châm điều trị liệt sau giai đoạn	Điện mãng châm điều trị liệt sau giai đoạn cấp	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2823	18.0086.0029	Chụp X-quang cột sống cổ thẳng nghiêng	Chụp X-quang cột sống cổ thẳng nghiêng [số		105,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2824	03.0374.0230	Điện nhĩ châm điều trị bệnh hố mắt	Điện nhĩ châm điều trị bệnh hố mắt	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2825	18.0086.0013	Chụp X-quang cột sống cổ thẳng nghiêng	Chụp X-quang cột sống cổ thẳng nghiêng [>		77,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2826	03.0664.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2827	14.0239.0029	Chụp lỗ thị giác	Chụp lỗ thị giác [số hóa 2 phim]	T2	105,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2828	03.0291.0224	Ôn châm	Ôn châm	T2	76,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2829	15.0220.0206	Thay canuyn	Thay canuyn	T2	263,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2830	20.0063.0142	Nội soi ổ bụng để thăm dò, chẩn đoán	Nội soi ổ bụng để thăm dò, chẩn đoán	T1	905,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2831	11.0005.2043	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích	T3	130,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2832	03.2245.0218	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ [tổn	T1	289,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2833	03.1676.0774	Cắt thị thần kinh	Cắt thị thần kinh	P2	830,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2834	07.0220.1144	Tháo khớp ngón chân trên người bệnh đái	Tháo khớp ngón chân trên người bệnh đái tháo	P3	2,872,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2835	08.0364.0271	Thuỷ châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	Thuỷ châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2836	24.0118.1649	HBsAg miễn dịch bán tự động	HBsAg miễn dịch bán tự động		81,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2837	03.0322.0230	Điện mãng châm điều trị huyết áp thấp	Điện mãng châm điều trị huyết áp thấp [kim	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2838	01.0219.0160	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín	T2	622,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2839	17.0022.0272	Thủy trị liệu toàn thân (bể bơi, bồn ngâm)	Thủy trị liệu toàn thân (bể bơi, bồn ngâm)	T2	68,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2840	10.0917.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương đùi	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương đùi	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2841	03.2354.0077	Chọc dịch màng bụng	Chọc dịch màng bụng	T3	153,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2842	15.0142.0868	Cầm máu mũi bằng vật liệu cầm máu	Cầm máu mũi bằng vật liệu cầm máu [1 bên]	T2	216,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2843	10.0331.0423	Tạo hình niệu quản do phình to niệu quản	Tạo hình niệu quản do phình to niệu quản	P1	3,279,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2844	10.1026.0526	Nắn, bó bột gãy Dupuptren	Nắn, bó bột gãy Dupuptren [bột tự cán]	T1	300,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2845	08.0453.0228	Cứu điều trị nấc thể hàn	Cứu điều trị nấc thể hàn	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2846	18.0088.0030	Chụp X-quang cột sống cổ động, nghiêng 3	Chụp X-quang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư		130,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2847	13.0222.0631	Lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng qua đường	Lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng qua đường	P2	3,191,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2848	23.0025.1493	Định lượng Bilirubin trực tiếp [Máu]	Định lượng Bilirubin trực tiếp [Máu]		22,400	Không thanh toán đối với	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2849	18.0087.0029	Chụp X-quang cột sống cổ chếch hai bên	Chụp X-quang cột sống cổ chếch hai bên [số		105,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2850	12.0110.0837	Cắt u hốc mắt không mở xương hốc mắt	Cắt u hốc mắt không mở xương hốc mắt	P1	1,322,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2851	03.1850.1015	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	P3	991,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2852	02.0009.0077	Chọc dò dịch màng phổi	Chọc dò dịch màng phổi	T3	153,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2853	03.2120.0899	Làm thuốc tai	Làm thuốc tai	T3	22,000	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2854	03.0387.0230	Điện nhĩ châm điều trị đau thần kinh liên	Điện nhĩ châm điều trị đau thần kinh liên sườn	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2855	03.1849.1012	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	P3	631,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2856	14.0210.0799	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi	T3	40,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2857	03.1071.0139	Soi trực tràng	Soi trực tràng	T3	215,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2858	13.0187.0209	Hô hấp áp lực dương liên tục (CPAP) không	Hô hấp áp lực dương liên tục (CPAP) không		625,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2859	03.2456.1044	Cắt u da đầu lành, đường kính dưới 5 cm	Cắt u da đầu lành, đường kính dưới 5 cm	P2	771,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2860	03.2357.0211	Thụt tháo phân	Thụt tháo phân	T3	92,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2861	28.0391.0573	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng khoeo	P1	3,720,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2862	18.0087.0013	Chụp X-quang cột sống cổ chếch hai bên	Chụp X-quang cột sống cổ chếch hai bên [>		77,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2863	16.0051.1015	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	P3	991,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2864	03.2613.0874	Cắt polyp ống tai	Cắt polyp ống tai [gây mê]	P2	2,122,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2865	08.0384.0271	Thuỷ châm điều trị viêm bàng quang	Thuỷ châm điều trị viêm bàng quang	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2866	08.0166.0230	Điện nhĩ châm điều trị liệt dây VII ngoại biên	Điện nhĩ châm điều trị liệt dây VII ngoại biên	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
2867	03.1663.0768	Khâu da mi	Khâu da mi [gây mê]	P3	1,595,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2868	03.2019.1068	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương	P1	2,897,900	Chưa bao gồm nẹp, vít.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2869	18.0087.0010	Chụp X-quang cột sống cổ chếch hai bên	Chụp X-quang cột sống cổ chếch hai bên [≤		58,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2870	18.0087.0028	Chụp X-quang cột sống cổ chếch hai bên	Chụp X-quang cột sống cổ chếch hai bên [số		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2871	03.3391.0683	Cắt u nang buồng trứng	Cắt u nang buồng trứng	P2	3,217,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2872	03.1064.0184	Nội soi đại tràng tiêm cầm máu	Nội soi đại tràng tiêm cầm máu	T1	656,700	Chưa bao gồm dụng cụ	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2873	08.0163.0230	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng vai gáy	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng vai gáy	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2874	22.0308.1306	Nghiệm pháp Coombs gián tiếp (kỹ thuật ống	Nghiệm pháp Coombs gián tiếp (kỹ thuật ống		87,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2875	03.2444.1045	Bóc, cắt u bã đậu, u mỡ dưới da đầu đường	Bóc, cắt u bã đậu, u mỡ dưới da đầu đường	P1	1,208,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2876	27.0379.0440	Nội soi niệu quản 2 bên 1 thì tán sỏi niệu	Nội soi niệu quản 2 bên 1 thì tán sỏi niệu quản	P1	1,345,000	Chưa bao gồm sonde JJ, rọ	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2877	14.0188.0791	Phẫu thuật quặm tái phát	Phẫu thuật quặm tái phát [2 mi - gây tê]	P2	935,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2878	03.0307.0230	Điện mãng châm điều trị đau đầu	Điện mãng châm điều trị đau đầu [kim ngắn]	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2879	23.0216.1494	Định lượng Creatinin [dịch]	Định lượng Creatinin [dịch]		22,400	Mỗi chất	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2880	13.0102.0678	Phẫu thuật Manchester	Phẫu thuật Manchester	P1	4,113,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2881	14.0222.0801	Theo dõi nhãn áp 3 ngày	Theo dõi nhãn áp 3 ngày		130,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2882	17.0146.0241	Kỹ thuật sử dụng chân giả dưới gối	Kỹ thuật sử dụng chân giả dưới gối		59,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2883	03.0237.1809	Trắc nghiệm tâm lý Beck	Trắc nghiệm tâm lý Beck		25,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2884	03.0502.0230	Điện châm điều trị táo bón	Điện châm điều trị táo bón	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2885	10.0682.0492	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương	P2	3,512,900	Chưa bao gồm tấm màng	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2886	23.0206.1596	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)		28,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2887	03.3817.0505	Trích áp xe phần mềm lớn	Trích áp xe phần mềm lớn	T2	218,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2888	18.0089.0010	Chụp X-quang cột sống cổ C1-C2	Chụp X-quang cột sống cổ C1-C2 [≤ 24x30 cm,		58,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2889	18.0089.0028	Chụp X-quang cột sống cổ C1-C2	Chụp X-quang cột sống cổ C1-C2 [số hóa 1		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2890	15.0233.0135	Nội soi thực quản ống mềm chẩn đoán gây	Nội soi thực quản ống mềm chẩn đoán gây	T1	276,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2891	17.0062.0267	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể	T3	59,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2892	05.0024.0333	Điều trị sẹo lồi bằng tiêm Triamcinolon trong	Điều trị sẹo lồi bằng tiêm Triamcinolon trong	T2	351,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2893	03.1663.0769	Khâu da mi	Khâu da mi [gây tê]	P3	897,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2894	10.1027.0521	Nắn, bó bột gãy Monteggia	Nắn, bó bột gãy Monteggia [bột liền]	T1	372,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2895	15.0286.0357	Phẫu thuật cắt tuyến giáp gần toàn phần	Phẫu thuật cắt tuyến giáp gần toàn phần	P1	4,561,600	Chưa bao gồm dao hàn	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2896	18.0089.0029	Chụp X-quang cột sống cổ C1-C2	Chụp X-quang cột sống cổ C1-C2 [số hóa 2		105,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2897	03.0348.0230	Điện mãng châm điều trị giảm đau sau phẫu	Điện mãng châm điều trị giảm đau sau phẫu	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2898	17.0144.0241	Kỹ thuật sử dụng chân giả tháo khớp háng	Kỹ thuật sử dụng chân giả tháo khớp háng		59,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2899	17.0090.0267	Tập điều hợp vận động	Tập điều hợp vận động		59,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2900	15.0301.0217	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ	T1	269,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2901	07.0230.0199	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm	T2	279,500	Áp dụng đối với bệnh	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2902	08.0117.2046	Điện mãng châm điều trị hội chứng- dạ dày	Điện mãng châm điều trị hội chứng- dạ dày tá	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2903	10.0163.0411	Phẫu thuật điều trị mảng sườn di động	Phẫu thuật điều trị mảng sườn di động	P1	7,392,200	Chưa bao gồm các loại	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2904	03.3501.0422	Nối niệu quản - niệu quản trong thận niệu	Nối niệu quản - niệu quản trong thận niệu quản	P2	6,374,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2905	14.0205.0759	Đốt lông xiêu, nhổ lông siêu	Đốt lông xiêu, nhổ lông siêu	T2	53,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2906	18.0077.0028	Chụp X-quang Chausse III	Chụp X-quang Chausse III [số hóa 1 phim]		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2907	15.0300.0955	Phẫu thuật sinh thiết hạch cổ	Phẫu thuật sinh thiết hạch cổ	P3	3,340,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2908	03.0364.0230	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng ngoại tháp	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng ngoại tháp	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2909	03.1056.0140	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu chảy máu	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu chảy máu tiêu	T1	798,300	Chưa bao gồm thuốc cầm	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2910	02.0024.1791	Đo chức năng hô hấp	Đo chức năng hô hấp		144,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2911	08.0167.0230	Điện nhĩ châm điều trị tắc tia sữa	Điện nhĩ châm điều trị tắc tia sữa	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2912	18.0077.0010	Chụp X-quang Chausse III	Chụp X-quang Chausse III [≤ 24x30 cm, 1 tư		58,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2913	03.1666.0839	Khâu phủ kết mạc	Khâu phủ kết mạc	P2	698,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2914	13.0048.0640	Nong cổ tử cung do bế sản dịch	Nong cổ tử cung do bế sản dịch	T3	313,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2915	03.0529.0230	Điện châm điều trị viêm quanh khớp vai	Điện châm điều trị viêm quanh khớp vai	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2916	01.0092.0001	Siêu âm màng phổi cấp cứu	Siêu âm màng phổi cấp cứu	T1	58,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2917	13.0103.0677	Phẫu thuật Lefort	Phẫu thuật Lefort	P2	3,055,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2918	10.0495.0456	Nối tắt ruột non - ruột non	Nối tắt ruột non - ruột non	P2	4,764,100	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2919	03.0491.0230	Điện châm điều trị giảm thị lực	Điện châm điều trị giảm thị lực	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
2920	10.0687.0492	Phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác	Phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác	P1	3,512,900	Chưa bao gồm tấm màng	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2921	24.0125.1614	HBc IgM miễn dịch bán tự động	HBc IgM miễn dịch bán tự động		123,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2922	08.0016.0247	Nắn, bó gãy xương cẳng tay bằng phương	Nắn, bó gãy xương cẳng tay bằng phương pháp	T2	119,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2923	18.0125.0029	Chụp X-quang bụng không chuẩn bị thẳng	Chụp X-quang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc		105,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2924	02.0311.0139	Nội soi trực tràng ống cứng có sinh thiết	Nội soi trực tràng ống cứng có sinh thiết	T3	215,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2925	15.0232.0135	Nội soi thực quản ống cứng chẩn đoán gây	Nội soi thực quản ống cứng chẩn đoán gây	T1	276,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2926	03.1672.0746	Điện đông thể mi	Điện đông thể mi	P3	562,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2927	03.3832.0526	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ X	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ X [bột tự cán]	T1	300,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2928	03.0610.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2929	08.0186.0230	Điện nhĩ châm điều di tinh	Điện nhĩ châm điều di tinh	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2930	01.0244.0165	Chọc dẫn lưu ổ áp xe dưới siêu âm	Chọc dẫn lưu ổ áp xe dưới siêu âm	T1	659,900	Chưa bao gồm ống thông.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2931	03.0358.0230	Điện nhĩ châm điều trị chứng ù tai	Điện nhĩ châm điều trị chứng ù tai	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2932	13.0066.0658	Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo có sự	Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo có sự hỗ	P1	6,375,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2933	18.0125.0013	Chụp X-quang bụng không chuẩn bị thẳng	Chụp X-quang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc		77,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2934	18.0125.0028	Chụp X-quang bụng không chuẩn bị thẳng	Chụp X-quang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2935	10.0784.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mắt cá trong	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mắt cá trong	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2936	03.2179.0870	Phẫu thuật cắt Amidan gây tê hoặc gây mê	Phẫu thuật cắt Amidan gây tê hoặc gây mê [gây	P2	1,217,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2937	24.0085.1720	Mycoplasma hominis test nhanh	Mycoplasma hominis test nhanh		261,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2938	13.0011.0707	Phẫu thuật thắt động mạch hạ vị trong cấp	Phẫu thuật thắt động mạch hạ vị trong cấp cứu	P1	5,142,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2939	18.0125.0012	Chụp X-quang bụng không chuẩn bị thẳng	Chụp X-quang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc		64,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2940	22.0163.1412	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu		37,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2941	03.2733.0597	Cắt u thành âm đạo	Cắt u thành âm đạo	P2	2,268,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2942	03.0508.0230	Điện châm điều trị cảm cúm	Điện châm điều trị cảm cúm	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2943	03.3742.0550	Phẫu thuật xơ cứng cơ thẳng trước	Phẫu thuật xơ cứng cơ thẳng trước	P2	3,923,600	Chưa bao gồm đinh, nẹp,	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2944	08.0119.2046	Điện mãng châm điều trị tâm căn suy nhược	Điện mãng châm điều trị tâm căn suy nhược	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2945	08.0131.2046	Điện mãng châm điều trị hen phế quản	Điện mãng châm điều trị hen phế quản [kim dài]	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2946	12.0283.0683	Cắt u nang buồng trứng và phần phụ	Cắt u nang buồng trứng và phần phụ	P2	3,217,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2947	18.0072.0010	Chụp X-quang Blondeau	Chụp X-quang Blondeau [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]		58,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2948	03.1658.0777	Lấy dị vật giác mạc	Lấy dị vật giác mạc [giác mạc nông, một mắt,	T1	727,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2949	17.0063.0268	Tập với thang tường	Tập với thang tường		33,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2950	16.0225.1035	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant	T1	245,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2951	07.0233.0355	Gọt chai chân (gọt nốt chai) trên người bệnh	Gọt chai chân (gọt nốt chai) trên người bệnh	T3	292,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2952	18.0072.0028	Chụp X-quang Blondeau	Chụp X-quang Blondeau [số hóa 1 phim]		73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2953	28.0143.1136	Phẫu thuật tạo hình khuyết ¼ vành tai bằng	Phẫu thuật tạo hình khuyết ¼ vành tai bằng vạt	P2	5,363,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2954	03.3858.0529	Nắn, bó bột gãy xương chậu	Nắn, bó bột gãy xương chậu [bột liền]	T1	659,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2955	23.0069.1561	Định lượng FT4 (Free Thyroxine) [Máu]	Định lượng FT4 (Free Thyroxine) [Máu]		67,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2956	22.0144.1364	Tìm tế bào Hargraves	Tìm tế bào Hargraves		69,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2957	15.0237.0926	Nội soi thực quản ống mềm sinh thiết u gây	Nội soi thực quản ống mềm sinh thiết u gây	T1	774,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2958	14.0215.0505	Rạch áp xe mi	Rạch áp xe mi	T1	218,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2959	03.3401.0492	Phẫu thuật thoát vị bẹn hay thành bụng	Phẫu thuật thoát vị bẹn hay thành bụng thường	P3	3,512,900	Chưa bao gồm tấm màng	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2960	03.3009.0333	Điều trị sẹo lõm bằng tiêm Acid hyaluronic	Điều trị sẹo lõm bằng tiêm Acid hyaluronic	TDB	351,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2961	03.2732.0683	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt	P2	3,217,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2962	03.0353.0230	Điện nhĩ châm điều trị đau thần kinh tọa	Điện nhĩ châm điều trị đau thần kinh tọa	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2963	23.0011.1459	Định lượng Amoniac (NH3) [Máu]	Định lượng Amoniac (NH3) [Máu]		78,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2964	08.0415.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mi	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mi	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2965	18.0072.0029	Chụp X-quang Blondeau	Chụp X-quang Blondeau [số hóa 2 phim]		105,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2966	03.0677.0228	Cứu điều trị liệt thể hàn	Cứu điều trị liệt thể hàn	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2967	15.0301.0219	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ	T1	354,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2968	03.1706.0782	Lấy dị vật kết mạc	Lấy dị vật kết mạc	T2	71,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2969	03.1656.0732	Cắt bỏ túi lệ	Cắt bỏ túi lệ	P2	930,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2970	15.0055.0902	Nội soi lấy dị vật tai gây mê/[gây tê]	Nội soi lấy dị vật tai gây mê/[gây mê]	T1	530,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2971	10.0412.0584	Mở rộng lỗ sáo	Mở rộng lỗ sáo	P3	1,509,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2972	03.0462.0230	Điện châm điều trị liệt chi trên	Điện châm điều trị liệt chi trên	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
2973	03.0434.0227	Cấy chỉ điều trị viêm mũi dị ứng	Cấy chỉ điều trị viêm mũi dị ứng	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2974	02.0214.0072	Nội soi bơm rửa niệu quản sau tán sỏi ngoài	Nội soi bơm rửa niệu quản sau tán sỏi ngoài cơ	T1	500,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2975	01.0065.0071	Bóp bóng ambu qua mặt nạ	Bóp bóng ambu qua mặt nạ	T2	248,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2976	08.0200.0230	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi dưới	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi dưới	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2977	03.3827.0218	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10 cm	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10 cm	T3	289,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2978	18.0141.0020	Chụp X-quang bể thận - niệu quản xuôi dòng	Chụp X-quang bể thận - niệu quản xuôi dòng	T1	579,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2979	10.0713.0487	Lấy u sau phúc mạc	Lấy u sau phúc mạc	P1	6,419,200	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2980	08.0281.0230	Điện châm điều trị hội chứng stress	Điện châm điều trị hội chứng stress	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2981	03.3854.0520	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay [bột tự	T2	192,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2982	16.0067.1031	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng	T2	280,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2983	03.0179.0211	Thụt tháo phân	Thụt tháo phân	T3	92,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2984	10.0484.0465	Đẩy bã thức ăn xuống đại tràng	Đẩy bã thức ăn xuống đại tràng	P2	3,993,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2985	24.0296.1717	Toxocara (Giun đũa chó, mèo) Ab miễn dịch	Toxocara (Giun đũa chó, mèo) Ab miễn dịch		321,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2986	11.0028.1106	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu dưới 1%	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu dưới 1% diện	P2	2,595,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2987	01.0174.0195	Thận nhân tạo cấp cứu	Thận nhân tạo cấp cứu	T1	1,607,000	Quả lọc dây máu dùng 1	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2988	22.0292.1280	Định nhóm máu hệ Rh(D) (kỹ thuật phiến đá)	Định nhóm máu hệ Rh(D) (kỹ thuật phiến đá)		33,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2989	18.0141.0032	Chụp X-quang bể thận - niệu quản xuôi dòng	Chụp X-quang bể thận - niệu quản xuôi dòng	T1	649,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2990	18.0149.0040	Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản	Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản		550,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2991	08.0443.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2992	03.0652.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tic	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tic	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2993	10.0947.0571	Phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm	Phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm	P2	3,226,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2994	14.0187.0791	Phẫu thuật quặm	Phẫu thuật quặm [2 mi - gây tê]	P2	935,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2995	08.0008.2045	Ôn châm	Ôn châm [kim dài]	T2	83,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2996	03.0295.0230	Điện mãng châm điều trị liệt chi trên	Điện mãng châm điều trị liệt chi trên [kim ngắn]	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2997	22.0274.1326	Phản ứng hoà hợp có sử dụng kháng globulin	Phản ứng hoà hợp có sử dụng kháng globulin		80,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2998	14.0254.0757	Đo thị trường chu biên	Đo thị trường chu biên	T1	31,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2999	03.2154.0897	Làm Proetz	Làm Proetz	T3	69,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3000	10.0406.0435	Cắt bỏ tinh hoàn	Cắt bỏ tinh hoàn	P3	2,490,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3001	10.1027.0522	Nắn, bó bột gãy Monteggia	Nắn, bó bột gãy Monteggia [bột tự cán]	T1	242,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3002	13.0224.0631	Triệt sản nữ qua đường rạch nhỏ	Triệt sản nữ qua đường rạch nhỏ	P2	3,191,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3003	23.0035.1471	Định lượng CA 72-4 (Cancer Antigen 72-4)	Định lượng CA 72-4 (Cancer Antigen 72-4)		139,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3004	14.0184.0774	Cắt bỏ nhãn cầu có hoặc không cắt thị thần	Cắt bỏ nhãn cầu có hoặc không cắt thị thần	P2	830,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3005	03.0592.0271	Thuỷ châm điều trị đái dầm	Thuỷ châm điều trị đái dầm	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3006	08.0357.0271	Thuỷ châm điều trị đau dây thần kinh liên	Thuỷ châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3007	03.3517.0421	Lấy sỏi bàng quang lần 2, đóng lỗ rò bàng	Lấy sỏi bàng quang lần 2, đóng lỗ rò bàng	P1	4,569,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3008	03.0451.0227	Cấy chỉ điều trị đại, tiểu tiện không tự chủ	Cấy chỉ điều trị đại, tiểu tiện không tự chủ	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3009	18.0150.0041	Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang	Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang	T2	663,400	Chưa bao gồm thuốc cản	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3010	03.1955.1029	Nhổ răng sữa	Nhổ răng sữa	T1	46,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3011	01.0089.0206	Đặt canuyn mở khí quản 2 nòng	Đặt canuyn mở khí quản 2 nòng	T2	263,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3012	03.0559.0271	Thuỷ châm điều trị lác	Thuỷ châm điều trị lác	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3013	03.3264.0411	Phẫu thuật cố định mảng sườn di động bằng	Phẫu thuật cố định mảng sườn di động bằng nẹp	P1	7,392,200	Chưa bao gồm các loại	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3014	24.0056.1714	Neisseria meningitidis nhuộm soi	Neisseria meningitidis nhuộm soi		74,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3015	03.3400.0632	Lấy máu tụ tầng sinh môn	Lấy máu tụ tầng sinh môn	P3	2,501,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3016	03.2442.1045	Cắt u máu dưới da đầu có đường kính trên	Cắt u máu dưới da đầu có đường kính trên 10	P1	1,208,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3017	23.0131.1552	Định lượng Prolactin [Máu]	Định lượng Prolactin [Máu]		78,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3018	27.0329.1197	Phẫu thuật nội soi sinh thiết hạch ổ bụng	Phẫu thuật nội soi sinh thiết hạch ổ bụng	P2	1,596,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3019	17.0067.0268	Tập với dụng cụ chèo thuyền	Tập với dụng cụ chèo thuyền		33,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3020	18.0160.0040	Chụp CLVT hốc mắt (từ 1-32 dãy)	Chụp CLVT hốc mắt (từ 1-32 dãy) [không có		550,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3021	03.1954.1019	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng	T1	112,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3022	28.0134.0583	Phẫu thuật tạo hình nhân trung	Phẫu thuật tạo hình nhân trung	P2	2,396,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3023	15.0208.0916	Cầm máu đơn giản sau phẫu thuật cắt	Cầm máu đơn giản sau phẫu thuật cắt Amidan,	T2	139,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3024	24.0017.1714	AFB trực tiếp nhuộm Ziehl-Neelsen	AFB trực tiếp nhuộm Ziehl-Neelsen		74,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3025	10.0720.0556	Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp cùng đòn	Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp cùng đòn	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
3026	08.0157.2046	Điện mãng châm điều trị đau lưng	Điện mãng châm điều trị đau lưng [kim dài]	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3027	03.2356.0505	Chọc hút áp xe thành bụng	Chọc hút áp xe thành bụng	T3	218,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3028	08.0399.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bệnh tự kỷ ở trẻ	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bệnh tự kỷ ở trẻ em	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3029	03.0344.2046	Điện mãng châm điều trị rối loạn thần kinh	Điện mãng châm điều trị rối loạn thần kinh	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3030	03.0532.0271	Thuỷ châm điều trị liệt	Thuỷ châm điều trị liệt	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3031	05.0004.0334	Điều trị sùi mào gà bằng laser CO2	Điều trị sùi mào gà bằng laser CO2	T1	889,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3032	23.0027.1493	Định lượng Bilirubin toàn phần [Máu]	Định lượng Bilirubin toàn phần [Máu]		22,400	Không thanh toán đối với	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3033	03.2238.0894	Đốt họng bằng khí nitơ lỏng	Đốt họng bằng khí nitơ lỏng	T1	156,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3034	03.0307.2046	Điện mãng châm điều trị đau đầu	Điện mãng châm điều trị đau đầu [kim dài]	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3035	13.0118.0595	Cắt cô tử cung trên người bệnh đã mổ cắt tử	Cắt cô tử cung trên người bệnh đã mổ cắt tử	P1	4,541,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3036	18.0160.0041	Chụp CLVT hốc mắt (từ 1-32 dãy)	Chụp CLVT hốc mắt (từ 1-32 dãy) [có thuốc		663,400	Chưa bao gồm thuốc cản	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3037	03.0329.0230	Điện mãng châm điều trị viêm khớp dạng	Điện mãng châm điều trị viêm khớp dạng thấp	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3038	03.1931.1018	Phục hồi cổ răng bằng Composite	Phục hồi cổ răng bằng Composite	T1	369,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3039	01.0216.0103	Đặt ống thông dạ dày	Đặt ống thông dạ dày	T3	101,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3040	10.0798.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở I thân hai	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở I thân hai	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3041	08.0348.0271	Thuỷ châm điều trị thống kinh	Thuỷ châm điều trị thống kinh	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3042	08.0263.0227	Cấy chỉ điều trị rối loạn tiêu hóa	Cấy chỉ điều trị rối loạn tiêu hóa	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3043	08.0233.0227	Cấy chỉ điều trị mày đay	Cấy chỉ điều trị mày đay	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3044	03.0138.1777	Điện não đồ thường quy	Điện não đồ thường quy		75,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3045	03.0565.0271	Thuỷ châm điều trị viêm mũi dị ứng	Thuỷ châm điều trị viêm mũi dị ứng	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3046	08.0199.0230	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi trên	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi trên	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3047	03.1688.0769	Khâu kết mạc	Khâu kết mạc [gây tê]	P3	897,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3048	03.0614.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3049	18.0155.0040	Chụp CLVT hàm - mặt không tiêm thuốc cản	Chụp CLVT hàm - mặt không tiêm thuốc cản		550,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3050	23.0195.1589	Định tính Codein (test nhanh) [niệu]	Định tính Codein (test nhanh) [niệu]		44,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3051	08.0362.0271	Thuỷ châm điều trị hội chứng ngoại tháp	Thuỷ châm điều trị hội chứng ngoại tháp	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3052	18.0156.0041	Chụp CLVT hàm - mặt có tiêm thuốc cản	Chụp CLVT hàm - mặt có tiêm thuốc cản	T2	663,400	Chưa bao gồm thuốc cản	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3053	03.0412.0227	Cấy chỉ điều trị bại não	Cấy chỉ điều trị bại não	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3054	18.0221.0040	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy	T2	550,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3055	16.0335.1022	Nắn sai khớp thái dương hàm	Nắn sai khớp thái dương hàm	T1	110,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3056	13.0231.0643	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 8	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 8 tuần		352,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3057	03.0312.2046	Điện mãng châm điều trị liệt VII ngoại biên	Điện mãng châm điều trị liệt VII ngoại biên	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3058	21.0088.0751	Xác định sơ đồ song thị	Xác định sơ đồ song thị		77,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3059	03.0399.0230	Điện nhĩ châm điều trị béo phì	Điện nhĩ châm điều trị béo phì	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3060	08.0291.0230	Điện châm điều trị viêm bàng quang	Điện châm điều trị viêm bàng quang	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3061	08.0139.2046	Điện mãng châm điều trị rối loạn thần kinh	Điện mãng châm điều trị rối loạn thần kinh	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3062	03.0604.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3063	21.0077.0852	Test thử cảm giác giác mạc	Test thử cảm giác giác mạc		46,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3064	18.0221.0041	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy	T2	663,400	Chưa bao gồm thuốc cản	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3065	11.0089.0215	Đặt dây truyền dịch ngoại vi điều trị người	Đặt dây truyền dịch ngoại vi điều trị người	T3	25,100	Chỉ áp dụng với người	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3066	24.0002.1720	Vi khuẩn test nhanh	Vi khuẩn test nhanh		261,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3067	03.2043.1070	Phẫu thuật rạch dẫn lưu viêm tấy lan toả	Phẫu thuật rạch dẫn lưu viêm tấy lan toả vùng	P1	2,497,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3068	15.0205.1043	Lấy sỏi ống tuyến Wharton đường miệng	Lấy sỏi ống tuyến Wharton đường miệng	P3	1,051,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3069	10.0840.0559	Khâu tổn thương gân gấp bàn tay ở vùng II	Khâu tổn thương gân gấp bàn tay ở vùng II	PDB	3,302,900	Chưa bao gồm gân nhân	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3070	08.0437.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau bụng kinh	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau bụng kinh	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3071	08.0290.0230	Điện châm điều trị cơn đau quặn thận	Điện châm điều trị cơn đau quặn thận	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3072	03.3690.0556	Phẫu thuật đóng đinh nội tủy gãy 1 xương	Phẫu thuật đóng đinh nội tủy gãy 1 xương cẳng	P2	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3073	03.0452.0227	Cấy chỉ điều trị táo bón	Cấy chỉ điều trị táo bón	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3074	27.0191.0451	Phẫu thuật nội soi viêm phúc mạc do viêm	Phẫu thuật nội soi viêm phúc mạc do viêm ruột	P1	3,136,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3075	15.0127.1002	Phẫu thuật mở lỗ thông mũi xoang qua khe	Phẫu thuật mở lỗ thông mũi xoang qua khe dưới	P3	1,075,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3076	03.2449.0834	Cắt u da vùng mặt, tạo hình	Cắt u da vùng mặt, tạo hình	PDB	1,322,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3077	18.0219.0041	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường	T2	663,400	Chưa bao gồm thuốc cản	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3078	03.3309.0465	Phẫu thuật điều trị tắc ruột do bã thức ăn	Phẫu thuật điều trị tắc ruột do bã thức ăn	P2	3,993,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
3079	11.0057.1159	Ghép da dị loại điều trị vết thương bỏng	Ghép da dị loại điều trị vết thương bỏng	T2	385,400	Chưa bao gồm thuốc vô	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3080	07.0228.0366	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm	T1	719,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3081	14.0065.0824	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc rời tự	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc rời tự thân,	P2	930,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3082	10.0554.0494	Phẫu thuật khâu treo và triệt mạch trĩ (THD)	Phẫu thuật khâu treo và triệt mạch trĩ (THD)	P2	2,816,900	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3083	02.0317.0165	Siêu âm can thiệp - đặt ống thông dẫn lưu ô	Siêu âm can thiệp - đặt ống thông dẫn lưu ô áp	T1	659,900	Chưa bao gồm ống thông.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3084	14.0262.0751	Đo độ lác	Đo độ lác		77,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3085	03.2180.0954	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ [gây mê]	P2	3,209,900	Đã bao gồm chi phí mũi	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3086	10.0934.0563	Rút đinh/tháo phương tiện kết hợp xương	Rút đinh/tháo phương tiện kết hợp xương	P2	1,857,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3087	08.0464.0228	Cứu điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại	Cứu điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3088	22.0125.1298	Huyết đồ (bằng máy đếm laser)	Huyết đồ (bằng máy đếm laser)		74,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3089	03.0274.0238	Kéo nắn cột sống cổ	Kéo nắn cột sống cổ	T2	54,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3090	08.0204.0230	Điện nhĩ châm điều trị viêm kết mạc	Điện nhĩ châm điều trị viêm kết mạc	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3091	03.1942.1010	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục	TDB	380,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3092	23.0218.1534	Đo hoạt độ LDH (Lactat dehydrogenase)	Đo hoạt độ LDH (Lactat dehydrogenase) [dịch		28,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3093	03.3406.0600	Trích áp xe tầng sinh môn	Trích áp xe tầng sinh môn	P3	873,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3094	13.0241.0644	Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp	Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút	T3	450,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3095	01.0163.0121	Mở thông bàng quang trên xương mu	Mở thông bàng quang trên xương mu	T1	405,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3096	10.0676.0582	Khâu vết thương lách	Khâu vết thương lách	P1	3,433,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3097	08.0275.0227	Cấy chỉ điều trị di tinh	Cấy chỉ điều trị di tinh	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3098	16.0243.1067	Phẫu thuật điều trị gãy lồi cầu xương hàm	Phẫu thuật điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới	P1	2,997,900	Chưa bao gồm nẹp, vít.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3099	17.0109.0265	Tập cho người thất ngôn	Tập cho người thất ngôn	T3	124,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3100	23.0043.1478	Đo hoạt độ CK-MB ((Isozym MB of Creatine	Đo hoạt độ CK-MB ((Isozym MB of Creatine		39,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3101	16.0045.1014	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín	P3	455,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3102	03.0669.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sa trực tràng	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sa trực tràng	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3103	13.0049.0635	Nạo sót thai, nạo sót rau sau sảy, sau đẻ	Nạo sót thai, nạo sót rau sau sảy, sau đẻ	T2	376,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3104	03.0646.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3105	18.0219.0040	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường	T2	550,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3106	03.3297.0491	Mở thông dạ dày	Mở thông dạ dày	P3	2,683,900	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3107	28.0439.1064	Phẫu thuật chỉnh thon góc hàm	Phẫu thuật chỉnh thon góc hàm	P1	3,828,100	Chưa bao gồm nẹp, vít	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3108	08.0123.2046	Điện mãng châm điều trị liệt do tổn thương	Điện mãng châm điều trị liệt do tổn thương	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3109	22.0287.1272	Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm	Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm		49,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3110	25.0014.1758	Chọc hút kim nhỏ tuyến nước bọt	Chọc hút kim nhỏ tuyến nước bọt	T3	308,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3111	02.0492.0147	Nội soi bàng quang có gây mê	Nội soi bàng quang có gây mê	T2	911,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3112	10.0349.0424	Cắt cổ bàng quang	Cắt cổ bàng quang	P1	5,887,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3113	01.0239.0001	Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu	Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu	T2	58,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3114	10.0821.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy nội khớp đầu	Phẫu thuật kết hợp xương gãy nội khớp đầu	P2	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3115	10.0761.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ xương đùi	Phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ xương đùi	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3116	03.3394.0464	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe cơ đái chậu	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe cơ đái chậu	P3	2,917,900	Chưa bao gồm kẹp khóa	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3117	14.0200.0782	Lấy dị vật kết mạc	Lấy dị vật kết mạc	T2	71,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3118	03.0303.2046	Điện mãng châm điều trị chứng nói ngọng,	Điện mãng châm điều trị chứng nói ngọng, nói	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3119	10.0885.0559	Phẫu thuật điều trị đứt gân Achille	Phẫu thuật điều trị đứt gân Achille	P1	3,302,900	Chưa bao gồm gân nhân	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3120	18.0193.0040	Chụp cắt lớp vi tính phổi độ phân giải cao (từ	Chụp cắt lớp vi tính phổi độ phân giải cao (từ 1-		550,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3121	12.0314.1189	Cắt u máu/u bạch mạch dưới da đường kính	Cắt u máu/u bạch mạch dưới da đường kính từ	P1	3,300,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3122	24.0183.1637	Dengue virus NS1Ag test nhanh	Dengue virus NS1Ag test nhanh		142,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3123	08.0379.0271	Thuỷ châm điều trị sụp mi	Thuỷ châm điều trị sụp mi	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3124	03.0368.0230	Điện nhĩ châm điều trị thiếu máu não mạn	Điện nhĩ châm điều trị thiếu máu não mạn tính	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3125	03.1688.0768	Khâu kết mạc	Khâu kết mạc [gây mê]	P3	1,595,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3126	03.2116.0992	Thông vòi nhĩ	Thông vòi nhĩ	T3	98,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3127	15.0303.0204	Thay băng vết mổ	Thay băng vết mổ [chiều dài từ 30 cm đến 50	T3	193,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3128	03.0643.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau ngực, sườn	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau ngực, sườn	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3129	03.2329.0095	Đặt sonde dẫn lưu khoang màng phổi dưới	Đặt sonde dẫn lưu khoang màng phổi dưới	T2	729,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3130	03.2890.0085	Chọc hút dịch và bơm thuốc điều trị nang	Chọc hút dịch và bơm thuốc điều trị nang giáp	TDB	240,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3131	13.0229.0643	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 9	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 9 tuần		352,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
3132	03.0280.0286	Xông thuốc bằng máy	Xông thuốc bằng máy	T3	50,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3133	03.3046.0329	Điều trị chai chân bằng đốt điện, plasma,	Điều trị chai chân bằng đốt điện, plasma, laser,	T2	399,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3134	03.0297.0230	Điện mãng châm điều trị liệt nửa người	Điện mãng châm điều trị liệt nửa người [kim	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3135	01.0094.0111	Dẫn lưu khí màng phổi áp lực thấp	Dẫn lưu khí màng phổi áp lực thấp	T1	192,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3136	14.0252.0801	Nghiệm pháp phát hiện glôcôm	Nghiệm pháp phát hiện glôcôm	T2	130,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3137	03.0272.0243	Laser châm	Laser châm	T2	52,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3138	11.0010.1148	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích	T3	262,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3139	14.0214.0778	Bóc giả mạc	Bóc giả mạc	T3	99,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3140	02.0232.0158	Rửa bàng quang lấy máu cục	Rửa bàng quang lấy máu cục	T2	230,500	Chưa bao gồm hóa chất.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3141	03.3875.0513	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân [bột liền]	T2	282,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3142	15.0110.0970	Phẫu thuật thủng vách ngăn mũi	Phẫu thuật thủng vách ngăn mũi	P1	3,526,900	Chưa bao gồm mũi	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3143	05.0014.0329	Điều trị u mềm treo bằng Plasma	Điều trị u mềm treo bằng Plasma	T2	399,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3144	03.3663.0556	Phẫu thuật gãy xương cánh tay kèm tổn	Phẫu thuật gãy xương cánh tay kèm tổn thương	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3145	03.3855.0512	Nắn, bó bột trật khớp háng	Nắn, bó bột trật khớp háng [bột tự cán]	T1	297,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3146	03.0309.2046	Điện mãng châm điều trị stress	Điện mãng châm điều trị stress [kim dài]	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3147	03.2178.0900	Lấy dị vật hạ họng	Lấy dị vật hạ họng	T2	43,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3148	27.0391.0440	Nội soi bàng quang tán sỏi	Nội soi bàng quang tán sỏi	P2	1,345,000	Chưa bao gồm sonde JJ, rọ	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3149	03.1686.0784	Lấy máu làm huyết thanh	Lấy máu làm huyết thanh		69,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3150	03.1815.1041	Phẫu thuật cắt phanh lưỡi	Phẫu thuật cắt phanh lưỡi	P3	344,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3151	16.0050.1014	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	P3	455,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3152	03.3647.0556	Phẫu thuật trật khớp cùng đòn	Phẫu thuật trật khớp cùng đòn	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3153	15.0228.0932	Nội soi hạ họng ống cứng lấy dị vật gây	Nội soi hạ họng ống cứng lấy dị vật gây tê/gây	T1	545,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3154	03.3857.0526	Nắn, bó bột gãy mâm chày	Nắn, bó bột gãy mâm chày [bột tự cán]	T1	300,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3155	03.0506.0230	Điện châm điều trị bí đái	Điện châm điều trị bí đái	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3156	08.0159.2046	Điện mãng châm điều trị liệt dương	Điện mãng châm điều trị liệt dương	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3157	14.0187.0795	Phẫu thuật quặm	Phẫu thuật quặm [4 mi - gây tê]	P2	1,387,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3158	24.0073.1658	Helicobacter pylori Ag test nhanh	Helicobacter pylori Ag test nhanh		171,100	Áp dụng với trường hợp	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3159	03.0606.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3160	03.0335.0230	Điện mãng châm điều trị chứng tic	Điện mãng châm điều trị chứng tic [kim ngắn]	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3161	16.0271.1095	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má bằng	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má bằng chỉ	P1	2,636,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3162	22.0160.1345	Thể tích khối hồng cầu (hematocrit) bằng	Thể tích khối hồng cầu (hematocrit) bằng máy		18,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3163	10.1011.0514	Nắn, bó bột trong bong sụn tiếp khớp gối,	Nắn, bó bột trong bong sụn tiếp khớp gối, khớp	T2	182,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3164	14.0187.0794	Phẫu thuật quặm	Phẫu thuật quặm [4 mi - gây mê]	P2	2,068,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3165	18.0191.0040	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm		550,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3166	12.0161.0875	Cắt polyp ống tai	Cắt polyp ống tai [gây tê]	P2	634,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3167	23.0044.1478	Định lượng CK-MB mass (Isozym MB of	Định lượng CK-MB mass (Isozym MB of		39,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3168	08.0347.0271	Thuỷ châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	Thuỷ châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3169	08.0441.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3170	03.1649.0805	Cắt bè củng giác mạc (Trabeculectomy)	Cắt bè củng giác mạc (Trabeculectomy)	P1	1,202,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3171	28.0176.1076	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	P1	3,493,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3172	03.3405.0606	Chọc dò túi cùng Douglas	Chọc dò túi cùng Douglas	T1	312,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3173	18.0192.0041	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc	T2	663,400	Chưa bao gồm thuốc cản	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3174	08.0482.0235	Giác hơi điều trị cảm cúm	Giác hơi điều trị cảm cúm	T3	36,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3175	03.3824.0575	Vá da dày toàn bộ, diện tích dưới 10 cm²	Vá da dày toàn bộ, diện tích dưới 10 cm²	P2	3,044,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3176	08.0319.0230	Điện châm điều trị giảm đau do zona	Điện châm điều trị giảm đau do zona	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3177	08.0331.0271	Thuỷ châm điều trị hội chứng dạ dày tá tràng	Thuỷ châm điều trị hội chứng dạ dày tá tràng	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3178	03.1850.1012	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	P3	631,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3179	03.2379.0312	Test lấy da với các dị nguyên	Test lấy da với các dị nguyên	T3	344,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3180	03.2764.0562	Phẫu thuật ung thư biểu mô tế bào đáy/gai	Phẫu thuật ung thư biểu mô tế bào đáy/gai vùng	P1	4,421,700	Chưa bao gồm nẹp, vít	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3181	17.0133.0242	Kỹ thuật thông tiểu ngắt quãng trong phục	Kỹ thuật thông tiểu ngắt quãng trong phục hồi		162,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3182	02.0411.0214	Tiêm khớp gối dưới hướng dẫn của siêu âm	Tiêm khớp gối dưới hướng dẫn của siêu âm	T2	148,700	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3183	14.0171.0769	Khâu da mi đơn giản	Khâu da mi đơn giản	P3	897,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3184	03.0667.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau răng	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau răng	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
3185	15.0238.1004	Nội soi thanh quản ống cứng chẩn đoán gây	Nội soi thanh quản ống cứng chẩn đoán gây tê	T1	549,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3186	02.0406.0213	Tiêm gân gót	Tiêm gân gót	T3	104,400	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3187	03.2355.0077	Dẫn lưu dịch màng bụng	Dẫn lưu dịch màng bụng	T3	153,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3188	03.3831.0526	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ O	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ O [bột tự cán]	T1	300,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3189	13.0045.0622	Hủy thai: chọc óc, kẹp sọ, kéo thai	Hủy thai: chọc óc, kẹp sọ, kéo thai	TDB	2,520,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3190	10.0486.0465	Cắt ruột non hình chêm	Cắt ruột non hình chêm	P2	3,993,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3191	08.0161.2046	Điện mãng châm điều trị bí đái cơ năng	Điện mãng châm điều trị bí đái cơ năng	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3192	16.0298.1009	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	TDB	414,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3193	22.0499.0163	Rút máu để điều trị	Rút máu để điều trị	T2	289,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3194	08.0447.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3195	15.0143.0907	Lấy dị vật mũi	Lấy dị vật mũi [không gây mê]	T2	213,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3196	03.0357.0230	Điện nhĩ châm điều trị bệnh tự kỷ	Điện nhĩ châm điều trị bệnh tự kỷ	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3197	15.0207.0995	Trích áp xe quanh Amidan	Trích áp xe quanh Amidan	T1	771,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3198	03.2245.0219	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ [tổn	T1	354,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3199	08.0352.0271	Thuỷ châm điều trị đau vai gáy	Thuỷ châm điều trị đau vai gáy	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3200	17.0147.0241	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống		59,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3201	08.0211.0230	Điện nhĩ châm điều trị đái dầm	Điện nhĩ châm điều trị đái dầm	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3202	03.2332.0078	Chọc dò màng phổi dưới hướng dẫn của siêu	Chọc dò màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	T2	195,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3203	08.0337.0271	Thuỷ châm điều trị tâm căn suy nhược	Thuỷ châm điều trị tâm căn suy nhược	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3204	02.0145.1777	Ghi điện não thường quy	Ghi điện não thường quy		75,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3205	03.0500.0230	Điện châm điều trị viêm phần phụ	Điện châm điều trị viêm phần phụ	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3206	14.0165.0823	Phẫu thuật mộng đơn thuần	Phẫu thuật mộng đơn thuần	P2	960,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3207	14.0220.0849	Soi đáy mắt bằng Schepens	Soi đáy mắt bằng Schepens	T2	60,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3208	03.3042.0329	Điều trị sùi mào gà ở phụ nữ bằng đốt điện,	Điều trị sùi mào gà ở phụ nữ bằng đốt điện,	T2	399,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3209	03.2726.0627	Cắt cụt cổ tử cung	Cắt cụt cổ tử cung	P1	3,019,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3210	03.3887.0556	Phẫu thuật điều trị can lệch, có kết hợp xương	Phẫu thuật điều trị can lệch, có kết hợp xương	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3211	08.0413.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3212	03.3475.0421	Lấy sỏi san hô thận	Lấy sỏi san hô thận	P2	4,569,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3213	17.0059.0268	Tập trong bồn bóng nhỏ	Tập trong bồn bóng nhỏ		33,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3214	08.0383.0271	Thuỷ châm điều trị giảm thị lực	Thuỷ châm điều trị giảm thị lực	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3215	23.0039.1476	Định lượng CEA (Carcino Embryonic	Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen)		89,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3216	18.0222.0040	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy (từ	T2	550,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3217	18.0222.0041	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy (từ	T2	663,400	Chưa bao gồm thuốc cản	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3218	03.0535.0271	Thuỷ châm điều trị liệt nửa người	Thuỷ châm điều trị liệt nửa người	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3219	08.0215.0230	Điện nhĩ châm điều trị viêm khớp dạng thấp	Điện nhĩ châm điều trị viêm khớp dạng thấp	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3220	16.0294.1079	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	P1	2,856,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3221	03.3383.0584	Cắt nang/polyp rốn	Cắt nang/polyp rốn	P3	1,509,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3222	03.1703.0075	Cắt chỉ khâu da	Cắt chỉ khâu da	T3	40,300	Chỉ áp dụng với người	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3223	03.0384.0230	Điện nhĩ châm điều trị hen phế quản	Điện nhĩ châm điều trị hen phế quản	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3224	18.0259.0040	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không		550,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3225	18.0260.0041	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng có	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng có tiêm	T2	663,400	Chưa bao gồm thuốc cản	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3226	10.0817.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu xương	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu xương	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3227	24.0039.1714	Mycobacterium leprae nhuộm soi	Mycobacterium leprae nhuộm soi		74,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3228	22.0121.1369	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy		49,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3229	01.0240.0077	Chọc dò ổ bụng cấp cứu	Chọc dò ổ bụng cấp cứu	T2	153,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3230	08.0462.0228	Cứu điều trị giảm thính lực thể hàn	Cứu điều trị giảm thính lực thể hàn	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3231	03.0157.0140	Cầm máu thực quản qua nội soi	Cầm máu thực quản qua nội soi	T1	798,300	Chưa bao gồm thuốc cầm	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3232	03.0343.0230	Điện móng châm điều trị bí đái	Điện móng châm điều trị bí đái [kim ngắn]	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3233	03.0130.0262	Vận động trị liệu bàng quang	Vận động trị liệu bàng quang	T3	318,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3234	18.0257.0040	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực không	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực không tiêm		550,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3235	10.1030.0516	Nắm, cố định trật khớp hàm	Nắm, cố định trật khớp hàm [bột tự cán]	T2	256,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3236	10.0355.0421	Lấy sỏi bàng quang	Lấy sỏi bàng quang	P2	4,569,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3237	14.0218.0849	Soi đáy mắt trực tiếp	Soi đáy mắt trực tiếp	T2	60,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
3238	03.0091.0300	Hút đờm qua ống nội khí quản bằng catheter	Hút đờm qua ống nội khí quản bằng catheter	T3	373,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3239	03.3754.0556	Néo ép hoặc buộc vòng chỉ thép gãy xương	Néo ép hoặc buộc vòng chỉ thép gãy xương	P2	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3240	03.3684.0556	Phẫu thuật gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay	Phẫu thuật gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay	P2	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3241	03.0331.2046	Điện mãng châm điều trị đau lưng	Điện mãng châm điều trị đau lưng	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3242	23.0072.1244	Đo hoạt độ G6PD (Glucose -6 phosphat	Đo hoạt độ G6PD (Glucose -6 phosphat		87,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3243	18.0258.0041	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực có tiêm	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực có tiêm	T2	663,400	Chưa bao gồm thuốc cản	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3244	08.0173.0230	Điện nhĩ châm điều trị nấc	Điện nhĩ châm điều trị nấc	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3245	09.0028.0099	Đặt catheter tĩnh mạch cảnh ngoài	Đặt catheter tĩnh mạch cảnh ngoài	T2	685,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3246	15.0136.1005	Nội soi sinh thiết u hốc mũi	Nội soi sinh thiết u hốc mũi	T1	321,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3247	05.0051.0324	Điều trị u mềm lây bằng nạo thương tổn	Điều trị u mềm lây bằng nạo thương tổn	T3	380,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3248	14.0188.0792	Phẫu thuật quặm tái phát	Phẫu thuật quặm tái phát [3 mi - gây tê]	P2	1,188,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3249	13.0145.0611	Điều trị tổn thương cổ tử cung bằng đốt điện,	Điều trị tổn thương cổ tử cung bằng đốt điện,	T2	191,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3250	10.0506.0459	Cắt ruột thừa đơn thuần	Cắt ruột thừa đơn thuần	P2	2,815,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3251	24.0131.1644	HBeAg miễn dịch bán tự động	HBeAg miễn dịch bán tự động		104,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3252	10.0996.0516	Nắn, bó bột gãy xương đòn	Nắn, bó bột gãy xương đòn [bột tự cán]	T2	256,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3253	03.0588.0271	Thuỷ châm điều trị rối loạn đại, tiểu tiện	Thuỷ châm điều trị rối loạn đại, tiểu tiện	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3254	12.0161.0874	Cắt polyp ống tai	Cắt polyp ống tai [gây tê]	P2	2,122,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3255	16.0051.1013	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	P3	861,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3256	24.0093.1703	Salmonella Widal	Salmonella Widal		194,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3257	24.0300.1705	Toxoplasma IgG miễn dịch bán tự động	Toxoplasma IgG miễn dịch bán tự động		130,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3258	12.0069.0834	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính trên 3 cm	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính trên 3 cm	P1	1,322,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3259	03.1836.1031	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng	T2	280,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3260	24.0165.1660	HEV IgM miễn dịch bán tự động	HEV IgM miễn dịch bán tự động		336,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3261	07.0223.0574	Ghép da tự thân bằng mảnh da mắt lưới trên	Ghép da tự thân bằng mảnh da mắt lưới trên	P2	4,699,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3262	01.0303.0001	Siêu âm cấp cứu tại giường bệnh	Siêu âm cấp cứu tại giường bệnh	T2	58,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3263	03.0478.0230	Điện châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Điện châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3264	14.0066.0808	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc tự thân,	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc tự thân,	P2	1,632,200	Chưa bao gồm chi phí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3265	18.0255.0040	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ không tiêm	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ không tiêm		550,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3266	08.0193.0230	Điện nhĩ châm điều trị thất vận ngôn	Điện nhĩ châm điều trị thất vận ngôn	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3267	15.0138.0920	Chọc rửa xoang hàm	Chọc rửa xoang hàm	T2	310,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3268	22.0284.1270	Định nhóm máu hệ ABO (kỹ thuật trên thẻ)	Định nhóm máu hệ ABO (kỹ thuật trên thẻ)		62,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3269	12.0261.1191	Cắt u sùi đầu miệng sáo	Cắt u sùi đầu miệng sáo	P3	1,456,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3270	18.0256.0041	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ có tiêm	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ có tiêm thuốc	T2	663,400	Chưa bao gồm thuốc cản	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3271	03.2069.1022	Nắn sai khớp thái dương hàm	Nắn sai khớp thái dương hàm	P2	110,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3272	24.0095.1714	Treponema pallidum soi tươi	Treponema pallidum soi tươi		74,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3273	16.0232.1017	Điều trị tủy răng sữa	Điều trị tủy răng sữa [nhiều chân]	P3	415,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3274	03.0191.1510	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường		16,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3275	03.0340.0230	Điện mãng châm điều trị chứng táo bón	Điện mãng châm điều trị chứng táo bón [kim	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3276	03.1677.0795	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf,	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf,	P2	1,387,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3277	03.0463.0230	Điện châm điều trị liệt chi dưới	Điện châm điều trị liệt chi dưới	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3278	12.0092.0910	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính	P2	874,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3279	03.0514.0230	Điện châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật	Điện châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3280	03.1583.0783	Lấy dị vật tiền phòng	Lấy dị vật tiền phòng	P1	1,244,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3281	02.0392.0213	Tiêm khớp đòn - cùng vai	Tiêm khớp đòn - cùng vai	T3	104,400	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3282	03.1052.0142	Nội soi ổ bụng để thăm dò, chẩn đoán	Nội soi ổ bụng để thăm dò, chẩn đoán	T1	905,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3283	01.0130.0209	Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương	Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương	T1	625,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3284	17.0049.0268	Tập đi với chân giả trên gối	Tập đi với chân giả trên gối	T3	33,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3285	23.0157.1567	Định lượng Transferrin [Máu]	Định lượng Transferrin [Máu]		67,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3286	14.0187.0788	Phẫu thuật quặm	Phẫu thuật quặm [1 mi - gây mê]	P2	1,351,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3287	18.0220.0040	Chụp cắt lớp vi tính bụng - tiểu khung	Chụp cắt lớp vi tính bụng - tiểu khung thường	T2	550,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3288	28.0013.0574	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da mỏng	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da mỏng	P2	4,699,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3289	03.0347.0230	Điện mãng châm điều trị liệt tứ chi do chấn	Điện mãng châm điều trị liệt tứ chi do chấn	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3290	03.0324.0230	Điện mãng châm điều trị đau ngực, sườn	Điện mãng châm điều trị đau ngực, sườn [kim	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
3291	08.0128.2046	Điện mãng châm điều trị rối loạn kinh nguyệt	Điện mãng châm điều trị rối loạn kinh nguyệt	T1	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3292	23.0181.1578	Định lượng Catecholamin (niệu)	Định lượng Catecholamin (niệu)		436,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3293	03.4009.0457	Phẫu thuật nội soi điều trị lồng ruột	Phẫu thuật nội soi điều trị lồng ruột	P1	4,663,800	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3294	16.0199.1028	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên	P3	398,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3295	03.1939.1035	Trám bít hố rãnh với Composite hóa trùng	Trám bít hố rãnh với Composite hóa trùng hợp	T1	245,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3296	10.0809.0583	Phẫu thuật vết thương bàn tay	Phẫu thuật vết thương bàn tay	P1	2,396,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3297	03.2107.0935	Thủ thuật nong vòi nhĩ	Thủ thuật nong vòi nhĩ	T1	132,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3298	08.0005.2046	Điện châm	Điện châm [kim dài]	T2	85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3299	24.0103.1720	Ureaplasma urealyticum test nhanh	Ureaplasma urealyticum test nhanh		261,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3300	03.0161.0136	Soi đại tràng sinh thiết	Soi đại tràng sinh thiết	T1	468,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3301	08.0356.0271	Thuỷ châm điều trị liệt dây thần kinh VII	Thuỷ châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3302	03.0602.0271	Thuỷ châm điều trị hội chứng tiền đình	Thuỷ châm điều trị hội chứng tiền đình	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3303	13.0029.0716	Soi ối	Soi ối		55,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3304	24.0132.1644	HBeAg miễn dịch tự động	HBeAg miễn dịch tự động		104,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3305	03.0443.0227	Cấy chỉ điều trị dị ứng	Cấy chỉ điều trị dị ứng	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3306	10.1001.0516	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ	T2	256,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3307	12.0305.0593	Cắt bỏ âm hộ đơn thuần	Cắt bỏ âm hộ đơn thuần	P1	2,971,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3308	01.0009.0098	Đặt catheter động mạch	Đặt catheter động mạch	T1	1,400,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3309	10.0485.0465	Mở ruột non lấy dị vật (bã thức ăn, giun,	Mở ruột non lấy dị vật (bã thức ăn, giun, mảnh	P1	3,993,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3310	11.0124.0253	Điều trị sẹo bỏng bằng siêu âm kết hợp với	Điều trị sẹo bỏng bằng siêu âm kết hợp với	T3	48,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3311	10.0351.0583	Phẫu thuật đặt võng nâng cổ bàng quang	Phẫu thuật đặt võng nâng cổ bàng quang	P2	2,396,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3312	17.0050.0268	Tập đi với chân giả dưới gối	Tập đi với chân giả dưới gối	T3	33,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3313	24.0021.1693	Mycobacterium tuberculosis Mantoux	Mycobacterium tuberculosis Mantoux		13,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3314	23.0223.1494	Định lượng Urê [dịch]	Định lượng Urê [dịch]		22,400	Mỗi chất	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3315	08.0008.0224	Ôn châm	Ôn châm [kim ngắn]	T2	76,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3316	03.0372.0230	Điện nhĩ châm điều trị chắp lẹo	Điện nhĩ châm điều trị chắp lẹo	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3317	03.0320.0230	Điện mãng châm điều trị hen phế quản	Điện mãng châm điều trị hen phế quản [kim	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3318	17.0043.0268	Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)	Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)		33,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3319	03.2458.1044	Cắt u máu dưới da đầu có đường kính dưới 5	Cắt u máu dưới da đầu có đường kính dưới 5 cm	P3	771,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3320	15.0223.0996	Chích áp xe thành sau họng gây tê/gây mê	Chích áp xe thành sau họng gây tê/gây mê	T1	771,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3321	03.2953.1137	Phẫu thuật tái tạo tổn khuyết da bằng vạt tại	Phẫu thuật tái tạo tổn khuyết da bằng vạt tại chỗ	P2	4,034,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3322	08.0315.0230	Điện châm điều trị giảm khứu giác	Điện châm điều trị giảm khứu giác	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3323	03.3364.0494	Cắt cơ tròn trong	Cắt cơ tròn trong	P3	2,816,900	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3324	03.2533.1049	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính trên 3 cm	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính trên 3 cm	P1	2,928,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3325	03.3368.0494	Phẫu thuật trĩ độ 1	Phẫu thuật trĩ độ 1	P2	2,816,900	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3326	03.0624.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3327	10.0291.0411	Phẫu thuật điều trị máu đông màng phổi	Phẫu thuật điều trị máu đông màng phổi	P1	7,392,200	Chưa bao gồm các loại	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3328	13.0075.0668	Phẫu thuật khối viêm dính tiểu khung	Phẫu thuật khối viêm dính tiểu khung	P2	3,594,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3329	22.0021.1219	Co cục máu đông (tên khác: Co cục máu)	Co cục máu đông (tên khác: Co cục máu)		16,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3330	03.3379.0494	Phẫu thuật trĩ nhồi máu nhỏ	Phẫu thuật trĩ nhồi máu nhỏ	P2	2,816,900	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3331	13.0159.0609	Dẫn lưu cùng đồ Douglas	Dẫn lưu cùng đồ Douglas	T1	929,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3332	08.0171.0230	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng stress	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng stress	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3333	08.0244.0227	Cấy chỉ điều trị nấc	Cấy chỉ điều trị nấc	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3334	14.0106.0768	Đóng lỗ rò đường lệ	Đóng lỗ rò đường lệ [gây mê]	P3	1,595,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3335	23.0185.1506	Định lượng Dưỡng chấp [niệu]	Định lượng Dưỡng chấp [niệu]		28,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3336	08.0245.0227	Cấy chỉ điều trị hội chứng tiền đình	Cấy chỉ điều trị hội chứng tiền đình	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3337	03.0455.0227	Cấy chỉ điều trị rối loạn thần kinh thực vật	Cấy chỉ điều trị rối loạn thần kinh thực vật	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3338	08.0177.0230	Điện nhĩ châm điều trị liệt nửa người do tai	Điện nhĩ châm điều trị liệt nửa người do tai	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3339	03.3800.0577	Phẫu thuật bong lóc da và cơ phức tạp, sâu,	Phẫu thuật bong lóc da và cơ phức tạp, sâu,	P2	5,204,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3340	03.3759.0556	Đặt nẹp vít gãy thân xương chày	Đặt nẹp vít gãy thân xương chày	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3341	10.0914.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đài quay (Gãy	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đài quay (Gãy cổ	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3342	18.0220.0041	Chụp cắt lớp vi tính bụng - tiểu khung	Chụp cắt lớp vi tính bụng - tiểu khung thường	T2	663,400	Chưa bao gồm thuốc cản	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3343	14.0072.0781	Lấy dị vật trong củng mạc	Lấy dị vật trong củng mạc	P2	1,013,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
3344	10.0915.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy 2 xương cẳng	Phẫu thuật kết hợp xương gãy 2 xương cẳng tay	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3345	08.0019.0286	Xông thuốc bằng máy	Xông thuốc bằng máy	T3	50,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3346	03.3825.0219	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm [tổn	T2	354,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3347	03.2333.0078	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của	T2	195,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3348	08.0421.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3349	17.0149.0241	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn tay WHO	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn tay WHO		59,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3350	03.1665.0773	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông	P3	1,043,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3351	20.0071.0184	Nội soi đại tràng tiêm cầm máu	Nội soi đại tràng tiêm cầm máu	T1	656,700	Chưa bao gồm dụng cụ	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3352	11.0004.1149	Thay băng điều trị vết bỏng từ 10% - 19%	Thay băng điều trị vết bỏng từ 10% - 19% diện	T2	458,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3353	05.0044.0329	Điều trị sùi mào gà bằng đốt điện	Điều trị sùi mào gà bằng đốt điện	T2	399,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3354	15.0150.0871	Phẫu thuật cắt Amidan bằng sóng cao tần	Phẫu thuật cắt Amidan bằng sóng cao tần	P2	2,487,100	Bao gồm cả Coblator.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3355	18.0622.0085	Chọc nang tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu	Chọc nang tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm	T1	240,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3356	16.0277.1066	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má - cung	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má - cung tiếp	P1	3,197,900	Chưa bao gồm nẹp, vít.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3357	10.0312.0088	Chọc hút và bơm thuốc vào nang thận	Chọc hút và bơm thuốc vào nang thận	TDB	764,500	Chưa bao gồm thuốc cản	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3358	03.0276.0252	Sắc thuốc thang và đóng gói thuốc bằng máy	Sắc thuốc thang và đóng gói thuốc bằng máy	T2	14,000	Đã bao gồm chi phí đóng	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3359	03.0391.0230	Điện nhĩ châm điều trị đau dạ dày	Điện nhĩ châm điều trị đau dạ dày	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3360	24.0195.1631	CMV IgG miễn dịch bán tự động	CMV IgG miễn dịch bán tự động		123,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3361	13.0091.0665	Phẫu thuật chửa ngoài tử cung vỡ có choáng	Phẫu thuật chửa ngoài tử cung vỡ có choáng	P1	4,157,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3362	08.0345.0271	Thuỷ châm điều trị cơn động kinh cục bộ	Thuỷ châm điều trị cơn động kinh cục bộ	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3363	03.1680.0794	Mổ quặm bẩm sinh	Mổ quặm bẩm sinh [4 mi - gây mê]	P2	2,068,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3364	23.0051.1494	Định lượng Creatinin (máu)	Định lượng Creatinin (máu)		22,400	Mỗi chất	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3365	03.0125.0086	Chọc hút nước tiểu trên xương mu	Chọc hút nước tiểu trên xương mu	T2	126,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3366	16.0198.1026	Phẫu thuật nhổ răng ngầm	Phẫu thuật nhổ răng ngầm	P2	239,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3367	03.1838.1031	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite	T2	280,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3368	10.1006.0528	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay	T1	300,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3369	03.0440.0227	Cấy chỉ điều trị sa dạ dày	Cấy chỉ điều trị sa dạ dày	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3370	23.0143.1503	Định lượng Sắt [Máu]	Định lượng Sắt [Máu]		33,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3371	03.0083.0209	Hỗ trợ hô hấp xâm nhập qua nội khí quản	Hỗ trợ hô hấp xâm nhập qua nội khí quản [theo	T1	625,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3372	03.0410.0227	Cấy chỉ điều trị teo cơ	Cấy chỉ điều trị teo cơ	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3373	03.3872.0519	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân [bột liền]	T2	257,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3374	18.0621.0090	Chọc hút tế bào tuyến giáp dưới hướng dẫn	Chọc hút tế bào tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu	T1	170,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3375	03.1685.0854	Bơm thông lệ đạo	Bơm thông lệ đạo	T1	105,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3376	03.3399.0600	Dẫn lưu áp xe hậu môn đơn giản	Dẫn lưu áp xe hậu môn đơn giản	P3	873,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3377	18.0619.0090	Chọc hút tế bào tuyến giáp dưới hướng dẫn	Chọc hút tế bào tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu	T1	170,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3378	18.0630.0087	Chọc hút tế bào dưới hướng dẫn của siêu âm	Chọc hút tế bào dưới hướng dẫn của siêu âm	T1	171,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3379	08.0367.0271	Thuỷ châm điều trị sụp mi	Thuỷ châm điều trị sụp mi	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3380	05.0029.0330	Điều trị u mạch máu bằng laser màu (Pulsed	Điều trị u mạch máu bằng laser màu (Pulsed	T1	1,255,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3381	03.0432.0227	Cấy chỉ điều trị thất ngôn	Cấy chỉ điều trị thất ngôn	T1	156,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3382	03.0316.0230	Điện mãng châm điều trị giảm thị lực do teo	Điện mãng châm điều trị giảm thị lực do teo gai	T1	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3383	14.0239.0028	Chụp lỗ thị giác	Chụp lỗ thị giác [số hóa 1 phim]	T2	73,300	Áp dụng cho 01 vị trí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3384	03.0579.0271	Thuỷ châm điều trị thoái hóa khớp	Thuỷ châm điều trị thoái hóa khớp	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3385	25.0019.1758	Chọc hút kim nhỏ mô mềm	Chọc hút kim nhỏ mô mềm	T3	308,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3386	28.0435.0583	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau mổ	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau mổ	P2	2,396,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3387	18.0629.0166	Chọc hút ổ dịch, áp xe dưới hướng dẫn của	Chọc hút ổ dịch, áp xe dưới hướng dẫn của siêu	T1	586,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3388	13.0051.0237	Điều trị tắc tia sữa bằng sóng ngắn, hồng	Điều trị tắc tia sữa bằng sóng ngắn, hồng ngoại		40,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3389	08.0416.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh thị	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3390	14.0257.0848	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử -	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử -	T2	33,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3391	03.0169.0160	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín	T2	622,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3392	03.0543.0271	Thuỷ châm điều trị rối loạn vận ngôn	Thuỷ châm điều trị rối loạn vận ngôn	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3393	01.0144.0209	Thông khí nhân tạo trong khi vận chuyển	Thông khí nhân tạo trong khi vận chuyển [theo	T2	625,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3394	22.0137.1361	Tìm hồng cầu có chấm ưa bazơ	Tìm hồng cầu có chấm ưa bazơ		18,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3395	03.0997.0931	Nội soi mũi, họng có sinh thiết	Nội soi mũi, họng có sinh thiết [gây mê]	T2	1,601,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3396	22.0112.1527	Định lượng IgG	Định lượng IgG		67,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
3397	28.0315.1126	Phẫu thuật ghép da tự thân các khuyết phần	Phẫu thuật ghép da tự thân các khuyết phần	P2	5,449,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3398	01.0074.0120	Mở khí quản qua da một thì cấp cứu ngạt thở	Mở khí quản qua da một thì cấp cứu ngạt thở	T1	759,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3399	28.0107.0573	Phẫu thuật tạo lỗ mũi	Phẫu thuật tạo lỗ mũi	P2	3,720,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3400	03.0600.0271	Thuỷ châm điều trị giảm đau do ung thư	Thuỷ châm điều trị giảm đau do ung thư	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3401	24.0096.1714	Treponema pallidum nhuộm soi	Treponema pallidum nhuộm soi		74,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3402	27.0408.1197	Nội soi tán sỏi niệu đạo	Nội soi tán sỏi niệu đạo	P2	1,596,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3403	03.4141.0689	Phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng và phần	Phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng và phần	P1	5,503,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3404	23.0205.1598	Định lượng Urê (niệu)	Định lượng Urê (niệu)		16,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3405	03.0635.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3406	18.0620.0087	Chọc hút hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu	Chọc hút hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu âm	T1	171,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3407	10.0810.0559	Phẫu thuật vết thương bàn tay tổn thương	Phẫu thuật vết thương bàn tay tổn thương gân	P1	3,302,900	Chưa bao gồm gân nhân	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3408	08.0452.0228	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn	T3	37,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3409	03.0381.0230	Điện nhĩ châm điều trị thất ngôn	Điện nhĩ châm điều trị thất ngôn	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3410	08.0205.0230	Điện nhĩ châm điều trị viêm thần kinh thị	Điện nhĩ châm điều trị viêm thần kinh thị giác	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3411	03.2389.0212	Tiêm bắp thịt	Tiêm bắp thịt	T3	15,100	Chỉ áp dụng với người	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3412	10.0828.0556	Phẫu thuật chỉnh trục Cal lệch đầu dưới	Phẫu thuật chỉnh trục Cal lệch đầu dưới xương	P1	4,102,500	Chưa bao gồm xương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3413	01.0056.0300	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí	T3	373,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3414	03.0615.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khứu giác	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khứu giác	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3415	13.0154.0712	Sinh thiết cổ tử cung, âm hộ, âm đạo	Sinh thiết cổ tử cung, âm hộ, âm đạo	T3	414,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3416	03.1846.1012	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy	P3	631,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3417	03.0378.0230	Điện nhĩ châm điều trị giảm thị lực	Điện nhĩ châm điều trị giảm thị lực	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3418	13.0068.0681	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn	P1	4,308,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3419	10.1028.0519	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân [bột liền]	T2	257,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3420	03.1000.0922	Nội soi mũi họng cắt đốt bằng điện cao tần	Nội soi mũi họng cắt đốt bằng điện cao tần [gây		489,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3421	15.0209.0996	Cắt phanh lưỡi	Cắt phanh lưỡi [gây mê]	T2	771,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3422	24.0318.1674	Trichomonas vaginalis nhuộm soi	Trichomonas vaginalis nhuộm soi		45,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3423	16.0043.1020	Lấy cao răng	Lấy cao răng [hai hàm]	T1	159,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3424	10.0340.0583	Treo cổ bàng quang điều trị đái rỉ ở nữ	Treo cổ bàng quang điều trị đái rỉ ở nữ	P2	2,396,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3425	16.0236.1019	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng	T1	112,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3426	23.0180.1577	Định lượng Canxi (niệu)	Định lượng Canxi (niệu)		25,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3427	08.0165.0230	Điện nhĩ châm điều trị huyết áp thấp	Điện nhĩ châm điều trị huyết áp thấp	T2	78,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3428	02.0383.0213	Tiêm khớp cổ chân	Tiêm khớp cổ chân	T3	104,400	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3429	02.0382.0213	Tiêm khớp háng	Tiêm khớp háng	T3	104,400	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3430	02.0381.0213	Tiêm khớp gối	Tiêm khớp gối	T3	104,400	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3431	02.0364.0087	Hút ổ viêm/áp xe phần mềm dưới hướng dẫn	Hút ổ viêm/áp xe phần mềm dưới hướng dẫn	T2	171,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3432	01.0086.0898	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)	T3	27,500	Chưa bao gồm thuốc khí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3433	01.0080.0206	Thay canuyn mở khí quản	Thay canuyn mở khí quản	T3	263,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3434	01.0073.0120	Mở khí quản thường quy	Mở khí quản thường quy	P2	759,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3435	01.0071.0120	Mở khí quản cấp cứu	Mở khí quản cấp cứu	P1	759,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3436	01.0066.1888	Đặt nội khí quản	Đặt nội khí quản	T1	600,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3437	01.0041.0081	Chọc dò màng ngoài tim cấp cứu	Chọc dò màng ngoài tim cấp cứu	T1	280,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3438	01.0036.0192	Tạo nhịp tim cấp cứu tạm thời với điện cực	Tạo nhịp tim cấp cứu tạm thời với điện cực	T1	1,042,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3439	01.0008.0100	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm nhiều nòng	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm nhiều nòng	T1	1,158,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3440	01.0007.0099	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng	T1	685,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3441	13.0240.0631	Hút thai + triệt sản qua đường rạch nhỏ	Hút thai + triệt sản qua đường rạch nhỏ	P2	3,191,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3442	13.0235.0727	Phá thai người bệnh có sẹo mổ lấy thai cũ	Phá thai người bệnh có sẹo mổ lấy thai cũ	T1	700,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3443	13.0150.0724	Làm lại thành âm đạo, tầng sinh môn	Làm lại thành âm đạo, tầng sinh môn	P2	1,754,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3444	03.4122.0435	Phẫu thuật nội soi cắt tinh hoàn ẩn trong ổ	Phẫu thuật nội soi cắt tinh hoàn ẩn trong ổ bụng	P1	2,490,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3445	03.4116.0418	Nội soi lấy sỏi bàng quang	Nội soi lấy sỏi bàng quang	P1	4,497,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3446	03.4115.0426	Nội soi cắt u bàng quang tái phát	Nội soi cắt u bàng quang tái phát	P1	5,030,900	Chưa bao gồm dao siêu	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3447	03.4114.0426	Nội soi cắt u bàng quang	Nội soi cắt u bàng quang	P1	5,030,900	Chưa bao gồm dao siêu	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3448	03.4109.0440	Tán sỏi niệu quản qua nội soi	Tán sỏi niệu quản qua nội soi	P1	1,345,000	Chưa bao gồm sonde JJ, rọ	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3449	03.4108.0440	Tán sỏi niệu quản đoạn giữa và dưới qua nội	Tán sỏi niệu quản đoạn giữa và dưới qua nội	P1	1,345,000	Chưa bao gồm sonde JJ, rọ	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
3450	03.4107.0152	Nội soi tháo sonde JJ	Nội soi tháo sonde JJ	P3	953,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3451	03.4106.0436	Nội soi đặt sonde JJ	Nội soi đặt sonde JJ	P3	1,920,900	Chưa bao gồm sonde JJ.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3452	03.4089.0419	Cắt eo thận móng ngựa qua nội soi	Cắt eo thận móng ngựa qua nội soi	P1	4,781,900	Chưa bao gồm dao siêu	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3453	03.4088.0420	Cắt chỏm nang thận nội soi sau phúc mạc	Cắt chỏm nang thận nội soi sau phúc mạc	P1	4,596,000	Chưa bao gồm dao siêu	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3454	13.0046.0608	Chọc ối điều trị đa ối	Chọc ối điều trị đa ối	T1	825,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3455	13.0031.0727	Thủ thuật cặp, kéo cổ tử cung xử trí băng	Thủ thuật cặp, kéo cổ tử cung xử trí băng huyết	T1	700,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3456	04.0041.0571	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng bẹn	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng bẹn	P2	3,226,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3457	04.0040.0571	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng nách	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng nách	P2	3,226,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3458	04.0038.0571	Phẫu thuật nạo viêm lao thành ngực	Phẫu thuật nạo viêm lao thành ngực	P2	3,226,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3459	04.0036.1114	Phẫu thuật chỉnh hình cắt bỏ sẹo xấu do lao	Phẫu thuật chỉnh hình cắt bỏ sẹo xấu do lao	P2	3,683,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3460	04.0035.1114	Phẫu thuật chỉnh hình cắt bỏ sẹo xấu do lao	Phẫu thuật chỉnh hình cắt bỏ sẹo xấu do lao	P2	3,683,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3461	04.0027.0571	Phẫu thuật nạo viêm lao xương bàn-ngón	Phẫu thuật nạo viêm lao xương bàn-ngón chân	P2	3,226,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3462	04.0024.0551	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp cổ-bàn chân	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp cổ-bàn chân	P2	3,011,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3463	03.4087.0419	Cắt thận bệnh lý lành tính nội soi sau phúc	Cắt thận bệnh lý lành tính nội soi sau phúc mạc	P1	4,781,900	Chưa bao gồm dao siêu	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3464	03.4086.0419	Cắt thận bệnh lý lành tính nội soi qua phúc	Cắt thận bệnh lý lành tính nội soi qua phúc mạc	P1	4,781,900	Chưa bao gồm dao siêu	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3465	03.4085.0419	Phẫu thuật nội soi cắt đơn vị thận không	Phẫu thuật nội soi cắt đơn vị thận không chức	P1	4,781,900	Chưa bao gồm dao siêu	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3466	03.4083.0419	Phẫu thuật nội soi cắt thận	Phẫu thuật nội soi cắt thận	P1	4,781,900	Chưa bao gồm dao siêu	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3467	04.0019.0571	Phẫu thuật nạo viêm lao xương đốt bàn -	Phẫu thuật nạo viêm lao xương đốt bàn - ngón	P2	3,226,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3468	04.0018.0571	Phẫu thuật nạo viêm lao xương cẳng tay	Phẫu thuật nạo viêm lao xương cẳng tay	P2	3,226,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3469	04.0016.0551	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp cổ-bàn tay	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp cổ-bàn tay	P2	3,011,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3470	02.0032.0898	Khí dung thuốc giãn phế quản	Khí dung thuốc giãn phế quản		27,500	Chưa bao gồm thuốc khí	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3471	02.0026.0111	Hút dẫn lưu khoang màng phổi bằng máy hút	Hút dẫn lưu khoang màng phổi bằng máy hút	T3	192,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3472	02.0025.0109	Gây dính màng phổi bằng thuốc/hóa chất qua	Gây dính màng phổi bằng thuốc/hóa chất qua	T2	228,500	Chưa bao gồm thuốc hoặc	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3473	02.0211.0156	Nong niệu đạo và đặt sonde tiểu	Nong niệu đạo và đặt sonde tiểu	T2	273,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3474	02.0361.0112	Hút nang bao hoạt dịch	Hút nang bao hoạt dịch	T3	129,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3475	02.0359.0112	Hút dịch khớp vai	Hút dịch khớp vai	T3	129,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3476	02.0357.0112	Hút dịch khớp cổ tay	Hút dịch khớp cổ tay	T3	129,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3477	02.0355.0112	Hút dịch khớp cổ chân	Hút dịch khớp cổ chân	T3	129,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3478	02.0354.0113	Hút dịch khớp khuỷu dưới hướng dẫn của	Hút dịch khớp khuỷu dưới hướng dẫn của siêu	T2	144,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3479	02.0353.0112	Hút dịch khớp khuỷu	Hút dịch khớp khuỷu	T3	129,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3480	02.0350.0113	Hút dịch khớp gối dưới hướng dẫn của siêu	Hút dịch khớp gối dưới hướng dẫn của siêu âm	T2	144,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3481	02.0349.0112	Hút dịch khớp gối	Hút dịch khớp gối	T3	129,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3482	02.0348.1289	Đo độ nhớt dịch khớp	Đo độ nhớt dịch khớp		55,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3483	02.0343.0087	Chọc hút tế bào phần mềm dưới hướng dẫn	Chọc hút tế bào phần mềm dưới hướng dẫn của	T2	171,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3484	02.0342.0086	Chọc hút tế bào phần mềm bằng kim nhỏ	Chọc hút tế bào phần mềm bằng kim nhỏ	T3	126,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3485	02.0068.0277	Vận động trị liệu hô hấp	Vận động trị liệu hô hấp	T3	32,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3486	02.0067.0206	Thay canuyn mở khí quản	Thay canuyn mở khí quản	T2	263,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3487	02.0012.0095	Dẫn lưu màng phổi, ổ áp xe phổi dưới hướng	Dẫn lưu màng phổi, ổ áp xe phổi dưới hướng	T2	729,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3488	08.0390.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3489	08.0389.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên	T2	76,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3490	08.0388.0271	Thuỷ châm điều trị bí đái cơ năng	Thuỷ châm điều trị bí đái cơ năng	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3491	08.0387.0271	Thuỷ châm điều trị rối loạn tiểu tiện	Thuỷ châm điều trị rối loạn tiểu tiện	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3492	08.0386.0271	Thuỷ châm điều trị liệt dương	Thuỷ châm điều trị liệt dương	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3493	08.0385.0271	Thuỷ châm điều trị di tinh	Thuỷ châm điều trị di tinh	T2	77,100	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3494	10.0152.0410	Phẫu thuật dẫn lưu tối thiểu khoang màng	Phẫu thuật dẫn lưu tối thiểu khoang màng phổi	P2	1,925,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3495	10.0149.0344	Phẫu thuật giải phóng chèn ép TK ngoại biên	Phẫu thuật giải phóng chèn ép TK ngoại biên	P1	2,698,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3496	10.0122.0385	Phẫu thuật u xương sọ vòm sọ	Phẫu thuật u xương sọ vòm sọ	P1	5,602,400	Chưa bao gồm đinh, ghim,	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3497	04.0039.0571	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng cổ	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng cổ	P2	3,226,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3498	02.0340.0086	Chọc hút tế bào cơ bằng kim nhỏ	Chọc hút tế bào cơ bằng kim nhỏ	T3	126,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3499	02.0338.0211	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng	T3	92,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3500	02.0336.1664	Test nhanh tìm hồng cầu ẩn trong phân	Test nhanh tìm hồng cầu ẩn trong phân		71,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3501	02.0334.0166	Siêu âm can thiệp - chọc hút ổ áp xe trong ổ	Siêu âm can thiệp - chọc hút ổ áp xe trong ổ	T1	586,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3502	02.0333.0078	Siêu âm can thiệp - đặt ống thông dẫn lưu	Siêu âm can thiệp - đặt ống thông dẫn lưu dịch	T1	195,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
3503	02.0325.0166	Siêu âm can thiệp - chọc hút mủ ổ áp xe gan	Siêu âm can thiệp - chọc hút mủ ổ áp xe gan	T1	586,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3504	02.0322.0078	Siêu âm can thiệp - chọc dịch ổ bụng xét	Siêu âm can thiệp - chọc dịch ổ bụng xét	T2	195,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3505	02.0202.0115	Lấy sỏi niệu quản qua nội soi	Lấy sỏi niệu quản qua nội soi	TDB	1,010,000	Chưa bao gồm sonde niệu	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3506	02.0188.0210	Đặt sonde bàng quang	Đặt sonde bàng quang	T3	101,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3507	02.0178.0022	Chụp bàng quang chẩn đoán trào ngược bàng	Chụp bàng quang chẩn đoán trào ngược bàng		246,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3508	02.0156.0849	Soi đáy mắt cấp cứu tại giường	Soi đáy mắt cấp cứu tại giường	T3	60,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3509	02.0150.0114	Hút đờm hầu họng	Hút đờm hầu họng	T3	14,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3510	02.0129.0083	Chọc dò dịch não tủy	Chọc dò dịch não tủy	T2	126,900	Chưa bao gồm kim chọc	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3511	03.4165.0919	Phẫu thuật nội soi cắt u nhú tai, mũi, họng	Phẫu thuật nội soi cắt u nhú tai, mũi, họng [gây	P1	489,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3512	03.4165.0918	Phẫu thuật nội soi cắt u nhú tai, mũi, họng	Phẫu thuật nội soi cắt u nhú tai, mũi, họng [gây	P1	705,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3513	02.0212.0150	Nội soi bàng quang chẩn đoán (Nội soi bàng	Nội soi bàng quang chẩn đoán (Nội soi bàng	T1	575,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3514	05.0073.0332	Điều trị đau do zona bằng chiếu laser Hé- Né	Điều trị đau do zona bằng chiếu laser Hé- Né	T3	278,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3515	05.0072.0332	Điều trị loét lỗ đáo cho người bệnh phong	Điều trị loét lỗ đáo cho người bệnh phong bằng	T3	278,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3516	05.0071.0323	Đắp mặt nạ điều trị một số bệnh da	Đắp mặt nạ điều trị một số bệnh da	T3	231,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3517	05.0070.0340	Phẫu thuật điều trị lỗ đáo không viêm xương	Phẫu thuật điều trị lỗ đáo không viêm xương	P3	649,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3518	05.0066.0339	Phẫu thuật điều trị lỗ đáo có viêm xương cho	Phẫu thuật điều trị lỗ đáo có viêm xương cho	P2	694,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3519	02.0119.0004	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	T3	252,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3520	02.0113.0004	Siêu âm doppler tim	Siêu âm doppler tim	T3	252,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3521	02.0112.0004	Siêu âm doppler mạch máu	Siêu âm doppler mạch máu	T3	252,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3522	02.0109.1779	Nghiệm pháp gắng sức điện tâm đồ	Nghiệm pháp gắng sức điện tâm đồ	T2	236,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3523	03.1003.2048	Nội soi họng	Nội soi họng		40,000	Trường hợp chỉ nội soi	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3524	03.1002.2048	Nội soi mũi	Nội soi mũi		40,000	Trường hợp chỉ nội soi	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3525	03.1001.2048	Nội soi tai	Nội soi tai		40,000	Trường hợp chỉ nội soi	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3526	23.0209.1606	Phản ứng Pandy [dịch]	Phản ứng Pandy [dịch]		8,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3527	14.0082.0847	Sinh thiết tổ chức kết mạc	Sinh thiết tổ chức kết mạc	P3	151,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3528	14.0080.0847	Sinh thiết tổ chức mi	Sinh thiết tổ chức mi	P3	151,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3529	23.0222.1597	Đo tỷ trọng dịch chọc dò	Đo tỷ trọng dịch chọc dò		4,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3530	23.0220.1608	Phản ứng Rivalta [dịch]	Phản ứng Rivalta [dịch]		8,800	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3531	23.0198.1602	Định tính Phospho hữu cơ [niệu]	Định tính Phospho hữu cơ [niệu]		6,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3532	28.0003.0573	Phẫu thuật che phủ vết thương khuyết da đầu	Phẫu thuật che phủ vết thương khuyết da đầu	P1	3,720,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3533	28.0004.0573	Phẫu thuật che phủ vết thương khuyết da đầu	Phẫu thuật che phủ vết thương khuyết da đầu	P1	3,720,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3534	28.0110.0584	Khâu vết thương vùng môi	Khâu vết thương vùng môi	P3	1,509,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3535	28.0111.0575	Phẫu thuật tái tạo khuyết nhỏ do vết thương	Phẫu thuật tái tạo khuyết nhỏ do vết thương môi	P3	3,044,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3536	28.0280.0571	Phẫu thuật cắt bỏ tổ chức hoại tử trong ổ loét	Phẫu thuật cắt bỏ tổ chức hoại tử trong ổ loét tì	P2	3,226,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3537	28.0331.0573	Phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng	Phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng	P1	3,720,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3538	28.0344.0559	Gỡ dính thần kinh	Gỡ dính thần kinh	P2	3,302,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3539	28.0385.0574	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng đùi	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng đùi	P2	4,699,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3540	28.0386.0574	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng khoeo	P2	4,699,100	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3541	28.0425.0583	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau mổ	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau mổ	P2	2,396,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3542	27.0189.2039	Phẫu thuật nội soi cắt lại mỏm ruột thừa	Phẫu thuật nội soi cắt lại mỏm ruột thừa	P1	2,818,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3543	27.0190.2039	Phẫu thuật nội soi điều trị áp xe ruột thừa	Phẫu thuật nội soi điều trị áp xe ruột thừa trong	P1	2,818,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3544	24.0225.2041	EV71 IgM/IgG test nhanh	EV71 IgM/IgG test nhanh		125,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3545	17.0023.0272	Điều trị bằng bùn	Điều trị bằng bùn		68,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3546	17.0024.0272	Điều trị bằng nước khóang	Điều trị bằng nước khóang		68,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3547	12.0147.2036	Cắt u Amidan	Cắt u Amidan	P2	4,003,900	Đã bao gồm dao cắt.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3548	02.0272.2044	Nội soi can thiệp - làm Clo test chẩn đoán	Nội soi can thiệp - làm Clo test chẩn đoán	T2	317,000	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3549	08.0028.0259	Luyện tập dưỡng sinh	Luyện tập dưỡng sinh		33,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3550	08.0038.2046	Châm tê phẫu thuật lác thông thường	Châm tê phẫu thuật lác thông thường		85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3551	08.0039.2046	Châm tê phẫu thuật cắt u xơ vòm mũi họng	Châm tê phẫu thuật cắt u xơ vòm mũi họng		85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3552	08.0040.2046	Châm tê phẫu thuật cắt u cuộn cảnh	Châm tê phẫu thuật cắt u cuộn cảnh		85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3553	08.0041.2046	Châm tê phẫu thuật cắt u tuyến mang tai	Châm tê phẫu thuật cắt u tuyến mang tai		85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3554	08.0044.2046	Châm tê phẫu thuật cắt u thành sau họng	Châm tê phẫu thuật cắt u thành sau họng		85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3555	08.0051.2046	Châm tê phẫu thuật vách ngăn mũi	Châm tê phẫu thuật vách ngăn mũi		85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
3556	08.0052.2046	Châm tê phẫu thuật cắt polyp mũi	Châm tê phẫu thuật cắt polyp mũi		85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3557	08.0053.2046	Châm tê phẫu thuật nạo xoang triệt để trong	Châm tê phẫu thuật nạo xoang triệt để trong		85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3558	08.0054.2046	Châm tê phẫu thuật cắt u nang giáp móng	Châm tê phẫu thuật cắt u nang giáp móng		85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3559	08.0055.2046	Châm tê phẫu thuật cắt u nang cạnh cổ	Châm tê phẫu thuật cắt u nang cạnh cổ		85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3560	08.0056.2046	Châm tê nhổ răng khôn mọc lệch 900 hoặc	Châm tê nhổ răng khôn mọc lệch 900 hoặc		85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3561	08.0057.2046	Châm tê phẫu thuật lấy tủy chân răng một	Châm tê phẫu thuật lấy tủy chân răng một chân		85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3562	08.0084.2046	Châm tê phẫu thuật áp xe tuyến tiền liệt	Châm tê phẫu thuật áp xe tuyến tiền liệt		85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3563	08.0085.2046	Châm tê phẫu thuật cắt u sùi đầu miệng sáo	Châm tê phẫu thuật cắt u sùi đầu miệng sáo		85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3564	08.0086.2046	Châm tê phẫu thuật cắt hẹp bao quy đầu	Châm tê phẫu thuật cắt hẹp bao quy đầu		85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3565	08.0088.2046	Châm tê phẫu thuật mở rộng lỗ sáo	Châm tê phẫu thuật mở rộng lỗ sáo		85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3566	08.0097.2046	Châm tê phẫu thuật phẫu thuật vết thương	Châm tê phẫu thuật phẫu thuật vết thương khớp		85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3567	08.0107.2046	Châm tê phẫu thuật cắt u lành phần mềm	Châm tê phẫu thuật cắt u lành phần mềm		85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3568	08.0113.2046	Châm tê phẫu thuật quặm	Châm tê phẫu thuật quặm		85,300	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3569	09.9000.1894	Gây mê khác	Gây mê khác		868,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3570	09.9001.2049	Gây mê trong phẫu thuật mắt	Gây mê trong phẫu thuật mắt		530,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3571	09.9002.2050	Gây mê trong thủ thuật mắt	Gây mê trong thủ thuật mắt		280,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3572	03.2191.0898	Khí dung mũi họng	Khí dung mũi họng	T1	27,500	Chưa bao gồm thuốc khí dung.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3573	03.0256.1799	Đo lưu huyết não	Đo lưu huyết não		50,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3574	10.9002.0504	Cắt phymosis	Cắt phymosis [thủ thuật]		269,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3575	10.9003.0205	Thay băng	Thay băng [chiều dài > 50cm nhiễm trùng]		275,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3576	10.9003.0204	Thay băng	Thay băng [chiều dài từ 30 cm đến 50 cm nhiễm trùng]		193,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3577	10.9003.0203	Thay băng	Thay băng [chiều dài từ trên 15 cm đến 30 cm nhiễm trùng]		148,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3578	10.9003.0202	Thay băng	Thay băng [chiều dài từ trên 30 cm đến 50 cm]		121,400	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3579	10.9003.0201	Thay băng	Thay băng [chiều dài trên 15cm đến 30 cm]		89,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3580	10.9003.0200	Thay băng	Thay băng [chiều dài ≤ 15cm]		64,300	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú. Đối với người bệnh nội trú theo quy định của Bộ Y tế.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3581	10.9005.0217	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm [tổn thương nông]		269,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3582	10.9005.0219	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm [tổn thương sâu]		354,200	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3583	10.9005.0218	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm [tổn thương sâu]		289,500	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3584	10.9005.0216	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm [tổn thương nông]		194,700	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3585	10.9004.0075	Cắt chỉ	Cắt chỉ		40,300	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3586	15.9001.2048	Nội soi mũi xoang	Nội soi mũi xoang		116,100	Trường hợp chỉ nội soi Tai hoặc Mũi hoặc Họng thì thanh toán 40.000 đồng/ca.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3587	22.9000.1349	Thời gian đông máu	Thời gian đông máu		13,600	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3588	28.0014.0575_GT	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da dày	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da dày [diện	P2	2,583,600	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3589	28.0014.0574_GT	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da dày	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da dày [diện	P2	3,964,400	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3590	16.0294.1079_GT	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt [gây tê]	P1	2,293,500	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3591	15.0300.0955_GT	Phẫu thuật sinh thiết hạch cổ	Phẫu thuật sinh thiết hạch cổ [gây tê]	P3	1,570,700	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
3592	10.0885.0559_GT	Phẫu thuật điều trị đứt gân Achille	Phẫu thuật điều trị đứt gân Achille [gây tê]	P1	2,604,700	Chưa bao gồm gân nhân	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3593	28.0013.0575_GT	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da mỏng	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da mỏng	P2	2,583,600	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3594	28.0013.0574_GT	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da mỏng	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da mỏng	P2	3,964,400	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3595	28.0008.0575_GT	Phẫu thuật điều trị da đầu đứt rời không sử	Phẫu thuật điều trị da đầu đứt rời không sử	PDB	2,583,600	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3596	28.0008.0574_GT	Phẫu thuật điều trị da đầu đứt rời không sử	Phẫu thuật điều trị da đầu đứt rời không sử	PDB	3,964,400	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3597	07.0220.1144_GT	Tháo khớp ngón chân trên người bệnh đái	Tháo khớp ngón chân trên người bệnh đái tháo	P3	2,092,800	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3598	10.0909.0548_GT	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài	P2	3,577,600	Chưa bao gồm kim hoặc	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3599	28.0387.0574_GT	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng căng	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng căng	P2	3,964,400	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3600	10.0906.0548_GT	Phẫu thuật kết hợp xương bằng K.Wire điều	Phẫu thuật kết hợp xương bằng K.Wire điều trị	P2	3,577,600	Chưa bao gồm kim hoặc	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3601	28.0288.0576_GT	Phẫu thuật điều trị vết thương dương vật	Phẫu thuật điều trị vết thương dương vật [gây	P3	2,149,000	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3602	07.0223.0574_GT	Ghép da tự thân bằng mảnh da mắt lưới trên	Ghép da tự thân bằng mảnh da mắt lưới trên	P2	3,964,400	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3603	03.3330.0493_GT	Phẫu thuật áp xe ruột thừa trong ổ bụng	Phẫu thuật áp xe ruột thừa trong ổ bụng [gây tê]	P1	2,432,400	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3604	03.3332.0493_GT	Dẫn lưu áp xe ruột thừa	Dẫn lưu áp xe ruột thừa [gây tê]	P3	2,432,400	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3605	03.3365.0494_GT	Cắt trĩ từ 2 búi trở lên	Cắt trĩ từ 2 búi trở lên [gây tê]	P3	2,276,400	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3606	10.0880.0559_GT	Phẫu thuật tổn thương gân cơ chày sau	Phẫu thuật tổn thương gân cơ chày sau [gây tê]	P1	2,604,700	Chưa bao gồm gân nhân	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3607	13.0018.0625_GT	Khâu tử cung do nạo thủng	Khâu tử cung do nạo thủng [gây tê]	P2	2,475,900	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3608	03.3348.0494_GT	Phẫu thuật điều trị rò cạnh hậu môn	Phẫu thuật điều trị rò cạnh hậu môn [gây tê]	P3	2,276,400	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3609	03.3350.0494_GT	Phẫu thuật áp xe hậu môn, có mở lỗ rò	Phẫu thuật áp xe hậu môn, có mở lỗ rò [gây tê]	P3	2,276,400	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3610	13.0017.0652_GT	Phẫu thuật cắt lọc vết mổ, khâu lại tử cung	Phẫu thuật cắt lọc vết mổ, khâu lại tử cung sau	P1	3,576,400	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3611	13.0012.0708_GT	Phẫu thuật thắt động mạch tử cung trong cấp	Phẫu thuật thắt động mạch tử cung trong cấp	P2	2,751,200	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3612	13.0011.0707_GT	Phẫu thuật thắt động mạch hạ vị trong cấp	Phẫu thuật thắt động mạch hạ vị trong cấp cứu	P1	3,783,200	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3613	13.0007.0671_GT	Phẫu thuật lấy thai lần đầu	Phẫu thuật lấy thai lần đầu [gây tê]	P2	1,773,600	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3614	13.0008.0670_GT	Phẫu thuật lấy thai có kèm các kỹ thuật cầm	Phẫu thuật lấy thai có kèm các kỹ thuật cầm	P1	3,211,000	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3615	03.3328.0686_GT	Phẫu thuật viêm phúc mạc ruột thừa	Phẫu thuật viêm phúc mạc ruột thừa [gây tê]	P1	3,888,600	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3616	03.3327.0459_GT	Phẫu thuật viêm ruột thừa	Phẫu thuật viêm ruột thừa [gây tê]	P2	2,277,400	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3617	10.0355.0421_GT	Lấy sỏi bàng quang	Lấy sỏi bàng quang [gây tê]	P2	3,546,600	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3618	10.0386.0435_GT	Cắt bỏ tinh hoàn lạc chỗ	Cắt bỏ tinh hoàn lạc chỗ [gây tê]	P2	2,035,200	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3619	10.0376.0432_GT	Bóc u tiền liệt tuyến qua đường bàng quang	Bóc u tiền liệt tuyến qua đường bàng quang	P1	4,228,900	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3620	10.0352.0425_GT	Phẫu thuật cắt túi thừa bàng quang	Phẫu thuật cắt túi thừa bàng quang [gây tê]	P1	4,734,100	Chưa bao gồm dao siêu	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3621	10.0360.0425_GT	Cắt u ống niệu rốn và một phần bàng quang	Cắt u ống niệu rốn và một phần bàng quang	P1	4,734,100	Chưa bao gồm dao siêu	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3622	10.0349.0424_GT	Cắt cổ bàng quang	Cắt cổ bàng quang [gây tê]	P1	4,306,900	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3623	10.0511.0491_GT	Dẫn lưu hoặc mở thông manh tràng	Dẫn lưu hoặc mở thông manh tràng [gây tê]	P2	2,276,100	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3624	10.0327.0421_GT	Lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang	Lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang [gây tê]	P1	3,546,600	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3625	10.0325.0421_GT	Lấy sỏi niệu quản đơn thuần	Lấy sỏi niệu quản đơn thuần [gây tê]	P2	3,546,600	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3626	10.0308.0421_GT	Lấy sỏi mở bể thận, đài thận có dẫn lưu thận	Lấy sỏi mở bể thận, đài thận có dẫn lưu thận	P1	3,546,600	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3627	10.0310.0421_GT	Lấy sỏi bể thận ngoài xoang	Lấy sỏi bể thận ngoài xoang [gây tê]	P1	3,546,600	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3628	10.0326.0421_GT	Lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại	Lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại [gây	P1	3,546,600	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3629	10.0307.0421_GT	Lấy sỏi mở bể thận trong xoang	Lấy sỏi mở bể thận trong xoang [gây tê]	P1	3,546,600	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3630	10.0301.0416_GT	Cắt thận thận phụ (thận dư số) với niệu quản	Cắt thận thận phụ (thận dư số) với niệu quản	P1	3,578,400	Chưa bao gồm dao siêu	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3631	10.0265.0407_GT	Phẫu thuật cắt u máu nhỏ (đường kính < 10	Phẫu thuật cắt u máu nhỏ (đường kính < 10 cm)	P2	2,436,100	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3632	03.3346.0663_GT	Xử trí vết thương tầng sinh môn phức tạp	Xử trí vết thương tầng sinh môn phức tạp [gây	P1	3,456,900	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3633	10.0727.0553_GT	Phẫu thuật kết hợp xương khớp giả xương	Phẫu thuật kết hợp xương khớp giả xương cánh	PDB	4,357,800	Chưa bao gồm khung cố	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3634	10.0509.0493_GT	Dẫn lưu áp xe ruột thừa	Dẫn lưu áp xe ruột thừa [gây tê]	P2	2,432,400	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3635	10.0506.0459_GT	Cắt ruột thừa đơn thuần	Cắt ruột thừa đơn thuần [gây tê]	P2	2,277,400	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3636	10.0508.0459_GT	Cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ áp xe	Cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ áp xe [gây tê]	P2	2,277,400	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3637	10.0507.0459_GT	Cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng	Cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng [gây tê]	P2	2,277,400	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3638	12.0203.0491_GT	Mở thông dạ dày ra da do ung thư	Mở thông dạ dày ra da do ung thư [gây tê]		2,276,100	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3639	03.2104.0997_GT	Vá nhĩ đơn thuần	Vá nhĩ đơn thuần [gây tê]	P2	3,204,200	Đã bao gồm chi phí mũi	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3640	10.0525.0491_GT	Làm hậu môn nhân tạo	Làm hậu môn nhân tạo [gây tê]	P2	2,276,100	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3641	10.0524.0491_GT	Làm hậu môn nhân tạo	Làm hậu môn nhân tạo [gây tê]	P2	2,276,100	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3642	03.2064.1079_GT	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt [gây tê]	P1	2,293,500	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3643	10.0492.0493_GT	Phẫu thuật điều trị áp xe tồn dư, dẫn lưu ổ	Phẫu thuật điều trị áp xe tồn dư, dẫn lưu ổ bụng	P1	2,432,400	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3644	12.0267.0653_GT	Cắt u vú lành tính	Cắt u vú lành tính [gây tê]	P2	2,595,700	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
3645	10.0879.0559_GT	Phẫu thuật tổn thương gân gấp dài ngón I	Phẫu thuật tổn thương gân gấp dài ngón I [gây	P2	2,604,700	Chưa bao gồm gân nhân	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3646	10.0878.0559_GT	Phẫu thuật tổn thương gân cơ mác bên	Phẫu thuật tổn thương gân cơ mác bên [gây tê]	P2	2,604,700	Chưa bao gồm gân nhân	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3647	10.0877.0559_GT	Phẫu thuật tổn thương gân Achille	Phẫu thuật tổn thương gân Achille [gây tê]	P1	2,604,700	Chưa bao gồm gân nhân	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3648	10.0875.0559_GT	Phẫu thuật tổn thương gân chày trước	Phẫu thuật tổn thương gân chày trước [gây tê]	P2	2,604,700	Chưa bao gồm gân nhân	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3649	10.0871.0548_GT	Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp cổ chân	Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp cổ chân	P1	3,577,600	Chưa bao gồm kim hoặc	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3650	10.0572.0577_GT	Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh	Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh	P1	4,304,000	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3651	10.0571.0632_GT	Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh	Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh	P2	1,959,100	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3652	10.0574.0491_GT	Thăm dò, sinh thiết gan	Thăm dò, sinh thiết gan [gây tê]	P2	2,276,100	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3653	10.0569.0624_GT	Phẫu thuật điều trị đứt cơ thắt hậu môn	Phẫu thuật điều trị đứt cơ thắt hậu môn [gây tê]	P1	1,569,000	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3654	03.3819.0559_GT	Nối gân duỗi	Nối gân duỗi [gây tê]	P2	2,604,700	Chưa bao gồm gân nhân	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3655	03.3750.0550_GT	Phẫu thuật trật xương bánh chè bẩm sinh	Phẫu thuật trật xương bánh chè bẩm sinh [gây	P1	3,184,700	Chưa bao gồm đinh, nẹp,	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3656	03.3494.0421_GT	Lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang	Lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang [gây tê]	P1	3,546,600	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3657	03.3685.0571_GT	Phẫu thuật viêm xương cánh tay: đục, mổ,	Phẫu thuật viêm xương cánh tay: đục, mổ, nạo,	P3	2,493,700	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3658	13.0003.0674_GT	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có sẹo	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có sẹo mổ	P1	3,193,100	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3659	13.0002.0672_GT	Phẫu thuật lấy thai lần hai trở lên	Phẫu thuật lấy thai lần hai trở lên [gây tê]	P1	2,631,000	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3660	10.0394.0435_GT	Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ	Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ [gây tê]	P1	2,035,200	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3661	03.3370.0494_GT	Phẫu thuật lại trĩ chảy máu	Phẫu thuật lại trĩ chảy máu [gây tê]	P1	2,276,400	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3662	03.3369.0494_GT	Cắt bỏ trĩ vòng	Cắt bỏ trĩ vòng [gây tê]	P1	2,276,400	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3663	03.3366.0494_GT	Phẫu thuật trĩ độ 3	Phẫu thuật trĩ độ 3 [gây tê]	P2	2,276,400	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3664	10.0911.0548_GT	Phẫu thuật điều trị trật khớp khuỷu	Phẫu thuật điều trị trật khớp khuỷu [gây tê]	P1	3,577,600	Chưa bao gồm kim hoặc	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3665	03.3368.0494_GT	Phẫu thuật trĩ độ 1	Phẫu thuật trĩ độ 1 [gây tê]	P2	2,276,400	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3666	10.0910.0548_GT	Phẫu thuật kết hợp xương gãy ròng rọc	Phẫu thuật kết hợp xương gãy ròng rọc xương	P1	3,577,600	Chưa bao gồm kim hoặc	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3667	03.2733.0597_GT	Cắt u thành âm đạo	Cắt u thành âm đạo [gây tê]	P2	1,716,500	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3668	27.0367.0436_GT	Nội soi mở rộng niệu quản, nong rộng niệu	Nội soi mở rộng niệu quản, nong rộng niệu	P2	1,475,400	Chưa bao gồm sonde JJ,	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3669	28.0337.0559_GT	Nối gân gấp	Nối gân gấp [gây tê]	P2	2,604,700	Chưa bao gồm gân nhân	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3670	28.0161.0576_GT	Phẫu thuật khâu đơn giản vết thương vùng	Phẫu thuật khâu đơn giản vết thương vùng mặt	P3	2,149,000	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3671	28.0265.0653_GT	Phẫu thuật cắt bỏ tuyến vú phụ	Phẫu thuật cắt bỏ tuyến vú phụ [gây tê]	P3	2,595,700	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3672	10.0876.0559_GT	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi dài ngón I	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi dài ngón I [gây	P2	2,604,700	Chưa bao gồm gân nhân	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3673	28.0162.0576_GT	Phẫu thuật vết thương phần mềm vùng hàm	Phẫu thuật vết thương phần mềm vùng hàm mặt	P3	2,149,000	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3674	10.0698.0628_GT	Phẫu thuật khâu phục hồi thành bụng do toác	Phẫu thuật khâu phục hồi thành bụng do toác	P1	2,104,300	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3675	12.0306.0597_GT	Cắt u thành âm đạo	Cắt u thành âm đạo [gây tê]	P2	1,716,500	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3676	10.0979.0571_GT	Phẫu thuật viêm xương	Phẫu thuật viêm xương [gây tê]	P2	2,493,700	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3677	28.0264.0653_GT	Phẫu thuật cắt bỏ u xơ vú	Phẫu thuật cắt bỏ u xơ vú [gây tê]	P3	2,595,700	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3678	03.3367.0494_GT	Phẫu thuật trĩ độ 3	Phẫu thuật trĩ độ 3 [gây tê]	P2	2,276,400	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3679	28.0266.0653_GT	Phẫu thuật cắt bỏ vú thừa	Phẫu thuật cắt bỏ vú thừa [gây tê]	P2	2,595,700	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3680	28.0340.0559_GT	Nối gân duỗi	Nối gân duỗi [gây tê]	P1	2,604,700	Chưa bao gồm gân nhân	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3681	03.2640.0407_GT	Cắt u máu, u bạch huyết đường kính 5 - 10	Cắt u máu, u bạch huyết đường kính 5 - 10 cm	P2	2,436,100	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3682	10.0954.0576_GT	Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn	Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/rách	P2	2,149,000	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3683	03.3816.0571_GT	Phẫu thuật vết thương bàn tay, cắt lọc đơn	Phẫu thuật vết thương bàn tay, cắt lọc đơn	P2	2,493,700	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3684	03.3797.0571_GT	Tháo bỏ các ngón chân	Tháo bỏ các ngón chân [gây tê]	P2	2,493,700	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3685	03.3793.0577_GT	Cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắn chỉnh	Cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắn chỉnh cố	P3	4,304,000	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3686	03.3804.0559_GT	Gỡ dính gân	Gỡ dính gân [gây tê]	P2	2,604,700	Chưa bao gồm gân nhân	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3687	03.3803.0559_GT	Nối gân gấp	Nối gân gấp [gây tê]	P1	2,604,700	Chưa bao gồm gân nhân	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3688	20.0098.0637_GT	Nội soi buồng tử cung chẩn đoán	Nội soi buồng tử cung chẩn đoán [gây tê]	P2	2,421,600	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3689	10.0847.0551_GT	Phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của	Phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của gân	P1	2,390,200	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3690	10.0453.0464_GT	Nối vị tràng	Nối vị tràng [gây tê]	P3	2,367,100	Chưa bao gồm kẹp khóa	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3691	03.3815.0493_GT	Dẫn lưu áp xe cơ đái chậu	Dẫn lưu áp xe cơ đái chậu [gây tê]	P2	2,432,400	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3692	03.3811.0571_GT	Cắt lọc da, cơ, cân trên 3% diện tích cơ thể	Cắt lọc da, cơ, cân trên 3% diện tích cơ thể [gây	P2	2,493,700	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3693	28.0066.0575_GT	Phẫu thuật ghép da tự thân vùng mi mắt	Phẫu thuật ghép da tự thân vùng mi mắt [gây tê]	P2	2,583,600	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3694	03.3800.0577_GT	Phẫu thuật bong lóc da và cơ phức tạp, sâu,	Phẫu thuật bong lóc da và cơ phức tạp, sâu,	P2	4,304,000	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3695	03.3443.0464_GT	Dẫn lưu túi mật	Dẫn lưu túi mật [gây tê]	P3	2,367,100	Chưa bao gồm kẹp khóa	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3696	12.0278.0655_GT	Cắt polyp cổ tử cung	Cắt polyp cổ tử cung [gây tê]	P3	1,535,600	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3697	10.0555.0494_GT	Phẫu thuật chích, dẫn lưu áp xe cạnh hậu	Phẫu thuật chích, dẫn lưu áp xe cạnh hậu môn	P2	2,276,400	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
3698	03.3083.0576_GT	Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu	Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu [gây tê]	P3	2,149,000	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3699	10.0850.0575_GT	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật dính ngón tay	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật dính ngón tay	P1	2,583,600	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3700	10.0473.0459_GT	Cắt u tá tràng	Cắt u tá tràng [gây tê]	P1	2,277,400	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3701	03.3776.0571_GT	Phẫu thuật viêm xương căng chân: đục, mổ,	Phẫu thuật viêm xương căng chân: đục, mổ,	P1	2,493,700	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3702	03.3774.0577_GT	Cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắn chỉnh	Cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắn chỉnh cố	P2	4,304,000	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3703	10.0952.0571_GT	Phẫu thuật sửa mỏm cụt chi	Phẫu thuật sửa mỏm cụt chi [gây tê]	P2	2,493,700	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3704	03.3777.0571_GT	Phẫu thuật khoan xương có tưới rửa kháng	Phẫu thuật khoan xương có tưới rửa kháng sinh	P1	2,493,700	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3705	10.0001.0577_GT	Phẫu thuật xử lý vết thương da đầu phức tạp	Phẫu thuật xử lý vết thương da đầu phức tạp	PDB	4,304,000	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3706	10.0947.0571_GT	Phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm	Phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm [gây tê]	P2	2,493,700	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3707	10.0955.0577_GT	Phẫu thuật vết thương phần mềm phức tạp	Phẫu thuật vết thương phần mềm phức tạp [gây	P1	4,304,000	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3708	10.0953.0571_GT	Phẫu thuật sửa mỏm cụt ngón tay/ngón chân	Phẫu thuật sửa mỏm cụt ngón tay/ngón chân (1	P2	2,493,700	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3709	10.0963.0559_GT	Phẫu thuật nối gân duỗi/kéo dài gân(1 gân)	Phẫu thuật nối gân duỗi/kéo dài gân(1 gân)	P2	2,604,700	Chưa bao gồm gân nhân	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3710	03.3379.0494_GT	Phẫu thuật trĩ nhồi máu nhỏ	Phẫu thuật trĩ nhồi máu nhỏ [gây tê]	P2	2,276,400	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3711	10.0561.0494_GT	Điều trị nứt kẽ hậu môn bằng cắt cơ tròn	Điều trị nứt kẽ hậu môn bằng cắt cơ tròn trong	P2	2,276,400	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3712	10.0451.0491_GT	Mở bụng thăm dò	Mở bụng thăm dò [gây tê]	P3	2,276,100	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3713	03.3297.0491_GT	Mở thông dạ dày	Mở thông dạ dày [gây tê]	P3	2,276,100	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3714	10.0964.0559_GT	Phẫu thuật nối gân gấp/kéo dài gân (1 gân)	Phẫu thuật nối gân gấp/kéo dài gân (1 gân) [gây	P2	2,604,700	Chưa bao gồm gân nhân	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3715	10.0961.0575_GT	Phẫu thuật vá da diện tích từ 5-10 cm²	Phẫu thuật vá da diện tích từ 5-10 cm² [gây tê]	P2	2,583,600	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3716	10.0319.0436_GT	Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận	Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận [gây tê]	P1	1,475,400	Chưa bao gồm sonde JJ,	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3717	03.3378.0494_GT	Thắt trĩ có kèm bóc tách, cắt một bó trĩ	Thắt trĩ có kèm bóc tách, cắt một bó trĩ [gây tê]	P2	2,276,400	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3718	03.3377.0494_GT	Phẫu thuật rò hậu môn thể đơn giản	Phẫu thuật rò hậu môn thể đơn giản [gây tê]	P2	2,276,400	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3719	10.0479.0491_GT	Mở thông hỗng tràng hoặc mở thông hồi	Mở thông hỗng tràng hoặc mở thông hồi tràng	P3	2,276,100	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3720	03.2264.0669_GT	Làm lại thành âm đạo, tầng sinh môn	Làm lại thành âm đạo, tầng sinh môn [gây tê]	P2	2,538,800	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3721	03.2263.0624_GT	Khâu rách cùng đồ âm đạo	Khâu rách cùng đồ âm đạo [gây tê]	P3	1,569,000	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3722	10.0416.0491_GT	Mở thông dạ dày	Mở thông dạ dày [gây tê]	P3	2,276,100	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3723	10.0407.0435_GT	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn [gây tê]	P2	2,035,200	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3724	10.0406.0435_GT	Cắt bỏ tinh hoàn	Cắt bỏ tinh hoàn [gây tê]	P3	2,035,200	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3725	28.0299.0662_GT	Phẫu thuật cắt bỏ vách ngăn âm đạo	Phẫu thuật cắt bỏ vách ngăn âm đạo [gây tê]	P2	2,212,300	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3726	10.0317.0436_GT	Dẫn lưu bể thận tối thiểu	Dẫn lưu bể thận tối thiểu [gây tê]	P2	1,475,400	Chưa bao gồm sonde JJ,	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3727	10.0452.0491_GT	Mở bụng thăm dò, sinh thiết	Mở bụng thăm dò, sinh thiết [gây tê]	P3	2,276,100	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3728	10.0556.0494_GT	Phẫu thuật điều trị áp xe hậu môn phức tạp	Phẫu thuật điều trị áp xe hậu môn phức tạp [gây	P1	2,276,400	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3729	10.0551.0494_GT	Phẫu thuật lấy toàn bộ trĩ vòng	Phẫu thuật lấy toàn bộ trĩ vòng [gây tê]	P1	2,276,400	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3730	10.0550.0494_GT	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển có sử dụng dụng	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển có sử dụng dụng cụ	P2	2,276,400	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3731	10.0549.0494_GT	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển (phương pháp	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển (phương pháp	P2	2,276,400	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3732	10.0949.0548_GT	Phẫu thuật đặt lại khớp, găm kim cố định	Phẫu thuật đặt lại khớp, găm kim cố định (buộc	P2	3,577,600	Chưa bao gồm kim hoặc	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3733	10.0948.0548_GT	Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố xương	Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố xương cánh	P2	3,577,600	Chưa bao gồm kim hoặc	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3734	10.0371.0436_GT	Dẫn lưu viêm tấy khung chậu do rò nước tiểu	Dẫn lưu viêm tấy khung chậu do rò nước tiểu	P1	1,475,400	Chưa bao gồm sonde JJ,	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3735	10.0372.0436_GT	Phẫu thuật áp xe tuyến tiền liệt	Phẫu thuật áp xe tuyến tiền liệt [gây tê]	P2	1,475,400	Chưa bao gồm sonde JJ,	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3736	03.2257.0663_GT	Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn	Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn [gây tê]	P1	3,456,900	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3737	15.0049.0971_GT	Phẫu thuật nội soi đặt ống thông khí màng	Phẫu thuật nội soi đặt ống thông khí màng nhĩ	P3	2,976,800	Đã bao gồm chi phí mũi	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3738	10.0554.0494_GT	Phẫu thuật khâu treo và triệt mạch trĩ (THD)	Phẫu thuật khâu treo và triệt mạch trĩ (THD)	P2	2,276,400	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3739	15.0034.0997_GT	Vá nhĩ đơn thuần	Vá nhĩ đơn thuần [gây tê]	P2	3,204,200	Đã bao gồm chi phí mũi	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3740	12.0324.0558_GT	Cắt u xương sụn lành tính	Cắt u xương sụn lành tính [gây tê]	P2	3,338,600	Chưa bao gồm phương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3741	12.0191.0407_GT	Cắt u máu, u bạch huyết thành ngực đường	Cắt u máu, u bạch huyết thành ngực đường	P1	2,436,100	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3742	10.0842.0559_GT	Khâu phục hồi tổn thương gân duỗi	Khâu phục hồi tổn thương gân duỗi [gây tê]	P1	2,604,700	Chưa bao gồm gân nhân	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3743	10.0983.0551_GT	Phẫu thuật vết thương khớp	Phẫu thuật vết thương khớp [gây tê]	P2	2,390,200	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3744	10.0840.0559_GT	Khâu tổn thương gân gấp bàn tay ở vùng II	Khâu tổn thương gân gấp bàn tay ở vùng II [gây	PDB	2,604,700	Chưa bao gồm gân nhân	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3745	10.0839.0559_GT	Khâu tổn thương gân gấp vùng I, III, IV, V	Khâu tổn thương gân gấp vùng I, III, IV, V [gây	P1	2,604,700	Chưa bao gồm gân nhân	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3746	03.2735.0653_GT	Cắt u vú lành tính	Cắt u vú lành tính [gây tê]	P2	2,595,700	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3747	03.2732.0683_GT	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt	P2	2,651,700	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3748	03.2730.0683_GT	Cắt u nang buồng trứng	Cắt u nang buồng trứng [gây tê]	P2	2,651,700	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3749	03.2729.0683_GT	Cắt u nang buồng trứng xoắn	Cắt u nang buồng trứng xoắn [gây tê]	P2	2,651,700	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3750	10.0980.0571_GT	Phẫu thuật nạo viêm + lấy xương chết	Phẫu thuật nạo viêm + lấy xương chết [gây tê]	P1	2,493,700	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
3751	15.0048.0971_GT	Đặt ống thông khí màng nhĩ	Đặt ống thông khí màng nhĩ [gây tê]	P3	2,976,800	Đã bao gồm chi phí mũi	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3752	12.0305.0593_GT	Cắt bỏ âm hộ đơn thuần	Cắt bỏ âm hộ đơn thuần [gây tê]	P1	2,249,700	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3753	10.0356.0436_GT	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang [gây tê]	P2	1,475,400	Chưa bao gồm sonde JJ,	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3754	13.0136.0628_GT	Làm lại vết mổ thành bụng (bục, tụ máu,	Làm lại vết mổ thành bụng (bục, tụ máu, nhiễm	P3	2,104,300	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3755	13.0174.0653_GT	Cắt u vú lành tính	Cắt u vú lành tính [gây tê]	P2	2,595,700	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3756	10.0679.0492_GT	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương	P2	2,816,800	Chưa bao gồm tấm màng	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3757	13.0075.0668_GT	Phẫu thuật khối viêm dính tiểu khung	Phẫu thuật khối viêm dính tiểu khung [gây tê]	P2	2,782,400	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3758	13.0074.0686_GT	Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc	Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiểu	P1	3,888,600	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3759	13.0069.0681_GT	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn cả	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn cả	P1	3,536,400	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3760	10.0687.0492_GT	Phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác	Phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác	P1	2,816,800	Chưa bao gồm tấm màng	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3761	10.0685.0492_GT	Phẫu thuật điều trị thoát vị đùi	Phẫu thuật điều trị thoát vị đùi [gây tê]	P2	2,816,800	Chưa bao gồm tấm màng	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3762	10.0684.0492_GT	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn [gây tê]	P1	2,816,800	Chưa bao gồm tấm màng	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3763	13.0067.0657_GT	Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo	Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo [gây tê]	P1	3,396,600	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3764	13.0116.0663_GT	Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn	Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn [gây tê]	P1	3,456,900	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3765	13.0177.0593_GT	Cắt bỏ âm hộ đơn thuần	Cắt bỏ âm hộ đơn thuần [gây tê]	P2	2,249,700	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3766	10.0682.0492_GT	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương	P2	2,816,800	Chưa bao gồm tấm màng	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3767	10.0680.0492_GT	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương	P2	2,816,800	Chưa bao gồm tấm màng	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3768	13.0115.0650_GT	Phẫu thuật bóc khối lạc nội mạc tử cung ở	Phẫu thuật bóc khối lạc nội mạc tử cung ở tầng	P2	2,407,800	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3769	13.0061.0598_GT	Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng	Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to,	PDB	5,932,700	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3770	13.0123.0654_GT	Phẫu thuật cắt polyp buồng tử cung (đường	Phẫu thuật cắt polyp buồng tử cung (đường	P1	3,329,000	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3771	13.0118.0595_GT	Cắt cổ tử cung trên người bệnh đã mổ cắt tử	Cắt cổ tử cung trên người bệnh đã mổ cắt tử	P1	3,767,500	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3772	13.0117.0595_GT	Cắt cổ tử cung trên người bệnh đã mổ cắt tử	Cắt cổ tử cung trên người bệnh đã mổ cắt tử	P1	3,767,500	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3773	13.0172.0653_GT	Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú	Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú [gây tê]	P2	2,595,700	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3774	13.0224.0631_GT	Triệt sản nữ qua đường rạch nhỏ	Triệt sản nữ qua đường rạch nhỏ [gây tê]	P2	2,455,100	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3775	03.3711.0571_GT	Tháo bỏ các ngón tay, đốt ngón tay	Tháo bỏ các ngón tay, đốt ngón tay [gây tê]	P2	2,493,700	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3776	13.0222.0631_GT	Lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng qua đường	Lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng qua đường	P2	2,455,100	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3777	28.0352.1091_GT	Rút nẹp vít và các dụng cụ khác sau phẫu	Rút nẹp vít và các dụng cụ khác sau phẫu thuật	P3	2,423,300	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3778	10.0305.0710_GT	Phẫu thuật treo thận	Phẫu thuật treo thận [gây tê]	P1	2,433,200	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3779	12.0284.0683_GT	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt	P2	2,651,700	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3780	12.0283.0683_GT	Cắt u nang buồng trứng và phần phụ	Cắt u nang buồng trứng và phần phụ [gây tê]	P2	2,651,700	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3781	12.0281.0683_GT	Cắt u nang buồng trứng	Cắt u nang buồng trứng [gây tê]	P2	2,651,700	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3782	10.0862.0571_GT	Phẫu thuật làm mỏm cụt ngón và đốt bàn	Phẫu thuật làm mỏm cụt ngón và đốt bàn ngón	P2	2,493,700	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3783	12.0325.0558_GT	Cắt u xương, sụn	Cắt u xương, sụn [gây tê]	P2	3,338,600	Chưa bao gồm phương	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3784	13.0149.0624_GT	Khâu rách cùng đồ âm đạo	Khâu rách cùng đồ âm đạo [gây tê]	P3	1,569,000	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3785	15.0035.0971_GT	Phẫu thuật vá nhĩ bằng nội soi	Phẫu thuật vá nhĩ bằng nội soi [gây tê]	P2	2,976,800	Đã bao gồm chi phí mũi	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3786	03.3400.0632_GT	Lấy máu tụ tầng sinh môn	Lấy máu tụ tầng sinh môn [gây tê]	P3	1,959,100	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3787	10.0807.0577_GT	Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ	Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ quan	P2	4,304,000	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3788	03.2675.0491_GT	Mở thông dạ dày ra da do ung thư	Mở thông dạ dày ra da do ung thư [gây tê]		2,276,100	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3789	03.2726.0627_GT	Cắt cụt cổ tử cung	Cắt cụt cổ tử cung [gây tê]	P1	2,305,100	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3790	12.0289.0654_GT	Phẫu thuật cắt polyp buồng tử cung	Phẫu thuật cắt polyp buồng tử cung [gây tê]	P2	3,329,000	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3791	03.3401.0492_GT	Phẫu thuật thoát vị bẹn hay thành bụng	Phẫu thuật thoát vị bẹn hay thành bụng thường	P3	2,816,800	Chưa bao gồm tấm màng	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3792	10.0357.0436_GT	Dẫn lưu áp xe khoang Retzius	Dẫn lưu áp xe khoang Retzius [gây tê]	P2	1,475,400	Chưa bao gồm sonde JJ,	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3793	10.0863.0534_GT	Phẫu thuật cắt cụt cẳng tay, cánh tay	Phẫu thuật cắt cụt cẳng tay, cánh tay [gây tê]	P2	3,175,400	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3794	03.3402.0491_GT	Mở bụng thăm dò	Mở bụng thăm dò [gây tê]	P3	2,276,100	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3795	10.0851.0571_GT	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật thừa ngón tay	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật thừa ngón tay	P1	2,493,700	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3796	12.0280.0683_GT	Cắt u nang buồng trứng xoắn	Cắt u nang buồng trứng xoắn [gây tê]	P2	2,651,700	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3797	03.3396.0492_GT	Phẫu thuật thoát vị rốn nghẹt	Phẫu thuật thoát vị rốn nghẹt [gây tê]	P2	2,816,800	Chưa bao gồm tấm màng	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3798	03.3395.0492_GT	Phẫu thuật thoát vị bẹn nghẹt	Phẫu thuật thoát vị bẹn nghẹt [gây tê]	P2	2,816,800	Chưa bao gồm tấm màng	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3799	10.0811.0559_GT	Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương	Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương	P1	2,604,700	Chưa bao gồm gân nhân	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3800	10.0810.0559_GT	Phẫu thuật vết thương bàn tay tổn thương	Phẫu thuật vết thương bàn tay tổn thương gân	P1	2,604,700	Chưa bao gồm gân nhân	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3801	13.0147.0597_GT	Cắt u thành âm đạo	Cắt u thành âm đạo [gây tê]	P3	1,716,500	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3802	10.0350.0434_GT	Phẫu thuật cấp cứu vỡ bàng quang	Phẫu thuật cấp cứu vỡ bàng quang [gây tê]	P1	3,676,400	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3803	03.3397.0492_GT	Phẫu thuật thoát vị vết mổ cũ thành bụng	Phẫu thuật thoát vị vết mổ cũ thành bụng [gây	P2	2,816,800	Chưa bao gồm tấm màng	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
3804	10.0808.0577_GT	Phẫu thuật dập nát phần mềm các cơ quan	Phẫu thuật dập nát phần mềm các cơ quan vận	P1	4,304,000	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3805	13.0071.0679_GT	Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung	Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung [gây tê]	P2	2,872,900	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3806	13.0070.0681_GT	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung bán phần	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung bán phần [gây	P1	3,536,400	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3807	13.0143.0655_GT	Phẫu thuật cắt polyp cổ tử cung	Phẫu thuật cắt polyp cổ tử cung [gây tê]	P3	1,535,600	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3808	12.0254.0592_GT	Cắt âm vật, vét hạch bẹn 2 bên do ung thư	Cắt âm vật, vét hạch bẹn 2 bên do ung thư [gây	P1	3,387,300	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3809	12.0252.0434_GT	Cắt cụt toàn bộ bộ phận sinh dục ngoài do	Cắt cụt toàn bộ bộ phận sinh dục ngoài do ung	P1	3,676,400	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3810	13.0072.0683_GT	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt	P2	2,651,700	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3811	13.0068.0681_GT	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn [gây	P1	3,536,400	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3812	10.0701.0491_GT	Mở bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu	Mở bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu	P1	2,276,100	Chưa bao gồm máy cắt nối	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3813	10.0686.0492_GT	Phẫu thuật điều trị thoát vị vết mổ thành bụng	Phẫu thuật điều trị thoát vị vết mổ thành bụng	P1	2,816,800	Chưa bao gồm tấm màng	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3814	10.0683.0492_GT	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát [gây tê]	P1	2,816,800	Chưa bao gồm tấm màng	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3815	10.0681.0492_GT	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương	P2	2,816,800	Chưa bao gồm tấm màng	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3816	03.3763.0559_GT	Phẫu thuật cọ gân Achille	Phẫu thuật cọ gân Achille [gây tê]	PDB	2,604,700	Chưa bao gồm gân nhân	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3817	13.0109.0662_GT	Phẫu thuật cắt vách ngăn âm đạo, mở thông	Phẫu thuật cắt vách ngăn âm đạo, mở thông âm	P2	2,212,300	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3818	03.3601.0435_GT	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn [gây tê]	P1	2,035,200	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3819	10.0734.0548_GT	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mỏm khuỷu	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mỏm khuỷu [gây	P1	3,577,600	Chưa bao gồm kim hoặc	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3820	13.0092.0683_GT	Phẫu thuật chửa ngoài tử cung không có	Phẫu thuật chửa ngoài tử cung không có	P2	2,651,700	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3821	03.3755.0534_GT	Tháo khớp gối	Tháo khớp gối [gây tê]	P2	3,175,400	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3822	03.3599.0492_GT	Phẫu thuật thoát vị bẹn thường 1 bên	Phẫu thuật thoát vị bẹn thường 1 bên [gây tê]	P2	2,816,800	Chưa bao gồm tấm màng	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3823	11.0103.1114_GT	Cắt sẹo khâu kín	Cắt sẹo khâu kín [gây tê]	P2	2,389,900	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3824	13.0112.0669_GT	Phẫu thuật làm lại tầng sinh môn và cơ vòng	Phẫu thuật làm lại tầng sinh môn và cơ vòng do	P2	2,538,800	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3825	03.3607.0435_GT	Cắt bỏ tinh hoàn	Cắt bỏ tinh hoàn [gây tê]	P1	2,035,200	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3826	03.3710.0571_GT	Phẫu thuật cắt bỏ ngón tay thừa	Phẫu thuật cắt bỏ ngón tay thừa [gây tê]	P3	2,493,700	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3827	10.0750.0559_GT	Phẫu thuật tổn thương gân gấp của cổ tay và	Phẫu thuật tổn thương gân gấp của cổ tay và	P1	2,604,700	Chưa bao gồm gân nhân	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3828	11.0056.1119_GT	Ghép da đồng loại dưới 10% diện tích cơ thể	Ghép da đồng loại dưới 10% diện tích cơ thể	P3	1,311,100	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3829	03.3531.0421_GT	Mổ lấy sỏi bàng quang	Mổ lấy sỏi bàng quang [gây tê]	P2	3,546,600	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3830	10.0751.0559_GT	Phẫu thuật tổn thương gân gấp bàn - cổ tay	Phẫu thuật tổn thương gân gấp bàn - cổ tay [gây	P1	2,604,700	Chưa bao gồm gân nhân	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3831	10.0772.0548_GT	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bánh chè	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bánh chè [gây tê]	P2	3,577,600	Chưa bao gồm kim hoặc	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3832	10.0749.0559_GT	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi căng và bàn	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi căng và bàn	P1	2,604,700	Chưa bao gồm gân nhân	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3833	03.3742.0550_GT	Phẫu thuật xơ cứng cơ thẳng trước	Phẫu thuật xơ cứng cơ thẳng trước [gây tê]	P2	3,184,700	Chưa bao gồm đinh, nẹp,	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3834	03.3590.0492_GT	Phẫu thuật thoát vị đùi đùi nghẹt	Phẫu thuật thoát vị đùi đùi nghẹt [gây tê]	P1	2,816,800	Chưa bao gồm tấm màng	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3835	03.3589.0492_GT	Phẫu thuật thoát vị bẹn bẹn nghẹt	Phẫu thuật thoát vị bẹn bẹn nghẹt [gây tê]	P1	2,816,800	Chưa bao gồm tấm màng	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3836	03.3586.0435_GT	Cắt bỏ tinh hoàn lạc chỗ	Cắt bỏ tinh hoàn lạc chỗ [gây tê]	P1	2,035,200	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3837	13.0103.0677_GT	Phẫu thuật Lefort	Phẫu thuật Lefort [gây tê]	P2	2,495,000	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3838	13.0101.0666_GT	Phẫu thuật Crossen	Phẫu thuật Crossen [gây tê]	P1	3,670,500	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3839	10.0641.0464_GT	Dẫn lưu nang tụy	Dẫn lưu nang tụy [gây tê]	P1	2,367,100	Chưa bao gồm kẹp khóa	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3840	03.3687.0571_GT	Phẫu thuật viêm xương cẳng tay đục, mổ,	Phẫu thuật viêm xương cẳng tay đục, mổ, nạo,	P3	2,493,700	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3841	03.3595.0662_GT	Tách màng ngăn âm hộ	Tách màng ngăn âm hộ [gây tê]	P3	2,212,300	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3842	03.3587.0435_GT	Phẫu thuật hạ lại tinh hoàn	Phẫu thuật hạ lại tinh hoàn [gây tê]	P1	2,035,200	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3843	13.0102.0678_GT	Phẫu thuật Manchester	Phẫu thuật Manchester [gây tê]	P1	3,504,000	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3844	03.3493.0421_GT	Lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại	Lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại [gây	P1	3,546,600	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3845	03.3667.0551_GT	Phẫu thuật dính khớp khuỷu	Phẫu thuật dính khớp khuỷu [gây tê]	P2	2,390,200	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3846	03.3666.0550_GT	Phẫu thuật cứng duỗi khớp khuỷu	Phẫu thuật cứng duỗi khớp khuỷu [gây tê]	P2	3,184,700	Chưa bao gồm đinh, nẹp,	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3847	27.0386.0426_GT	Cắt u bàng quang tái phát qua nội soi	Cắt u bàng quang tái phát qua nội soi [gây tê]	P1	3,721,800	Chưa bao gồm dao siêu	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3848	03.3482.0464_GT	Dẫn lưu đài bể thận qua da	Dẫn lưu đài bể thận qua da [nhi] [gây tê]	P1	2,367,100	Chưa bao gồm kẹp khóa	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3849	03.3686.0571_GT	Phẫu thuật gãy mỏm trên ròng rọc xương	Phẫu thuật gãy mỏm trên ròng rọc xương cánh	P2	2,493,700	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3850	10.0773.0548_GT	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương bánh	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương bánh chè	P1	3,577,600	Chưa bao gồm kim hoặc	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3851	03.3556.0705_GT	Tạo hình âm đạo	Tạo hình âm đạo [gây tê]	P1	3,501,900	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3852	03.3489.0464_GT	Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận	Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận [gây tê]	P2	2,367,100	Chưa bao gồm kẹp khóa	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3853	03.3664.0548_GT	Cố định Kirschner trong gãy đầu trên xương	Cố định Kirschner trong gãy đầu trên xương	P2	3,577,600	Chưa bao gồm kim hoặc	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3854	13.0240.0631_GT	Hút thai + triệt sản qua đường rạch nhỏ	Hút thai + triệt sản qua đường rạch nhỏ [gây tê]	P2	2,455,100	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3855	03.3517.0421_GT	Lấy sỏi bàng quang lần 2, đóng lỗ rò bàng	Lấy sỏi bàng quang lần 2, đóng lỗ rò bàng	P1	3,546,600	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3856	03.3479.0421_GT	Lấy sỏi bể thận ngoài xoang	Lấy sỏi bể thận ngoài xoang [gây tê]	P2	3,546,600	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
3857	27.0385.0426_GT	Nội soi bàng quang cắt u	Nội soi bàng quang cắt u [gây tê]	P1	3,721,800	Chưa bao gồm dao siêu	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3858	03.3492.0421_GT	Lấy sỏi niệu quản	Lấy sỏi niệu quản [gây tê]	P1	3,546,600	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3859	03.3475.0421_GT	Lấy sỏi san hô thận	Lấy sỏi san hô thận [gây tê]	P2	3,546,600	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3860	03.4115.0426_GT	Nội soi cắt u bàng quang tái phát	Nội soi cắt u bàng quang tái phát [gây tê]	P1	3,721,800	Chưa bao gồm dao siêu	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3861	03.4114.0426_GT	Nội soi cắt u bàng quang	Nội soi cắt u bàng quang [gây tê]	P1	3,721,800	Chưa bao gồm dao siêu	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3862	03.4106.0436_GT	Nội soi đặt sonde JJ	Nội soi đặt sonde JJ [gây tê]	P3	1,475,400	Chưa bao gồm sonde JJ,	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3863	04.0041.0571_GT	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng bẹn	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng bẹn [gây tê]	P2	2,493,700	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3864	04.0040.0571_GT	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng nách	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng nách [gây tê]	P2	2,493,700	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3865	04.0038.0571_GT	Phẫu thuật nạo viêm lao thành ngực	Phẫu thuật nạo viêm lao thành ngực [gây tê]	P2	2,493,700	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3866	03.3476.0421_GT	Lấy sỏi mở bể thận trong xoang	Lấy sỏi mở bể thận trong xoang [gây tê]	P2	3,546,600	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3867	03.3471.0416_GT	Cắt thận đơn thuần	Cắt thận đơn thuần [gây tê]	P1	3,578,400	Chưa bao gồm dao siêu	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3868	03.4122.0435_GT	Phẫu thuật nội soi cắt tinh hoàn ẩn trong ổ	Phẫu thuật nội soi cắt tinh hoàn ẩn trong ổ bụng	P1	2,035,200	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3869	04.0036.1114_GT	Phẫu thuật chỉnh hình cắt bỏ sẹo xấu do lao	Phẫu thuật chỉnh hình cắt bỏ sẹo xấu do lao	P2	2,389,900	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3870	04.0035.1114_GT	Phẫu thuật chỉnh hình cắt bỏ sẹo xấu do lao	Phẫu thuật chỉnh hình cắt bỏ sẹo xấu do lao	P2	2,389,900	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3871	04.0027.0571_GT	Phẫu thuật nạo viêm lao xương bàn-ngón	Phẫu thuật nạo viêm lao xương bàn-ngón chân	P2	2,493,700	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3872	04.0024.0551_GT	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp cổ-bàn chân	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp cổ-bàn chân [gây	P2	2,390,200	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3873	04.0019.0571_GT	Phẫu thuật nạo viêm lao xương đốt bàn -	Phẫu thuật nạo viêm lao xương đốt bàn - ngón	P2	2,493,700	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3874	04.0018.0571_GT	Phẫu thuật nạo viêm lao xương cẳng tay	Phẫu thuật nạo viêm lao xương cẳng tay [gây tê]	P2	2,493,700	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3875	04.0016.0551_GT	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp cổ-bàn tay	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp cổ-bàn tay [gây	P2	2,390,200	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3876	10.0152.0410_GT	Phẫu thuật dẫn lưu tối thiểu khoang màng	Phẫu thuật dẫn lưu tối thiểu khoang màng phổi	P2	1,696,400	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3877	04.0039.0571_GT	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng cổ	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng cổ [gây tê]	P2	2,493,700	Chưa bao gồm thuốc và	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3878	03.0773.0234	Điều trị bằng các dòng điện xung	Điều trị bằng các dòng điện xung	T3	44,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3879	03.0774.0237	Điều trị bằng tia hồng ngoại	Điều trị bằng tia hồng ngoại		40,900	-	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3880	K02.1907	Giường Hồi sức cấp cứu Hạng III - Khoa Hồi sức cấp cứu	Giường Hồi sức cấp cứu Hạng III - Khoa Hồi sức cấp cứu		364,400		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3881	K02.1912	Giường Nội khoa loại 1 Hạng III - Khoa Hồi sức cấp cứu	Giường Nội khoa loại 1 Hạng III - Khoa Hồi sức cấp cứu		245,000		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3882	K02.1918	Giường Nội khoa loại 2 Hạng III - Khoa Hồi sức cấp cứu	Giường Nội khoa loại 2 Hạng III - Khoa Hồi sức cấp cứu		211,000		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3883	K03.1907	Giường Hồi sức cấp cứu Hạng III - Khoa Nội tổng hợp	Giường Hồi sức cấp cứu Hạng III - Khoa Nội tổng hợp		364,400		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3884	K03.1912	Giường Nội khoa loại 1 Hạng III - Khoa nội tổng hợp	Giường Nội khoa loại 1 Hạng III - Khoa nội tổng hợp		245,000		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3885	K03.1918	Giường Nội khoa loại 2 Hạng III - Khoa nội tổng hợp	Giường Nội khoa loại 2 Hạng III - Khoa nội tổng hợp		211,000		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3886	K29.1939	Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng III - Khoa Răng - Hàm - Mặt	Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng III - Khoa Răng - Hàm - Mặt		241,300		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3887	K29.1945	Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng III - Khoa Răng - Hàm - Mặt	Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng III - Khoa Răng - Hàm - Mặt		202,300		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3888	K29.1918	Giường Nội khoa loại 2 Hạng III - Khoa Răng - Hàm - Mặt	Giường Nội khoa loại 2 Hạng III - Khoa Răng - Hàm - Mặt		211,000		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3889	K30.1945	Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng III - Khoa Mắt	Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng III - Khoa Mắt		202,300		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3890	K30.1918	Giường Nội khoa loại 2 Hạng III - Khoa Mắt	Giường Nội khoa loại 2 Hạng III - Khoa Mắt		211,000		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3891	K18.1912	Giường Nội khoa loại 1 Hạng III - Khoa Nhi	Giường Nội khoa loại 1 Hạng III - Khoa Nhi		245,000		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3892	K18.1918	Giường Nội khoa loại 2 Hạng III - Khoa Nhi	Giường Nội khoa loại 2 Hạng III - Khoa Nhi		211,000		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3893	K18.1933	Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng III - Khoa Nhi	Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng III - Khoa Nhi		272,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
3894	K18.1907	Giường Hồi sức cấp cứu Hạng III - Khoa Nhi	Giường Hồi sức cấp cứu Hạng III - Khoa Nhi		364,400		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3895	K18.1939	Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng III - Khoa Nhi	Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng III - Khoa Nhi		241,300		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3896	K18.1945	Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng III - Khoa Nhi	Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng III - Khoa Nhi		202,300		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3897	K28.1907	Giường Hồi sức cấp cứu Hạng III - Khoa Tai - Mũi - Họng	Giường Hồi sức cấp cứu Hạng III - Khoa Tai - Mũi - Họng		364,400		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3898	K28.1918	Giường Nội khoa loại 2 Hạng III - Khoa Tai - Mũi - Họng	Giường Nội khoa loại 2 Hạng III - Khoa Tai - Mũi - Họng		211,000		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3899	K28.1933	Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng III - Khoa Tai - Mũi - Họng	Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng III - Khoa Tai - Mũi - Họng		272,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3900	K28.1939	Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng III - Khoa Tai - Mũi - Họng	Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng III - Khoa Tai - Mũi - Họng		241,300		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3901	K28.1945	Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng III - Khoa Tai - Mũi - Họng	Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng III - Khoa Tai - Mũi - Họng		202,300		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3902	K30.1907	Giường Hồi sức cấp cứu Hạng III - Khoa Mắt	Giường Hồi sức cấp cứu Hạng III - Khoa Mắt		364,400		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3903	K30.1933	Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng III - Khoa Mắt	Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng III - Khoa Mắt		272,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3904	K30.1939	Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng III - Khoa Mắt	Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng III - Khoa Mắt		241,300		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3905	K29.1907	Giường Hồi sức cấp cứu Hạng III - Khoa Răng - Hàm - Mặt	Giường Hồi sức cấp cứu Hạng III - Khoa Răng - Hàm - Mặt		364,400		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3906	K29.1933	Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng III - Khoa Răng - Hàm - Mặt	Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng III - Khoa Răng - Hàm - Mặt		272,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3907	K31.1924	Giường Nội khoa loại 3 Hạng III - Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	Giường Nội khoa loại 3 Hạng III - Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng		169,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3908	K16.1970	Giường YHCT ban ngày Nội khoa loại 3 Hạng III - Khoa Y học cổ truyền	Giường YHCT ban ngày Nội khoa loại 3 Hạng III - Khoa Y học cổ truyền		50,760		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3909	K16.1924	Giường Nội khoa loại 3 Hạng III - Khoa Y học cổ truyền	Giường Nội khoa loại 3 Hạng III - Khoa Y học cổ truyền		169,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3910	K16.1907	Giường Hồi sức cấp cứu Hạng III - Khoa Y học cổ truyền	Giường Hồi sức cấp cứu Hạng III - Khoa Y học cổ truyền		364,400		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3911	K16.1912	Giường Nội khoa loại 1 Hạng III - Khoa Y học cổ truyền	Giường Nội khoa loại 1 Hạng III - Khoa Y học cổ truyền		245,000		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3912	K16.1918	Giường Nội khoa loại 2 Hạng III - Khoa Y học cổ truyền	Giường Nội khoa loại 2 Hạng III - Khoa Y học cổ truyền		211,000		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3913	K19.1918	Giường Nội khoa loại 2 Hạng III - Khoa Ngoại tổng hợp	Giường Nội khoa loại 2 Hạng III - Khoa Ngoại tổng hợp		211,000		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3914	K19.1933	Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng III - Khoa Ngoại tổng hợp	Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng III - Khoa Ngoại tổng hợp		272,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3915	K19.1939	Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng III - Khoa Ngoại tổng hợp	Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng III - Khoa Ngoại tổng hợp		241,300		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3916	K19.1907	Giường Hồi sức cấp cứu Hạng III - Khoa Ngoại tổng hợp	Giường Hồi sức cấp cứu Hạng III - Khoa Ngoại tổng hợp		364,400		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3917	K19.1945	Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng III - Khoa Ngoại tổng hợp	Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng III - Khoa Ngoại tổng hợp		202,300		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3918	K27.1907	Giường Hồi sức cấp cứu Hạng III - Khoa Phụ sản	Giường Hồi sức cấp cứu Hạng III - Khoa Phụ sản		364,400		20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
3919	K27.1918	Giường Nội khoa loại 2 Hạng III - Khoa Phụ - Sản	Giường Nội khoa loại 2 Hạng III - Khoa Phụ - Sản		211,000		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3920	K27.1933	Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng III - Khoa Phụ - Sản	Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng III - Khoa Phụ - Sản		272,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3921	K27.1939	Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng III - Khoa Phụ - Sản	Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng III - Khoa Phụ - Sản		241,300		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3922	K27.1945	Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng III - Khoa Phụ - Sản	Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng III - Khoa Phụ - Sản		202,300		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3923	K11.1912	Giường Nội khoa loại 1 Hạng III - Khoa Truyền nhiễm	Giường Nội khoa loại 1 Hạng III - Khoa Truyền nhiễm		245,000		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3924	K11.1907	Giường Hồi sức cấp cứu Hạng III - Khoa Truyền nhiễm	Giường Hồi sức cấp cứu Hạng III - Khoa Truyền nhiễm		364,400		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3925	03.1900	Hội chẩn ca bệnh khó chuyên ngành Nhi	Hội chẩn ca bệnh khó chuyên ngành Nhi		200,000		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3926	04.1900	Hội chẩn ca bệnh khó chuyên ngành Lao1	Hội chẩn ca bệnh khó chuyên ngành Lao1		200,000		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3927	05.1900	Hội chẩn ca bệnh khó chuyên ngành Da liễu	Hội chẩn ca bệnh khó chuyên ngành Da liễu		200,000		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3928	06.1900	Hội chẩn ca bệnh khó chuyên ngành tâm thần	Hội chẩn ca bệnh khó chuyên ngành tâm thần		200,000		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3929	07.1900	Hội chẩn ca bệnh khó chuyên ngành Nội tiết	Hội chẩn ca bệnh khó chuyên ngành Nội tiết		200,000		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3930	08.1900	Hội chẩn ca bệnh khó chuyên ngành YHCT	Hội chẩn ca bệnh khó chuyên ngành YHCT		200,000		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3931	10.1900	Hội chẩn ca bệnh khó chuyên ngành Ngoại	Hội chẩn ca bệnh khó chuyên ngành Ngoại		200,000		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3932	11.1900	Hội chẩn ca bệnh khó chuyên ngành Bỏng	Hội chẩn ca bệnh khó chuyên ngành Bỏng		200,000		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3933	12.1900	Hội chẩn ca bệnh khó chuyên ngành Ung bướu	Hội chẩn ca bệnh khó chuyên ngành Ung bướu		200,000		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3934	13.1900	Hội chẩn ca bệnh khó chuyên ngành Phụ sản	Hội chẩn ca bệnh khó chuyên ngành Phụ sản		200,000		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3935	14.1900	Hội chẩn ca bệnh khó chuyên ngành Mắt	Hội chẩn ca bệnh khó chuyên ngành Mắt		200,000		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3936	15.1900	Hội chẩn ca bệnh khó chuyên ngành Tai mũi họng	Hội chẩn ca bệnh khó chuyên ngành Tai mũi họng		200,000		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3937	16.1900	Hội chẩn ca bệnh khó chuyên ngành Răng hàm mặt	Hội chẩn ca bệnh khó chuyên ngành Răng hàm mặt		200,000		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3938	17.1900	Hội chẩn ca bệnh khó chuyên ngành Phục hồi chức năng	Hội chẩn ca bệnh khó chuyên ngành Phục hồi chức năng		200,000		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3939	02.1898	Khám Nội	Khám Nội		39,800		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3940	03.1898	Khám Nhi	Khám Nhi		39,800		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3941	04.1898	Khám Lao	Khám Lao		39,800		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3942	05.1898	Khám Da liễu	Khám Da liễu		39,800		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3943	07.1898	Khám Nội tiết	Khám Nội tiết		39,800		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3944	06.1898	Khám tâm thần	Khám tâm thần		39,800		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3945	08.1898	Khám YHCT	Khám YHCT		39,800		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3946	10.1898	Khám Ngoại	Khám Ngoại		39,800		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3947	11.1898	Khám Bỏng	Khám Bỏng		39,800		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3948	12.1898	Khám Ung bướu	Khám Ung bướu		39,800		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3949	13.1898	Khám Phụ sản	Khám Phụ sản		39,800		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3950	14.1898	Khám Mắt	Khám Mắt		39,800		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3951	15.1898	Khám Tai mũi họng	Khám Tai mũi họng		39,800		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3952	17.1898	Khám Phục hồi chức năng	Khám Phục hồi chức năng		39,800		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3953	16.1898	Khám Răng hàm mặt	Khám Răng hàm mặt		39,800		20/2024/NQ-HĐND	20250101	

Người lập biểu

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

STT	IA_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY

Nguyễn Thị Tuyết Mai

Nguyễn Văn Thắng

SỞ Y TẾ VĨNH PHÚC
TTYT HUYỆN YÊN LẠC

BẢNG 5

BẢNG 5. DANH MỤC DỊCH VỤ KỸ THUẬT TUYẾN XÃ

(Kèm theo Văn bản số 01/TTYT-KHĐD ngày 01/01/2025 của Trung tâm y tế huyện Yên Lạc)

STT	A_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
(1)	*(2)*	*(3)*			*(4)*		*(5)*	*(6)*	*(7)*
1	01.0222.0211	Thụt giữ	Thụt giữ	T3	64,680		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
2	01.0157.0508	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn	T2	40,880		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
3	01.0223.0211	Đặt ống thông hậu môn	Đặt ống thông hậu môn	T3	64,680		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
4	01.0164.0210	Thông bàng quang	Thông bàng quang	T3	71,260		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
5	01.0281.1510	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)		11,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
6	01.0160.0210	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang	T3	71,260		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
7	01.0285.1349	Xét nghiệm đông máu nhanh tại giường	Xét nghiệm đông máu nhanh tại giường		9,520		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
8	01.0158.0074	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	T1	372,750	Bao gồm cả bóng dùng nhiều lần.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
9	01.0054.0114	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh không thở máy (một lần hút)	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh không thở máy (một lần hút)	T3	9,870		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
10	01.0221.0211	Thụt tháo	Thụt tháo	T3	64,680		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
11	01.0218.0159	Rửa dạ dày cấp cứu	Rửa dạ dày cấp cứu	T2	106,400		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
12	01.0065.0071	Bóp bóng ambu qua mặt nạ	Bóp bóng ambu qua mặt nạ	T2	173,950		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
13	01.0086.0898	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)	T3	19,250	Chưa bao gồm thuốc khí dung.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
14	02.0314.0001	Siêu âm ổ bụng	Siêu âm ổ bụng		41,020		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
15	02.0244.0103	Đặt ống thông dạ dày	Đặt ống thông dạ dày	T3	71,260		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
16	02.0085.1778	Điện tim thường	Điện tim thường		27,930		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
17	02.0313.0159	Rửa dạ dày cấp cứu	Rửa dạ dày cấp cứu	T3	106,400		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
18	02.0247.0211	Đặt ống thông hậu môn	Đặt ống thông hậu môn	T3	64,680		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
19	02.0339.0211	Thụt tháo phân	Thụt tháo phân	T3	64,680		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
20	02.0032.0898	Khí dung thuốc giãn phế quản	Khí dung thuốc giãn phế quản		19,250	Chưa bao gồm thuốc khí dung.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
21	02.0068.0277	Vận động trị liệu hô hấp	Vận động trị liệu hô hấp	T3	23,030		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
22	02.0338.0211	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng	T3	64,680		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
23	02.0336.1664	Test nhanh tìm hồng cầu ẩn trong phân	Test nhanh tìm hồng cầu ẩn trong phân		50,120		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
24	02.0150.0114	Hút đờm hầu họng	Hút đờm hầu họng	T3	9,870		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
25	03.3826.0204	Thay băng, cắt chỉ vết mổ	Thay băng, cắt chỉ vết mổ [chiều dài từ 30 cm đến 50 cm nhiễm trùng]	T3	135,520		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
26	03.3911.0200	Thay băng, cắt chỉ	Thay băng, cắt chỉ [chiều dài ≤ 15cm]	T2	45,010	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú. Đối với người bệnh nội trú theo quy định của Bộ Y tế.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
27	03.0526.0230	Điện châm điều trị thoái hóa khớp	Điện châm điều trị thoái hóa khớp	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
28	03.3826.0200	Thay băng, cắt chỉ vết mổ	Thay băng, cắt chỉ vết mổ [chiều dài ≤ 15cm]	T3	45,010	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú. Đối với người bệnh nội trú theo quy định của Bộ Y tế.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	A_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
29	03.0484.0230	Điện châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	Điện châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
30	03.0464.0230	Điện châm điều trị liệt nửa người	Điện châm điều trị liệt nửa người	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
31	03.0522.0230	Điện châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	Điện châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
32	03.0524.0230	Điện châm điều trị viêm đa dây thần kinh	Điện châm điều trị viêm đa dây thần kinh	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
33	03.2391.0215	Truyền tĩnh mạch	Truyền tĩnh mạch	T3	17,570	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú; chưa bao gồm thuốc và dịch truyền.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
34	03.0525.0230	Điện châm điều trị viêm khớp dạng thấp	Điện châm điều trị viêm khớp dạng thấp	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
35	03.0486.0230	Điện châm điều trị sụp mi	Điện châm điều trị sụp mi	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
36	03.3909.0505	Trích rạch áp xe nhỏ	Trích rạch áp xe nhỏ	TDB	152,950		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
37	03.0467.0230	Điện châm điều trị đau thần kinh toạ	Điện châm điều trị đau thần kinh toạ	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
38	03.3911.0201	Thay băng, cắt chỉ	Thay băng, cắt chỉ [chiều dài trên 15cm đến 30 cm]	T2	62,650		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
39	03.0527.0230	Điện châm điều trị đau lưng	Điện châm điều trị đau lưng	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
40	03.0483.0230	Điện châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	Điện châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
41	03.0530.0230	Điện châm điều trị hội chứng vai gáy	Điện châm điều trị hội chứng vai gáy	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
42	03.3827.0216	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10 cm	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10 cm [tổn thương nông]	T3	136,290		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
43	03.0509.0230	Điện châm điều trị viêm Amidan cấp	Điện châm điều trị viêm Amidan cấp	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
44	03.0541.0271	Thuỷ châm điều trị chứng ù tai	Thuỷ châm điều trị chứng ù tai	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
45	03.3910.0505	Trích hạch viêm mủ	Trích hạch viêm mủ	TDB	152,950		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
46	03.0112.0508	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn	T2	40,880		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
47	03.3826.0202	Thay băng, cắt chỉ vết mổ	Thay băng, cắt chỉ vết mổ [chiều dài từ trên 30 cm đến 50 cm]	T3	84,980		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
48	03.0472.0230	Điện châm điều trị chứng nói ngọng, nói lắp	Điện châm điều trị chứng nói ngọng, nói lắp	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
49	03.0690.0228	Cứu điều trị nôn nấc thể hàn	Cứu điều trị nôn nấc thể hàn	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
50	03.0585.0271	Thuỷ châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	Thuỷ châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
51	03.0490.0230	Điện châm điều trị lác	Điện châm điều trị lác	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
52	03.0521.0230	Điện châm điều trị huyết áp thấp	Điện châm điều trị huyết áp thấp	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
53	03.0503.0230	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hóa	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hóa	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
54	03.0476.0230	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
55	03.0466.0230	Điện châm điều trị teo cơ	Điện châm điều trị teo cơ	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
56	03.0485.0230	Điện châm điều trị chắp lẹo	Điện châm điều trị chắp lẹo	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
57	03.0539.0271	Thuỷ châm điều trị bại não	Thuỷ châm điều trị bại não	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
58	03.0562.0271	Thuỷ châm điều trị giảm thính lực	Thuỷ châm điều trị giảm thính lực	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
59	03.0542.0271	Thuỷ châm điều trị giảm khứu giác	Thuỷ châm điều trị giảm khứu giác	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
60	03.0666.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau do ung thư	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau do ung thư	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
61	03.0587.0271	Thuỷ châm điều trị cơn đau quặn thận	Thuỷ châm điều trị cơn đau quặn thận	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
62	03.0659.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
63	03.0656.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn đại, tiểu tiện	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn đại, tiểu tiện	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
64	03.0133.0210	Thông tiểu	Thông tiểu	T3	71,260		20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	A_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
65	03.0569.0271	Thuỷ châm điều trị đau vùng ngực	Thuỷ châm điều trị đau vùng ngực	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
66	03.0608.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
67	03.0518.0230	Điện châm điều trị viêm mũi xoang	Điện châm điều trị viêm mũi xoang	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
68	03.0586.0271	Thuỷ châm điều trị viêm co cứng cơ delta	Thuỷ châm điều trị viêm co cứng cơ delta	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
69	03.0575.0271	Thuỷ châm điều trị nôn, nấc	Thuỷ châm điều trị nôn, nấc	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
70	03.0665.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
71	03.0685.0228	Cứu điều trị giảm khứu giác thể hàn	Cứu điều trị giảm khứu giác thể hàn	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
72	03.0594.0271	Thuỷ châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	Thuỷ châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
73	03.0577.0271	Thuỷ châm điều trị dị ứng	Thuỷ châm điều trị dị ứng	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
74	03.0583.0271	Thuỷ châm điều trị hội chứng vai gáy	Thuỷ châm điều trị hội chứng vai gáy	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
75	03.0580.0271	Thuỷ châm điều trị đau lưng	Thuỷ châm điều trị đau lưng	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
76	03.0552.0271	Thuỷ châm điều trị thiếu máu não mạn tính	Thuỷ châm điều trị thiếu máu não mạn tính	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
77	03.0671.0228	Cứu điều trị đau lưng thể hàn	Cứu điều trị đau lưng thể hàn	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
78	03.0661.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh thực vật	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh thực vật	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
79	03.0480.0230	Điện châm điều trị stress	Điện châm điều trị stress	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
80	03.0645.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nôn, nấc	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nôn, nấc	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
81	03.0655.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm co cứng cơ delta	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm co cứng cơ delta	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
82	03.0609.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bại não trẻ em	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bại não trẻ em	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
83	03.0684.0228	Cứu điều trị ù tai thể hàn	Cứu điều trị ù tai thể hàn	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
84	03.0599.0271	Thuỷ châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật	Thuỷ châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
85	03.0603.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
86	03.0570.0271	Thuỷ châm điều trị đau thần kinh liên sườn	Thuỷ châm điều trị đau thần kinh liên sườn	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
87	03.0561.0271	Thuỷ châm điều trị hội chứng tiền đình	Thuỷ châm điều trị hội chứng tiền đình	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
88	03.0631.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mi	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mi	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
89	03.0482.0230	Điện châm điều trị tổn thương gây liệt rễ, đám rối và dây thần kinh	Điện châm điều trị tổn thương gây liệt rễ, đám rối và dây thần kinh	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
90	03.0617.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt các dây thần kinh	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt các dây thần kinh	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
91	03.0675.0228	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
92	03.0488.0230	Điện châm điều trị viêm kết mạc	Điện châm điều trị viêm kết mạc	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
93	03.2383.0315	Test nội bì	Test nội bì	T1	284,760		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
94	03.1957.1033	Điều trị viêm loét niêm mạc miệng trẻ em	Điều trị viêm loét niêm mạc miệng trẻ em	T3	25,550		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
95	03.0601.0271	Thuỷ châm điều trị đau răng	Thuỷ châm điều trị đau răng	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
96	03.0504.0230	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
97	03.0554.0271	Thuỷ châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	Thuỷ châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
98	03.0622.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại tháp	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại tháp	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
99	03.0679.0228	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
100	03.0692.0228	Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn	Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
101	03.0638.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
102	03.0605.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
103	03.0556.0271	Thuỷ châm điều trị sụp mi	Thuỷ châm điều trị sụp mi	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
104	03.0520.0230	Điện châm điều trị tăng huyết áp	Điện châm điều trị tăng huyết áp	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
105	03.0548.0271	Thuỷ châm điều trị động kinh	Thuỷ châm điều trị động kinh	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	A_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
106	03.0516.0230	Điện châm điều trị đau răng	Điện châm điều trị đau răng	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
107	03.0495.0230	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
108	03.0653.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nôn, nấc	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nôn, nấc	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
109	03.0283.0285	Xông khói thuốc	Xông khói thuốc	T3	31,710		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
110	03.0538.0271	Thuỷ châm điều trị đau thần kinh toạ	Thuỷ châm điều trị đau thần kinh toạ	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
111	03.0513.0230	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
112	03.0574.0271	Thuỷ châm điều trị đau dạ dày	Thuỷ châm điều trị đau dạ dày	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
113	03.0287.0222	Bó thuốc	Bó thuốc	T3	40,320		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
114	03.3826.0203	Thay băng, cắt chỉ vết mổ	Thay băng, cắt chỉ vết mổ [chiều dài từ trên 15 cm đến 30 cm nhiễm trùng]	T3	104,020		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
115	03.0557.0271	Thuỷ châm điều trị bệnh hố mắt	Thuỷ châm điều trị bệnh hố mắt	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
116	03.3911.0202	Thay băng, cắt chỉ	Thay băng, cắt chỉ [chiều dài từ trên 30 cm đến 50 cm]	T2	84,980		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
117	03.0494.0230	Điện châm điều trị thất ngôn	Điện châm điều trị thất ngôn	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
118	03.0637.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
119	03.0288.0228	Chườm ngải	Chườm ngải	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
120	03.0499.0230	Điện châm điều trị viêm bàng quang cấp	Điện châm điều trị viêm bàng quang cấp	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
121	03.2390.0212	Tiêm tĩnh mạch	Tiêm tĩnh mạch	T3	10,570	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú; chưa bao gồm thuốc tiêm.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
122	03.1956.1029	Nhổ chân răng sữa	Nhổ chân răng sữa	T1	32,620		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
123	03.0533.0271	Thuỷ châm điều trị liệt chi trên	Thuỷ châm điều trị liệt chi trên	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
124	03.2384.0307	Test áp (Patch test) với các loại thuốc	Test áp (Patch test) với các loại thuốc	T1	382,270		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
125	03.0584.0271	Thuỷ châm điều trị chứng tic	Thuỷ châm điều trị chứng tic	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
126	03.3826.0205	Thay băng, cắt chỉ vết mổ	Thay băng, cắt chỉ vết mổ [chiều dài > 50cm nhiễm trùng]	T3	192,920		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
127	03.0470.0230	Điện châm điều trị chứng ù tai	Điện châm điều trị chứng ù tai	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
128	03.0481.0230	Điện châm điều trị thiếu máu não mạn tính	Điện châm điều trị thiếu máu não mạn tính	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
129	03.0686.0228	Cứu điều trị khàn tiếng thể hàn	Cứu điều trị khàn tiếng thể hàn	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
130	03.0536.0271	Thuỷ châm điều trị liệt do bệnh của cơ	Thuỷ châm điều trị liệt do bệnh của cơ	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
131	03.0607.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh toạ	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh toạ	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
132	03.0551.0271	Thuỷ châm điều trị stress	Thuỷ châm điều trị stress	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
133	03.0658.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hóa	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hóa	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
134	03.0616.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
135	03.3911.0203	Thay băng, cắt chỉ	Thay băng, cắt chỉ [chiều dài từ trên 15 cm đến 30 cm nhiễm trùng]	T2	104,020		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
136	03.0582.0271	Thuỷ châm điều trị viêm quanh khớp vai	Thuỷ châm điều trị viêm quanh khớp vai	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
137	03.0657.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
138	03.0461.0230	Điện châm điều trị di chứng bại liệt	Điện châm điều trị di chứng bại liệt	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
139	03.0501.0230	Điện châm điều rối loạn trị đại, tiểu tiện	Điện châm điều rối loạn trị đại, tiểu tiện	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
140	03.0505.0230	Điện châm điều trị đái dầm	Điện châm điều trị đái dầm	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
141	03.0553.0271	Thuỷ châm điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	Thuỷ châm điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
142	03.0564.0271	Thuỷ châm điều trị viêm xoang	Thuỷ châm điều trị viêm xoang	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
143	03.0566.0271	Thuỷ châm điều trị hen phế quản	Thuỷ châm điều trị hen phế quản	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	A_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
144	03.0496.0230	Điện châm điều trị viêm co cứng cơ delta	Điện châm điều trị viêm co cứng cơ delta	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
145	03.0515.0230	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
146	03.0589.0271	Thuỷ châm điều trị táo bón	Thuỷ châm điều trị táo bón	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
147	03.0473.0230	Điện châm điều trị khàn tiếng	Điện châm điều trị khàn tiếng	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
148	03.0517.0230	Điện châm điều trị giảm đau do Zona	Điện châm điều trị giảm đau do Zona	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
149	03.0528.0230	Điện châm điều trị đau mỏi cơ	Điện châm điều trị đau mỏi cơ	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
150	03.0523.0230	Điện châm điều trị đau ngực sườn	Điện châm điều trị đau ngực sườn	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
151	03.0672.0228	Cứu điều trị đau thần kinh toạ thể hàn	Cứu điều trị đau thần kinh toạ thể hàn	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
152	03.0497.0230	Điện châm điều trị nôn nấc	Điện châm điều trị nôn nấc	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
153	03.0286.0229	Đặt thuốc YHCT	Đặt thuốc YHCT	T3	35,770		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
154	03.0547.0271	Thuỷ châm điều trị hội chứng ngoại tháp	Thuỷ châm điều trị hội chứng ngoại tháp	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
155	03.0611.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
156	03.0673.0228	Cứu điều trị đau bụng ỉa chảy thể hàn	Cứu điều trị đau bụng ỉa chảy thể hàn	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
157	03.0676.0228	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
158	03.2387.0212	Tiêm trong da	Tiêm trong da	T3	10,570	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú; chưa bao gồm thuốc tiêm.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
159	03.0531.0230	Điện châm điều trị chứng tic	Điện châm điều trị chứng tic	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
160	03.0507.0230	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
161	03.0498.0230	Điện châm điều trị cơn đau quặn thận	Điện châm điều trị cơn đau quặn thận	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
162	03.0512.0230	Điện châm điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	Điện châm điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
163	03.2388.0212	Tiêm dưới da	Tiêm dưới da	T3	10,570	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú; chưa bao gồm thuốc tiêm.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
164	03.0479.0230	Điện châm điều trị mất ngủ	Điện châm điều trị mất ngủ	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
165	03.0534.0271	Thuỷ châm điều trị liệt chi dưới	Thuỷ châm điều trị liệt chi dưới	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
166	03.0681.0228	Cứu điều trị liệt do bệnh của cơ thể hàn	Cứu điều trị liệt do bệnh của cơ thể hàn	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
167	03.0489.0230	Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
168	03.0636.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
169	03.0632.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
170	03.0113.0074	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	TDB	372,750	Bao gồm cả bóng dùng nhiều lần.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
171	03.0591.0271	Thuỷ châm điều trị rối loạn cảm giác	Thuỷ châm điều trị rối loạn cảm giác	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
172	03.0465.0230	Điện châm điều trị liệt do bệnh của cơ	Điện châm điều trị liệt do bệnh của cơ	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
173	03.0581.0271	Thuỷ châm điều trị đau mỏi cơ	Thuỷ châm điều trị đau mỏi cơ	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
174	03.0555.0271	Thuỷ châm điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	Thuỷ châm điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
175	03.0471.0230	Điện châm điều trị giảm khứu giác	Điện châm điều trị giảm khứu giác	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
176	03.0590.0271	Thuỷ châm điều trị rối loạn tiêu hóa	Thuỷ châm điều trị rối loạn tiêu hóa	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
177	03.0612.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng ngất	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng ngất	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
178	03.0511.0230	Điện châm điều trị bướu cổ đơn thuần	Điện châm điều trị bướu cổ đơn thuần	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
179	03.2383.0314	Test nội bì	Test nội bì	T1	345,660		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
180	03.0537.0271	Thuỷ châm điều trị teo cơ	Thuỷ châm điều trị teo cơ	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
181	03.0487.0230	Điện châm điều trị bệnh hố mắt	Điện châm điều trị bệnh hố mắt	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	A_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
182	03.0549.0271	Thuỷ châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Thuỷ châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
183	03.0678.0228	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
184	03.0558.0271	Thuỷ châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	Thuỷ châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
185	03.0544.0271	Thuỷ châm điều trị khàn tiếng	Thuỷ châm điều trị khàn tiếng	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
186	03.0668.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đái dầm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đái dầm	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
187	03.0282.0284	Xông hơi thuốc	Xông hơi thuốc	T3	35,210		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
188	03.0178.0211	Đặt sonde hậu môn	Đặt sonde hậu môn	T3	64,680		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
189	03.3826.2047	Thay băng, cắt chỉ vết mổ	Thay băng, cắt chỉ vết mổ [chiều dài trên 15cm đến 30 cm]	T3	62,650	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú. Đối với người bệnh nội trú theo quy định của Bộ Y tế.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
190	03.0571.0271	Thuỷ châm điều trị đau ngực, sườn	Thuỷ châm điều trị đau ngực, sườn	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
191	03.0641.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau vùng ngực	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau vùng ngực	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
192	03.3911.0204	Thay băng, cắt chỉ	Thay băng, cắt chỉ [chiều dài từ 30 cm đến 50 cm nhiễm trùng]	T2	135,520		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
193	03.0680.0228	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
194	03.2358.0211	Đặt sonde hậu môn	Đặt sonde hậu môn	T3	64,680		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
195	03.0623.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị động kinh	Xoa bóp bấm huyệt điều trị động kinh	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
196	03.0618.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị teo cơ	Xoa bóp bấm huyệt điều trị teo cơ	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
197	03.0469.0230	Điện châm điều trị bệnh tự kỷ	Điện châm điều trị bệnh tự kỷ	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
198	03.0654.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
199	03.0468.0230	Điện châm điều trị bại não	Điện châm điều trị bại não	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
200	03.2382.0313	Test lẩy da (Prick test) với các loại thuốc	Test lẩy da (Prick test) với các loại thuốc	T1	276,360		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
201	03.0477.0230	Điện châm điều trị động kinh cục bộ	Điện châm điều trị động kinh cục bộ	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
202	03.3911.0205	Thay băng, cắt chỉ	Thay băng, cắt chỉ [chiều dài > 50cm nhiễm trùng]	T2	192,920		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
203	03.0663.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
204	03.0674.0228	Cứu điều trị liệt thần kinh VII ngoại biên thể hàn	Cứu điều trị liệt thần kinh VII ngoại biên thể hàn	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
205	03.0285.0249	Ngâm thuốc YHCT bộ phận	Ngâm thuốc YHCT bộ phận	T3	38,360		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
206	03.0519.0230	Điện châm điều trị hen phế quản	Điện châm điều trị hen phế quản	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
207	03.0493.0230	Điện châm điều trị giảm thính lực	Điện châm điều trị giảm thính lực	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
208	03.0560.0271	Thuỷ châm điều trị giảm thị lực	Thuỷ châm điều trị giảm thị lực	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
209	03.0696.0228	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
210	03.0593.0271	Thuỷ châm điều trị bí đái	Thuỷ châm điều trị bí đái	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
211	03.0660.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đái	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đái	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
212	03.0664.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
213	03.0291.0224	Ôn châm	Ôn châm	T2	53,410		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
214	03.2357.0211	Thụt tháo phân	Thụt tháo phân	T3	64,680		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
215	03.0502.0230	Điện châm điều trị táo bón	Điện châm điều trị táo bón	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
216	03.0529.0230	Điện châm điều trị viêm quanh khớp vai	Điện châm điều trị viêm quanh khớp vai	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
217	03.0491.0230	Điện châm điều trị giảm thị lực	Điện châm điều trị giảm thị lực	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
218	03.0610.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
219	03.0508.0230	Điện châm điều trị cảm cúm	Điện châm điều trị cảm cúm	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	A_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
220	03.0677.0228	Cứu điều trị liệt thể hàn	Cứu điều trị liệt thể hàn	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
221	03.1706.0782	Lấy dị vật kết mạc	Lấy dị vật kết mạc	T2	50,050		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
222	03.0462.0230	Điện châm điều trị liệt chi trên	Điện châm điều trị liệt chi trên	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
223	03.3827.0218	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10 cm	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10 cm [tổn thương sâu]	T3	202,650		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
224	03.0179.0211	Thụt tháo phân	Thụt tháo phân	T3	64,680		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
225	03.0652.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tic	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tic	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
226	03.0592.0271	Thuỷ châm điều trị đái dầm	Thuỷ châm điều trị đái dầm	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
227	03.1955.1029	Nhổ răng sữa	Nhổ răng sữa	T1	32,620		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
228	03.0532.0271	Thuỷ châm điều trị liệt	Thuỷ châm điều trị liệt	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
229	03.0565.0271	Thuỷ châm điều trị viêm mũi dị ứng	Thuỷ châm điều trị viêm mũi dị ứng	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
230	03.0614.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
231	03.0604.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
232	03.0643.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau ngực, sườn	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau ngực, sườn	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
233	03.0506.0230	Điện châm điều trị bí đái	Điện châm điều trị bí đái	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
234	03.0606.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
235	03.0667.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau răng	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau răng	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
236	03.0500.0230	Điện châm điều trị viêm phần phụ	Điện châm điều trị viêm phần phụ	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
237	03.0535.0271	Thuỷ châm điều trị liệt nửa người	Thuỷ châm điều trị liệt nửa người	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
238	03.1703.0075	Cắt chỉ khâu da	Cắt chỉ khâu da	T3	28,210	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
239	03.0588.0271	Thuỷ châm điều trị rối loạn đại, tiểu tiện	Thuỷ châm điều trị rối loạn đại, tiểu tiện	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
240	03.0478.0230	Điện châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Điện châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
241	03.0463.0230	Điện châm điều trị liệt chi dưới	Điện châm điều trị liệt chi dưới	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
242	03.0514.0230	Điện châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật	Điện châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
243	03.0600.0271	Thuỷ châm điều trị giảm đau do ung thư	Thuỷ châm điều trị giảm đau do ung thư	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
244	03.2389.0212	Tiêm bắp thịt	Tiêm bắp thịt	T3	10,570	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú; chưa bao gồm thuốc tiêm.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
245	07.0225.0205	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường [chiều dài > 50cm nhiễm trùng]	T3	192,920	Chưa bao gồm gạc hydrocolloid; gạc xốp, miếng xốp (foam); gạc, gạc lưới có tẩm kháng sinh hoặc chất sát khuẩn.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
246	07.0225.0204	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường [chiều dài từ 30 cm đến 50 cm nhiễm trùng]	T3	135,520	Chưa bao gồm gạc hydrocolloid; gạc xốp, miếng xốp (foam); gạc, gạc lưới có tẩm kháng sinh hoặc chất sát khuẩn.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
247	07.0225.0202	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường [chiều dài từ trên 30 cm đến 50 cm]	T3	84,980	Chưa bao gồm gạc hydrocolloid; gạc xốp, miếng xốp (foam); gạc, gạc lưới có tẩm kháng sinh hoặc chất sát khuẩn.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
248	07.0225.0201	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường [chiều dài trên 15cm đến 30 cm]	T3	62,650	Chưa bao gồm gạc hydrocolloid; gạc xốp, miếng xốp (foam); gạc, gạc lưới có tẩm kháng sinh hoặc chất sát khuẩn.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	A_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
249	07.0225.0200	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường [chiều dài ≤ 15cm]	T3	45,010	Chưa bao gồm gạc hydrocolloid; gạc xốp, miếng xốp (foam); gạc, gạc lưới có tẩm kháng sinh hoặc chất sát khuẩn.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
250	07.0225.0203	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường [chiều dài từ trên 15 cm đến 30 cm nhiễm trùng]	T3	104,020	Chưa bao gồm gạc hydrocolloid; gạc xốp, miếng xốp (foam); gạc, gạc lưới có tẩm kháng sinh hoặc chất sát khuẩn.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
251	05.0003.0272	Điều trị bệnh da bằng ngâm, tắm	Điều trị bệnh da bằng ngâm, tắm	T3	48,230		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
252	05.0051.0324	Điều trị u mềm lây bằng nạo thương tổn	Điều trị u mềm lây bằng nạo thương tổn	T3	266,140		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
253	08.0456.0228	Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn	Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
254	08.0476.0228	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
255	08.0314.0230	Điện châm điều trị ù tai	Điện châm điều trị ù tai	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
256	08.0479.0235	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong hàn	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong hàn	T3	25,690		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
257	08.0371.0271	Thuỷ châm điều trị viêm mũi xoang	Thuỷ châm điều trị viêm mũi xoang	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
258	08.0294.0230	Điện châm điều trị sa tử cung	Điện châm điều trị sa tử cung	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
259	08.0375.0271	Thuỷ châm hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp	Thuỷ châm hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
260	08.0423.0280	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị tăng huyết áp	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị tăng huyết áp	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
261	08.0324.0271	Thuỷ châm điều trị mất ngủ	Thuỷ châm điều trị mất ngủ	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
262	08.0446.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
263	08.0458.0228	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
264	08.0424.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp	Xoa bóp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
265	08.0282.0230	Điện châm điều trị cảm mạo	Điện châm điều trị cảm mạo	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
266	08.0327.0271	Thuỷ châm điều trị cảm mạo, cúm	Thuỷ châm điều trị cảm mạo, cúm	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
267	08.0412.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
268	08.0451.0228	Cứu điều trị hội chứng thắt lưng- hông thể phong hàn	Cứu điều trị hội chứng thắt lưng- hông thể phong hàn	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
269	08.0432.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
270	08.0279.0230	Điện châm điều trị huyết áp thấp	Điện châm điều trị huyết áp thấp	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
271	08.0418.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
272	08.0373.0271	Thuỷ châm điều trị đau răng	Thuỷ châm điều trị đau răng	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
273	08.0398.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng, ngất	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng, ngất	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
274	08.0318.0230	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
275	08.0428.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
276	08.0338.0271	Thuỷ châm điều trị bại liệt trẻ em	Thuỷ châm điều trị bại liệt trẻ em	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
277	08.0354.0271	Thuỷ châm điều trị huyết áp thấp	Thuỷ châm điều trị huyết áp thấp	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
278	08.0300.0230	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
279	08.0024.0249	Ngâm thuốc YHCT bộ phận	Ngâm thuốc YHCT bộ phận	T3	38,360		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
280	08.0377.0271	Thuỷ châm điều trị viêm quanh khớp vai	Thuỷ châm điều trị viêm quanh khớp vai	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
281	08.0372.0271	Thuỷ châm điều trị rối loạn tiêu hóa	Thuỷ châm điều trị rối loạn tiêu hóa	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	A_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
282	08.0469.0228	Cứu điều trị sa tử cung thể hàn	Cứu điều trị sa tử cung thể hàn	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
283	08.0400.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
284	08.0407.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại tháp	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại tháp	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
285	08.0431.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
286	08.0406.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
287	08.0351.0271	Thuỷ châm điều trị hội chứng tiền đình	Thuỷ châm điều trị hội chứng tiền đình	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
288	08.0429.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau do thoái hóa khớp	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau do thoái hóa khớp	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
289	08.0434.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
290	08.0395.0280	Xoa bóp bấm huyệt phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	Xoa bóp bấm huyệt phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
291	08.0355.0271	Thuỷ châm điều trị thiểu năng tuần hoàn não mạn tính	Thuỷ châm điều trị thiểu năng tuần hoàn não mạn tính	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
292	08.0408.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
293	08.0349.0271	Thuỷ châm điều trị rối loạn kinh nguyệt	Thuỷ châm điều trị rối loạn kinh nguyệt	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
294	08.0414.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
295	08.0448.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau do ung thư	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau do ung thư	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
296	08.0468.0228	Cứu điều trị bí đái thể hàn	Cứu điều trị bí đái thể hàn	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
297	08.0420.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
298	08.0410.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng stress	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng stress	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
299	08.0288.0230	Điện châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	Điện châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
300	08.0401.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khứu giác	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khứu giác	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
301	08.0374.0271	Thuỷ châm điều trị táo bón kéo dài	Thuỷ châm điều trị táo bón kéo dài	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
302	08.0306.0230	Điện châm điều trị lác cơ năng	Điện châm điều trị lác cơ năng	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
303	08.0320.0230	Điện châm điều trị liệt do viêm đa rễ, đa dây thần kinh	Điện châm điều trị liệt do viêm đa rễ, đa dây thần kinh	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
304	08.0436.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn kinh nguyệt	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn kinh nguyệt	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
305	08.0296.0230	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
306	08.0350.0271	Thuỷ châm điều trị đái dầm	Thuỷ châm điều trị đái dầm	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
307	08.0326.0271	Thuỷ châm điều trị nấc	Thuỷ châm điều trị nấc	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
308	08.0442.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đái cơ năng	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đái cơ năng	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
309	08.0411.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thiểu năng tuần hoàn não mạn tính	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thiểu năng tuần hoàn não mạn tính	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
310	08.0461.0228	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
311	08.0409.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
312	08.0474.0228	Cứu điều trị giảm khứu giác thể hàn	Cứu điều trị giảm khứu giác thể hàn	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
313	08.0278.0230	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
314	08.0021.0285	Xông khói thuốc	Xông khói thuốc	T3	31,710		20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	A_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
315	08.0457.0228	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
316	08.0025.0229	Đặt thuốc YHCT	Đặt thuốc YHCT	T3	35,770		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
317	08.0285.0230	Điện châm điều trị phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt	Điện châm điều trị phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
318	08.0378.0271	Thuỷ châm điều trị đau lưng	Thuỷ châm điều trị đau lưng	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
319	08.0454.0228	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn		25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
320	08.0394.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
321	08.0419.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
322	08.0330.0271	Thuỷ châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	Thuỷ châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
323	08.0365.0271	Thuỷ châm điều trị liệt chi trên	Thuỷ châm điều trị liệt chi trên	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
324	08.0316.0230	Điện châm điều trị liệt do tổn thương đám rối dây thần kinh	Điện châm điều trị liệt do tổn thương đám rối dây thần kinh	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
325	08.0402.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
326	08.0303.0230	Điện châm điều trị đau hố mắt	Điện châm điều trị đau hố mắt	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
327	08.0470.0228	Cứu điều trị đau bụng kinh thể hàn	Cứu điều trị đau bụng kinh thể hàn	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
328	08.0335.0271	Thuỷ châm điều trị mày đay	Thuỷ châm điều trị mày đay	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
329	08.0298.0230	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
330	08.0472.0228	Cứu điều trị đái dầm thể hàn	Cứu điều trị đái dầm thể hàn	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
331	08.0353.0271	Thuỷ châm điều trị hen phế quản	Thuỷ châm điều trị hen phế quản	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
332	08.0280.0230	Điện châm điều trị thiểu năng tuần hoàn não mạn tính	Điện châm điều trị thiểu năng tuần hoàn não mạn tính	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
333	08.0293.0230	Điện châm điều trị bí đái cơ năng	Điện châm điều trị bí đái cơ năng	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
334	08.0336.0271	Thuỷ châm điều trị bệnh viêm mũi dị ứng	Thuỷ châm điều trị bệnh viêm mũi dị ứng	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
335	08.0328.0271	Thuỷ châm điều trị viêm amydan	Thuỷ châm điều trị viêm amydan	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
336	08.0301.0230	Điện châm điều trị liệt chi trên	Điện châm điều trị liệt chi trên	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
337	08.0430.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
338	08.0299.0230	Điện châm điều trị khàn tiếng	Điện châm điều trị khàn tiếng	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
339	08.0292.0230	Điện châm điều trị rối loạn tiểu tiện	Điện châm điều trị rối loạn tiểu tiện	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
340	08.0467.0228	Cứu điều trị rối loạn tiểu tiện thể hàn	Cứu điều trị rối loạn tiểu tiện thể hàn	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
341	08.0417.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác cơ năng	Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác cơ năng	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
342	08.0471.0228	Cứu điều trị rối loạn kinh nguyệt thể hàn	Cứu điều trị rối loạn kinh nguyệt thể hàn	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
343	08.0440.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hóa	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hóa	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
344	08.0439.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
345	08.0481.0235	Giác hơi điều trị các chứng đau	Giác hơi điều trị các chứng đau	T3	25,690		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
346	08.0312.0230	Điện châm điều trị đau răng	Điện châm điều trị đau răng	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
347	08.0392.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng thắt lưng- hông	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng thắt lưng-hông	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
348	08.0310.0230	Điện châm điều trị viêm mũi xoang	Điện châm điều trị viêm mũi xoang	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
349	08.0427.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nấc	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nấc	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
350	08.0455.0228	Cứu điều trị khàn tiếng thể hàn	Cứu điều trị khàn tiếng thể hàn	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
351	08.0397.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
352	08.0026.0222	Bó thuốc	Bó thuốc	T3	40,320		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
353	08.0393.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	A_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
354	08.0459.0228	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
355	08.0006.0271	Thủy châm	Thủy châm	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
356	08.0317.0230	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
357	08.0305.0230	Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
358	08.0391.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
359	08.0020.0284	Xông hơi thuốc	Xông hơi thuốc	T3	35,210		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
360	08.0396.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
361	08.0435.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tắc tia sữa	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tắc tia sữa	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
362	08.0475.0228	Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn	Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
363	08.0297.0230	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
364	08.0340.0271	Thuỷ châm điều trị liệt trẻ em	Thuỷ châm điều trị liệt trẻ em	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
365	08.0009.0228	Cứu	Cứu	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
366	08.0463.0228	Cứu hỗ trợ điều trị bệnh tự kỷ thể hàn	Cứu hỗ trợ điều trị bệnh tự kỷ thể hàn	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
367	08.0313.0230	Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp	Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
368	08.0449.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đái dầm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đái dầm	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
369	08.0287.0230	Điện châm điều trị liệt tay do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	Điện châm điều trị liệt tay do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
370	08.0477.0228	Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn	Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
371	08.0289.0230	Điện châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	Điện châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
372	08.0376.0271	Thuỷ châm điều trị đau do thoái hóa khớp	Thuỷ châm điều trị đau do thoái hóa khớp	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
373	08.0444.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị béo phì	Xoa bóp bấm huyệt điều trị béo phì	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
374	08.0465.0228	Cứu điều trị di tinh thể hàn	Cứu điều trị di tinh thể hàn	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
375	08.0438.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền mãn kinh	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền mãn kinh	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
376	08.0010.0224	Chích lể	Chích lể	T3	53,410		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
377	08.0307.0230	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác nông	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác nông	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
378	08.0445.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng vận động do chấn thương sọ não	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng vận động do chấn thương sọ não	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
379	08.0422.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
380	08.0460.0228	Cứu điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên thể hàn	Cứu điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên thể hàn	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
381	08.0027.0228	Chườm ngải	Chườm ngải	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
382	08.0426.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng dạ dày- tá tràng	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng dạ dày- tá tràng	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
383	08.0295.0230	Điện châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	Điện châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
384	08.0473.0228	Cứu điều trị đau lưng thể hàn	Cứu điều trị đau lưng thể hàn	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
385	08.0322.0271	Thuỷ châm điều trị hội chứng thắt lưng- hông	Thuỷ châm điều trị hội chứng thắt lưng- hông	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
386	08.0480.0235	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong nhiệt	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong nhiệt	T3	25,690		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
387	08.0366.0271	Thuỷ châm điều trị liệt hai chi dưới	Thuỷ châm điều trị liệt hai chi dưới	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
388	08.0425.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	A_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
389	08.0302.0230	Điện châm điều trị chắp lẹo	Điện châm điều trị chắp lẹo	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
390	08.0466.0228	Cứu điều trị liệt dương thể hàn	Cứu điều trị liệt dương thể hàn	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
391	08.0005.0230	Điện châm	Điện châm [kim ngắn]	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
392	08.0453.0228	Cứu điều trị nấc thể hàn	Cứu điều trị nấc thể hàn	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
393	08.0415.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mi	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mi	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
394	08.0281.0230	Điện châm điều trị hội chứng stress	Điện châm điều trị hội chứng stress	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
395	08.0008.2045	Ôn châm	Ôn châm [kim dài]	T2	58,310		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
396	08.0357.0271	Thuỷ châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	Thuỷ châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
397	08.0348.0271	Thuỷ châm điều trị thống kinh	Thuỷ châm điều trị thống kinh	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
398	08.0437.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau bụng kinh	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau bụng kinh	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
399	08.0464.0228	Cứu điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	Cứu điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
400	08.0347.0271	Thuỷ châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	Thuỷ châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
401	08.0441.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác nông	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác nông	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
402	08.0482.0235	Giác hơi điều trị cảm cúm	Giác hơi điều trị cảm cúm	T3	25,690		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
403	08.0319.0230	Điện châm điều trị giảm đau do zona	Điện châm điều trị giảm đau do zona	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
404	08.0331.0271	Thuỷ châm điều trị hội chứng dạ dày tá tràng	Thuỷ châm điều trị hội chứng dạ dày tá tràng	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
405	08.0447.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
406	08.0352.0271	Thuỷ châm điều trị đau vai gáy	Thuỷ châm điều trị đau vai gáy	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
407	08.0413.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
408	08.0462.0228	Cứu điều trị giảm thính lực thể hàn	Cứu điều trị giảm thính lực thể hàn	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
409	08.0356.0271	Thuỷ châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	Thuỷ châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
410	08.0008.0224	Ôn châm	Ôn châm [kim ngắn]	T2	53,410		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
411	08.0315.0230	Điện châm điều trị giảm khứu giác	Điện châm điều trị giảm khứu giác	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
412	08.0421.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
413	08.0367.0271	Thuỷ châm điều trị sụp mi	Thuỷ châm điều trị sụp mi	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
414	08.0416.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
415	08.0452.0228	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
416	08.0390.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
417	08.0389.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
418	08.0388.0271	Thuỷ châm điều trị bí đái cơ năng	Thuỷ châm điều trị bí đái cơ năng	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
419	08.0028.0259	Luyện tập dưỡng sinh	Luyện tập dưỡng sinh		23,380		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
420	11.0016.1160	Khâu cầm máu, thắt mạch máu để cấp cứu chảy máu trong bỏng sâu	Khâu cầm máu, thắt mạch máu để cấp cứu chảy máu trong bỏng sâu	T3	149,380		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
421	11.0005.1148	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn [dưới 10% diện tích cơ thể]	T3	184,030		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
422	11.0089.0215	Đặt dây truyền dịch ngoại vi điều trị người bệnh bỏng	Đặt dây truyền dịch ngoại vi điều trị người bệnh bỏng	T3	17,570	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú; chưa bao gồm thuốc và dịch truyền.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
423	13.0033.0614	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm	T2	550,690		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
424	13.0166.0715	Soi cổ tử cung	Soi cổ tử cung		47,670		20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	A_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
425	13.0199.0211	Đặt sonde hậu môn sơ sinh	Đặt sonde hậu môn sơ sinh		64,680		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
426	13.0040.0629	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn		66,220		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
427	13.0241.0644	Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không	Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không	T3	315,000		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
429	15.0301.0216	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ [tổn thương nông chiều dài < l0 cm]	T1	136,290		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
430	15.0301.0218	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ [tổn thương sâu chiều dài < l0 cm]	T1	202,650		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
431	14.0204.0075	Cắt chỉ khâu kết mạc	Cắt chỉ khâu kết mạc	T3	28,210	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
432	15.0212.0900	Lấy dị vật họng miệng	Lấy dị vật họng miệng	T3	30,170		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
433	15.0304.0505	Trích áp xe nhỏ vùng đầu cổ	Trích áp xe nhỏ vùng đầu cổ	T3	152,950		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
434	15.0303.2047	Thay băng vết mổ	Thay băng vết mổ [chiều dài trên 15cm đến 30 cm]	T3	62,650	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú. Đối với người bệnh nội trú theo quy định của Bộ Y tế.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
435	14.0211.0842	Rửa cùng đồ	Rửa cùng đồ	T2	33,810	Áp dụng cho 1 mắt hoặc 2 mắt	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
436	14.0212.0864	Cấp cứu bỏng mắt ban đầu	Cấp cứu bỏng mắt ban đầu	T1	240,940		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
437	14.0206.0730	Bơm rửa lệ đạo	Bơm rửa lệ đạo	T2	28,840		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
438	15.0303.0202	Thay băng vết mổ	Thay băng vết mổ [chiều dài từ trên 30 cm đến 50 cm]	T3	84,980		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
439	14.0203.0075	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản	T3	28,210	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
440	15.0147.1006	Hút rửa mũi, xoang sau mổ	Hút rửa mũi, xoang sau mổ	T3	107,520		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
441	15.0058.0899	Làm thuốc tai	Làm thuốc tai	T3	15,400	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
442	14.0207.0738	Trích chắp, lẹo, nang lông mi; trích áp xe mi, kết mạc	Trích chắp, lẹo, nang lông mi; trích áp xe mi, kết mạc	T2	59,850		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
443	15.0059.0908	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài	T2	49,210		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
444	15.0302.0075	Cắt chỉ sau phẫu thuật	Cắt chỉ sau phẫu thuật		28,210	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
445	15.0056.0882	Chọc hút dịch vành tai	Chọc hút dịch vành tai	T3	45,010		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
446	15.0222.0898	Khí dung mũi họng	Khí dung mũi họng		19,250	Chưa bao gồm thuốc khí dung.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
447	15.0303.0205	Thay băng vết mổ	Thay băng vết mổ [chiều dài > 50cm nhiễm trùng]	T3	192,920		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
448	14.0202.0785	Lấy calci kết mạc	Lấy calci kết mạc	T3	28,630		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
449	14.0210.0799	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi	T3	28,630		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
450	15.0301.0217	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ [tổn thương nông chiều dài ≥ l0 cm]	T1	188,650		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
451	14.0205.0759	Đốt lông xiêu, nhổ lông siêu	Đốt lông xiêu, nhổ lông siêu	T2	37,520		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
452	15.0301.0219	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ [tổn thương sâu chiều dài ≥ l0 cm]	T1	247,940		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
453	14.0200.0782	Lấy dị vật kết mạc	Lấy dị vật kết mạc	T2	50,050		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
454	15.0303.0204	Thay băng vết mổ	Thay băng vết mổ [chiều dài từ 30 cm đến 50 cm nhiễm trùng]	T3	135,520		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
455	17.0073.0277	Tập các kiểu thở	Tập các kiểu thở	T3	23,030		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
456	21.0014.1778	Điện tim thường	Điện tim thường		27,930		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
457	16.0043.1021	Lấy cao răng	Lấy cao răng [một vùng hoặc một hàm]	T1	64,750		20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	A_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
458	17.0052.0267	Tập vận động thụ động	Tập vận động thụ động	T3	41,510		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
459	28.0162.0576	Phẫu thuật vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hổng tổ chức	Phẫu thuật vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hổng tổ chức	P3	1,937,530		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
460	17.0075.0277	Tập ho có trợ giúp	Tập ho có trợ giúp	T3	23,030		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
461	17.0037.0267	Tập ngồi thăng bằng tĩnh và động	Tập ngồi thăng bằng tĩnh và động	T3	41,510		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
462	22.0020.1347	Thời gian máu chảy phương pháp Ivy	Thời gian máu chảy phương pháp Ivy	T3	36,470		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
463	17.0104.0264	Tập nuốt	Tập nuốt	T3	101,290		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
464	17.0085.0282	Kỹ thuật xoa bóp vùng	Kỹ thuật xoa bóp vùng	T3	35,910		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
465	17.0108.0260	Tập giao tiếp (ngôn ngữ ký hiệu, hình ảnh…)	Tập giao tiếp (ngôn ngữ ký hiệu, hình ảnh…)		54,250		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
466	17.0033.0266	Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người	Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người	T3	36,260		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
467	17.0104.0263	Tập nuốt	Tập nuốt	T3	121,590		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
468	17.0039.0267	Tập đứng thăng bằng tĩnh và động	Tập đứng thăng bằng tĩnh và động	T3	41,510		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
469	17.0047.0268	Tập lên, xuống cầu thang	Tập lên, xuống cầu thang	T3	23,380		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
470	17.0044.0268	Tập đi với gậy	Tập đi với gậy		23,380		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
471	16.0238.1029	Nhổ răng sữa	Nhổ răng sữa	T1	32,620		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
472	17.0011.0237	Điều trị bằng tia hồng ngoại	Điều trị bằng tia hồng ngoại		28,630		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
473	28.0033.0773	Xử lý vết thương phần mềm nông vùng mi mắt	Xử lý vết thương phần mềm nông vùng mi mắt	P3	730,450		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
474	28.0161.0576	Phẫu thuật khâu đơn giản vết thương vùng mặt cổ	Phẫu thuật khâu đơn giản vết thương vùng mặt cổ	P3	1,937,530		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
475	17.0053.0267	Tập vận động có trợ giúp	Tập vận động có trợ giúp	T3	41,510		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
476	17.0111.0265	Tập sửa lỗi phát âm	Tập sửa lỗi phát âm		86,800		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
477	16.0239.1029	Nhổ chân răng sữa	Nhổ chân răng sữa	T1	32,620		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
478	22.0019.1348	Thời gian máu chảy phương pháp Duke	Thời gian máu chảy phương pháp Duke	T3	9,520		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
479	17.0034.0267	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người	T3	41,510		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
480	17.0092.0268	Kỹ thuật tập sử dụng và điều khiển xe lăn	Kỹ thuật tập sử dụng và điều khiển xe lăn		23,380		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
481	17.0043.0268	Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)	Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)		23,380		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
482	22.0021.1219	Co cục máu đông (tên khác: Co cục máu)	Co cục máu đông (tên khác: Co cục máu)		11,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
483	16.0043.1020	Lấy cao răng	Lấy cao răng [hai hàm]	T1	111,370		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
484	01.0053.0075	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu	T3	28,210		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
485	01.0006.0215	Đặt catheter tĩnh mạch ngoại biên	Đặt catheter tĩnh mạch ngoại biên	T3	17,570	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú; chưa bao gồm thuốc và dịch truyền.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
486	02.0067.0206	Thay canuyn mở khí quản	Thay canuyn mở khí quản	T2	184,590		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
487	03.0682.0228	Cứu điều trị bại não thể hàn	Cứu điều trị bại não thể hàn	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
488	03.0693.0228	Cứu điều trị đái dầm thể hàn	Cứu điều trị đái dầm thể hàn	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
489	03.0666.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau do ung thư	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau do ung thư	T2	53,200		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
490	03.0513.0230	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
491	03.0683.0228	Cứu điều trị bệnh tự kỷ thể hàn	Cứu điều trị bệnh tự kỷ thể hàn	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
492	03.0515.0230	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
493	03.0673.0228	Cứu điều trị đau bụng ỉa chảy thể hàn	Cứu điều trị đau bụng ỉa chảy thể hàn	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
494	03.0691.0228	Cứu điều trị rối loạn đại tiểu tiện thể hàn	Cứu điều trị rối loạn đại tiểu tiện thể hàn	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
495	03.0469.0230	Điện châm điều trị bệnh tự kỷ	Điện châm điều trị bệnh tự kỷ	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	A_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
496	03.0694.0228	Cứu điều trị bí đái thể hàn	Cứu điều trị bí đái thể hàn	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
497	03.0514.0230	Điện châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật	Điện châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
498	03.0600.0271	Thuỷ châm điều trị giảm đau do ung thư	Thuỷ châm điều trị giảm đau do ung thư	T2	53,970	Chưa bao gồm thuốc.	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
499	05.0051.0324	Điều trị u mềm lây bằng nạo thương tổn	Điều trị u mềm lây bằng nạo thương tổn	T3	266,140		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
500	08.0284.0230	Điện châm điều trị trĩ	Điện châm điều trị trĩ	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
501	08.0311.0230	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hóa	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hóa	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
502	08.0321.0230	Điện châm điều trị chứng tic cơ mặt	Điện châm điều trị chứng tic cơ mặt	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
503	08.0304.0230	Điện châm điều trị viêm kết mạc	Điện châm điều trị viêm kết mạc	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
504	08.0283.0230	Điện châm điều trị viêm Amidan	Điện châm điều trị viêm Amidan	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
505	08.0463.0228	Cứu hỗ trợ điều trị bệnh tự kỷ thể hàn	Cứu hỗ trợ điều trị bệnh tự kỷ thể hàn	T3	25,900		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
506	08.0291.0230	Điện châm điều trị viêm bàng quang	Điện châm điều trị viêm bàng quang	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
507	08.0290.0230	Điện châm điều trị cơn đau quặn thận	Điện châm điều trị cơn đau quặn thận	T2	54,810		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
508	10.0411.0584	Cắt hẹp bao quy đầu	Cắt hẹp bao quy đầu	P3	1,056,650		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
509	10.0172.0582	Phẫu thuật thắt các mạch máu lớn ngoại vi	Phẫu thuật thắt các mạch máu lớn ngoại vi	P1	2,403,310		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
510	10.0412.0584	Mở rộng lỗ sáo	Mở rộng lỗ sáo	P3	1,056,650		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
511	17.0102.0258	Tập tri giác và nhận thức	Tập tri giác và nhận thức	T3	35,980		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
512	17.0090.0267	Tập điều hợp vận động	Tập điều hợp vận động		41,510		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
513	17.0090.0267	Tập điều hợp vận động	Tập điều hợp vận động		41,510		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
514	17.0109.0265	Tập cho người thất ngôn	Tập cho người thất ngôn	T3	86,800		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
515	23.0194.1589	Định tính Morphin (test nhanh) [niệu]	Định tính Morphin (test nhanh) [niệu]		31,360		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
516	23.0188.1586	Định tính Marijuana (THC) (test nhanh) [niệu]	Định tính Marijuana (THC) (test nhanh) [niệu]		31,360		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
517	23.0195.1589	Định tính Codein (test nhanh) [niệu]	Định tính Codein (test nhanh) [niệu]		31,360		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
518	24.0117.1646	HBsAg test nhanh	HBsAg test nhanh		41,020		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
519	24.0108.1720	Virus test nhanh	Virus test nhanh		182,700		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
520	24.0170.2042	HIV Ag/Ab test nhanh	HIV Ag/Ab test nhanh		75,110	Xét nghiệm cho kết quả đồng thời Ab và Ag	20/2024/NQ-HĐND	20250101	
521	24.0155.1696	HAV Ab test nhanh	HAV Ab test nhanh		91,350		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
522	24.0254.1701	Rubella virus Ab test nhanh	Rubella virus Ab test nhanh		114,520		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
523	24.0291.1720	Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét) Ag test nhanh	Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét) Ag test nhanh		182,700		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
524	24.0144.1621	HCV Ab test nhanh	HCV Ab test nhanh		41,020		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
525	24.0185.1720	Dengue virus IgA test nhanh	Dengue virus IgA test nhanh		182,700		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
526	24.0184.1637	Dengue virus NS1Ag/IgM - IgG test nhanh	Dengue virus NS1Ag/IgM - IgG test nhanh		99,750		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
527	24.0243.1671	Influenza virus A, B test nhanh	Influenza virus A, B test nhanh		129,990		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
528	24.0291.1720	Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét) Ag test nhanh	Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét) Ag test nhanh		182,700		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
529	24.0144.1621	HCV Ab test nhanh	HCV Ab test nhanh		41,020		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
530	24.0185.1720	Dengue virus IgA test nhanh	Dengue virus IgA test nhanh		182,700		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
531	24.0184.1637	Dengue virus NS1Ag/IgM - IgG test nhanh	Dengue virus NS1Ag/IgM - IgG test nhanh		99,750		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
532	24.0243.1671	Influenza virus A, B test nhanh	Influenza virus A, B test nhanh		129,990		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
533	24.0002.1720	Vi khuẩn test nhanh	Vi khuẩn test nhanh		182,700		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
534	24.0183.1637	Dengue virus NS1Ag test nhanh	Dengue virus NS1Ag test nhanh		99,750		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
4055	02.1899	Khám Nội	Khám Nội		36,500		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
4056	03.1899	Khám Nhi	Khám Nhi		36,500		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
4057	04.1899	Khám Lao	Khám Lao		36,500		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
4058	05.1899	Khám Da liễu	Khám Da liễu		36,500		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
4059	06.1899	Khám tâm thần	Khám tâm thần		36,500		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
4060	07.1899	Khám Nội tiết	Khám Nội tiết		36,500		20/2024/NQ-HĐND	20250101	

STT	A_TUONG_DUON	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN_LOAI_PTTT	DON_GIA	GHI_CHU	QUYET_DINH	TU_NGAY	DEN_NGAY
4061	08.1899	Khám YHCT	Khám YHCT		36,500		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
4062	10.1899	Khám Ngoại	Khám Ngoại		36,500		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
4063	11.1899	Khám Bỏng	Khám Bỏng		36,500		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
4064	12.1899	Khám Ung bướu	Khám Ung bướu		36,500		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
4065	13.1899	Khám Phụ sản	Khám Phụ sản		36,500		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
4066	14.1899	Khám Mắt	Khám Mắt		36,500		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
4067	15.1899	Khám Tai mũi họng	Khám Tai mũi họng		36,500		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
4068	16.1899	Khám Răng hàm mặt	Khám Răng hàm mặt		36,500		20/2024/NQ-HĐND	20250101	
4069	17.1899	Khám Phục hồi chức năng	Khám Phục hồi chức năng		36,500		20/2024/NQ-HĐND	20250101	

Người lập biểu

Nguyễn Thị Tuyết Mai

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Thắng